

NGUYỄN NGỌC LINH

Bộ Biên tập

NAM ĐÌNH, TRẦN TẤN QUỐC, VĂN
HOÀN, HOÀNG PHỐ, NHƯ PHONG, TRẦN
NHÃ, TAM ĐỨC, NGUYỄN DOÃN VƯỢNG,
VŨ BÀNG, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT
KHÁNH, LÊ THÁI BÀNG, NGUYỄN NGỌC
PHÁCH, TRẦN VĂN NGÔ, NGUYỄN VĂN
NOÃN, LÊ ĐÌNH ĐIỀU, NGUYỄN THÀNH
CHẤN. PHẠM TÙNG PHAN MỸ NHẬT

BÁO CHÍ TẬP SAN

xuất bản ba tháng một lần
dưới quyền bảo trợ tinh thần của
Viện Đại Học Đà Lạt

BỘ I, SỐ 2

Hạ 1968

MỤC LỤC

159	Lá thư Tòa soạn <i>Báo Chí Tập San</i>
161	Luật lệ báo chí Việt Nam xưa và nay <i>Lê Thái Bằng</i>
174	Góp ý kiến về luật lệ báo chí Việt Nam <i>Trần Thúc Linh</i>
188	Tự do báo chí và chế độ dân chủ <i>Trần Văn Tuyên</i>
198	Bốn mẫu chuyện, một niềm tin <i>Văn Hoàn</i>
210	Kiểm duyệt báo chí ở Việt Nam <i>Nguyễn Văn Noãn</i>
224	Người phóng viên <i>Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh</i>

234	Vai trò của quảng cáo <i>Pierre Denoyer</i> <i>bản dịch của Hùng Phong</i>
244	Vài giải thưởng báo chí ở Hoa Kỳ
253	Giải thưởng Magsaysay
256	Những chuyện vui buồn trong mùa Hạ 1968

PHỤ LỤC

277	Các luật lệ chi phối báo chí Việt Nam.
279	Loi du 29 Juillet 1881 sur la liberté de la presse.
298	Loi du 2 Août 1882 sur la répression des outrages aux bonnes moeurs.
300	Loi du 19 Mars 1889 relative aux annonces sur la voie publique.
300	Loi du 28 Juillet 1894 ayant pour objet de réprimer les menées anarchistes.
302	Décret du 4 Octobre 1927 relatif au régime de la presse en Indochine exception faite de la Cochinchine.
310	Décret du 12 Août 1936 portant répression des fausses nouvelles.
311	Décret-Loi du 21 Avril 1939 tendant à réprimer les propagandes étrangères.
311	Décret-Loi du 24 Juin 1939 concernant la répression de la distribution et de la circulation des tracts de provenance étrangère.

- 312 Décret du 29 Juillet 1939 relatif aux conditions d'exécution de l'Article 2 du Décret-Loi du 21 Avril 1939 tendant à réprimer les propagandes étrangères.
- 313 Décret-Loi du 29 Juillet 1939 relatif au contrôle de la presse indigène dans les colonies, protectorats et territoires sous mandat, dépendant du Ministère des Colonies.
- 314 Décret-Loi du 29 Juillet 1939 relatif au contrôle de la presse étrangère dans les colonies relevant du Ministère des Colonies.
- 314 Décret du 24 Août 1939 concernant le contrôle de la presse et des publications.
- 315 Décret du 27 Août 1939 relatif au contrôle préventif des imprimés, dessins ou écrits de toute nature destinés à la publication, des textes de toutes émissions radiophoniques et de toutes projections cinématographiques.
- 316 Décret du 1er Septembre 1939 réprimant la publication d'information de nature à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée et des populations.
- 317 Du No 78 du 15 Janvier 1940 sur la poursuite des auteurs d'information de nature à favoriser les entreprises étrangères contre (la France ou) l'Empire d'Annam ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée ou de la population.
- 317 Décret du 29 Mai 1941 modifiant le décret du 2 Octobre 1927.

- 318 Loi du 13 Décembre 1941 soumettant à l'autorisation préalable la création de tout nouveau journal quotidien et périodique dans les territoires relevant du Secrétariat d'Etat aux Colonies.
- 319 Ordonnance du 6 Mai 1944 relative au régime de la presse en temps de guerre.
- 320 Ordonnance du 24 Novembre 1944 relative au régime de la presse dans les colonies françaises.
- 320 Décret No 46-1644 du 17 Juillet 1946 tendant à fixer les conditions du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère de la France d'Outre-Mer.
- 328 Sắc lệnh Số 36-TT ngày 19.9.1949 ấn định chức trưởng của Bộ trưởng Bộ Thông tin.
- 330 Arrêté No 146-CAB/SG du 7 Mars 1952 fixant un délai de deux mois pour la parution des journaux.
- 331 Nghị định Số 275 PTT/TTK ngày 5.4.1954 ấn định thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm xuất bản trong nước.
- 333 Nghị định số 269/NĐ/BTT ngày 15.10.1954 cấm các chủ nhiệm báo chí không được cho người khác mượn hoặc khai thác giấy phép xuất bản báo chí của mình.
- 333 Dụ Số 65 ngày 17.10.1955 qui định sự kiểm duyệt ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam.

- 334 Dự Số 7 ngày 1.12.1955 dành cho quốc gia độc quyền về vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình và xác định cho Nha Giám đốc đài Phát thanh Quốc gia quyền chuyên nhất khai thác ngành này.
- 335 Nghị định số 266-NĐ/BTT ngày 14.12.1955 cho phép những cá nhân hoặc tổ chức nào muốn phát hành báo chí phải có giấy phép của Bộ Thông tin.
- 335 Nghị định số 1-BTT/NĐ ngày 5.1.1956 qui định thẻ thức kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng.
- 338 Sắc lệnh số 23-TTP ngày 19.2.1956 đình chỉ kiểm duyệt báo chí.
- 338 Dự số 13 ngày 20.2.1956 ấn định hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi phạm hiện hành về báo chí và tất cả các phương tiện phổ biến khác.
- 340 Nghị định số 151-BTT/NĐ ấn định thẻ lệ nạp bản báo chí và xuất bản phẩm định kỳ.
- 341 Quyết định số 491/PT/NGT/QĐ ngày 25.8.1960 về việc thiết lập một Ủy ban liên bộ để lựa chọn các sách cho phép nhập cảng.
- 342 Sắc luật số 2/64 ngày 19.2.1964 công nhận quyền tự do ngôn luận và ấn định thẻ thức truy tố các tội trạng do báo chí gây ra.
- 344 Nghị định số 90-B/BTT/NĐ ngày 19.2.1964 về vấn đề các đảng phái xuất bản báo chí.

345	Sắc luật số 10/64 ngày 30.4.1964 về qui chế xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí.
349	Nghị định số 402-BTT/NĐ ngày 14.7.1964 về việc phát hành báo chí.
350	Sắc luật số 18/64 ngày 7.8.1964 ấn định các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn trương.
351	Trích Hiến chương lâm thời ngày 20.10.1964 về những quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí.
351	Sắc luật số 027/67 ngày 20.7.1967 đình chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.
352	Trích Sắc luật số 004/65 ngày 19.7.1965 trừng trị các tội : đầu cơ... phản nghịch, phá rối trị an,... thân Cộng và Trung lập.
354	Luật số 10/68 ngày 5.11.1968 ban hành tình trạng chiến tranh trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.

Thư từ và bài vở, xin gửi về :

Tòa soạn BÁO CHÍ TẬP SAN, 116, Hồng Thập Tự, Sài Gòn.

Lá thư tòa soạn

Nghĩ đến tiền đồ của báo chí Việt Nam, tất nhiên phải đặt câu hỏi : chúng ta đã có những luật lệ báo chí thực sự dân chủ chưa ? Bao giờ làng báo Việt Nam mới có được một qui chế báo chí ?

Chính vì muốn trả lời phần nào những thắc mắc trên mà số 2 của Báo Chí Tập San đã dành cho tiêu đề « Luật Lệ Báo Chí Việt Nam ».

Từ trước đến nay đã có nhiều luật lệ về báo chí được đem ra thi hành tại Việt Nam, nhưng một số lớn những luật lệ này đã lỗi thời, của đời thực dân Pháp để lại, và sau này, khi kỷ nguyên độc lập và tự chủ bắt đầu, những luật lệ đó đã được sửa đổi đôi chút để tạm ứng dụng với nhu cầu nhất thời của những tình thế mới. Nhưng mặc dầu đã được sửa đổi, những luật lệ này đã quá cũ, thiếu sót nhiều và không hợp với ngành báo chí tân tiến ngày nay.

Sở dĩ Báo Chí Tập San đem đăng tải trong số này tất cả những luật lệ đã và đang chi phối báo chí Việt Nam vì hai lý do :

Một là từ trước đến nay, chưa có một cuốn sưu khảo nào gồm đầy đủ các luật lệ về báo chí Việt Nam, khiến nhiều khi các nhà lập pháp, các học giả hay kỹ giả muốn tham khảo mà không sao tìm đủ những tài liệu cần thiết. Báo Chí Tập San số này bổ khuyết thiếu sót đó.

Hai là muốn đặt nền móng cho một bộ luật mới về báo chí, phải có được một cái nhìn bao quát toàn thể vấn đề pháp lý liên hệ đến báo chí Việt Nam. Tất cả những luật lệ cũ và mới sắp xếp theo thứ tự thời gian ban hành nay được đăng tải

với những chủ thích cần thiết tiện cho việc tra cứu. Công việc thu thập tài liệu này rất cần thiết giữa lúc Quốc hội và Chính phủ đang chú trọng đến việc soạn thảo qui chế và luật lệ mới cho báo chí Việt Nam.

Có một điều cần phải nói ngay là khi đăng tải các luật lệ, văn kiện nào được thảo ra bằng ngôn ngữ nào thì được in lại bằng thứ tiếng đó. Báo Chí Tập San quan niệm rằng đối với những nhà khảo cứu, nguyên bản bao giờ cũng chính xác.

Nhưng số Báo Chí Tập San này không phải chỉ có thế. Phần thu thập các luật lệ hiện hành về báo chí chỉ là phần phụ lục.

Phần chính của số này là những bài biên khảo, tham luận của những học giả, luật gia, ký giả hữu danh và nhiều kinh nghiệm đem ý kiến đóng góp vào việc xây dựng nền tảng pháp lý cho báo chí nước nhà.

Những ý kiến đó rất lợi cho các nhà làm luật, bởi vì luật pháp là gì nếu không phải là một sự xác nhận những thực tại sẵn có. Luật pháp phải đi sát với hoàn cảnh, theo đúng nhu cầu của tình thế, và không gì thực tế hơn là tiếng nói của những người trong nghề hay những nhà khảo cứu thường quan tâm đến vấn đề từ lâu.

Sau số ra mắt trình bày một quan niệm hiện đại về báo chí, số thứ hai đến tay bạn đọc dành cho « Luật Lệ Báo Chí ». Chỉ với hai bước đầu đó, thiết tưởng Báo Chí Tập San đã bộc lộ phần nào tâm nguyện của nhóm chủ trương là góp phần vào công cuộc xây dựng một nền báo chí lành mạnh, tự do và tiến bộ cho nước nhà.

Khi số báo này chuẩn bị xong, Tòa soạn đã tiếp nhận được rất nhiều lời phê bình về số đầu tiên : hoan nghênh và khuyến khích nồng nhiệt cũng có, mà phê bình nghiêm khắc, chỉ trích gắt gao cũng có.

Báo Chí Tập San rất hân hoan đón nhận những lời khuyến khích, phê bình và chỉ trích đó, vì dù sao cũng đã chứng tỏ rằng có rất nhiều người chia sẻ hoài bão xây dựng một nền báo chí vững mạnh và tiến bộ cho Việt Nam.

Luật lệ báo chí Việt Nam xưa và nay

LÊ THÁI BÀNG

Báo chí Việt Nam đã được khai sinh gần như cùng một lúc với sự thiết lập nền đô hộ của Pháp trên bán đảo Đông Dương. Trải qua hơn 80 năm lệ thuộc nước Pháp, sống ngót phần tư thế kỷ trong khói lửa chiến tranh, hoạt động dưới hai chế độ Cộng Hòa liên tiếp và mặc dầu quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản đã được long trọng xác nhận trong hai bản Hiến Pháp, báo chí Việt Nam cho đến nay vẫn bị chi phối bởi những luật lệ của Pháp và những văn kiện của các Chính Phủ Việt Nam liên quan đến báo chí nhưng chỉ có tính cách bổ túc cho đến các luật lệ ấy. Thêm vào đó, vì có những điều khoản mà các luật lệ ấy không dự trù, các nhà áp dụng luật ở Việt Nam dựa vào những bộ luật địa phương rồi tùy trường hợp đưa ra những quyết định và gây ra những tiền lệ khiến cho luật lệ báo chí Việt Nam đã phức tạp lại càng phức tạp hơn.

Để chứng minh sự phức tạp ấy, ta hãy kiểm điểm những giai đoạn mà báo chí Việt Nam đã đi qua.

Thời kỳ Pháp thuộc

Trong hơn tám mươi năm cai trị, người Pháp áp dụng luật lệ báo chí trên lãnh thổ Việt Nam một cách không đồng nhất. Có phần đất là thuộc địa (Nam kỳ) thì báo chí được

hưởng qui chế như chính quốc hoặc các thuộc địa khác của Pháp. Có nơi là xứ bảo hộ (Trung kỳ và Bắc kỳ) thì báo chí bị chi phối bởi những luật lệ do nhà cai trị ở mỗi địa phương ban hành.

Giai đoạn 1881-1927. Luật 29.7.1881 và tự do báo chí của Pháp được ban hành ngày 12.9.1881 và được áp dụng tại chính quốc cũng như tại An-giê-ri và các thuộc địa Pháp (Điều 69).

Với hòa ước Harmand (1883) và hoà ước Patenôtre (1884) Nam kỳ trở thành thuộc địa của Pháp. Ngay lúc đó, báo chí xuất bản tại đây, dù bằng Pháp ngữ hay Việt ngữ, đều được hưởng chế độ tự do. Muốn ra báo, không cần phải có điều kiện nào ngoài việc viên quản lý (sau đổi là giám đốc) phải có quốc tịch Pháp, đã thành niên và có khai báo hợp lệ với Biện lý cuộc (Điều 5, 6, 7).

Tuy nhiên, tình hình chung vẫn còn rối ren cho nên một mặt nhà cầm quyền Pháp vẫn thừa nhận cho báo chí Pháp ngữ được tự do xuất bản, mặt khác lại ra Sắc lệnh ngày 30.12.1898 buộc tất cả các báo Việt ngữ, Hoa ngữ và các báo ngoại ngữ khác phải có giấy phép trước rồi mới được xuất bản. Bởi vậy, hầu hết các báo xuất bản hồi đó đều do các Pháp kiều đứng tên như tờ *Le Colon* (1889) của Maréchal, *Dai Nam Đồng Văn Nhật Báo* (1893) của François Henri Schneider, *Nông Cổ Mìn Đàm* (1901) của Canavaggio,...

Dần dần, với chế độ thuộc địa, những người dân miền Nam trở thành những thuộc dân Pháp có quyền gần ngang như công dân chính thức Pháp nên có thể tự đứng tên xin phép ra báo như trường hợp của Diệp Văn Kỳ chủ trương tờ *Thần Chung* (1923) hoặc của một nhóm người công giáo chủ trương tờ *Nam Kỳ Địa Phận*.

Báo chí ở Bắc kỳ và Trung kỳ nằm trong một trường hợp khác. Trên nguyên tắc, nền bảo hộ của Pháp ở hai phần đất này của Việt Nam đã được chính thức thiết lập từ 1887, năm mà viên toàn quyền đầu tiên của Pháp là Constant sang Saigon nhậm chức. Nhưng vì tình hình an ninh chưa được khả quan, người Pháp còn phải lo mở những cuộc hành quân đánh dẹp

những phần tử Việt Nam yêu nước tại nhiều nơi ở Trung kỳ và Bắc kỳ. Hoàn cảnh này đương nhiên đưa đến việc hạn chế tự do báo chí ở hai phần đất bảo hộ kể trên.

Trong khi báo chí Nam kỳ có thêm nhiều tờ ra mắt độc giả, như tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* (1907), hoặc có khuynh hướng phát triển về tỉnh như tờ *An Hà Báo* (1907) ở Cần Thơ hoặc muốn phụng sự riêng một giới như tờ *Nữ Giới Chung* (1919) của Sương Nguyệt Ánh, hoặc đi sâu vào ngành chuyên môn như tờ *Nam Kỳ Kinh Tế Báo* (1920), những tờ báo đầu tiên xuất bản ở Bắc vãn do những người Pháp đứng tên như *Đại Việt Quan Báo* (1905) của Babut, *Đông Dương Tạp Chí* (1913) của Schneider, *Nam Phong* (1917) của Louis Marty. Sau này mới có vài người Việt Nam có tên tuổi hoặc có uy thế được phép ra báo như trường hợp của Nguyễn Văn Vĩnh với tờ *Trung Bắc Tân Văn* (1913), Bạch Thái Bưởi với tờ *Khai Hóa Nhật Báo* (1921), Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu với tờ *Hữu Thanh* (1921),... Còn ở Trung thì đến 1927 mới có một tờ báo định kỳ. Đó là tờ *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng ở Huế.

Giai đoạn 1927-1945. Sau khi những cơ sở cai trị đã được thiết lập khá vững vàng, nhà cầm quyền Pháp ra Sắc lệnh số 3367 ngày 4.10.1927 qui định chế độ báo chí ở Đông Dương¹ trừ Nam kỳ là xứ thuộc địa đã được hưởng tự do báo chí của Luật 1881. Thật ra sắc lệnh này đã dựa vào toàn bộ từ hình thức đến nội dung của Luật 1881 với những sửa đổi cho thích hợp với ý muốn hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí tại các xứ bảo hộ. Từ đó, sắc luật này là văn kiện căn bản chi phối báo chí ở bốn xứ bảo hộ : Trung, Bắc, Miên, Lào. Sắc lệnh này được áp dụng ở Bắc kỳ do Nghị định ngày 10.1.1928 và ở Trung kỳ do Nghị định ngày 20.12.1927. Các nhà cầm quyền thời đó chủ trương rằng về các vi phạm báo chí, ngoài các khinh tội và trọng tội có dự liệu hình phạt trong sắc luật, tòa án vẫn có thể áp dụng các điều luật hình trong các

1. Đông Dương : gồm nam xứ dưới quyền cai trị của Pháp với chế độ khác nhau : thuộc địa Nam kỳ có Thống đốc, hai xứ bảo hộ Ai Lao và Bắc kỳ có Thống sứ và hai xứ bảo hộ Cao Miên, Trung kỳ có Khâm sứ. Trên hết, có viên Toàn Quyền Công Sứ.

hệ luật canh cải của Bắc và Trung kỳ. Và qua những vụ án báo chí thời này, người ta thấy những Điều 68, 69, 71, 74 và 28 ở bộ hình luật Bắc kỳ và các Điều 104, 107, 108 và 424 vẫn có hiệu lực đối với tòa án.¹

Trong giai đoạn này, giai đoạn có thể nói là toàn thịnh của báo chí Việt Nam, trong khi các báo Nam kỳ tiến sâu về mặt kỹ thuật thì các báo Bắc kỳ tiến về nội dung. Những tờ báo kỳ cựu như *Nam Phong*, *Trung Bắc Tân Văn* tiếp tục nhiệm vụ thông tin và đăng tải những công trình khảo cứu về mục đích giáo hóa quần chúng. Một số báo khác ra đời nhằm cải tiến nghề nghiệp như tờ *Đông Tây* (1927) của Hoàng Tích Chu, tờ *Hà Thành Ngọ Báo* (1927) của Bùi Xuân Học, hoặc cải tạo xã hội như tờ *Phong Hóa* (1932) của Phạm Hữu Linh và Nguyễn Tường Tam, hoặc tranh đấu chống giai cấp nông trị và tư bản như tờ *Le Travail* (1935) của Trịnh Văn Chú và Khuất Duy Tiến, vân vân.

Loại báo tranh đấu này dựa vào tinh thần của dân chúng đòi dân quyền và thế lực của Phong trào Bình dân năm hình quyền ở Pháp hồi đó khiến các nhà cai trị địa phương hải chú ý. Họ cố gắng vận động để chính phủ Pháp ra Sắc lệnh ngày 12.8.1936 qui định sự trừng trị việc loan tin thất thiệt ở các lãnh thổ Bắc kỳ, Trung kỳ, Ai Lao và Cao Miên. Sắc lệnh này đã được Toàn Quyền ban hành ngày 17.9.1936.

Ít lâu sau, nước Pháp lâm vào Đệ Nhị Thế Chiến. Các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, một mặt phải đương đầu với sức lực hùng mạnh của Nhật Bản lúc đó đang mở rộng phạm vi hoạt động trong vùng Đông Nam Á, mặt khác phải đối phó với các luồng dư luận của dân tộc Việt Nam đang muốn thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Họ đã đưa ra và thi hành hàng loạt những văn kiện ấn định những biện pháp đối phó với báo chí như Sắc luật ngày 21.8.1939 liên quan đến việc kiểm soát báo chí và các ấn phẩm trong tình trạng chiến tranh, sắc luật ngày 27.8.1939 về việc kiểm soát đề phòng những ấn

1. Bản thảo cuốn *Thông Tin Quảng Bá* của Nguyễn Ngọc Linh, trang 97, chưa xuất bản.

loạt phẩm, hình vẽ và các bản viết đề in hoặc dùng trong các buổi phát thanh và các buổi chiếu bóng, Sắc luật ngày 1.9.1939 trừng trị sự phổ biến những tin tức có hại cho tinh thần quân đội và dân chúng, Dự số 78 ngày 15.1.1940 truy tố những tác giả những tin tức có lợi cho các cơ quan ngoại quốc chống lại nước Pháp, chống lại «Hoàng triều An Nam» hoặc gây ảnh hưởng xấu cho tinh thần quân đội và dân chúng, Luật ngày 13.12.1941 buộc phải xin phép trước tất cả những nhật báo và báo định kỳ trong các lãnh thổ thuộc quyền Bộ Thuộc địa Pháp

Thời kỳ tiếp liên¹

Giai đoạn 1945-1949. Tháng ba năm 1945, quân đội Nhật Bản đánh bại các lực lượng Pháp ở Đông Dương. Các nhà cầm quyền Việt Nam hồi đó bị quân đội Nhật Bản chi phối, không đưa ra một đạo luật nào hay sắc luật nào có lợi cho sự phát triển của báo chí và chỉ có những công văn về việc kiểm duyệt những phương tiện thông tin, nhất là vô tuyến truyền thanh. Chế độ này rất khắc nghiệt và kéo dài đến cuối tháng tám 1945 là lúc quân đội Nhật Bản phải đầu hàng Đồng Minh và là lúc Việt Minh² thừa cơ hội đoạt lấy chính quyền ở Việt Nam.

Trong những năm 1945 và 1946, các lực lượng quốc gia và cộng sản ở Việt Nam chống đối nhau kịch liệt và có khi bằng vũ lực ở nhiều nơi. Luật lệ báo chí kể như là không có. Phe cộng sản nắm quyền tự cấp những giấy phép đề hợp thức hóa những tờ báo của họ được xuất bản trong thời kỳ hoạt động bí mật như những tờ *Cứu Quốc*, *Độc Lập* và tìm cách chi phối những tờ báo của tư nhân hiện đang phát hành. Phe quốc gia cũng tự động phát hành những báo riêng như những tờ *Việt Nam*, *Chinh Nghĩa*. Tháng chạp năm 1946, chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ. Các báo của tư nhân cũng

1. Để chỉ thời kỳ trong đó chính quyền Việt Nam chưa được chính thức công nhận và vẫn còn ở trong vòng ảnh hưởng của Pháp.

2. Tên tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, tổ chức của Cộng sản Việt Nam.

như của đoàn thể đều rút vào bụng biển. Tờ nào có thể hoạt động được thì tiếp tục trong những hoàn cảnh eo hẹp còn tờ nào không đủ phương tiện thì tự ý đình bản lúc nào không ai hay biết.

Song song với việc theo đuổi chiến tranh ở Việt Nam, người Pháp lập dần lại chế độ quốc gia ở những vùng họ chiếm được và trao dần quyền hành chính cho người Việt. Luật lệ báo chí cũng như luật lệ khác thời Pháp thuộc đều được áp dụng trở lại.

Giai đoạn 1949-1954. Một quốc gia Việt Nam thành hình trong khói lửa chiến tranh. Ngày 19.9.1949, Quốc Trưởng Bảo Đại ký Sắc lệnh số 36-TT ấn định chức chương của Bộ trưởng Bộ Thông tin theo đó ông này có nhiệm vụ « đệ trình một chính sách về các vấn đề báo chí và xuất bản cùng sự truyền bá bằng vô tuyến điện. »

Mặc dầu bị kiềm chế bởi chế độ kiểm duyệt (do Nghị định số 31-Cab. Prés. ngày 6.9.1950) và vẫn bị chi phối bởi Luật 1881 và Sắc luật 4.10.1927, báo chí Việt Nam ở cả ba miền vẫn có cơ hội phát triển mạnh. Số báo xuất bản cũng như số lượng phát hành đều tăng rõ rệt. Đáng kể là những tờ *Thần Chung*¹ của Nam Đình Nguyễn Thế Phương, *Ánh Sáng* của Lư Khê ở Nam, tờ *Thời Sự* của Trần Trung Dung, tờ *Tự Do*² của Vũ Ngọc Các ở Bắc, tờ *Dân Đen* của Ngô Văn Hân ở Trung. Đồng thời, số người được cấp giấy phép ra báo hàng ngày và định kỳ khá nhiều khiến cho có tình trạng một số người nắm giấy phép mà không sử dụng trong hạn định. Bởi vậy ngày 7.3.1952, Thủ tướng Trần Văn Hữu ký Nghị định số 146-Cab-Sg ấn định thời gian có hiệu lực của những giấy phép xuất bản báo để đối phó với tình trạng đó.

Cuộc chiến tranh Việt-Pháp bước sang giai đoạn quyết liệt. Một số văn kiện mới liên quan đến báo chí đã được ban hành. Sau Dụ số 7 ngày 9-6-1950 và Dụ số 35 của Quốc Trưởng ngày 8.12.1953 dành cho Thủ tướng Chính phủ quyền

1. Không phải tờ *Thần Chung* của Diệp Văn Kỳ thời Pháp thuộc.

2. Không phải tờ *Tự Do* của Phạm Việt Tuyền ngày nay.

được dùng những biện pháp để ngăn ngừa và trừng trị những hành động phương hại đến an ninh công cộng và sự trị an trong nước, Thủ tướng Bưu Lộc ký Nghị định ngày 5.4.1954 định lại thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm xuất bản trong nước và những biện pháp chế tài áp dụng cho những vụ vi phạm.

Thời kỳ độc lập

Giai đoạn 1954-1963 Trước khi sống dưới chế độ **Độc Nhất Cộng Hòa**, thông tin báo chí Việt Nam phải tuân theo thêm hai văn kiện nữa ngoài những luật lệ do chế độ thuộc Pháp để lại: đó là Nghị định số 269-NĐ/BTT của Tổng trưởng Bộ Thông tin ngày 15.10.1954 cử các chủ nhiệm báo chí không được cho người khác mượn hoặc khai thác giấy phép xuất bản báo chí của mình và Dụ số 65 ngày 17.10.1955 qui định sự kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam.

Ít ngày sau khi được bầu làm Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, ông Ngô Đình Diệm đã ban hành Dụ số 7 ngày 1.12.1955 dành cho quốc gia độc quyền về vô tuyến truyền thanh và truyền hình cùng xác định cho Nha Giám đốc Đài Phát thanh Quốc gia quyền chuyên nhất khai thác ngành này. Cũng trong khoảng thời gian ấy, ông Bộ trưởng Thông tin Trần Chánh Thành ký Nghị định số 266-NĐ/BTT ngày 14.12.1955 buộc những cá nhân hay tổ chức nào muốn phát hành báo chí phải có giấy phép của Bộ Thông tin. Hậu quả của nghị định này là việc phát hành báo chí không còn ở trong tay tư nhân và tập trung vào Nhà Phát hành Thống Nhất do Hội Cựu Chiến sĩ phụ trách, nhưng trên thực tế nhà này bị chính quyền bí mật điều khiển.

Ngày 5.1.1956, Bộ trưởng Thông tin Trần Chánh Thành ký một nghị định qui định thể thức kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng bằng cách thiết lập hai hội đồng: một hội đồng kiểm soát và một hội đồng phúc thẩm.

Sau đó, một Quốc Hội Lập Hiến được bầu ra và một Hiến pháp được soạn thảo và ban hành ngày 20.10.1956. Điều 16 của bản Hiến pháp này qui định:

Mọi công dân có quyền tự do ngôn luận. Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hồ hào nổi loạn hoặc lật đổ chính thể Cộng hòa

Mọi người dân đều được hưởng quyền tự do báo chí để tạo thành một dự luận xác thực và xây dựng mà Quốc Gia có nhiệm vụ bảo vệ chống lại mọi hành vi xuyên tạc sự thực.

Một điểm đáng ghi là ngày 19.2.1956, Tổng thống Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 23-TTP đình chỉ việc thi hành kiểm duyệt báo chí Việt ngữ xuất bản ở Việt Nam và ngày 20.2.1956 ban hành Dụ số 13 ấn định những hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi phạm luật lệ báo chí hiện hành và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến khác.

Tuy quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản đã được ghi trong hiến pháp và chính quyền hồi đó có đề cập đến vấn đề san định luật pháp nhưng công việc tiến hành chẳng được bao nhiêu khiến cho báo chí Việt Nam vẫn bị ràng buộc bởi những luật lệ hiện hành là những luật lệ của Pháp cộng thêm những văn kiện của Đệ Nhất Cộng Hòa như về việc phát hành báo chí (1955) và thể lệ nạp bản (1959), vân vân... Một số báo bị coi là có liên hệ với những người chống chính quyền như *Thần Chung*, *Tin Điện* bị bóp nghẹt rồi không ra được nữa, số còn lại đi vào con đường thương mại như *Tiếng Chuông*, *Sài Gòn Mới* để tránh những phiền nhiễu. Đồng thời, cũng thấy xuất hiện vài tờ báo và tạp chí được coi như là của những phong trào ủng hộ chế độ như tờ báo hàng ngày *Cách Mạng Quốc Gia* của Hồ La Lam, tờ nguyệt san *Quê Hương*, tờ nhật báo Anh ngữ *The Times of Vietnam* của Gene Gregory.

Giai đoạn từ 1963 đến nay. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 1.11.1963. Báo chí Việt Nam đặt tin tưởng vào chính phủ mới. Ngày 19.7.64, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Khánh ký Sắc luật số 2-64 công nhận quyền tự do báo chí và ấn định thể thức truy tố những tội trạng do báo chí gây ra.

Việc áp dụng văn kiện mới này một cách dè dặt do chủ trương của Bộ Thông tin hồi đó đã khiến cho một số khá lớn báo mới ra mắt độc giả vì có những nghị định cho phép ra báo hàng loạt nhưng đồng thời người ta lại thấy có hiện tượng

hầu hết những báo xuất bản trong chế độ đệ nhất Cộng Hòa lần lần biến khỏi diễn đàn: những tờ *Tiếng Chuông*, *Saigon Mới*, *Lẽ Sống*... nhất là *Cách Mạng Quốc gia*, *The Times of Vietnam* nhường bước cho ba, bốn chục tờ báo mới trong số có những tờ *Thời Đại* của Nguyễn Thành Danh, *Tiến của Đảng* của Văn Nhâm, *Sống* của Chu Tử Chu Văn Bình, *Chính Luận* của Đặng Văn Sung,... Nhưng dù có những biến chuyển này, báo chí Việt Nam vẫn phát triển mỗi ngày một mạnh hơn và tiến sang cả địa hạt ngoại ngữ với những tờ *Saigon Daily News* của Nguyễn Lâu, *Saigon Post* của Bùi Phương Thê,¹ cũng như tờ *Vietnam Nouveau* của Phạm Văn Nhơn và tờ *Journal d'Extrême Orient* của một công ty Pháp kiều vẫn tiếp tục xuất bản.

Tình hình chính trị thuận lợi đưa các đảng phái hoạt động trở lại. Một nghị định do Tổng trưởng Thông tin Phạm Thái ký ngày 19.2.1964 ấn định các thể thức cho phép các chính đảng xuất bản nhật báo và tạp chí và sau đó Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc luật 10-64 ngày 30.4.1964 về quy chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí Việt Nam trong đó có việc thành lập Hội đồng Báo chí, quyền xuất bản báo chí, điều kiện ấn hành và sinh hoạt báo chí, việc tịch thu và đình bản báo. Để bổ túc sắc luật này, Tổng trưởng Thông tin Phạm Thái ký Nghị định số 402/BTT/NĐ ngày 14.7.64 ấn định thể thức cho việc mở nhà phát hành báo chí.

Nhà cầm quyền Việt Nam của chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa tiếp tục đặt những cơ cấu căn bản cho quốc gia. Tuy nhiên, báo chí vẫn bị những sự hạn chế đôi khi gây thắc mắc trong dân chúng như trường hợp tờ *The Vietnam Guardian* bị đình bản từ ngày 12.12.1966 cho đến khi có lệnh mới, hoặc tờ *Saigon Post* bị đóng cửa bảy ngày từ 14-12-1966 vì vi phạm thể lệ kiểm duyệt.

1. Tờ *Saigon Post* do Bùi Diễm sáng lập, nhưng năm 1965 khi tham gia chính phủ Phan Huy Quát ở. Diễm đã đề ở. Bùi Phương Thê là anh em họ với ông dùng tên. Song tờ báo vẫn do ở. Diễm làm chủ.

Ngày 1.4.1967, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia ban hành Hiến pháp mới được Quốc hội Lập Hiến soạn thảo. Trong Điều 12 của bản Hiến pháp này, có những qui định sau đây :

1. Quốc gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục.

2. Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường.

3. Một đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí.

Nhà báo Việt Nam cũng như nhân dân Việt Nam khao khát tự do và không ngừng tranh đấu để thực hiện độc lập và dân chủ, rất vui mừng khi thấy quyền tự do tin tưởng và tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản được tân Hiến Pháp công nhận bên đưa nhau phôi bày trên mặt báo những ý nghĩ chưa chất thắm kín từ trước đến nay.

Về phía chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia đã ký Sắc luật 27/64 ngày 20.7.1967 « đình chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. » Nhưng tình hình mỗi lúc một khẩn trương thêm do cộng sản cố tình gây ra, giới hữu trách thấy một số ý kiến phát biểu có thể làm lợi cho cộng sản nên đã cấm phát hành một số nhật báo. Thí dụ tờ *Dân Chủ* của Vũ Ngọc Các bị đóng cửa vô thời hạn từ 22.8.1967 với lý do « có ký giả cộng sản chi phối tòa soạn », tờ *Thần Chung* của Nam Đình Nguyên Thử Phương và tờ *Sáng* của Đỗ Văn An bị cấm phát hành từ 2.9.1967 vì « đã nhiều lần phổ biến tin tức và luận điệu tuyên truyền cho cộng sản từ nội dung đến hình thức », hoặc tờ *Thời Đại* của Nguyễn Thành Danh vì « đã loan tin thất thiệt làm hoang mang dư luận có phương hại đến trật tự an ninh công cộng, tổn thương tinh đoàn kết dân tộc, giảm tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân »,...

Với cuộc bầu cử tháng Chín 1967, Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu được bầu làm Tổng Thống đã cho xúc tiến ngay việc soạn thảo một dự án Qui chế Báo chí. Trong lúc công việc này đang tiến hành thì báo chí Việt Nam lại phải trải

qua một biến cố do cộng sản gây ra khi chúng đánh phá các thành thị. Nhân bản bố tình trạng khẩn trương, chính phủ đã ra một thông cáo tạm thiết lập lại chế độ kiểm duyệt. Một số báo đã bị đình bản hữu hạn hoặc vô hạn định như báo *Tiến* của Đặng Văn Nhâm bị cấm từ 5.2.1968 cho đến khi có lệnh mới vì « tự ý đăng một bài không được kiểm duyệt trước », báo *Sống* của Chu Tử bị đình bản trong một tháng từ 7-1-1968 vì « xúc phạm uy tín các cấp lãnh đạo quốc gia và phi hăng các đại diện dân cử Quốc hội ».

Chính phủ Trần Văn Hương được thành lập ngày 25.5.1968, chủ trương thượng tôn Hiến Pháp và luật pháp. Ngày 31 tháng 5 1968, ông Tổng trưởng Thông tin Tôn Thất Thiện mở cuộc tiếp xúc với báo giới và đã nói rõ quyết định bãi bỏ kiểm duyệt báo chí nhằm thi hành chánh sách hệ trên. Để làm sáng tỏ vấn đề, ông giải thích thêm rằng « từ nay các bản vở (morasse) không bắt buộc, các báo muốn nộp thì nộp, không nộp thì thôi. Bộ Thông tin không gây áp lực nào trong việc này. Tuy nhiên, việc nộp bản vở có lợi hơn, nhất là cho báo chí, vì làm như vậy, báo chí có thể phối kiểm lại một lần chót các tin tức mới mẻ xem có chính xác hay không.

« Vấn đề nộp bản vẫn phải duy trì theo luật lệ hiện hành, nghĩa là theo các điều khoản mà qui chế báo chí đã ấn định như sau khi ra báo phải nộp một số bản ở Bộ Thông Tin, Bộ Nội vụ, vân vân.²

Sau đó, ngày 29.6.1968, ông Tổng Trưởng Thông Tin đã cho tái bản một số nhật báo bị đình chỉ dưới các chính phủ trước như những tờ *Văn Hội Mới* của Quốc Ấn, *Thân Dân* của Phan Nghị, *Tranh Đấu* của Thanh Quang, *The Vietnam Guardian* của Nguyễn Văn Tươi, *Thanh Việt* của Hồ Quang An, *Tiếng Chuông* của Đinh văn Khai, *Saigon Mới* của bà Bát Trà Nguyễn Đức Nhuận,...

1. Nhưng sau được hưởng khoan hồng và chỉ bị đóng cửa hai ngày.

2. Ban tin Việt Tấn Xã (phụ bản) số 6289 ngày 1.6.1968, trang 1.

Thông cáo về việc cho tái bản những báo kể trên nhấn rõ ràng « riêng những báo vi phạm Điều 4 của Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa hoặc vi phạm luật lệ an ninh quốc gia và trật tự công cộng thì không thể cho tái bản được. »

Công việc soạn thảo qui chế báo chí như đã nói ở trên vẫn được xúc tiến nhưng không có tính cách liên tục. Hành Pháp gửi một dự thảo qui chế sang Hạ Nghị viện hồi cuối tháng Ba 1968, Ủy ban Thông tin Chiêu hồi của cơ quan Lập Pháp này đã đúc kết những dự án của Quốc hội Lập hiến, của Hành Pháp với ý kiến của Ủy ban thành một dự luật đưa ra thảo luận trong nhiều phiên họp và đã chuyển dự luật đó lên Thượng Nghị viện. Dự luật này đã gây nhiều phản ứng sôi nổi trong làng báo suốt trong tháng Năm và tháng Sáu 1968. Các nghị sĩ đã bắt đầu thảo luận dự luật báo chí đó nhưng vì có nhiều vấn đề khẩn cấp hơn nên dự luật này đã bị gác lại đến một ngày khác.

Kết luận

Trong khi chờ đợi có một qui chế hẳn hoi cho báo chí Việt Nam, các luật lệ thuộc lãnh vực báo chí từ trước đến nay vẫn được áp dụng.

Sự phức tạp của những luật lệ cũng như tính cách lỗi thời của nó đã gây nên nhiều khó khăn cho những người áp dụng và tạo ra nhiều trở ngại cho những người có thiện chí muốn cải tiến ngành báo chí nước nhà.

Hơn nữa, việc áp dụng luật lệ của một thời kỳ bị trị trong một chế độ được mệnh danh là Cộng Hòa đã trở thành lỗ bịch thường được dùng làm đề tài cho những người muốn chỉ trích chính quyền.

Người làm báo chân chính ở Việt Nam, từ chủ nhân đến ký giả làm công cũng như nhân viên các ngành liên quan đến báo chí, tha thiết mong ước được có một qui chế báo chí khả dĩ làm dễ dàng công việc hành nghề của họ. Dĩ nhiên, qui chế này phải phù hợp với hoàn cảnh riêng biệt của Việt Nam

và đồng thời cũng phải tôn trọng những qui định đã được ghi trong Hiến pháp.

Đặt ra luật lệ là một chuyện nhưng việc thi hành những luật lệ cho có hiệu quả lại là một chuyện.

Báo chí Việt Nam sẽ có một bộ mặt khác nếu nhà cầm quyền và hết thảy những người làm báo ở đây cùng cố gắng quyết tâm xây dựng một nền báo chí lành mạnh và tiến bộ bằng cách dám sửa chữa những điều sai lầm và bằng một thiện chí vững bền tôn trọng những tiêu chuẩn mà báo chí quốc tế đã dày công nghiên cứu. Việc này đòi hỏi thời gian và trải qua nhiều thử thách để những cái gì xấu phải bị đào thải và còn lại những cái hay cái đẹp.

LÊ THÁI BẰNG

Một ký giả quen thuộc và đồng thời cũng là một nhà văn biên khảo, ông Lê Thái Bằng đã từng cộng tác với nhiều tờ báo ở Hà nội cũng như ở Sài Gòn. Ông đã giữ chức Tham chánh Báo chí Phủ Tổng thống từ 1955 đến 1963. Những tác phẩm chính của ông là Ấn Độ, Quê Hương Thánh Gandhi ; Quyền Sách : Nghề Xuất Bản và Nghề Bán Sách.

Góp ý kiến về Luật báo chí Việt Nam

TRẦN THÚC LINH

Người ta đã nói nhiều tới Luật lệ Báo chí hiện hành ở Việt Nam.

Khởi đi vào chi tiết, chúng ta hãy nhận xét tổng quát về mớ luật lệ ấy để tìm hiểu các hướng chính và rút tỉa những kinh nghiệm cho một qui chế báo chí Việt Nam trong tương lai.

Nhận xét về luật lệ báo chí hiện hành

Trước hết, luật lệ của ta về báo chí quá đồi phức tạp và thiếu nhất trí. Nguyên do là sau khi thoát ách Pháp thuộc, ta vẫn giữ tất cả pháp chế cũ của thực dân rồi đem vá vúi vào cho phù hợp với những nhu cầu nhất thời. Thí dụ, để mị dân các Sắc luật số 2-64 và số 10-64 công nhận quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, nhưng lại sợ báo chí tự do nên vẫn giữ nguyên vẹn lệ luật cũ, nhiều khi lại tỏ ra khắc nghiệt hơn. Do đó, các sắc luật ấy hóa hữu danh vô thực, đưa đến tình trạng vô luật lệ.

Sau nữa, gạt bỏ những bản văn vá vúi sau này, luật lệ báo chí của ta vẫn chưa thoát khỏi cái hệ thống Luật 29.7.1881 cho nên còn mang nặng những khuyết điểm của đạo luật này.

1. Luật 1881 đặt ra một hình pháp đặc biệt rộng rãi cho các vi phạm báo chí. Nhưng đặc chế này chỉ áp dụng cho các vi phạm được luật này dự liệu và định nghĩa mà thôi.

Tóm lại, chỉ có các vi phạm mà thành tố chính yếu là « việc công khai phổ biến » do Luật 1881 minh thị dự liệu mới được hưởng đặc chế này. Song le, còn nhiều vi phạm khác, tuy thành tố chính yếu không phải là việc « phổ biến công khai », nhưng do báo chí mà xảy ra. Các tội này, được dự liệu trong luật hình và các đạo luật đặc biệt khác, vẫn bị xét xử theo các nguyên tắc của thường luật. Tính đến ngày ban hành đạo luật 1881, danh sách các tội danh nói trên đã dài tới hai trang sách¹. Từ bấy đến nay, qua hai lần thế chiến và trên hai mươi năm nội loạn, danh sách ấy có thể dài tới đâu mấy ai có thể lượng nổi ? Do đó, sự bất công trong việc trừng phạt các vi phạm gây ra bằng báo chí càng ngày càng sâu đậm làm tổn thương lòng tin tưởng vào công lý không ít.

2. Luật 1881 chỉ là một đạo luật qui định quyền *tự do ngôn luận*². Theo đúng truyền thống cách mạng Pháp, nhà lập Pháp 1881 cho rằng :

Con người trung bình đủ lương tri để tự mình phân biệt chân ngụy giữa những mớ tin tức và bình luận trái ngược ;

Đề tư nhân tự do kinh doanh là đủ bảo đảm quyền tự do ngôn luận.

Vì vậy, nhà lập pháp 1881 không thấy cần phải ấn định một qui chế đặc biệt cho các kinh doanh và nghề nghiệp báo chí. Do đó, sự tiến triển về kỹ thuật, về kinh tế, về xã hội, về nhiệm vụ báo chí đã đưa đến tàn cục một quyền tự do³.

Trên thực tế, sự tin tưởng vào lương tri của con người bậc trung biết phải sai chứng tỏ một thái độ quá lạc quan. Đến nay, ngay ở những nước tiến bộ nhất, có nước nào tin vào sự trưởng thành của dân chúng để cho phép phổ biến tự do các tin tức có thể làm rối trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục ?

Vì vậy, ta thấy xuất hiện nhiều chính sách báo chí mà lần lượt ta xét những hướng chính.

1. Barbier, *Code de la presse*, 2^e édition, Tome 2, p. 468.?

2. Statut de la publication.

3. Jacques Kayser, *Mort d'une liberté*, Plon, Paris 1955.

Những chính sách báo chí

Chính sách độc tài. Bất cứ nhà độc tài nào cũng cho rằng chỉ có mình, gia đình mình, phe đảng mình mới nắm vững nguyện vọng dân chúng và, có xư mạng thực hiện các nguyện vọng ấy. Sự vững bền của chế độ là trọng. Tự do của cá nhân không đáng kể.

Cho nên ở những chế độ này, nhà cầm quyền có thể cấm đoán báo chí hay tự dành cho mình quyền xuất bản báo chí.

Báo chí phải phục vụ chính quyền đương thời. Cho nên nhà cầm quyền thi hành mọi biện pháp để những kẻ cứng đầu không được ra báo, người ra báo phải đăng tải các bài có lợi cho chính quyền. Những chế độ kiểm duyệt và trừng phạt khắt khe là việc dĩ nhiên.

Tuy nhiên, chính sách dù độc tài tới đâu cũng có sơ hở; người cầm bút dù dễ bảo bọc nào cũng còn chút diêm liêm sĩ; cho nên, trên thực tế, ngay trong lòng « báo chí nhà nước » hay bên lề « báo chí nhà nước, » luôn luôn có những mảnh khoe, những tiểu xảo báo chí tự do.

Khỏi nói nhiều, chỉ nhìn vào làng báo Việt Nam từ thuở thịnh thời triều Ngô tới nay, ta nhận ngay ra những đặc tính có chính sách độc tài về báo-chí.

Chính sách tự do. Chế độ tự do báo chí được xây dựng trên một quan niệm triết lý nhân bản lấy tự do con người làm trọng. Cộng đồng chỉ là một phương tiện để con người tồn tại và phát huy.

Do đó, một nguyên tắc được nhấn mạnh là: *tự do phán đoán*. Quyền tự do phán đoán là quyền căn bản của con người. Cứ đề mỗi người tự do phán đoán, tự do tranh luận, chân lý sẽ do đó mà ra.

Một nguyên tắc khác được chấp nhận là *tự do kinh doanh*. Người ta phân biệt được hàng tốt hàng xấu. Cứ đề mặc, cứ cho tự do vận chuyển, mọi việc sẽ tốt đẹp.

Luật báo-chí ngày 29.7.1881 là sản phẩm toàn mỹ của chính sách tự do nói trên.

Lénine¹ đã chỉ trích quan-niệm tự-do đó :

Trong những xã hội trưởng giả, tự do báo chí là quyền dành cho bọn nhà giàu phá hoại, lừa lọc, bịp bợm trắng trợn, hoài hủ bại cấp nghèo khó, dân chúng bị áp bức bóc lột bằng cách in báo của chúng ra hàng triệu tờ.

Tự do báo chí có nghĩa là ý kiến của toàn thể nhân dân phải được tự do diễn đạt.

Nhưng sự thật thế nào ? Lúc này chỉ những kẻ giàu và các đảng phái lớn nắm giữ độc quyền chân lý.

Trước đó, Karl Marx cũng đã viết :

Vấn đề không phải là cần biết có quyền tự do báo chí không vì quyền này vẫn có. Vấn đề chính là cần biết quyền tự do báo chí là đặc quyền của một thiểu số cá nhân hay đặc quyền của con người.

Một chính sách báo chí hợp lý

Ở trên thế giới lúc này không có nước nào theo hẳn một chính sách tự do hay một chính sách độc tài đối với báo chí.

Đành rằng hiện thời không mấy chế độ là không muốn «nắm» báo chí, dùng các nhà báo làm công cụ để «chống cộng», «kiến quốc» hay «cứu quốc». Đành rằng cái họa độc tài lúc này còn trầm trọng hơn bốn mươi năm về trước, khi mà Mussolini đã dám nói trắng trợn : « Báo chí là một bộ phận của chế độ và một sức mạnh để phục vụ chế độ². » Nhưng, như ta đã thấy, một chế độ khắt khe đến đâu cũng vẫn có kẽ hở. Có tác động tất có phản động, có kiểm soát tất có xáo trá, bên lề báo nhà nước luôn luôn có báo tự do³.

Nhưng ngay trong những chế độ tự do nhất, quyền ngôn luận cũng bị hạn chế trong những giai đoạn khẩn trương.

1. Lénine, Vladimir Ilyich (1870—1924) lãnh tụ cuộc Cách mạng tháng mười 1917 ở Nga, thành lập Cộng Hòa Liên Bang Sô Viết.

2. La presse est un élément du régime et une force à son service.

3. Toujours une presse libre a existé à l'intérieur, en marge ou à côté de la presse officielle. Bernard Voyenne, *La presse dans la société contemporaine*, p. 212.

Tình trạng này không hẳn là đặc biệt vì theo một cuộc điều tra của tuần báo *U.S. News and World Report* làm năm 1960 thì lúc đó có tới 96 quốc gia hạn chế quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận. Không nói đến những thủ đoạn mua chuộc, hăm dọa, «giáo dục», «xây dựng», «giúp đỡ» báo chí, chỉ nhắc đến những điều kiện kinh tế để một cơ sở báo chí có thể đứng vững lúc này và các biện pháp chỉ huy kinh tế, người ta cũng thấy tự do hầu như chỉ là một huyền thoại.

Ở Việt Nam, từ thời Thực dân và dưới chế độ Ngô Đình Diệm, có một chính sách dứt khoát hạn chế báo chí. Chúng ta cũng đã thí nghiệm đủ chế độ : hoàn toàn tự do với Sắc luật số 2-64 ngày 19.2.64, tự do có hạn chế với Sắc luật số 10-64 ngày 30.5.64, phải xin phép trước và chịu chế độ kiểm duyệt với những luật lệ thực dân và vấp bằng các bản văn độc tài. Ấy là chưa kể đủ thứ thủ đoạn : giáo dục báo chí, giúp đỡ báo chí, nạp bản hành chánh và thông tin, cấp phát bông giấy, đập phá nhà in, ám hại ký giả, vãn vãn. Tóm lại, không một chính sách nào là chưa được áp dụng, để vẫn không có một chính sách báo chí và tình trạng báo chí vẫn còn ấu trĩ. Như vậy, lý do không phải hẳn ở báo chí có được tự do hay không.

Lý do chính là ta chưa có một quan niệm đứng đắn về tự do và ngoài *chế độ báo chí*¹ ta chưa có một *chế độ xuất bản*² và một *qui chế ký giả*³. Lần lượt, ta sẽ xét :

- một quan niệm mới về tự do hay tự do tích cực,
- tự do ngôn luận hay chế độ báo chí,
- tự do báo chí hay chế độ xuất bản,
- qui chế ký giả hay tổ chức nghề làm báo.

Quan niệm tích cực về tự do. Quan niệm cổ điển về tự do được thể hiện một cách rõ rệt trong những bản tuyên bố nhân quyền, hiến pháp, vãn vãn.

« Sự trao đổi tự do các tư tưởng và ý kiến là một quyền quý báu nhất của con người ; Như vậy mọi công dân phải được nói, được

1. Statut de la publication.

2. Statut de l'entreprise.

3. Statut de professionnel.

viết, được in ra tự do, trừ phi khi lạm dụng quyền tự do ấy thì phải chịu trách nhiệm trong những trường hợp do luật định ».¹

Mỗi khi nói đến Tự do Báo chí, người ta vừa cảm thấy tràn trề uất hận về những biện pháp tàn bạo của các chế độ độc tài bóp nghẹt tự do, vừa say sưa ngưỡng mộ những tấm gương cao cả của những chiến sĩ đã hy sinh trong công cuộc tranh đấu cho Tự do. Cho nên không ai là không ao ước, háo hức, sẵn sàng hy sinh cho Tự do.

Nhưng nghĩ cho kỹ, Tự do Báo chí là gì ?

Phải chăng là tự do mua, tự do bán, tự do nói, tự do viết, tự do biết tin, tự do loan tin, tự do trao đổi ý kiến, tự do ép buộc người ta nghĩ như mình ?

Dù sao, tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa kỳ (1791) đã nói rõ : « Quốc hội sẽ không làm luật hạn chế quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí ».

Như vậy ta thấy, trong quan niệm cổ điển về tự do :

Trước hết, tự do báo chí chỉ là một quyền tự do của một thiểu số, tự do của người có báo chí trong tay tức những người giàu có, quyền thế, tự do của người làm báo.

Sau nữa, tự do báo chí chỉ có một tính cách tiêu cực « Quốc-hội không làm luật hạn chế tự do báo chí », chính phủ không được đặt ra kiểm duyệt, vãn vãn. Tôi không bắt buộc phải xin phép trước, tôi không bắt buộc phải hội đủ những điều kiện này nọ...

Với sự tiến triển của kỹ thuật, kinh tế, xã hội lúc này, chúng ta không thể thỏa mãn với quan niệm nói trên.

Tự do báo chí không thể chỉ là tự do của người làm báo mà còn là tự do của những người đọc báo, tự do

1. La libre communication des pensées et des opinions est un des droits les plus précieux de l'homme ; tout citoyen peut donc parler, écrire, imprimer librement, sauf à répondre de l'abus de cette liberté dans les cas déterminés par la loi. (trong Déclaration Universelle des Droits de l'Homme).

báo chí không thể chỉ là tự do của một thiểu số mà phải là *tự do của đông đảo nhân dân*. Những quyền tự do ấy phải song song cùng nhau chứ không bao giờ trái ngược, khuynh đảo lẫn nhau.

Tự do xương hay tự do tiêu cực chưa đủ. Lúc này bảo toàn dân có quyền tự do tạo lập một tư hữu căn bản, có quyền tự do đi học, tự do làm việc, tự do kiếm thầy thuốc... nói thế không thỏa mãn được ai. Chúng ta không bằng lòng với những quyền xương ấy. Chúng ta muốn những điều cụ thể hơn. Không còn là quyền tự do được mua nhà, được thăm bệnh, được đi học, được đi làm mà chúng ta muốn có một căn nhà, có sức khỏe, có việc làm, có học vấn.

Quan niệm một quyền tự do tích cực như vậy, ta thấy tuy chúng ta có quyền hưởng tự do nhưng chỉ có cộng đồng mới cung cấp cho ta được quyền tự do ấy. Sự liên hệ giữa cá nhân và cộng đồng phải rất mật thiết. Mỗi cá nhân phải lo cho cộng đồng, cộng đồng phải lo cho mỗi cá nhân. Như vậy, ta có quyền tự do nhưng cộng đồng có bổn phận kiểm soát việc chúng ta sử dụng quyền tự do ấy. Nếu ta dùng quyền tự do để khuynh đảo áp bức, tước đoạt tự do của người khác thì đó là một sự lũng đoạn. Trái lại, nếu ta dùng quyền tự do của ta để làm quyền tự do của mọi người thêm phong phú, đó là điều chính đáng.

Do đó, những quyền tự do thông tin và tự do bình luận không còn là quyền của các ký giả muốn loan tin gì thì loan, muốn dùng báo của mình để phổ biến tư tưởng của mình ra sao thì ra. Không. Tự do báo chí còn là tự do của độc giả có quyền được biết tin tức đầy đủ và chính xác, quyền của độc giả được tự do chọn lựa các ý kiến và tự do giải bày tư tưởng của mình. Muốn được thế, *báo chí cần phải có một tổ chức thích nghi và ký giả phải là những người gác ngọ sứ mạng của mình*. Tóm lại, tự do ngôn luận với những việc bãi bỏ kiểm duyệt và mọi hạn chế vô lý là cần thiết; nhưng chưa đủ, còn phải có một chế độ xuất bản và một qui chế ký giả.

Chế độ báo chí. Chế độ báo chí phải là một định chế

bảo vệ quyền tự do ngôn luận và tổ chức quyền này để toàn dân được hưởng một cách cụ thể và thiết thực, quyền tự do ngôn luận.

Như vậy, có nghĩa là chấp nhận sự can thiệp của Nhà Nước, nhưng quyền tự do ngôn luận phải được tôn trọng.

Nhà Nước có bổn phận can thiệp vào việc tổ chức một chế độ báo chí tự do vì, trong tình trạng hiện thời, với những tiến triển về kỹ thuật, về kinh tế, về xã hội, sức của một người, một nhóm tư nhân không đủ để xây dựng và bảo vệ một chế độ báo chí tự do, đối phó với mọi áp lực tài chánh và chính trị muốn nắm lấy báo chí làm công cụ của mình. Sự can thiệp của Nhà Nước trong lãnh vực này — cũng như sự can thiệp của Nhà Nước vào các xí nghiệp cung cấp điện, nước, các nghiệp vụ chuyên chở, giáo dục, y tế — rất thích đáng vì *báo chí phải phục vụ quyền lợi chung* chứ không thể đi ngược phúc lợi của nhân dân được.

Sự can thiệp của Nhà Nước, đã có căn bản như trên, phải được thể hiện như thế nào ?

Nhà Nước với quyền lập pháp và với tư cách thúc đẩy các biện pháp nhằm mưu ích chung, phải ấn định những điều kiện để việc hành xử quyền tự do ngôn luận không làm thương tổn đến quyền lợi của người khác, các cộng đồng khác và sự tồn vong của chính dân tộc. Không những Nhà Nước chỉ dựng lên những hàng rào ngăn chặn việc lạm dụng quyền tự do ngôn luận — việc mà các luật lệ báo chí từ trước tới nay hầu như chuyên làm — mà còn phải tạo các điều kiện để ai nấy có thể tiến tới và hưởng dụng quyền tự do một cách tích cực như đã trình bày ở trên.

Tất nhiên, những sự can thiệp ấy cần phải được qui định rõ ràng với những chế tài về hành chánh và tư pháp để quyền ngôn luận được thực sự tự do.

Quyền tự do ngôn luận phải được triệt để tôn trọng vì các biện pháp hạn chế quyền này, dù có thiện chí tới đâu, cũng nguy hại cho báo chí như đem những thuốc mãnh liệt chích cho người văng vất nhức đầu.

Quyền can thiệp của Nhà Nước, như trên đã nói, rất chính đáng. Nhưng phải sử dụng một cách rất thận trọng. Trong mọi địa hạt, chỉ có kết quả tốt đẹp nếu phân biệt được phần nào dành cho sáng kiến tư nhân, phần nào thuộc các tổ chức trung gian, phần nào của chính phủ thúc đẩy và phối hợp. Trong lãnh vực báo chí sự phân biệt những ranh giới này rất là tế nhị khó khăn. Cho tới nay, những chuyên gia và các hội đồng báo chí cũng chưa biết phải làm gì, làm như thế nào. Chỉ có một điều chắc chắn là không thể nuôi ý đồ « nắm » báo chí, dùng báo chí làm công cụ cho chính quyền. Nếu quyền ngôn luận không còn được tự do, báo chí không còn là báo chí. *Báo chí tay sai* của chính quyền, đối với *báo chí chân chính*, cũng như tiếng hát thâu thanh ghi vào băng nhựa sánh với âm thanh sống động từ cửa miệng thốt ra. Thà có những báo chí ấu trĩ còn hơn là báo chí nguy trang.

Tất cả những lý luận mượn chiêu bài này nọ để phe đa số cầm quyền « nắm » lấy báo chí đều là nguy hiểm. Báo chí không thể là một bộ phận của chính quyền mà phải ở ngoài chính quyền để kiểm soát chính quyền và làm thời chống đối chính quyền. Cho nên đặt báo chí dưới tay chính quyền, dù là một chính quyền hợp hiến và thực sự dân chủ, cũng vẫn là để báo chí phục vụ quyền lợi của một thiểu số. Hậu quả do độc tài gây ra sẽ tai hại hơn là những khuyết điểm của báo chí.

Tóm lại, còn cần phải có một qui chế ấn định quyền hạn của Nhà Nước cũng như tự do của báo chí. Đó là vấn đề chế độ xuất bản.

Chế độ xuất bản. Chế độ xuất bản hay qui chế các xí nghiệp kinh doanh báo chí là một vấn đề trọng hệ để bảo vệ một cách thiết thực quyền tự do ngôn luận đã được người ta chú ý khi thấy chính sách tự do kinh doanh áp dụng cho báo chí đã đưa báo chí đến đường cùng¹.

Người ta đã thấy, trong hiện tình kỹ thuật, kinh tế và xã

1. Keyser. J., *Mort d'une liberté*, sách đã dẫn.

hội, một tư nhân hay một nhóm tư nhân làm báo không đủ lực lượng để đối phó với mọi áp lực luôn luôn muốn lung lạc báo chí.

Người ta nghĩ đến việc quốc hữu hóa các cơ sở báo chí. Đó là giải pháp mà người ta thường đề nghị mỗi khi các kinh doanh của tư nhân về báo chí bị chỉ trích không làm tròn nhiệm vụ xã hội của mình.

Chúng tôi đã trình bày ý kiến về việc Nhà Nước muốn « nắm » báo chí. Những hậu quả xảy ra sẽ còn tai hại nhiều hơn khi báo chí lại do chính Nhà Nước kinh doanh. Nhiệm vụ làm báo không thể là nhiệm vụ của Nhà Nước được. Nhà Nước đã có những nhiệm vụ khác. Nhà Nước không phải là một cứu cánh của dân tộc, chỉ là một phương tiện phục vụ nhân dân. Chỉ có nhân dân có quyền quyết định Nhà Nước sẽ phải làm những công tác gì, quyết định rồi kiểm soát xem Nhà Nước có làm chu đáo không? Nếu trao báo chí cho Nhà Nước tức là tước đoạt cái nhiệm vụ thúc đẩy và kiểm soát của nhân dân. Trong những xã hội hiện đại, ảnh hưởng của báo chí vào quần chúng rất mạnh, việc trao báo chí cho Nhà Nước kinh doanh không những chỉ tước đoạt quyền định đoạt và kiểm soát của dân chúng, lại còn bịt bợm dân chúng khi đề tiếng nói của Nhà Nước mập mờ lẫn lộn với tiếng nói của dân chúng¹.

Người ta cũng nghĩ đến việc quốc hữu hóa các cơ sở ấn loát. Xét cho cùng biện pháp này hoặc không hữu hiệu hoặc đưa việc sản xuất báo chí vào tay Nhà Nước kiểm soát và lung lạc. Việc giúp cho các báo mới có nhà in thoát nghe có vẻ hợp lý. Nhưng không nói đến việc thực hiện khó khăn, tốn kém mà lợi ích không bằng việc lập một quỹ tín dụng riêng cho người làm báo vay vốn để thiết lập cơ sở ấn loát.

Nội các Léon Blum đã đệ nạp dự thảo luật ngày 2.12.1936 buộc các xí nghiệp báo chí lớn phải được thành lập dưới hình thức một *công ty nặc danh* và ấn định nhiều lệ luật kiểm soát căn nguyên tài chánh của hội. Được Hạ viện chấp thuận, dự luật này bị Thượng viện bác bỏ. Ủy ban Báo chí hoạt động bí

1. D. Gruber, *La presse de la liberté* : « Le gouvernement n'entend que sa propre voix et s'ancre dans l'illusion d'entendre la voix du peuple et il demande au peuple de partager la même illusion. »

mặt thời Pháp bị chiếm đóng và đề nghị của Francisque Gay trong cuốn *Những yếu tố của một chính sách báo chí* đều lấy dự luật 2.12.1936 làm căn bản. Nhưng tới nay các dự luật ấy đều còn trong vòng thai nghén.

Theo giáo sư Pinto, phải công nhận cho các cơ sở báo chí tính cách công sở¹. Vì lẽ các nguyên tắc *binh đẳng, liên tục, vô tư* là những nguyên tắc căn bản định nghĩa một công sở. Nhận cho các cơ sở báo chí tính cách một công sở không có nghĩa là biến các cơ sở này thành cơ sở của Nhà Nước. Nếu có những công sở do nhà nước quản trị thì cũng có những công sở do tư nhân điều khiển. Điều quan trọng là, trong khuôn khổ luật định, các cơ sở này lấy ích lợi của nhân dân làm mục đích.

Tóm lại, phải làm gì để quyền tự do ngôn luận được bảo vệ một cách hữu hiệu và thiết thực thì ai nấy đều mơ hồ vì các cuộc nghiên cứu và thí nghiệm đều bấy còn ở trong thời kỳ phôi thai. Có điều chắc là ai cũng rõ những điều úy kỵ cho tự do ngôn luận và cho lợi ích dân chúng. Cho nên các ủy ban như Royal Commission ở Anh, Commission on Freedom of the Press do ông Robert Hutchins, Viện trưởng Đại học Chicago, thúc đẩy trong những năm 1946-1947 chỉ mới thấu thập được nhiều tài liệu tóm lại trong các khuyến cáo sau đây :

— Các báo chí có tính cách ích lợi chung phải được bảo vệ để khỏi bị áp lực các nhóm chính trị và tài chính.

— Vừa bảo vệ và cải tiến nội dung tờ báo vừa giữ sao cho giá bán mỗi tờ báo ở mức hạ nhất.

— Hạn chế chứ không hủy bỏ mọi hậu quả của sự cạnh tranh kinh doanh bằng cách hợp lý hóa công việc quản trị và phân phối xí nghiệp.

— Các giới tham dự vào tờ báo, kể cả độc giả, phải được có đại diện trong những hội đồng lãnh đạo và kiểm soát các cơ sở báo chí.

1. Francis Gay, *Les éléments d'une politique de presse*.

2. « Il importe de reconnaître aux activités de presse le caractère de service public. » Pinto, *La liberté d'opinion et d'information*, Domat Montchrétien, Paris, 1955, trang 42.

Nhưng tổ chức dù kiện toàn bậc nào mà những người làm báo còn... ấu trĩ thì kết quả cũng không đi tới đâu. Do đó, vấn đề qui chế nghề nghiệp ký giả cần được đặc biệt lưu ý.

Qui chế Ký giả. Qui chế ký giả gồm những lệ luật liên quan đến việc thiết lập và thẩm quyền các tổ chức nghề nghiệp ký-giả. Qui chế ký giả còn gồm các lệ luật do các tổ chức nghề nghiệp nói trên đề nghị hoặc soạn thảo để ấn định những điều kiện chung về việc hành nghề ký giả và những điều kiện hành nghề riêng cho từng người.

Sắc luật số 10-64 ngày 3.04.1964 đã định nơi Điều 11 những điều kiện cần hội đủ để được coi là ký giả chuyên nghiệp : đã làm ký giả trong khoảng thời gian ít nhất là bảy năm, đã giữ ít nhất chức vụ chủ bút hay thư ký tòa soạn trong một năm, chỉ sống bằng nghề ký giả và được Hội đồng Báo chí cấp thẻ. Nhưng Hội đồng Báo chí đến nay cũng chưa được công nhận nên các luật lệ nói trên chỉ là mớ chữ yều tử.

Chỉ còn lại một Hội Chủ Báo và hai nghiệp đoàn ký giả, gọi là gộp mặt mỗi khi cần tới.

Phần đóng góp của các tổ chức này vào công việc xây dựng một qui chế ký giả có thể nói là chưa có gì đáng kể. Cho nên trong công cuộc cải tiến nghề nghiệp, chúng ta vẫn còn phải rút kinh nghiệm ở các nước ngoài.

Trước hết, có đạo luật ngày 29.3.1935 thiết lập qui chế ký giả ở Pháp. Nhưng muốn có kết quả tốt đẹp việc áp dụng qui chế này đòi hỏi một nghề nghiệp được tổ chức chặt chẽ gồm những phần tử đủ khả năng và tư cách. Những « luật danh dự » đặt ra đều tốt đẹp, nhưng mấy ai cố gắng theo đúng, mà vi phạm lại không bị chế tài gì, nên vấn đề giá trị từng người vẫn là vấn đề chính.

Có những tổ chức đề nghị thành lập một đoàn thẻ ký giả theo kiểu các y sĩ đoàn, [được sĩ đoàn, vân vân. Phải được đoàn thẻ công nhận và cho phép mới được hành nghề. Nhưng nhiều người đã phản đối dự định này cho rằng vi phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. Người không ở trong

đoàn thể không được quyền diễn đạt tư tưởng mình trên báo chí chẳng ? Tìm được một biện pháp để đoàn thể hoặc khối là một đồ trang trí hoặc không trở thành một thứ gông cùm không phải là không thể thực hiện được. Nhưng phải nhận là khó khăn vô vàn.

Có người cho rằng sửa lại Luật 1935, đặt ra một số điều kiện tối thiểu để cấp thẻ ký giả. Những ai tỏ ra thiếu tư cách sẽ bị khai trừ, rút thẻ hành nghề. Họ vẫn có thể viết lách sinh nhai nhưng không được hưởng các quyền lợi của những ký giả có thể chuyên nghiệp. Nhưng mấy ai thích đóng vai hội viên trong các hội đồng để phân hạng ký giả, phán xét ký giả, nói chi đến thi hành kỷ luật đối với ký giả ? Không phải vì làng báo thiếu người can đảm. Nhưng thực ra, hơn đầu hết, làm báo có nhiều trường hợp vô cùng tế nhị khó xử.

Dù sao thì mọi người cũng đều đồng ý phải đào luyện ký giả. Cho nên, việc mở các lớp tu nghiệp cho ký giả, các chứng chỉ làm báo, vân vân, rất được mọi giới hoan nghênh.

Kết luận

Trong hiện tình tổ chức xã hội, khó có thể tạo lập được một chế độ báo chí hoàn hảo. Đến nay, chưa có một pháp chế nào vừa tóm thâu được mọi lợi ích của tự do, vừa gạt bỏ được những lạm dụng quyền tự do ấy.

Cho nên, một chính phủ mạnh phải có gan nuốt mọi ức hạn do tự do quá trớn gây ra mà không bóp chết tự do báo chí¹.

Tuy nhiên, để hạn chế những hậu họa tất nhiên, và để phát huy những lợi ích vô song của tự do báo chí, một bộ luật báo chí phải đồng thời giải quyết ba vấn đề : nội dung báo chí, cơ sở báo chí và nghề nghiệp báo chí.

1. Winston Churchill : La liberté de parole entraine avec elle les maux qu'apportent toutes les choses stupides, déplaisantes et venimeuses qui sont dites; mais dans l'ensemble nous préférons les avaler que les supprimer.

Về nội dung, quyền Tự do Ngôn luận phải được triệt để bảo vệ. Báo chí phải được Tự do Thông tin, Tự do Bình luận nhưng phải nhận Trách nhiệm về mọi hành vi của mình.

Về cơ sở, quyền Tự do Xuất bản phải được quan niệm trong một tinh thần thật sự dân chủ. Các cơ sở báo chí phải có tinh cách công sở để phục vụ đắc lực quyền lợi của đồng bào nhân dân hơn.

Về nghề nghiệp, quyền Tự do Lập hội của các ký giả phải được khuyến khích để việc đào luyện ký giả được thường xuyên, kỷ luật đoàn thể được tôn trọng, lương tâm chức nghiệp được nâng cao.

TRẦN THỨC LINH

Thẩm phán Tòa án Thiểu nhi Sài-gon và cũng là một nhân vật quen thuộc trong giới Thông tin Báo chí, ông Trần Thức Linh đã giữ những chức vụ cao cấp trong Bộ Thông tin và viết nhiều bài tham luận và khảo cứu đăng trên nhiều báo Saigon. Ngoài ra, ông còn là giảng sư môn Luật lệ Báo chí tại Ban Báo Chí Học, Trường Chính trị Kinh doanh, Viện Đại học Dalat.

Tự do báo chí và chế độ dân chủ

TRẦN VĂN TUYẾN

Hai vụ án, hai hậu quả

Viết về vấn đề Tự do Báo chí và Chế độ Dân chủ, tôi nghĩ tới hai vụ án báo chí: một vụ xảy ra 233 năm trước đây ở Mỹ, một vụ xảy ra mười năm trước đây ở Việt Nam.

Vụ thứ nhất là vụ án Zenger¹, chủ nhiệm tờ *New York Weekly Journal* (Nữ Ước Tuần Báo) chống lại Thống đốc Nữ Ước Cosby hồi năm 1735.

Vụ thứ hai là vụ báo *Thời Luận* chống Chính phủ Ngô Đình Diệm năm 1958.

Tờ *New York Weekly Journal* là tờ báo Mỹ đầu tiên đã làm hậu thuẫn cho một nhóm chính trị đối lập với chính quyền lúc đó ở trong tay Thống đốc Cosby.

Hồi đó (1734), Mỹ còn là thuộc địa của Anh. Nhân dân Anh ở chính quốc cũng như ở thuộc địa tuy đã được hưởng một vài bảo đảm về tự do, dân chủ, nhưng vẫn không có hiến pháp nào, luật lệ hay tập quán nào bảo đảm tự do báo chí.

Dưới chế độ đạo luật «Phá rối trị an», báo chí có thể bị lôi ra tòa bất cứ lúc nào, bị phạt tiền, phạt tù, bị đóng cửa, vì từ ngữ «phá rối trị an» ở Mỹ lúc đó cũng được chính quyền

1. Zenger, John Peter (1697—1746) gốc Đức, sang Hoa Kỳ từ 1710 và lập nghiệp tại New York. Ông được coi như là một chiến sĩ tiên phong tranh đấu cho tự do báo chí.

giải thích một cách hết sức mừng lung như ở Việt Nam thời hạ bán thế kỷ 20 này, nhất là đối với những vụ phê bình, công kích chính quyền.

Báo *New York Weekly Journal* của Zenger biết thân, nên cũng đã cẩn thận chỉ đăng những bài ký những bút hiệu văn võ như Caton (một nhà hiền triết cổ Hy Lạp), Người Dân Long Island, Một Sử gia Ái Nhĩ Lan. Những bài hung hăng, độc địa nhất thì được đăng dưới hình thức «Thư của bạn đọc» và không bị kiểm duyệt.

Tháng năm 1734, nhóm Nhân Dân đại thắng trong cuộc bầu cử Hội đồng Thành phố New York. Nhóm này cho phổ biến hai bài hát chế điệu phe chính phủ và ca tụng sự thành công rực rỡ của phe mình. Chính phủ treo giải thưởng cho ai tố cáo tác giả hai bài hát đó. Nhưng không có ai tố cáo.

Ngày 15 tháng Mười, chính phủ yêu cầu Đại Bồi thẩm Đoàn (12 người thường dân) mở cuộc điều tra để tìm kiếm thủ phạm. Nhưng cũng không tìm thấy ai.

Ngày 2.11.1734, Hội đồng Thuộc địa (cơ quan chính phủ) quyết định truy tố Zenger và hạ lệnh cho bọn « đao phủ » đốt bốn số báo chót của tờ *New York Weekly Journal* vì tội xúc phạm chính quyền và phá rối trị an.

Chính quyền cũng ra lệnh cho các công chức phải tập trung kiến cuộc « hành hình tờ báo ». Nhưng Hội đồng Thành phố không chịu ra lệnh cho bọn đao phủ đốt báo. Công chức cũng không ai đi coi. Rốt cuộc, một tay sai của chính quyền phải đem báo ra đốt trước mặt năm, mười người trong chánh phủ.

Hai tuần sau ngày 17.11.1734, Hội đồng Thuộc địa lại vượt quyền, hạ lệnh bắt giam Zenger về tội phá rối trị an và truy tố ông theo một thủ tục đặc biệt về tội « loạn tin thất thiệt, có tánh cách phỉ báng, phạm pháp, phá rối trị an ».

Nội vụ được đưa ra xét xử trước Tối cao Pháp viện tiểu bang New York.

Người bênh vực Zenger là một vị luật sư lão thành có tiếng, ông Andrew Hamilton trước là Chương lý ở Pennsylvania.

Công tố viện buộc tội nhà báo một cách nghiêm khắc cho rằng những bài đăng trong tờ *New York Weekly Journal* có tính cách phỉ báng, mạ lỵ nhân viên chính quyền và như vậy « đã xúc phạm luật pháp Anh Quốc và Thượng Đế. »

Bài cãi của ông Hamilton là một bài cãi tới nay vẫn được coi là khuôn mẫu cho những bài biện hộ trong những vụ án báo chí. Ông nói : « Tôi đồng ý với Công tố viện rằng chính quyền có tính cách thần thánh, nhưng tôi không đồng ý khi Công tố viện cố ý cho rằng những người công dân nạn nhân của một chính quyền bệ bối đã phạm tội phỉ báng chính quyền khi họ hữu lý công kích chính quyền đó... ».

Trả lời một câu buộc tội của viên Chương lý ông nói : « Người công dân tự do phải có quyền phản đối công khai bằng những lối công kích cương quyết chống lại những sự lộng quyền... Họ có quyền loan báo cho mọi người công dân khác được biết hành động ngấm ngầm hay công khai của những người cầm quyền; họ có quyền minh xác ý tình của họ đối với lợi ích của Tự do... »

« Người ta có quyền nói gì ? Người ta có quyền nghe gì mà không bị tội ? »

« Khi nào thì người ta có quyền cười mà không bị buộc tội là phỉ báng công quyền ?... nhiều khi chỉ là một vụ hiểu lầm. »

Rồi ông kết luận : « Vấn đề đặt ra trước quý tòa và quý ông, quý bà (Bồi thẩm Đoàn) không phải là một vấn đề nhỏ bé, riêng tư. Ngày nay, quý ông quý bà không phải chỉ ngồi xét xử một vụ án giữa một anh nhà in quèn và chính phủ New York.

« Không. Hậu quả vụ án này có thể ảnh hưởng tới tất cả mọi người tự do đang sống dưới quyền chính phủ Anh trên đất Mỹ này. Đây là vụ án của chính nghĩa cao quý nhất, vụ án của Tự do.

« Tôi không nghi ngờ rằng ngày hôm nay thái độ của quý ông quý bà sẽ làm cho quốc dân quý mến, tôn trọng quý ông quý bà, mà tất cả những người chuộng tự do hơn nó lệ đều

sẽ hoan hỉ, kính trọng quý ông quý bà, vì quý ông quý bà tiêu diệt mưu đồ của bạo ngược; bởi vì, bằng một **hợp pháp** công minh, vô tư, quý ông quý bà đặt nền tảng cho một quyền thế mà thiên nhiên và luật pháp ban cho chúng ta: quyền tự do tố cáo những kẻ chuyên quyền và chống đối họ bằng cách nói lên và viết ra sự thực. »

Bồi Thâm Đoàn chỉ nghị án có mười phút và tuyên bố Zenger vô tội.

Ngày đó đánh dấu một giai đoạn mới cho lịch sử dân chủ của người Mỹ. Người cầm quyền không còn được coi là thần thánh nữa. Ngày đó, người Mỹ đã đặt được nền móng đầu tiên cho truyền thống dân chủ, tự do của họ.



Năm 1957, giữa thời toàn thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm, vài ba tờ báo đối lập ý thức được duyên cớ suy vong của chế độ nên đã lên tiếng cảnh cáo người cầm quyền đương thời.

Hai tờ báo đối lập mạnh nhất lúc đó là tuần báo *Thời Luận* và tuần báo *Đường Sống*.

Chủ nhiệm *Thời Luận*¹, nhờ kẻ viết bài này viết thay Bác sĩ Phan Quang Đán trong tờ báo đó. Tôi nhận lời và viết bài dưới bút hiệu X.Y.Z và Chánh Nghĩa. Đại khái chúng tôi đã kích và phê bình chính sách độc tài về chính trị, ý lại về ngoại giao, lạc hậu về xã hội của chính phủ Diệm; đề nghị cải cách, đòi thực thi tự do cá nhân, tự do báo chí đã được hiến pháp bảo đảm. Nhưng bài được đặc biệt chú ý là những bài «Lá thư gửi cho ông Nghị của tôi» ký tên X.Y.Z.

Thời Luận bị đưa ra tòa hai, ba lần về tội phỉ báng nhân viên công quyền. Lần nào cũng bị án phạt vạ. Lần chót vào tháng 2 năm 1958 báo bị tịch thu cũng vì bài «Lá thư gửi cho ông Nghị của tôi.» Chính phủ lại đưa *Thời Luận* ra Tòa.

1. Ông Nghiêm Xuân Thiện hiện nay là Chủ nhiệm nhật báo *Thời Luận*.

Có điều buồn cười là chính quyền không biết rằng người viết bài đó là tôi mà lại nghi cho Bác sĩ Phan Quang Đán là tác giả nên Bác sĩ Đán cũng bị đưa ra tòa cùng với ông chủ nhiệm Nghiêm Xuân Thiện

Trước tòa, ông Đán đưa giấy tờ chứng minh rằng ông đã thôi không cộng tác với báo *Thời Luận* từ tháng Mười 1957 trước khi có những bài báo bị truy tố và như vậy không thể là tác giả những bài báo đó. Ông được Tòa tha bổng.

Ông Nghiêm Xuân Thiện nại lý do bí mật nhà nghề không chịu khai tên người đã viết bài cho ông.

Rốt cuộc, ông bị lên án mười tháng tù, 100.000\$ phạt vạ. Báo *Thời Luận* bị đóng cửa vĩnh viễn¹.

Là luật sư, đáng lẽ tôi nhận bênh vực báo *Thời Luận* trước Tòa ; nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi để luật sư Vũ Văn Huyền biện hộ vì không lẽ tôi (luật sư) lại bênh vực cho tội (tác giả bài báo) theo một thủ tục ấn định do tôi đã ký khi tôi làm Bộ trưởng Thông tin trong chính phủ đầu tiên của chế độ Quốc gia này

Về sau, ông Nghiêm Xuân Thiện và tôi đã trả một giá khá đắt việc chúng tôi chống đối chính phủ và đòi hỏi tự do dân chủ.

Về phần tôi thì sau cuộc đảo chính thất bại 11.11.1960 tôi bị giam giữ ba mươi hai tháng, rồi bị đưa ra Tòa án Quân sự. Ông Thiện cũng bị giam giữ hai lần : một lần vì bản án nói trên, một lần hồi 1963 trong cuộc tranh đấu Phật giáo chống chính phủ.

Từ vụ án *Thời Luận* 1958 tới nay thẩm thoát đã trên mười năm. Tự do, dân chủ vẫn còn là những nguyện vọng.

Người ta vẫn tiếp tục đòi dân chủ, đòi tự do. Và nhân dịp Quốc hội đang thảo luận về quy chế báo chí, người ta lại

1. Sau Cách mạng 1.11.63, Báo *Thời Luận* được tái bản và hiện đang phục vụ độc giả.

nhắc tới tự do báo chí, đòi hỏi tự do cho báo chí, việc mà ở Mỹ, ở Âu, người ta đã thực hiện từ một, hai thế kỷ trước rồi. Ý nghĩa đầu đề «Hai vụ án, hai hậu quả» là như thế đó!

Yếu tố căn bản của chế độ dân chủ

Dùng chữ *báo chí* để dịch chữ *presse* hoặc *press* thực ra không được chính cho lắm vì hai chữ trên bao trùm tất cả những gì được ấn loát: báo chí, sách vở, truyền đơn, tranh ảnh, vân vân.

Riêng trong bài này, chúng tôi dùng từ ngữ *báo chí* theo nghĩa hẹp. Tuy nhiên, khi nói tới tự do báo chí, tôi có ý bao hàm cả tự do thông tin, tìm kiếm tin tức, tự do phổ biến, đăng tải các tin tức đó, tự do ấn loát, xuất bản, tự do phê bình, tự do thảo luận, tranh luận, vân vân.

Với ý nghĩa đó, tự do báo chí đã được mọi người công nhận là một trong những yếu tố căn bản của chế độ dân chủ.

Gần 200 năm trước, ông Thomas Jefferson, tác giả bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ và là vị Tổng thống thứ hai của Hiệp Chúng Quốc, cho rằng:

Tự do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không. Nếu tự do báo chí mà bị hạn chế thì các tự do khác của chúng ta cũng bị tiêu diệt.

Sao vậy?

Vì báo chí là phương tiện hiệu nghiệm nhất để nhân dân kiểm soát công việc của chính quyền.

Jefferson cho rằng báo chí là phương tiện hiệu nghiệm nhất để giác ngộ con người vì « làm phát triển các đức tính lý trí, đạo lý, xã hội của con người ».

Trong một chế độ dân chủ, nhân dân có quyền, không những có quyền mà còn có bổn phận, kiểm soát chính quyền. Vì trong chế độ dân chủ, Dân là chủ.

Người cầm quyền là những công bộc chứ không còn là những kẻ nhờ mệnh trời mà làm cha mẹ dân nữa.

Tuy nhiên, dù trong xã hội Đông hay Tây, trừ một số rất ít, người cầm quyền thường có khuynh hướng lạm dụng quyền thế để đè nén kẻ bị trị.

Người dân phải tìm cách ngăn cản khuynh hướng đó để giữ sao cho bọn người đầy tớ của dân ấy không trở thành những yêu quái, ác quỷ hại nước hại dân. (Jefferson)

Muốn kiểm soát chính quyền thì phương pháp hiệu nghiệm nhất là để cho nhân dân tự do phê bình chính phủ, chỉ trích hành động của người cầm quyền. Nếu không được như thế thì không phải là dân chủ nữa.

Mà muốn cho nhân dân chỉ trích một cách xác đáng những hành động của người cầm quyền thì phải cho họ biết rõ tin tức, phải cho họ biết rõ hư thực về công việc, hành động, chánh sách của chánh quyền.

Muốn được vậy thì báo chí phải được tự do, phải được hoàn toàn tự do trong hai nhiệm vụ mà cũng là hai sứ mệnh của họ :

— Thông tin

— Phê bình và chỉ trích người cầm quyền.

1. Về điểm thứ nhất, khi Quốc hội Lập hiến soạn thảo hiến pháp, tôi có đề nghị thêm vào trong danh sách các công quyền, nhân quyền, quyền tự do thông tin, quyền tự do được biết, được tìm biết sự thực.

Đề nghị của tôi không được chấp nhận. Lúc đó và tới nay, người ta vẫn có khuynh hướng thi hành chính sách ngu dân của thời Thượng cổ (*Dân khả xử do chi, bất khả xử tri chi*: Do dân mà làm, không cho dân biết).

Nghĩ vậy là lầm vì trong một chế độ dân chủ, chính sách bùng bít, giấu quanh không những không lợi gì mà chỉ có hại và có hại lớn :

a. Sớm muộn rồi người ta cũng thấy sự thực. Chính phủ giấu giếm sự thực chỉ làm cho nhân dân mất hết lòng tin.

Và nếu nhân dân không tin chính phủ thì đâu có thể thi hành chánh lệnh được.

b. Muốn dư luận không phán đoán sai lầm thì chỉ có cách là cho họ biết rõ hết công việc của chính phủ bằng tin tức đăng trong báo chí và cố làm thế nào cho báo chí được phổ biến trong dân gian càng rộng rãi càng có lợi.

Nếu dân biết rõ thực trạng, tình thế, công việc, nhất là khó khăn của chính phủ, thì chắc chắn có sự đồng tình, có lòng thông cảm giữa hai bên và sự đồng tình, cảm thông đó là yếu tố thiết yếu của chế độ dân chủ.

c. Thông tin không được tự do, cho nên nhiều khi nhân dân phải tìm kiếm những nguồn tin ngoại quốc để biết.

Tôi đã thấy những người Việt Nam hiểu việc xảy ra ở Việt Nam qua những tin tức ngoại quốc, nhận xét với những quan niệm nhiều khi thiên lệch, chủ quan.

d. Và, không nên quên rằng tự do báo chí là một phương tiện để phát triển dư luận, để giúp đỡ nhân dân có tài liệu, dữ kiện mà lựa chọn, phán đoán.

Nếu các vấn đề chung được tự do thảo luận thì tư tưởng quốc dân mới nảy nở. Không có tranh luận thì sao biết được đâu là đúng ? đâu là sai ? ai phải ? ai trái ?

Không có tự do thảo luận thì báo chí — như ở các nước Cộng sản — chỉ là tự do tuyên truyền một chiều.

2. Về điểm thứ hai, vấn đề phê bình chính phủ, chúng ta cũng vẫn sa lầy ở trong một trạng thái phong kiến thoái hóa không tiền khoáng hậu.

Tôi nhớ hồi 1951 vì vài bài phóng vấn của hai nhà báo Nam Dương mà ông Trần Trung Dung đã bị đưa đi an trí ở Hòn Quẩn, ông Nguyễn Mạnh Hà bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam và tôi đã rút khỏi chính phủ để phản đối việc làm phi lý đó.

Trường hợp báo *Thời Luận* cũng là một vụ điển hình khác về trạng thái chậm tiến.

Ngay bây giờ, còn biết bao nhiêu báo chí bị đưa ra Tòa vì đụng chạm tới các ông lớn như vụ báo *Sống*, vì tố cáo tham nhũng bê bối như vụ báo *Chính Luận*, *Quyết Tiến*, *Tiếng Vang* bị Bộ Công Chánh đưa ra Tòa vì quá sốt sắng trong việc thông tin.

Đối với vấn đề này, Jefferson cũng đã tỏ ý phản đối các vụ báo chí bị chính phủ đưa ra tòa: Đòi trừng phạt những người chỉ trích chính phủ thì chẳng khác nào như chuyện con chó sói trong ngụ ngôn đòi bắt cừu phải nộp những con chó chăn cừu làm con tin để bảo đảm hòa bình, tin nhiệm, giữa cừu và sói.

Biết bao nhiêu người ở Công quyền mới bị công kích chút ít đã giẫy nẩy như đĩa bị vôi.

Biết bao nhiêu lần tôi đã nói với những người bạn nhận mang trọng trách trong chính quyền :

« Muốn làm việc công thì phải để người ta soi mói, phải chịu nhận phê bình, chỉ trích dù là bất công của dư luận. Nếu cần thì đeo mo, mặc giáp vào người mà làm việc. Quý hồ mình giữ trọn tiết tháo, không xấu hổ với mình, với người là được! Phải biết rằng phê bình của dư luận, của báo chí là bảo đảm hữu hiệu nhất để các ông lớn, ông bé trong chính quyền biết giữ mình và thực thi nhiệm vụ».

Đối với chính quyền, một chế độ báo chí tự do biểu lộ được một phần lớn nguyện vọng, khuynh hướng của quốc dân. Do đó mà chính quyền biết ý dân đề theo.

Nếu những lời chỉ trích của báo chí đúng thì chính quyền phải cảm ơn người viết báo mà lãnh ý đề tự sửa.

Nếu những lời chỉ trích không đúng thì chính quyền cũng phải cảm ơn người viết vì có dịp đề tỏ rõ sự thực và minh hiển đường lối, thành tựu của mình.

Tinh thần dân chủ là như thế.

Kết luận

Thomas Jefferson đã đề lại cho chúng ta hai câu sau đây:

Báo chí có thể thối nát, có thể quái ác, có thể dè hèn, có thể man trá, nhưng báo chí phải được tự do.

.

Chính phủ căn bản ở dư luận nhân dân thì mục tiêu đầu tiên của chính phủ phải là giữ sao cho dư luận đứng đắn. Nếu tôi phải chọn một trong hai đường :

có chính phủ mà không có báo chí ;

có báo chí mà không có chính phủ ;

thì tôi sẽ chọn con đường thứ hai.

Giữa lúc Quốc hội đang làm quy chế báo chí, tôi có ý mượn hai câu này làm kết luận để nhấn mạnh vai trò quan trọng của một chế độ báo chí tự do, nhưng lại e người ta cười là không thực tế.

Thực tế là tự do báo chí cũng như hết thảy mọi tự do khác đều có những hạn chế. Nhưng với những kẻ còn mang xiềng xích, có cần nói tới hạn chế tự do hay không ?

TRẦN VĂN TUYẾN

Luật sư Tòa Thượng thẩm Saigon và là một chính trị gia tên tuổi, ông đã tham gia nhiều Nội các và năm 1965, ông giữ chức Phó Thủ tướng trong Chính phủ Phan Huy Quát. Ông là giảng sư môn Chính đảng tại Trường Chính Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Dalat, và cộng tác thường xuyên với các nhật báo Chính Luận và Quyết Tiến.

Bốn mẫu chuyện, một niềm tin

VĂN HOÀN

Mấy mẫu chuyện sắp thuật dưới đây mới coi có vẻ như rời rạc, không liên quan gì hết, bởi đề cập tới những địa hạt khác nhau, vào thời gian cách nhau hoặc xa, hoặc gần. Tuy nhiên, tất cả đều đưa tới kết luận, về vấn đề mà tác giả tha thiết suốt mấy chục năm hành nghề : sự tấn bộ và phát triển của báo chí Việt ngữ. Do sự trùng hợp ngẫu nhiên ấy, tác giả tóm thuật mấy mẫu giai thoại dễ đọc giả ít nhứt cũng thấy được vài khía cạnh của nghề làm báo và có yếu tố phê phán nguyện vọng với chủ trương đề ra có lý do xác thật và chánh đáng, hay chỉ là chuyện không tưởng, lý thuyết suông ?

Mẫu chuyện thứ nhứt

Câu chuyện thứ nhứt diễn ra cách đây đã sáu, bảy năm. Sau một thời gian lắng dịu, tình hình chánh trị trong nước bắt đầu căng thẳng : Ít nhiều dấu hiệu cho thấy rõ một phần dư luận không cam đành với thái độ thụ động mà làm thỉnh chịu đựng mãi một chế độ cai trị độc đoán, mỗi ngày đi sâu thêm vào con đường lạm dụng quyền hành, vô lực, làm ngơ hoặc giảm chùn lên các nguyện vọng, đòi hỏi — dầu là chánh đáng và rất khiêm nhường — của dân. Có lẽ vì một thái độ

thiên cận mà quyền hành độc tài rất dễ vương phải, là sợ dân chúng hiểu lầm hành động thông cảm, hoà hườn của mình là dấu hiệu của sự nhu nhược, sợ sệt, mà «làm tới», đòi hỏi nhiều hơn, cứng rắn hơn ?

Năm đó, khác hẳn thông lệ, nước sông Cửu Long dâng cao hơn mực nước trung bình trong mấy năm trước cả thước, mở rộng khu vực bị lụt hằng năm.

Nhiều nơi, hồi giờ nước chỉ lém đém ngoài thềm hoặc lấp xấp trên mặt nền nhà, năm đó trong nhà cũng bị ngập năm, bảy tấc hoặc một thước nước. Dĩ nhiên, đồng bào ở các vùng bị lụt phải dời tới những vùng cao, khô ráo, tạm trú một thời gian, chờ nước rút sẽ trở về thôn ấp, sửa chữa nhà cửa và tiếp tục canh tác làm ăn. Có thể nói đó là một lối sống quen thuộc của nông dân ở nhiều xã tại vùng đất thấp nằm trong hai tỉnh Long Xuyên¹ và Châu Đốc: năm nào ruộng đất, nhà cửa cũng bị ngập một thời gian, bởi mỗi năm nạn lụt đều xảy ra, khi nước sông Cửu Long đổ xuống quá nhiều, rút ra Nam Hải không kịp nên bị ứ đọng.

Riêng năm đó, mực nước quá cao, thêm ít nhiều ấp bị ngập, dân ấp không thể đoán biết mực nước sẽ cao tới đâu, nên phải lo xa, tạm tản cư tới các nơi cao ráo, đề có thể chắc ý, vững tâm mà chờ nước giụt. Đó là điểm duy nhất khác những năm trước.

Thình lình, báo chí ở thủ đô loan tin: nhiều tỉnh Hậu giang bị lụt. Nước dâng tới mái nhà. Hàng vạn đồng bào phải bỏ nhà cửa đi lánh nạn, cả trăm ngàn mẫu ruộng bị ngập. Nước mình mông, trắng xóa như biển cả. Nói cho ngay thì tin đó với mọi chi tiết đều đúng sự thật, không điểm nào có thể kêu là không tưởng, thất thiệt hay bóp méo. Chỉ có điều đáng tiếc là người loan tin đã quên phứt, không nhắc luôn rằng sự trạng ấy xảy ra hằng năm, trên quy mô nhỏ hơn vì nạn lụt nhỏ hơn năm nay.

Chính sơ sót ấy đã làm một phần dư luận báo chí và dân chúng sôi nổi, xôn xao. Người ta sốt sắng hò hào cứu trợ, đòi hỏi chánh quyền phải có biện pháp cấp cứu đầu tiên. Công

1. Nay là An Giang

cuộc lạc quyền được nghiên cứu và diêm cảm động rất đáng kinh và đáng khen là thái độ thành khẩn thương xót và sẵn sàng tham gia cứu giúp nạn nhân mà một số đồng bào di cư đã biểu lộ. Có lẽ các vị ấy nhớ lại những cảnh lụt lội khủng khiếp, kinh hoàng trên đất Bắc, khi nước hai con sông Nhị Hà và Thái Bình phá vỡ đê, tràn vào xóm làng, dấp ruộng, gây tang tóc, tàn phá ác liệt, thê lương.

Tóm lại, tin Long Xuyên, Châu Đốc, bị lụt được tiếp nhận với lòng xúc cảm chơn thành và nhiệt tâm giúp đỡ của đồng bào khắp nơi. Riêng đồng bào ở địa phương bị lụt, thứ nhất đồng bào phải tạm tản cư, lánh nạn, không khỏi ngạc nhiên phần nào về thái độ xúc động bất ngờ của dư luận trước nạn lụt hàng năm, quen thuộc của họ.

Tiêu biểu cho sự ngỡ ngàng ấy có thể là lời tuyên bố sau đây của một viên chức quyền uy, giữ một trách nhiệm lớn ở An Giang, khi phái viên báo chí đầu tiên từ thủ đô lần mò tới thị xã ấy và xin phỏng vấn ông về nạn lụt. Sau vẻ ngạc nhiên thoáng qua mau, ông diêm tĩnh giải thích : « Long Xuyên với Châu Đốc năm nào mà không bị lụt. Chính vì không thể tránh khỏi bị ngập trong một thời gian, mỗi năm, mà nhà nông ở đây phải làm ruộng sạ thay vì ruộng cấy. Năm nay, tuy nước lớn hơn các năm trên song không phải chuyện đột ngột, hoàn toàn bất ngờ đối với đồng bào địa phương. Trái lại, nông gia cũng như chánh quyền đều có sẵn biện pháp thích nghi đề đối phó. Vấn đề duy nhất phải quan tâm là : mực nước năm nay cao một cách bất thường thì liên biện pháp trừ hoạch có đủ chăng ? Nếu không thì phải lo hồ lúc. Tất cả vấn đề chỉ có vậy ». Nghĩa là gần như không có gì đáng quan tâm quá lễ, nếu mọi người đều nhận xét sự việc theo sát thực tế, đặt vấn đề vào đúng tầm mức quan trọng của nó, nghĩa là tầm mức rất giới hạn của một diễn biến hàng năm.

Nhưng rất tiếc không phải tất cả mọi người sẵn sàng chia sẻ quan diêm thành khẩn, khách quan ấy và ít nhất cũng có một số người cứ nhất định đặt cái biến cố thường niên và gây hại giới hạn ấy vào hàng thiên tai, đại họa, cần huy động sự xót

thương và giúp đỡ của toàn dân để hàn gắn, thoa dịu phần nào hậu quả đau đớn. Lễ tự nhiên nhận xét xác thật và vô tư của nhơn vật thẩm quyền nói trên không được công bố mà cũng không thấy ai nhắc nhở tới nữa. Trái lại, nhiều tin tức được liết lộ đã gia tăng sự xúc động trong dư luận công chúng vì đại đa số không am hiểu tình hình địa phương. Tỷ dụ như tin cho hay cả mấy trăm ngàn mẫu ruộng bị ngập, hoặc dân số vùng bị lụt cũng lên đến trên trăm ngàn. Không ai có thể đình chánh các con số ấy khi người ta nhớ rằng gần trọn hai tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc bị ngập trong mùa nước nổi. Có điều muốn diễn tả đúng mức hậu quả của nạn lụt thì cần phải thêm rằng : đó là diễn biến hàng năm, gần như có định kỳ, của thủy thế sông Cửu Long trong vùng đất thấp ấy. Nó xảy ra từ hồi nào tới giờ, cả trăm nếu không phải cả ngàn năm nay, đồng bào địa phương dư rõ nên phải có cách sanh hoạt, canh tác đặc biệt cho thích hợp với mùa nước lớn.

Và bởi không ai giải thích cặn kẽ đầy đủ như vậy nên phong trào cứu trợ nạn dân nước lụt miền Tây được phát động rồi thúc đẩy mạnh mẽ trong toàn quốc, với sự yểm trợ, đôn đốc của giới hữu trách. Vì là công cuộc cứu nạn nên được ưu tiên hàng đầu, nó thu hút sự chú tâm, lo lắng của rất nhiều người, thuộc nhiều giới nếu không phải là tất cả mọi giới trên toàn quốc. Họ không còn đầu óc mà cũng không có ngày giờ dành cho các lo nghĩ, thắc mắc khác. Tình hình chánh trị tạm lắng dịu một thời gian ngắn. Mặc dầu vậy, người đã biến vụ nước nổi hằng năm ở hai tỉnh miền Tây thành một nạn lụt có lẽ đã có phút giây tự hào là mình cao kiến, đa mưu ? Chỉ tiếc rằng mưu kế không đủ già dặn nên nội trong thời gian ngắn, đa số dân chúng đã nhận thấy sự việc bị thổi phồng quá lễ và họ có cảm tưởng đã chứng kiến một xảo thuật. Họ có thể khen song không thể tin tưởng một ảo thuật gia.

Mẫu chuyện thứ nhì

Câu chuyện thứ nhì là một chuyện thời sự nóng hổi, vì đang là mối lo nghĩ hàng đầu của khá nhiều người song theo những khía cạnh khác hẳn, mà cũng là đề tài bàn tán, phê

phán của hầu hết toàn dân. Đó là nạn tham nhũng. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu coi đó là một quốc nhục. Thủ Tướng Trần Văn Hương không giấu giếm nỗi lo âu khi ông nhận thấy tệ trạng sâu rộng đến mức có thể gây nguy hại cho những thành quả tốt đẹp nhất mà chính phủ cố gắng tối đa mới đạt được.

Nhơn dịp chuyện vãn về tình hình trong và ngoài nước, nhắc lại những lời phê phán và báo động nghiêm trọng ấy, một bạn tôi hỏi: « Dữ vậy sao ? Và tại sao có thể dữ vậy ? »

Dĩ nhiên là dữ rồi ! nên các vị nắm giữ vận mạng quốc gia mới phải lên tiếng.

Còn tại sao có thể dữ vậy ? thì có lẽ không ai có đủ tin tức, khả năng đề hy vọng trả lời vừa đầy đủ, vừa chính xác. Vấn đề quá rộng rãi, phức tạp, liên hệ buộc ràng quá nhiều giới nên phải có chuyên viên về đủ mọi ngành : luật pháp, xã hội, chánh trị, kinh tế vân vân... ra công điều tra nghiên cứu mới trông truy ra nguồn gốc, thấy hết diễn biến và nhận định hậu quả hiện tại cũng như vị lai. Nhưng trong khi đàm đạo, một anh bạn bỗng hỏi tôi :

— Còn ý kiến nhà báo ? Chắc là tại... thiếu tự do báo chí ?

Anh dứt lời, mỉm cười rồi muốn nói qua chuyện khác. Tôi hiểu nụ cười ấy có ngụ ý gì ? Vì là bạn thân, anh biết là tôi luôn luôn bình vực chủ trương tự do báo chí nên câu hỏi của anh chỉ là một sự cợt ghẹo và không nên gán cho nó ngụ ý nào khác. Nhưng ngay lúc đó, tôi đã có phản ứng bỗng bật, không một chút đắn đo, suy nghĩ : « Đúng vậy, tôi đáp. Tệ doan xảy ra, rồi lan rộng đến mức hiểm nghèo thế đó, theo thiển kiến, nguyên nhân một phần lớn, do không có tự do báo chí. Lại kèm thêm một chế độ kiểm duyệt độc đoán và thiển cận ».

Bạn tôi cười hiền lành, nói với giọng dân hòa :

— Tôi biết trước quan điểm của anh và chắc các bạn ở đây cũng không lạ. Tôi nhắc sơ để anh thấy chúng tôi vẫn

theo dõi, không quên chủ trương của anh, chớ không nhằm nêu thêm một đề tài tranh luận.

— Tôi xin lỗi vì đã có thái độ phần nào bông bột, thiếu tự chế. Nhưng anh cũng cho phép tôi thêm một câu để nói cho được hết ý, là nếu có tự do báo chí và được nhà cầm quyền và báo giới nghiêm chỉnh tôn trọng, áp dụng với tinh thần trách nhiệm đúng mức, các anh có nghĩ rằng bọn tham nhũng dám lộng hành, sỗ sàng và trơ trẽn như vài vị lãnh đạo đã phải lớn tiếng mạt sát không? Các anh có nghĩ rằng khi bọn hạm còn phải sợ một sáng nào đó, thủ đoạn lạm quyền, bóc lột của chúng bị lột trần, phơi bày trên mặt báo, kèm theo tên họ, chức vụ của chúng, với bằng cứ vững chắc, để giới hữu trách thấy cần mở cuộc điều tra, thì liệu còn bao nhiêu tên đủ liều mạng, gan lý mà tiếp tục lao đầu vào hành động tội lỗi? Dầu sao tôi vẫn tin rằng câu châm ngôn *Biết sợ cảnh sát là bắt đầu biết khôn ngoan* chưa đến đâu xa thật tế và hết hạn thời ».

Mẫu chuyện thứ ba

Câu chuyện thứ ba diễn ra giữa hai ký giả. Cả hai đều là chuyên nghiệp, đều có nhiều năm hành nghề, song đã qua một thời gian không gặp mặt vì lý do rất dễ hiểu và thông thường là một người đã thất nghiệp vì báo bị đóng cửa. Sẵn gần bó vì từng nhiều phen cộng tác tại nhiều tòa soạn, sau lời hàn huyên dĩ nhiên đến việc hỏi thăm gia thế lẫn nhau. Một người làm chủ một gia đình đông đảo song con đều đã lớn khôn, hầu hết có nghề nghiệp, có gia thất. Còn đứa út vừa kết thúc ban trung học, sửa soạn vào đại học. Anh bạn hỏi:

— Anh tính cho cháu học gì ?

— Cháu nó muốn học thêm toán để sau theo cơ khí hay điện tử, điện khí gì cũng được.

— Tốt lắm ! Mấy ngành đó cũng còn thiếu nhiều, học xong chắc đắc dụng.

Sau vài phút làm thỉnh, suy tư, anh bạn ấy mới tiếp :

— Vậy thì nhà anh có lẽ sẽ không có ai viết báo, làm báo ? Tôi nhớ không lầm thì không có đứa nào theo luật hay văn khoa ? Dở vậy anh ? Không lẽ cha làm thầy để con bán sách ?

Người đối thoại nghiêm nghị hỏi lại :

— Anh hành nghề lâu năm không kém gì tôi, nếm trải đủ mùi vinh, nhục của nghề. Vinh rất ít mà nhục thật nhiều, vừa khổ nhục vật chất, trong đời sống bản thân và gia đình nhiều khi không đảm bảo được ấm, no, vừa nhục nhã tinh thần khi chứng kiến sự bất lực của ngòi bút, của tờ báo trước những hành vi độc đoán, bất công và thối nát. Hiểu biết thật tường tận, đầy đủ về các tệ trạng đó rồi, liệu anh có đủ can đảm khuyên lơn con anh lao đầu vào con đường đất dẫn đến ngõ bí ấy chăng ?

Dầu sao tôi cũng chỉ là một người, bị lòng thương con chi phối nên khi đề cập đến vấn đề tương lai của nó, dầu muốn dầu không, tôi cũng phải lo sao cho đời sống vật chất của nó sau này được đảm bảo tối thiểu. Nếu khi lớn khôn, đến tuổi lập thân, nó có hoài bão, tin tưởng mà nó cho là cao cả, quý giá, đáng tôn thờ, theo đuổi tới mức, nếu cần, nó sẵn sàng chấp nhận chiến đấu, hy sinh những tiện nghi sung sướng vật chất, thì đó là quyền, là việc riêng của nó. Một đời sống vị tha, xả thân vì đồng bào, xứ sở hay hơn loại mà kết cuộc có thể tóm tắt trong ba tiếng « tử vì đạo » thì đúng là cao quý, đáng kính phục nhất rồi. Làm chánh trị cũng như viết báo — quan niệm theo ý nghĩa chính xác và đẹp đẽ nhất của các danh từ ấy — là hai ngành rất có thể đưa người ta tới số phận đó. Xin thú thật là tôi tâm thương, trần tục quá, chưa can đảm chuẩn bị cho con tôi một tương lai nhiều chông gai nguy hiểm như vậy.

Mẫu chuyện cuối cùng

Câu chuyện cuối cùng cũng diễn ra giữa mấy nhà báo chuyên nghiệp. Lúc đó, tôi đang cộng tác với một báo hằng ngày hơi yếu vốn, phải mượn một nhà in ở đường Gia Long

sắp chữ và in luôn. Đây là một trong số khá đông nhà in ở Saigon chuyên ngành in báo — cả nhật lẫn tuần báo — với hai máy in, mỗi cái một lần in được hai trương báo cỡ 60×90 (tức cỡ thông thường của các nhật báo Việt ngữ), một lò đúc tay, và ngoài số thợ để điều hành các máy ấy còn lối mười thợ sắp chữ, hai người xếp bài vô khuôn.

Ngày nọ, đang giờ làm việc, một đồng nghiệp người ngoại quốc tới thăm tôi. Anh từng đón tiếp rồi giúp đỡ tôi rất châu đáo, tận tình và nhã nhặn vào một dịp chức vụ nghề nghiệp đưa tôi tới Bá Linh rồi vài nơi khác ở Tây Đức. Dĩ nhiên, gặp nhau tay bắt mặt mừng, hết chuyện hàn huyên tới thời sự quốc tế, rồi tình hình Việt Nam — theo thói quen giữa những người chuyên việc săn tin và bình luận.

Câu chuyện mỗi lúc thêm đậm đà, thân mật, anh bạn hỏi thăm về chế độ báo chí đương thời, về tình trạng của báo Việt ngữ nói chung và của tờ báo tôi đang cộng tác nói riêng. Bỗng dưng, anh vô tình dồn tôi vào cảnh lúng túng khi anh ngỡ ý muốn được quan sát sơ qua nhà in đang hợp tác với chúng tôi. Vì đã lỡ nói thật là nhà in ở ngay đằng sau tòa soạn, thêm có hai máy in đang chạy rầm rầm để in cho rồi hai trang ruột, tôi không có lý do để từ chối sau khi một câu can ngăn khéo bị anh bác liền. Nói cho ngay, anh tỏ thái độ rất nhã nhặn, thông cảm trước máy móc đã xưa với tổ chức luộm thuộm, quang cảnh bề bộn trong nhà in. Anh dừng bước vài phút để xem sắp chữ rồi hỏi :

— Chỉ có bấy nhiêu anh em sắp chữ (bữa đó có tám anh em đi làm) mà mỗi ngày sắp bốn trương báo, với chữ cỡ 8 sao ?

— Chỉ có bấy nhiêu người mà họ không làm việc quá tám tiếng mỗi ngày.

— Họ kinh nghiệm và giỏi quá.

Nhưng ra khỏi phòng sắp chữ, anh đã thành thật phàn nàn :

— Họ giỏi thật nhưng làm việc cách này vẫn hao phí nhiều ngày giờ và nhơn lực, rất uổng.

Vẫn biết là lời phê bình thành thật, không ngụ ý xấu nào hết, song tôi không khỏi cảm thấy bị chạm tự ái nghề nghiệp, hay đúng hơn là chua xót cho cái nghề yêu quý của mình không gặp được thuận tiện tối thiểu để cải tiến, phát triển. Đồng thời tôi thấy cần cứu vãn phần nào thể diện không phải của riêng mình mà còn chung cho cả anh em, bà con cùng «làng» nên tôi vụt có sáng kiến :

— Không phải tất cả các nhà in báo ở đây đều trang bị cũ kỹ như vậy đâu. Chúng tôi cũng có những báo sử dụng phương tiện ấn loát tân tiến hơn nhiều. Giờ đây hơi rảnh, tôi mời anh tới viếng một tờ báo lớn và sẵn dịp sẽ giới thiệu với anh một trong số những đồng nghiệp nổi tiếng của tôi.

Đây là tờ báo Việt ngữ đầu tiên được trang bị lối tân, với máy sắp chữ (linotype), máy đúc chữ đủ kiểu và đủ cỡ (monotype) để dùng sắp tựa, máy làm bản kẽm và thứ nhứt một máy rô-ta-tiu (rotative) có thể in 20, 25 ngàn số báo, mỗi số đến 16 trang, trong một giờ. Ngoài ra, toà soạn còn có một thư viện nhỏ song khá đầy đủ về tin tức, tài liệu, hình ảnh cần thiết cho anh em ký giả, một phòng nhận tin vô tuyến điện vân vân... Anh bạn ngoại quốc sau khi quan sát một vòng, tỏ ý khâm phục và nhiệt liệt khen ngợi đồng nghiệp tôi về tinh thần tấn bộ, tài tổ chức và kinh doanh. Câu chuyện đang vui vẻ bỗng lại đi lần đến chỗ lúng túng khi ký giả ngoại quốc vô tình hỏi thăm về con số xuất bản. Lúc đó, tờ báo Việt ngữ do đồng nghiệp tôi chủ trương đã bị rút giấy phép và cơ sở ấn loát của anh đang in mướn một tờ báo Pháp văn. Báo này xuất bản mỗi ngày từ 12 đến 15 ngàn số, mỗi số gồm 6 hoặc 8 trang. Chủ nhà in nhận định thật thà, theo tinh thần nghề nghiệp :

— Mỗi ngày máy (in) của tôi chỉ chạy 20 phút, nửa giờ. Tức là chỉ được sử dụng cỡ hai, ba phần trăm khả năng. Uổng quá !

Anh bạn ngoại quốc đồng ý, tán thành : « Uổng thật », song anh tế nhị, không đi sâu vào vấn đề, không hỏi tại sao

Báo bị đóng cửa ? hoặc có hy vọng chừng nào tặc bản không ? Chắc anh đã hỏi thăm từ trước và biết qua chế độ báo chí lúc đó, với sự hạn chế gắt gao việc cấp giấy phép ra báo, cùng sự kiểm duyệt chặt chẽ, hẹp hòi các tin tức, bài vở đăng tải. Trước khi chia tay, chủ nhà in kết thúc câu chuyện với nhận xét :

« Mở một cơ sở ấn loát tân tiến thôi, chớ chưa dám nói tới tân, chỉ nhằm in báo, có thể là việc làm rất nguy hiểm. Nó đòi hỏi đầu tư không nhỏ mà rủi báo bị đóng cửa, mình yếu vốn là bị phá sản như chơi. »

Một niềm tin

Hôm nay, nhơn được đề nghị phát biểu ý kiến về tương lai báo chí Việt ngữ nói chung, ôn lại những chuyện lớn nhỏ, vui buồn, từ quốc gia đại sự đến những việc kinh doanh gia đình, cá nhơn, từng có dịp mục kích như chứng nhơn, hoặc đã liên hệ xa gần, nhiều ít, suốt trên 30 năm hành nghề, trải qua phong trần lắm nỗi, mùi vị tàn khổ cũng quen, ghi lại vài chuyện nổi bật trong ký ức, rồi cuộc vẫn đi tới kết luận mà tôi cho là hợp lý, hợp tình hơn bất kỳ chủ trương nào khác : có tự do báo chí mới có điều kiện xây dựng xã hội, dân chủ đặt nền tảng cho một thể hệ báo chí tấn bộ, có tinh thần trách nhiệm và phục vụ, dễ xứng đáng với vai tuồng hướng dẫn dư luận trong việc dựng nước và giữ nước.

Như mấy mẩu chuyện ở trên cho thấy, khi giới hữu quyền có khả năng sanh sát, định đoạt vận mạng các báo và gián tiếp ảnh hưởng đến tận câu chuyện manh áo chén cơm của người cầm bút, người ta rất dễ bị hành động độc tài cầm đầu, nhất là khi đã bị kẻ tả hữu, bộ hạ bao vây, dùng mọi thủ đoạn tán dương, lảng bặc cho mình tự tin rằng mình sáng suốt, tài ba vô địch, người lãnh đạo khó có đủ can đảm chấp nhận chỉ trích, phê bình. Trái lại, coi đó là xuyên tạc, là phi báng vừa dõ thốt công điều tra, nghiên cứu để tìm sự thật, vừa tránh được thắc mắc, e ngại rằng mình có thể lầm lạc gây thiệt thòi, đau khổ cho những người mình có phận sự giúp đỡ

bảo vệ. Lịch sử không thiếu gì chứng minh rằng độc tài không đồng nghĩa với sáng suốt, cầu tiến và độ lượng. Hơn nữa, nó dễ gây áp bức, bất công vì bị những kẻ thân tin của người lãnh đạo xảo quyệt lợi dụng uy thế, quyền hành bề trên để thỏa mãn tham vọng của họ, dẫu có xâm phạm, dẫm lên quyền lợi chánh đáng của người khác. Đề nên, bóc lột đem lại hậu quả tự nhiên là gây căm hờn, uất hận, chia rẽ mà tai hại nhất là ngay trong giới hữu quyền và giữa chánh quyền với nhơn dân. Áp bức đè nặng chừng nào thì hờn oán mãnh liệt chừng nấy, đến một ngày nào đó xô xát, đương đầu công khai bùng nổ, gây tai họa cho cả quốc gia, dân tộc.

Nếu có tự do báo chí cho những bất mãn được tiết lộ, những lạm quyền hà khắc, tham nhũng bị tố giác, để người hữu trách có cơ hội biết qua dân tâm, dân nguyện, dẫu chỉ trong muôn một, và có thể đáp lại, vẫn chỉ một phần khiêm nhượng, bằng ít nhiều thanh lọc, cải thiện hay xây dựng, thì biết đâu sự tự do căn bản, trọng yếu kia không giữ được vai tuồng của cái nắp xi hơi, cho căm hận của lòng dân thoát ra và giảm bớt áp lực, thay vì dồn ép mãi để rồi cuộc bùng nổ ? Mà đó chỉ là giả thuyết khiêm nhường nhất chứ có tự do báo chí thì không để gì chánh quyền độc tài manh nha, củng cố rồi tác oai, tác phước.

Sử dụng với tinh thần trách nhiệm, nó hứa hẹn dân chủ thật sự, chánh quyền lành mạnh, công bình xã hội, no ấm và an ninh. Tôi đoán biết sẽ có người thắc mắc : nhưng liệu tự do báo chí sẽ được sử dụng với tinh thần trách nhiệm chẳng ? Tôi xin đáp : tinh thần trách nhiệm không phải là một tánh thiên bẩm mà người ta có sẵn từ khi chào đời. Trái lại, đó là kết quả của học tập, thực hành, kinh nghiệm. Nói rõ hơn là phải dạy cho người hành nghề có tinh thần trách nhiệm. Hiện thời, người dạy cũng như kẻ học chưa được tổ chức quy củ, đảng hoàng. Trong thật tế những người hành nghề vừa làm vừa học một cách khó khăn, rời rạc, không có chương trình, thời khoá biểu, tấn bộ hiểu biết thật khó ước lượng. Nguyên nhơn phần lớn vì nghề nghiệp không nhiều hứa hẹn. Cơ sở trang bị cũ kỹ, lỗi thời bởi vận mạng báo chí do quyền hành

cá nhân quyết định, không có đảm bảo pháp lý nên không thu hút được đầu tư lớn lao. Người hành nghề vì thế có đời sống bấp bênh, dễ gặp thiếu hụt, khổ sở nên bức cha mẹ không khuyến khích, hướng dẫn con cái đi lớn khôn chừng lựa ngành hoạt động ấy làm sanh kế.

Cái vòng lẩn quẩn ác liệt quay mãi không ngừng : thiếu tự do báo chí dễ gây độc tài. Độc tài không cho báo chí đảm bảo sanh hoạt lành mạnh, bền vững. Báo chí không có tương lai chắc chắn, không thu hút được sự đầu tư phương tiện và trí thức dồi dào, không thoát ra khỏi tình hình chậm tiến. Sự trạng này được viển vông làm một cái cơ binh vực thái độ thận trọng — tức là không vội ban hành — đối với tự do báo chí.

Tự do báo chí quả thật là đệ tứ quyền trong một xã hội dân chủ chơn chánh và lành mạnh. Muốn có dân chủ thật sự, ta cần có thái độ sáng suốt và nghiêm chỉnh đối với quyền đó không kém đối với các tự do căn bản khác.

VĂN HOÀN

Trần Văn Hoàn, bút hiệu Văn Hoàn hoặc Nam Dân, sanh năm 1910, kỹ giả chuyên nghiệp, đã hành nghề trên 30 năm. Tập sự với báo Paris Soir rồi bình bút cho nhiều báo Pháp như các tờ Le Monde thời tiền chiến, Les Marchés Coloniaux, Indochine Nouvelle, chủ bút báo L'Écho du Vietnam (sau Thế chiến thứ hai) chủ nhiệm các báo Việt Thanh, Tin Mai, chủ bút hoặc trợ bút các báo Dư Luận, Buổi Sáng, Công Nhon, Dân Quyền.

Kiểm duyệt báo chí ở Việt Nam

NGUYỄN VĂN NOÃN

Báo chí Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ bị đặt dưới chế độ kiểm duyệt, mỗi thời kỳ thường kéo dài hàng tháng có khi hàng năm. Có thể nói rằng báo nước ta đã phải chịu đựng cái ách của bà Kiểm duyệt nhiều hơn bất cứ làng báo nào khác. Và so sánh với các nước khác thì bà Kiểm duyệt Việt Nam cũng gây nhiều sôi nổi trong dư luận hơn hết. Đã có lúc bà Kiểm duyệt phải ra trước Ủy ban Ngoại giao và Thông tin của Thượng Nghị viện để biện minh công việc của mình¹.

Tuy nhiên, dư luận đối với bà Kiểm duyệt cũng không phải là đồng nhất. Nếu có dư luận chê bai dả kích thì cũng có dư luận bênh vực. Các dư luận chê bai dả kích thường phát xuất từ giới báo chí và thành phần độc giả trẻ. Dư luận bênh vực thường phát xuất từ phía một số cơ quan công quyền và các giới độc giả đứng tuổi. Ngày nay, chế độ kiểm duyệt đã bị bãi bỏ. Vấn đề đặt ra không phải là tìm khuyết điểm để chỉ trích hay tìm ưu điểm để bào chữa cho nó nữa. Đảng nào thì Hiến pháp cũng đã qui định rõ ràng chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận đối với báo chí. Chính

1. Ông Đoàn Bá Cang, Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng, và ông Nguyễn Ngọc Linh, Tổng Giám đốc Thông tin, thời chính phủ Nguyễn Văn Lộc, đã tiếp xúc ngày 19.3.1968 với Ủy ban Ngoại giao và Thông tin Thượng viện trong một cuộc tham khảo ý kiến để giải đáp những thắc mắc về vấn đề kiểm duyệt báo chí.

phủ hiện thời với chủ trương thượng tôn luật pháp có nhiệm vụ thi hành Hiến pháp nghĩa là bãi bỏ kiểm duyệt báo chí. Dù tốt hay xấu, dù lợi hay hại, chế độ kiểm duyệt cũng đã chấm dứt. Vì vậy, bài này chỉ nhằm mục đích duy nhất là đóng góp một phần nhỏ vào công việc nghiên cứu vấn đề báo chí nói chung.

Các thời kỳ thiết lập hoặc tái lập kiểm duyệt

Kiểm duyệt là một biện pháp đặc biệt ban hành trong tình trạng khẩn trương của quốc gia. Các tình trạng khẩn trương đó có thể là khi nước nhà lâm vào tình trạng chiến tranh, khi trong nước có những cuộc rối loạn, hoặc có những biến cố đặc biệt như một cuộc đảo chánh chẳng hạn.

Trở lại thời kỳ lịch sử từ sau năm 1954 đến nay, người ta thấy chế độ kiểm duyệt đã được thiết lập hoặc tái lập trong những trường hợp như sau:

1. Thời chính phủ Ngô Đình Diệm, kiểm duyệt báo chí được ban hành ngay sau cuộc tấn công chùa Xá Lợi ngày 20.8.1963. Nhiệm vụ kiểm duyệt được trao cho Nha Chiến tranh Tâm lý bộ Quốc Phòng. Thời kỳ này kéo dài cho tới cuộc Cách Mạng 1.11.1963. Cũng cần nói thêm rằng Chính phủ Ngô Đình Diệm đã ký Sắc lệnh số 23/TTP ngày 19.2.1956 đình chỉ thể lệ kiểm duyệt riêng cho báo Việt ngữ.

2. Sau Cách Mạng 1.11.1963, báo chí không phải kiểm duyệt. Thời kỳ này kéo dài đến ngày 7.8.1964 nghĩa là tới ngày Hội đồng Quân đội Cách mạng ban hành Sắc luật số 215/SLCT tuyên bố tình trạng khẩn trương. Kèm theo Sắc luật này, Thủ tướng Nguyễn Khánh đã ban hành sắc luật số 18/64 ngày 7.8.1964 tuyên bố tình trạng khẩn trương và ấn định các biện pháp áp dụng trong đó có biện pháp kiểm duyệt tin tức, báo chí,...

3. Sau vụ Hiến chương Vũng Tàu, Chính phủ Nguyễn Khánh bị lật đổ, báo chí được tự do ngôn luận nhưng tiếp

theo đó chính phủ Trần Văn Hương đã phải tái lập kiểm duyệt để đối phó với tình trạng khẩn trương do cuộc chống đối của Phật giáo Thống nhất. Trong thời kỳ này, nhiệm vụ kiểm duyệt cũng được trao cho một cơ quan quân sự, Tòa Tổng trấn Sài Gòn - Gia định

4. Thời kỳ nói trên kéo dài cho tới trước ngày bầu cử Tổng thống của nền Đệ nhị Cộng hòa. Để cho cuộc bầu cử được hào hứng, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia đã đình chỉ kiểm duyệt bằng Sắc luật số 027/67 ngày 20.7.1967. Sau cuộc bầu cử, việc bãi bỏ kiểm duyệt vẫn được tiếp tục cho tới Tết Mậu thân khi xảy ra cuộc tấn công của Việt Cộng vào Đô thành và một số thị xã. Từ ngày này, sau khi Tổng thống tuyên bố tình trạng chiến tranh, nhắc lại Dự số 1/UBLDQG ngày 24.6.1965 thì kiểm duyệt báo chí được áp dụng trở lại.

5. Ngày 1.5.1968, ông Tổng trưởng Thông tin Tôn Thất Thiện nhân danh chính phủ Trần Văn Hương đã tuyên bố bãi bỏ kiểm duyệt báo chí theo đúng tinh thần Điều 12 của Hiến pháp. Đó là tình trạng hiện nay.

Mục đích của kiểm duyệt trên lý thuyết

1. *Bảo đảm an ninh công cộng.* Như trên đã nói, kiểm duyệt báo chí là một biện pháp đặc biệt áp dụng trong tình trạng khẩn trương của đất nước. Suy đó ra, chúng ta thấy rằng mục đích của kiểm duyệt báo chí là để ngăn ngừa việc loan tin hoặc bình luận có thể khiến tình trạng khẩn trương trở nên trầm trọng thêm. Đối với nhà cầm quyền mỗi khi có ý định thiết lập kiểm duyệt chắc chắn đã nghĩ rằng trong một tình trạng khẩn trương, tinh thần dân chúng tất phải căng thẳng dễ bị xúc động. Trong tình trạng đó, một bản tin tức, một lời kêu gọi này lửa sẽ có tác dụng như một que diêm ném vào thùng thuốc nổ.

Nếu quan niệm như trên thì kiểm duyệt không phải là một biện pháp bưng bít che giấu sự thật mà chỉ là một biện pháp cần thiết để bảo vệ trật tự an ninh công cộng tức là gián tiếp bảo vệ tài sản, sinh mạng quốc dân.

Nếu chỉ là để bảo vệ an ninh trật tự công cộng thì kiểm duyệt báo chí phải được thu hẹp vào hai tiêu chuẩn :

a. Chỉ kiểm duyệt những tin tức có hại cho trật tự an ninh công cộng;

b. Sự có hại đó phải là sự nguy hại trầm trọng và không thể sửa chữa các hậu quả gây ra.

Xin đan cử một tỷ dụ :

Trong dịp Tết Mậu thân sau khi cuộc tấn công đợt 1 của Việt cộng thất bại, một tờ báo loan tin theo lời tuyên bố của một nhân vật : Việt cộng có khả năng mở cuộc tấn công mới vào khoảng hai, ba tháng nữa. Tin này tất nhiên là một tin bất lợi, nhưng việc Việt cộng có khả năng tấn công hai, ba tháng nữa không thể làm cho dân chúng kinh động đến nỗi xảy ra sự xáo trộn. Một bản tin như vậy vẫn có thể kịp thời giải thích hoặc minh xác bởi cơ quan hữu trách về sau mà không cần đến cái kéo của bà Kiểm Duyệt.

2. *Bảo đảm an ninh quốc phòng.* Nhiều người cho rằng ngoài mục đích bảo đảm an ninh công cộng, biện pháp kiểm duyệt còn phải bảo đảm an ninh quốc phòng. Nhưng thực ra việc bảo đảm an ninh quốc phòng trong thời chiến phải được coi là đương nhiên dù có kiểm duyệt hay không. Bộ Quốc phòng một khi nhận thấy một bài báo hoặc một tin tức có tính cách nguy hại đến an ninh quốc phòng có quyền yêu cầu tịch thu tờ báo trước khi phát hành. Đó là biện pháp tất yếu để bảo vệ bí mật quốc phòng và tiềm lực chiến tranh. Một khi có kiểm duyệt thì việc bảo vệ an ninh quốc phòng càng phải được áp dụng một cách chặt chẽ hơn.

Chế độ kiểm duyệt trong thực tế

Trên đây, chúng tôi vừa trình bày mục đích của việc thiết lập kiểm duyệt. Từ mục đích đó suy diễn ra, thì phạm vi kiểm duyệt chỉ có thể bao gồm các tiêu chuẩn thuộc về an ninh công cộng và an ninh quốc phòng mà thôi.

Nhưng trong thực tế, qua các thời kỳ báo chí bị kiểm duyệt, người ta được biết các tiêu chuẩn ấn định đã vượt quá hai phạm vi nói trên.

1. *Các tiêu chuẩn áp dụng.* Ngoài sự khác nhau về chi tiết, nói chung các tiêu chuẩn sau đây đã được áp dụng qua các chính phủ :

a. Loại trừ những tin tức và luận điệu có lợi cho tuyên truyền của cộng sản. Và các chủ trương đường lối trá hình của cộng sản (ví dụ : trung lập hóa miền Nam, hòa bình theo kiểu cộng sản) ;

b. Loại bỏ những tin tức luận điệu có tính cách nguy hại nhân tiên và rõ rệt cho nền an ninh cộng cộng ;

c. Loại bỏ những tin tức và luận điệu có tính cách cổ ý phá hoại uy tín của chế độ và của các vị lãnh đạo quốc gia ;

d. Loại bỏ các tin tức và luận điệu rõ rệt có tính cách chia rẽ nội bộ quốc gia, có thể gây nên một sự xáo trộn nguy hại cho tiềm lực đấu tranh của dân tộc ;

e. Khi cần thiết, loại bỏ những luận điệu sai lầm có thể gây khó khăn cho việc bang giao với các nước bạn ;

f. Loại bỏ những luận điệu phỉ báng mạ lỵ cá nhân quá đáng và những bài báo xúc phạm thuần phong mỹ tục một cách trắng trợn ;

g. Sau hết là tiêu chuẩn về quân sự : không cần tiết lộ các tin tức hoặc phổ biến các luận điệu có hại cho bí mật quốc phòng, hoặc có thể làm suy giảm tinh thần chiến đấu của quân đội.

2. *Kiểm duyệt và luật lệ.* Phê bình các tiêu chuẩn kiểm duyệt trên đây một số nhà báo đã cho rằng với các tiêu chuẩn quá rộng rãi như vậy, kiểm duyệt đã đi ra ngoài mục đích của nó. Lý do thiết lập kiểm duyệt là để đối phó với một

ình trạng đặc biệt khẩn trương. Do đó, kiểm duyệt chỉ nên thu hẹp trong phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia trật tự công cộng mà thôi. Đòi ra ngoài phạm vi này để kiểm duyệt cả những bài xúc phạm thuần phong mỹ tục, phỉ báng cá nhân, làm lợi cho cộng sản, vân vân, có nghĩa là kiểm duyệt đã giẫm chân lên luật pháp. Khi một tờ báo loan tin, viết bài làm lợi cho cộng sản làm tổn thương danh dự người khác hoặc khiêu dâm phản luân lý, thì tờ báo ấy sẽ bị ra Tòa, và luật lệ đều đã dự liệu đầy đủ hình phạt thích đáng.

Chính phủ phải đặt kiểm duyệt là để phòng ngừa sự phổ biến tin tức luận điệu gây rối loạn. Những bài báo phỉ báng mạ lỵ cá nhân, những bài báo cổ vũ đòi truy đầu «nặng» tới đâu cũng không có ảnh hưởng gì đến an ninh quốc phòng, trật tự công cộng cả.

3. *Kiểm duyệt là phòng ngừa.* Để trả lời điều chỉ trích trên đây, cơ quan kiểm duyệt đã dựa vào hai luận cứ sau đây :

a. Luật lệ là để trừng phạt : Đưa một tờ báo ra Tòa để trừng phạt không những gây thiệt hại vật chất nặng nề cho tờ báo mà còn gây sự xúc động trong dư luận bất lợi cho cả chế độ nhất là trong những tình trạng khẩn trương. Do đó, cơ quan kiểm duyệt tự thấy có bổn phận can thiệp trong một phạm vi rộng rãi để ngăn ngừa báo chí phạm pháp.

b. Tiêu chuẩn an ninh quốc gia, an ninh công cộng có thể hiểu một cách rộng rãi hơn. Không những chỉ có những bài báo hô hào nổi loạn mới là đe dọa an ninh công cộng, mà tất cả những bài báo đả kích cá nhân, xúc phạm đạo lý, những bài báo gây chia rẽ nội bộ quốc gia, gây thù hận đối với các lực lượng đồng minh, vân vân... nếu đi tới một mức độ nặng nề, cũng có thể gián tiếp tạo ra mầm mống của sự rối loạn xã hội trong thời chiến.

4. *Trách nhiệm của báo chí dưới chế độ kiểm duyệt.* Hai luận cứ của cơ quan kiểm duyệt đưa ra để giải thích các tiêu chuẩn của mình lại vô tình nêu lên một vấn đề tranh luận khác. Đó là vấn đề trách nhiệm của báo chí, dưới chế độ kiểm duyệt.

Một khi nhà nước đã nhận lấy trách nhiệm ngăn ngừa báo chí phạm pháp để bảo vệ an ninh trật tự công cộng, thì báo chí còn có trách nhiệm gì về các bài vở, tin tức mà mình phổ biến nữa hay không ?

Sự tranh luận về trách nhiệm không phải chỉ có tính chất lý thuyết vì lẽ, trải qua các thời kỳ có kiểm duyệt, chánh quyền đã từng đóng cửa nhiều tờ báo, và lý do đóng cửa lại nhằm vào nội dung các bài đã được kiểm duyệt rồi chứ không do sự vi phạm thể lệ kiểm duyệt. Nói một cách khác, nhiều tờ báo đã bị đóng cửa mà lý do đóng cửa lại rơi vào các tiêu chuẩn kiểm duyệt. Chánh quyền mở rộng phạm vi kiểm duyệt để phòng ngừa sự phạm pháp. Vậy một khi cơ quan kiểm duyệt đã thông qua, thì không lý gì tờ báo còn chịu trách nhiệm trừ phi tờ báo không chịu tuân theo quyết định của Ủy ban Kiểm duyệt.

Để trả lời câu chất vấn này, chánh quyền thường đưa ra một số luận cứ như sau :

a. Cơ quan kiểm duyệt không có trách nhiệm phối kiểm sự hư thực của các tin tức đăng trên báo. Tờ báo loan tin sai vẫn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mặc dầu bản tin đã được Ủy ban Kiểm duyệt thông qua.

b. Cơ quan kiểm duyệt có trách nhiệm phòng ngừa, nhưng chỉ có thể phòng ngừa hậu quả tức khắc chứ không thể tiên liệu hậu quả xa xôi. Một bản tin đăng trên báo, trong ngày hôm đó, không có tác dụng nguy hại gì, nhưng rất có thể vài ngày sau, tác dụng nguy hại mới xảy đến cùng với sự xuất hiện của một vài yếu tố nào đó.

Cho đến nay, các lời giải đáp của chánh quyền trên đây vẫn chưa thỏa mãn được báo chí. Tự trung, nó vẫn che giấu một sự lúng túng.

Vi phạm kiểm duyệt

Trong những năm qua, ta thường thấy có những tờ báo bị đình bản vì lý do vi phạm luật lệ kiểm duyệt. Chánh quyền đã dựa trên căn bản pháp lý nào để trừng phạt.

1. *Các văn kiện pháp lý về kiểm duyệt.* Thời Pháp thuộc, hai văn kiện đã được ban hành sau khi Đại chiến thứ hai bùng nổ. Đó là :

Sắc lệnh ngày 24.8.1939 ấn định qui chế kiểm soát báo chí và các ấn loát phẩm khác. Sắc lệnh này được ban hành tại Đông Dương ngày 2.9.1939.

Sắc lệnh ngày 27.8.39 ban hành ngày 29.8.39 ấn định thể lệ kiểm soát trước khi phổ biến các ấn phẩm, họa phẩm, các chương trình phát thanh và phim chiếu bóng. Điều 1 Sắc lệnh này đã dự liệu : « Các ấn phẩm nào không được trình cơ quan Thông tin kiểm soát trước sẽ không được phổ biến, tàng trữ. »

Dưới thời Bảo Đại, các Chánh phủ đã áp dụng hai Sắc lệnh ngày 24.8.39 và 27.8.39.

Để thi hành hai sắc lệnh này, hai nghị định đã được ban hành ấn định thể lệ kiểm duyệt, Nghị định số 81/56 ngày 19.5.1950 và Nghị định bổ túc số 31/CAB/Prés. ngày 6.9.1950.

Sau đó, Thủ tướng Bửu Lộc đã ban hành Nghị định số 275/PTT/TTK ngày 5.1.1954 hủy bỏ hai Nghị định số 81/SG và 31/CAB/Prés.

Từ đó đến nay, Nghị định số 275/PTT/TTK đã được coi là nghị định căn bản liên quan đến thể lệ kiểm duyệt các ấn phẩm và báo chí nói riêng.

2. *Các trường hợp vi phạm.* Như thế nào thì tờ báo bị coi là vi phạm thể lệ kiểm duyệt ? Trường hợp này các Sắc lệnh ngày 24.8.39 và 27.8.39 không nói tới, nhưng Nghị định số 275/PTT/TTK đã nói rõ.

Dựa theo Điều 6, Nghị định số 275, thì có hai trường hợp được coi là vi phạm thể lệ kiểm duyệt :

- a. Không đệ trình ấn phẩm để kiểm duyệt trước,
- b. Khai thác trái với quyết định của Ủy ban Kiểm duyệt.

Hai điểm trên đây đã được quy định một cách rõ ràng. Một tờ báo không đưa trình kiểm duyệt là phạm pháp. Có đưa trình kiểm duyệt, nhưng lại in các bài khác, hoặc in cả những đoạn, những câu đã bị bỏ, cũng là phạm pháp.

Một câu hỏi được nêu lên : Tờ báo phải đưa kiểm duyệt vào lúc nào, trước khi in hay sau khi in bản vớ, hay trước khi phát hành ? Điểm này cũng đã được giải đáp một cách rõ ràng bởi Điều 2 Nghị định số 275 : « Phải được nhà xuất bản đưa trình bản thảo... » Như vậy có nghĩa là tờ báo phải đưa các bản thảo từng tin, từng bài viết tay hoặc đánh máy đề Ủy ban Kiểm duyệt trước khi xếp chữ để in. Tuy Điều 2 Nghị định số 275 đã qui định chặt chẽ như trên, nhưng trong thực tế, tờ báo đều sắp chữ cả bốn trang báo rồi đem bản vớ tới cho Ủy ban Kiểm duyệt. Sau khi kiểm duyệt xong, tòa báo liền cho đục bỏ những đoạn bị kiểm duyệt trên khuôn chữ đúc rồi cho in. Do đó, số báo thường có những khoảng trắng mà theo đúng tinh thần Nghị định số 275/PTT/TTK, cơ quan kiểm duyệt có quyền không chấp nhận.

Một điểm nữa cũng được nêu lên : Tờ báo tự ý không đăng một bài hoặc một đoạn bài mà cơ quan kiểm duyệt đã thông qua, thì có thể bị coi là vi phạm hay không ? Ví dụ, một bản tin lúc đưa trình kiểm duyệt gồm có mười chi tiết. Ủy ban Kiểm duyệt không bỏ một chi tiết nào rồi tới lúc in số báo, Tòa soạn tự ý bỏ đi vài câu. Trường hợp này không được luật lệ dự liệu nên cũng khó mà kết tội tờ báo là vi phạm. Nhưng trên thực tế, trường hợp đó có thể đưa tới nhiều hậu quả nguy hại.

Một bản tin đầy đủ có một tác dụng, nhưng khi bản tin bị bỏ đi một vài chi tiết lại có thể có tác dụng ngược hẳn. Để chứng minh trường hợp này, chỉ cần dẫn cử tỷ dụ sau đây :

Một dòng tit tám cột : « Đại quân Việt Cộng tiến gần vào Thủ đô, đã bị ta đánh lui ». Hàng tit này có thể được Ủy ban Kiểm duyệt thông qua dễ dàng. Nhưng tới khi in, tòa báo tự ý bỏ vế dưới : « đã bị ta đánh lui » và hàng tit biến thành một cái tit giật gân gây xúc động. Tờ báo có vi phạm luật lệ kiểm duyệt hay không ? Chúng tôi xin nhường lời giải đáp cho các nhà lập qui.

3. *Các hình phạt.* Các vi phạm luật lệ kiểm duyệt sẽ bị trừng phạt như thế nào ?

Điều này đã được dự liệu một cách rõ ràng bởi Nghị định số 275.

Chiếu theo Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 275 thì tờ báo vi phạm luật lệ kiểm duyệt có thể bị hai loại hình phạt :

a. *Hình phạt đối với sự vi phạm luật lệ kiểm duyệt*, nghĩa là khi tờ báo không trình kiểm duyệt hoặc có trình kiểm duyệt nhưng lại không tuân theo quyết định của cơ quan kiểm duyệt. Trong trường hợp vi phạm này, tờ báo sẽ bị :

- Bộ Thông tin đình bản có thời hạn hoặc vĩnh viễn.
- Bộ Nội vụ đóng cửa tạm thời mười lăm ngày tới ba tháng nhà in, nhà xuất bản, nhà hàng bán, hay nhà phát hành.
- Số báo sẽ bị tịch thu theo thẻ lệ hiện hành.

b. *Hình phạt đối với nội dung tờ báo.* Ngoài sự vi phạm luật kiểm duyệt nếu nội dung số báo có những bài hoặc tin vi phạm các điều luật báo chí hoặc hình luật quân luật, thì tờ báo còn có thể bị truy tố ra Tòa án để lãnh các án phạt mà luật lệ đã dự liệu cho từng trường hợp. Ví dụ, số báo không đưa trình kiểm duyệt đã đăng một tin đề cao Cộng sản, thì tờ báo sẽ bị truy tố ra Tòa án Dân sự chiếu theo Điều 8 Sắc luật số 2164 hoặc ra trước Tòa án Mặt trận chiếu theo Điều 17 Sắc luật số 4/65.

Kiểm duyệt viên và các khó khăn trong việc kiểm duyệt

Đề cập tới vấn đề kiểm duyệt báo chí mà không tìm hiểu kiểm duyệt viên thì không tránh khỏi thiếu sót vì lẽ kiểm duyệt viên là người trực tiếp thi hành chánh sách của Chánh phủ trên địa hạt này. Kiểm duyệt tốt hay xấu, lợi hay hại,

hợp lý hay phi lý không phải hoàn toàn do các luật lệ hay các tiêu chuẩn mà phần lớn là do kiểm duyệt viên.

1. *Điều kiện để làm kiểm duyệt viên.* Cách đây không lâu tại Hội trường Thượng Nghị Viện, một vị Nghị sĩ khi lên tiếng phê bình cơ quan Kiểm duyệt đã đề nghị chính quyền nên mời các vị nhân sĩ có học vấn cao, kiến thức chính trị rộng rãi để phụ trách việc kiểm duyệt báo chí. Theo lời Nghị sĩ này thì kiểm duyệt viên báo chí phải có khả năng của một vị Bộ trưởng vì lẽ chính họ là người uốn nắn, hướng dẫn công luận.

Quan điểm của vị Nghị sĩ nói trên không phải là không hợp lý nhưng tiếc rằng ở nước Việt Nam đang còn thiếu thốn nhân tài này thì đâu có đủ các nhà học giả hoặc chính trị gia để suốt ngày ngồi làm công tác kiểm duyệt của một, hai tờ báo.

Tuy vậy, mặc dầu người làm công tác kiểm duyệt cũng cần hội đủ điều kiện về khả năng văn hóa và ý thức chánh trị (ối thiên đề ít nhất là đọc và hiểu được ý nghĩa sâu xa của một bài bình luận trên mặt báo).

Tuy nhiên, hai điều kiện trên cũng chỉ là điều kiện cần thiết chứ chưa phải là điều kiện sung mãn.

Kiểm duyệt có thể liệt vào loại công tác chuyên môn ; nó đòi hỏi một thời gian tập sự và kinh nghiệm lâu năm. Chỉ khi nào có kinh nghiệm lâu năm, người kiểm duyệt viên mới tạo cho mình được một thứ trực giác bén nhạy để cảm thấy ý nghĩa của bài báo qua một, hai dòng chữ. Có người đã ví kiểm duyệt viên như một kỹ thuật gia dò mìn : nếu người lính dò mìn có thể tìm thấy quả mìn bằng linh tính thì người kiểm duyệt viên cũng thường tìm ra những điểm nguy hại bằng trực giác.

2. *Các khó khăn trong công việc kiểm duyệt.* Đối với độc giả bên ngoài, người làm công tác kiểm duyệt thường được hình dung như một viên chức ngày hai buổi ngồi rung đùi đọc các bản võ và bàn tay cầm bút chì xanh đỏ gạch lia lia tùy

theo sở thích. Thực ra thì công tác kiểm duyệt không phải lúc nào cũng dễ dàng trôi chảy và cái quyền xử dụng bút chì xanh đỏ cũng chẳng hề phải là cái quyền chuyên quyết. Trái lại mỗi ngày người kiểm duyệt viên đều gặp phải khó khăn, có những khó khăn do điều kiện làm việc tạo nên và cũng có những khó khăn từ ngoài đưa tới.

a. Trước hết là khó khăn do điều kiện thời gian. Trong tình trạng kỹ thuật hiện nay của báo chí nước nhà, từ lúc tờ báo đưa bản vổ trình duyệt tới lúc đặt khuôn chì lên máy in để có đủ báo kịp phát hành thời gian không quá hai tiếng đồng hồ. Trong khoảng thời gian hai tiếng đó, kiểm duyệt viên có khi lại phải đọc tới hai, ba tờ, vì vậy dù muốn, kiểm duyệt viên cũng không thể đọc kỹ từng chữ, từng câu để cân nhắc nặng nhẹ. Họ phải đọc nhanh, nhận định nhanh, song lại phải nhận định cho đúng. Đối với những bài báo mà lợi hại rõ rệt, sự nhận định sẽ dễ dàng. Song đối với những bài báo mà sự lợi, hại pha trộn, hoặc chứa đựng nhiều ẩn ý sâu xa thì kiểm duyệt viên thường phải trông cậy vào trực giác bén nhạy của mình. Khốn thay trực giác không phải lúc nào cũng bén nhạy.

b. Kiểm duyệt luôn luôn bị dằng co giữa một bên là sự đòi hỏi tự do ngôn luận của báo chí và một bên là nhiệm vụ của người viên chức.

Kiểm duyệt rộng rãi thì dễ bị sơ hở thiếu sót, kiểm duyệt kỹ thì bị báo chí than phiền đả kích. Người kiểm duyệt có lương tâm thường bao giờ cũng phải cố gắng dung hòa chỉ thị của cấp trên với quan điểm và lập trường của tờ báo. Kiểm duyệt thế nào để cho bài báo vẫn giữ được ý nghĩa của nó mà không đổi trắng ra đen, đổi đen ra trắng. Có những bài báo chỉ trích chính quyền, người kiểm duyệt chỉ cần gạch bỏ một đoạn đề biếm tác giả của nó trở nên một bồi bút. Trong trường hợp này thì nhà báo dễ dằn giũa thừa được cho người kiểm duyệt.

Về một mặt khác dưới chế độ kiểm duyệt, kiểm duyệt viên còn là cái đích cho sự oán trách của các cơ quan hoặc đoàn thể bên ngoài. Một bài báo chỉ trích một cơ quan, một

doàn thể hay một nhân vật, nếu kiểm duyệt cho ra thì phía bị chỉ trích có thể nghĩ rằng bài báo đã được sự đồng ý của ban kiểm duyệt, thế là bao nhiêu búa rìu sẵn sàng dồ lên đầu kiểm duyệt viên. Ngược lại, nếu thẳng tay gạch bỏ tất cả thì người kiểm duyệt lại bị phê bình là cảnh sát gác nhà cho thiên hạ.

c. Khó khăn lớn nhất đối với kiểm duyệt viên vẫn là sự giải thích và áp dụng các tiêu chuẩn báo chí thường chỉ trích rằng các tiêu chuẩn kiểm duyệt quá mơ hồ. Điều này không thể trách cứ cơ quan kiểm duyệt và cũng không thể trách cứ cả cơ quan đã đặt ra tiêu chuẩn. Nghĩ cho kỹ thật khó mà có thể quy định rõ ràng các tiêu chuẩn kiểm duyệt. Người ta còn nhớ tại nước Pháp khi tranh luận về tội gây rối loạn an ninh công cộng ghi nơi Điều 27 đạo Luật 1881, các nghị sĩ Pháp đã tốn bao nhiêu nước miếng mà vẫn không định nghĩa nổi cuối cùng đành phó mặc cho tòa án thẩm xét tùy trường hợp. Thế nào là gây rối loạn an ninh công cộng, có cần xảy ra những sự rối loạn ở trên công lộ ? Địa phương có rối loạn phải rộng hẹp bao nhiêu, một khu phố, một thị xã hay chỉ cần rối loạn ở một nhà hàng là đủ. Tại Huế Kỳ, tòa án đã có lần truyền phán : « chỉ cần làm cho tinh thần dân chúng bị kích động cũng đã bị coi là gây rối loạn an ninh công cộng rồi ».

Trên đây nói về tiêu chuẩn an ninh công cộng. Các tiêu chuẩn khác lại còn co dãn mơ hồ hơn nữa. Ví dụ tiêu chuẩn phỉ báng mạ lỵ cá nhân, người ta tự hỏi cá nhân đó phải thuộc từng lớp nào, ở vào cương vị nào, và tới mức độ nào thì các luận điệu phỉ báng mạ lỵ bị coi là quá đáng.

Những khó khăn khác

Ngoài ba khó khăn chính trên đây, người kiểm duyệt còn gặp nhiều trường hợp phức tạp rất dễ gây sự hiểu lầm.

Chẳng hạn kiểm duyệt viên đã có đôi lúc phải kiểm duyệt

cả những lời tuyên bố của những vị cao cấp trong chính phủ và do đó đã từng bị mỉa mai là dám bịt miệng cả cấp lãnh đạo của mình. Thật ra, người kiểm duyệt đâu có «táo gan» như vậy chẳng qua là gặp phải trường hợp mà một vị lãnh đạo chỉ tuyên bố riêng với một tờ báo thì làm sao kiểm duyệt viên biết được là thật hay hư.

Kiểm duyệt viên thường bị chê là ngờ ngẩn. Sở dĩ có lời chê bai này là vì nhiều người không hiểu rõ sự khác nhau giữa kiểm duyệt sách với kiểm duyệt báo.

Mục đích của kiểm duyệt báo là ngăn chặn sự nguy hại ngay tức khắc. Quyết định của kiểm duyệt viên là do hoàn cảnh cụ thể trước mặt. Có những bài báo hoặc tin tức khi bị kiểm duyệt là có lý do, nhưng rồi sau đó một vài ngày, nếu có ai coi lại, không hiểu rõ lý do, có thể xem như ngờ ngẩn. Chẳng hạn trong vụ Việt cộng tấn công vào Thủ đô hồi Tết Mậu thân, giữa lúc tình thế cực kỳ nghiêm trọng một mẫu tin sai có thể đưa tới những hậu quả khôn lường. Lúc đó, kiểm duyệt viên bắt buộc phải gắt gao. Nhưng rồi một vài tuần sau, Việt cộng bị dẹp tan, tình hình ổn định tâm thần dân chúng cũng ổn định. Một vài nghị sĩ đã lục lại các chồng báo cũ, phê bình các đoạn được coi là kiểm duyệt ngờ ngẩn. Nghị cũng tội thay cho người làm công tác kiểm duyệt vậy.

Tóm lại, một quyết định của Ủy ban Kiểm duyệt có liên quan chặt chẽ với hoàn cảnh ngay lúc đó. Một tin ngày hôm nay nguy hại, nhưng ngày mai, có thể trở thành tầm thường. Trái lại, một tin tầm thường như hàng hóa khan hiếm, lại có thể biến thành một tin rất nguy hại trong hoàn cảnh khẩn trương của những ngày mùng 3, 4 Tết vừa qua. Bởi lẽ đó, thật khó mà có thể quy định rõ ràng các trường hợp nào phải kiểm duyệt các trường hợp nào không kiểm duyệt. Tự trung vẫn là vấn đề kinh nghiệm vậy.

Người phóng viên

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Bài này không phải là một bài giảng dạy về nghề làm phóng viên, theo kiểu « muốn thành phóng viên, ta phải làm thế nào? »

Thật ra riêng về đề tài người phóng viên cũng đủ chiếm hết một cuốn sách nhỏ, nếu có công phu tìm kiếm và thời giờ ngồi nghiền cứu, sắp đặt rồi viết cho thực đầy đủ. Bởi vì trong nghề làm báo, công việc của người phóng viên chiếm một phần rất quan trọng.

Tầm quan trọng này cũng dễ hiểu. Một tờ báo cần gì trước hết, nếu không phải là cần có tin tức đầy đủ để cung cấp cho người đọc. Phóng viên là người đem những tin tức đó về cho tòa báo, để cho các nhân viên tòa soạn đưa lên mặt báo, sau khi đã sào nấu hay trình bày lại nếu cần. Phóng viên tức là tai mắt của tờ báo vậy.

Bài này chỉ cốt ghi lại một vài cảm nghĩ, một vài nhận xét, không phải lấy ở trong các sách dạy làm báo của Âu Mỹ, mà rút tỉa ở trong kinh nghiệm bản thân của tác giả, trong thực tế hiện tại, cho hợp với nghề báo lúc này.

Địa vị của người phóng viên

Địa vị của người phóng viên như thế nào trong một tòa báo?

Theo một ký giả Mỹ lão thành đã quá cố, cựu Tổng

thư ký Tòa soạn của một hãng thông tấn thì « một người phóng viên thông minh còn có giá trị hơn một biên tập viên thông minh ».

Sở dĩ có sự nhận xét này là vì thông thường địa vị của người phóng viên kém một biên tập viên trong Tòa soạn. Trước khi lên làm biên tập viên, bạn phải chạy ngoài, lấy tin đem về cho Tòa soạn, tức là bạn phải làm phóng viên. Khi bạn làm phóng viên đã thạo nghề, người phóng viên có thể leo lên một bậc thang, để ngồi ở Tòa soạn làm tin tức là tiếp nhận các bài của phóng viên, đọc lại, sửa «tit» nếu cần, trước khi đưa cho ông Thư ký Tòa soạn.

Vậy mà trên thực tế, người làm báo chạy ngoài đáng giá hơn người ngồi ở Tòa soạn. Bởi vì người phóng viên đến tận nơi nhìn tận mắt sự việc xảy ra rồi ghi chép lại và viết tin. Nếu người phóng viên dở, bỏ sót vài chi tiết thiết yếu, hay quên không đặt một vài câu hỏi, tin tức đem về sẽ mất hẳn giá trị. Lúc đó, người biên tập viên ngồi nhà, dù có thấy thiếu sót, cũng không sao diễn khuyết được. Hoặc nếu cần hỏi lại, biến cố đã qua rồi, dịp may không còn nữa, phóng viên dù có thể trở lại chỗ xảy ra sự kiện, cũng đành chịu.

Người phóng viên cần phải thông minh, mau lẹ, tháo vát, nhẫn nại và nhất là có óc tò mò. Không tò mò không tìm được ra tin, và dù có tìm được ra tin, cũng không tìm được những khía cạnh đặc biệt để làm cho tin hay.

Trong các tòa báo ở các nước tiền tiến, địa vị người phóng viên bình thường kém một biên tập viên, nhưng tiền lương của người phóng viên đôi khi lại trội hơn.

Phóng viên cũng là nấc thang đầu tiên của nghề báo. Mới ra trường hay muốn đeo vào thân «nghề nghiệp báo chí», việc đầu tiên phải là đi săn tin, tức là làm phóng viên... tập sự.

Luật lệ tôn ti của nghề báo là như vậy. Nhưng trong nghề báo của nước ta hiện nay, với mấy chục tờ báo đua nhau xuất hiện như «trăm hoa đua nở», tôn ti trật tự độ hầu như không có.

Một người mới vào nghề có thể nhảy một bước lên làm Tổng Thư ký Tòa soạn hay Chủ bút, nếu là bà con anh em ruột thịt với ông Chủ nhiệm, hoặc là bạn thân hay có cái thế lực gì làm cho ông chủ phải vị nể...

Nếu ông chủ bút tờ báo không biết nghề thì đã có những người khác làm cho ông. Và lại ngay chính ông Chủ nhiệm cũng chẳng cần biết nghề. Ta đã thấy có những ông lái buôn chỉ hôm trước hôm sau đã thành... đại ký giả.

Muốn trở thành phóng viên

Muốn làm phóng viên, trước hết phải có một đôi chân thật chắc. Bởi vì phải chạy suốt ngày xông xáo khắp nơi.

Người phóng viên không cần bảnh trai, nhưng phải có bộ điệu dễ thương, tác phong dễ mến, không gây ác cảm. Bởi vì nghề nghiệp bắt buộc phải giao thiệp cho hấp dẫn, để người ta khỏi tổng cổ ra đường, khi « xông » vào chỗ làm việc của người ta để săn tin.

Người phóng viên cũng phải « trơ » một chút, nghĩa là không rụt rè, nhút nhát, không e lệ thẹn thùng.

Khi tôi xin vào làm phóng viên Việt Tấn Xã mười lăm năm trước đây, cuộc « trắc nghiệm » đầu tiên không phải là trắc nghiệm văn hóa hay trình độ hiểu biết về báo chí, mà là trắc nghiệm cái đức tính « trơ ».

Ông Tổng Giám đốc Việt Tấn Xã hồi đó đem luôn tác giả đi dự một buổi lễ công cộng có đủ mặt bà quan cao cấp, rồi ông ta đứng nhìn xem người phóng viên tập sự có dám xông xáo không.

Nhưng « cái trơ » cũng phải có giới hạn của nó. Ngồ ngáo quá cũng không được, vì ngồ ngáo sinh ra lão xược, đi đến đâu chỉ làm người ta ghét.

Muốn làm phóng viên, cần phải có học vấn căn bản như thế nào ?

Ở Nhật bản, người ta chỉ tuyển phóng viên trong số những người đã tốt nghiệp Đại học. Ở Mỹ, Pháp những phóng viên nổi tiếng nhất cũng là những người có bằng cấp Đại học.

Cái vốn văn hóa lúc nào cũng cần phải đầy đủ vì người phóng viên muốn hành nghề phải có một kiến thức căn bản khá trong mọi lãnh vực.

Phóng viên là những người thuật lại những biến cố cho đa số quần chúng nghe, tự nhiên phải có đủ trình độ hiểu biết những khía cạnh của vấn đề thì mới có thể làm công việc thuật lại đó một cách không sai lầm và dễ hiểu cho quần chúng.

Ở Việt Nam, điều đáng buồn bây giờ là bất cứ ai cũng có thể trở thành phóng viên được. Đi thi trượt, không biết làm nghề gì thì đi làm báo là oai nhất nếu có ông chú bà bác làm chủ báo hay một ông quen lớn nào đó có thể giới thiệu vào Tòa soạn.

Đôi khi có người viết văn không thành câu cũng trở thành phóng viên. Có người viết chữ quốc ngữ còn chưa ngay đã trở thành một phóng viên, chỉ vì quen với các cò bót, có thể mượn những tờ trình xem và chép lại nguyên văn đem về cho tòa báo : đó là người làm tin Cảnh sát.

Công việc viết tin

Công việc của người phóng viên là lấy tin, không những lấy tin mà còn phải viết ra thành tin nữa.

Ở các tòa báo nước ngoài, nhiều khi người ta chỉ cần những yếu tố do phóng viên đem về, rồi có người ngồi viết lại thành tin (rewriteman). Nhưng không phải vì thế mà người phóng viên không cần biết viết thành tin cũng được.

Có những trường hợp vì gấp rút, phóng viên phải gọi dây nói về cho tòa soạn, đề kịp in tin đó ra số báo sắp ấn hành. Trong những trường hợp đó, người phóng viên chỉ phải lấy đủ những yếu tố cần thiết rồi chuyển về tòa soạn là xong.

Tuy nhiên, việc đó cũng không phải dễ và không phải bất cứ ai cũng làm được. Nếu không phải là phóng viên, bạn sẽ không biết yếu tố nào cần, yếu tố nào không cần cho một tin báo chí.

Hơn nữa, cái tài đặc dụng của người phóng viên chính là đi tìm « đánh hơi » thấy tin hay, đào sới tin đó, tìm đến những khía cạnh thích thú nhất, đề moi ra những yếu tố cần thiết cho một tin hay.

Nếu không phải phóng viên lành nghề, làm sao lấy tin, dù chỉ là lấy các yếu tố chớ không cần viết ?

Dù sao, một trong những nhiệm vụ chính yếu của người phóng viên vẫn là viết tin, trình bày tin tức đã thu thập được.

Dĩ nhiên việc viết tin đã có những qui luật nhất định của nó, người phóng viên chỉ việc theo đúng thế mà làm. Song cùng một tin, có thể người phóng viên này viết ra rất hay, rất hấp dẫn, còn người phóng viên kia viết ra lại rất dở, không ai muốn đọc.

Viết tin là cả một nghệ thuật. Không phải viết dài mà hay, mà cũng không phải tìm được những câu văn cầu kỳ bóng bẩy mà thành hấp dẫn.

Nguyên tắc chính trong nghệ thuật viết tin là phải rõ ràng, đơn giản, vắn tắt mà đầy đủ. Câu văn không cần dài mà phải gọn, càng ngắn càng hay và cần nhất phải tránh lộn mộn.

Người đọc tin cần gì ? Cần biết tin đó một cách thật mau lẹ, thật đầy đủ, nhưng không mất thì giờ đọc nhiều hay phải suy nghĩ.

Nhưng người phóng viên không phải chỉ viết tin ngắn mà nhiều khi còn phải tường thuật, phỏng vấn, viết phóng sự vùn vùn. Chính trong các lãnh vực này người phóng viên mới thấy khó khăn, nhưng cũng là những lãnh vực làm cho tài nghệ người phóng viên phát triển, bộc lộ.

Tường thuật một buổi lễ, một biến cố, hay viết phóng sự về một sự kiện nào đó là những công việc dành cho những phóng viên đã thạo nghề, lâu năm, nhiều kinh nghiệm.

Nghệ thuật tường thuật

Tường thuật không phải là ghi chép lại từ đầu đến cuối các chi tiết của sự việc đã xảy ra. Một bài báo khác với một tờ biên bản chính là ở chỗ này.

Người phóng viên phải có tài tóm tắt nhưng không làm mất ý nghĩa chính của sự việc. Anh ta lại phải biết chọn những sự kiện nổi bật nhất để đưa ra, đập vào sự chú ý của người đọc và bỏ hẳn những chi tiết rườm rà vô ích. Đôi khi cũng có những chi tiết thật tỉ mỉ cần phải thuật lại, nhưng đó là những chi tiết có tác dụng đặc biệt, cốt để làm nổi bật sự việc muốn mô tả.

Một bài tường thuật cũng như một bức tranh. Sau khi vẽ xong đề tài chính, người họa sĩ có thể thêm thắt một vài chi tiết để làm nổi bật đề tài đó lên. Song không được bôi ra nhiều, đề rút cục, cái chi tiết che lấp mất cái sự kiện chính yếu mà mình muốn mô tả.

Người ta thường nói rằng văn báo khô khan, thực tế và cục cằn. Thật ra, văn báo chí cũng có cái hay, cái uyển chuyển, cái nên thơ của nó, nếu những tay điều luyện biết sử dụng.

Người ta đã thấy trường hợp một vài bài văn báo... thật kiệt tác.

Đó là vụ hôn lễ thái tử Akihito của Nhật bản lấy nàng Michiko cách đây gần mười năm. Lễ cưới thật huy hoàng trọng đại, điểm thêm một màu sắc cổ kính trang nghiêm của nước Nhật thời xưa bởi vì người ta đã làm lễ cưới cho vị Thái tử theo đúng nghi lễ cổ truyền của Nhật bản.

Đối với người dân Nhật ở thời đại này, buổi lễ đó cũng đủ làm cho thấy hay và lạ. Đối với người ngoại quốc, nó còn hay và lạ đến đâu ?

Muốn mô tả buổi lễ cưới đó, có lẽ người ta có thể viết được một cuốn sách.

Vậy mà thông tin viên Pháp của hãng AFP¹ đã mô tả lễ cưới đó trong một bức điện ngắn gởi về cho hãng ở Paris.

Khi AFP đánh lại tin đó bằng viên ký cho tất cả thế giới, người đọc bài tường thuật đó thực sự xúc động vì có cảm tưởng như chính mắt đã nhìn thấy buổi lễ đó.

Nên nhớ một tin điện của thông tấn xã không thể kéo dài hàng trang giấy. Nó chỉ vốn vẹn có vài trăm chữ, bởi vì một chữ gởi bằng điện tin từ Tokyo về Paris không phải ít tiền. Và buổi lễ cưới của Thái tử dù sao cũng chỉ là một lễ cưới, chứ không phải một tin long trời lở đất khiến tầm quan trọng của nó không xứng đáng với sự viết dài.

Song le, thông tin viên AFP đã đạt tới mức độ cao siêu nhất của nghệ thuật tường thuật. Có thể nói mỗi dòng chữ là một áng văn hay. Chỉ một chữ, một danh từ thôi, cũng làm nổi bật vẻ huy hoàng rực rỡ của buổi lễ, khiến người đọc có cảm tưởng như chính mình nhìn thấy. Chỉ một câu văn ngắn và gọn cũng đủ nói lên tất cả cái uy nghi của phong tục lễ nghi cổ điển của Nhật bản.

Nghệ thuật viết tin là như thế đó. Viết dài dàu có phải là hay. Chính viết ngắn, ngắn nhưng đầy đủ và làm nổi bật được đề tài, mới thật là khó. Cũng như một họa sĩ điêu luyện, chỉ cần nguệch ngoạc vài nét là đã làm nổi bật được hình ảnh dẹt dẹt tha thướt của một thiếu nữ đang xuân.

Trường hợp bài báo của hãng UPI² mô tả cái chết của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII cũng là một bài báo làm người đọc nhớ mãi. Chỉ có mười dòng viên ấn, nhưng nó làm người đọc cảm thấy tất cả nỗi buồn thương của hàng vạn tín đồ Công giáo đang đứng ngóng chờ trước Tòa Thánh Vatican.

Văn báo có thể rất hay và còn có thể rất di dõm. Một tin ngộ nghĩnh, tuy thực tâm thương của đời sống hàng ngày

1. Agence France Presse.

2. United Press International.

nhưng vào tay một phóng viên điêu luyện, cũng trở thành một áng văn vui, khiến bất luận ai đọc cũng phải nở một nụ cười thích thú vì lối trình bày hài hước đầy ý nhị của người viết. Đây chính là một trong những khía cạnh của loại tin gọi là « quan tâm » (human interest).

Các loại phóng viên

Phóng viên có bao nhiêu hạng ?

Người Pháp gọi *grand reporter* (đại phóng viên) và *reporter* (phóng viên), bởi vì thật sự nó chỉ có thể chia làm hai hạng.

Phóng viên mới vào nghề, sau thời gian tập sự, làm một loại tin gọi là tin thường thức, hay tin cảnh sát. Tiếng nhà nghề gọi là tin « chó chết ».

Những tin này có tầm quan trọng thứ yếu, chẳng hạn tai nạn, ăn trộm, cháy nhà, ẩu đả, các vụ án thường. Trên báo chí Việt Nam, người ta hay đặt tin này dưới các mục Tin Đô thành hay tin các tỉnh.

Trong thời buổi chiến tranh hiện nay, phóng viên « thường » còn có thể lấy tin chiến sự, hoặc dùng các thông cáo của cơ quan chính quyền viết lại thành tin.

Công việc chính của người phóng viên này là săn tin, tìm ra tin. Bởi thế anh ta phải đi suốt ngày, tìm đến những các nguồn có thể đem lại tin, như các quận Cảnh sát, « hà thương, tòa án, Tòa Đô chánh, vân vân.

Tuy nhiên, không phải mỗi ngày người phóng viên chỉ việc đi một « tua » như vậy là xong. Muốn cạnh tranh với các đồng nghiệp, anh ta phải có sáng kiến tìm đến tận nơi sự việc xảy ra, đề hỏi lại các nhân chứng, điều tra thêm về nguyên nhân sự việc. Sau đó anh mới về tòa báo viết thành tin.

Đôi khi, từ những nguồn tin « chó chết » đó mà nảy ra những tin thực giết gân, hấp dẫn độc giả. Những trường hợp vớ được món bở như vậy là những cơ hội để người phóng viên mới ra lò tạo thành tên tuổi của mình vậy.

Còn loại phóng viên «đại» làm gì ?

Báo chí ở nước ta thường gọi loại phóng viên này là phái viên, hay đặc phái viên.

Trên thực tế, các danh từ này dùng hỗn độn. Có những anh phóng viên chưa biết viết một tin chó chết, đã tự ký là «đặc phái viên» chỉ vì anh ta đã viết được một bài hơi dài cho nên tự cho là đã có thể lên chức được rồi.

Đại phóng viên hay phái viên là những kỹ giả có kinh nghiệm, lâu năm trong nghề. Thường thường, những loại phóng viên này lại có khi nổi tiếng hơn cả ông Chủ bút hay ông Tổng thư ký Tòa soạn và có nhiều trường hợp giỏi hơn những vị này trên phương diện nghề nghiệp.

Phái viên phụ trách tất cả những loại tin hay vấn đề nào đang gây sôi nổi nhất trong thời sự, hoặc những biến cố quan trọng nhất về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế hay xã hội.

Tại các nước tiên tiến, phái viên của một tờ báo hay thông tấn lớn có phạm vi hoạt động quốc tế. Nghĩa là anh ta lúc nào cũng sẵn sàng, chỉ chờ có một biến cố sôi nổi nào xảy ra ở bất cứ đâu, trong nước cũng như ngoài nước, là xách va li và máy chữ, nhảy lên xe lửa, hay phi cơ, tới thẳng nơi xảy ra sự việc để thu thập tin tức, điều tra rồi gửi bài về cho tòa soạn bằng điện tín.

Đây là một loại «thợ săn» thứ dữ, bất luận chỗ nào anh ta cũng vào lốt và bất luận nhân vật nào anh ta cũng có thể đến gặp được.

Tài cao, địa vị cao, trách nhiệm cũng lớn. Phái viên phải mau lẹ, không được nhầm lẫn và phải có tác phong đứng đắn trong khi thi hành nhiệm vụ.

Làm báo là tranh thủ thời gian vì thế phái viên phải đến mau để lấy tin, phải viết mau, hành văn cho gọn. Viết mau cho kịp thời gian, hành văn cho gọn để khỏi phải sửa chữa mất thời giờ. Các bài viết phải súc tích, không viết thừa đề tòa soạn khỏi mất công bôi bỏ, nhất là không được nhầm, vì nhầm trong các loại tin quan trọng là cả một sự tai hại.

Tại Việt Nam, phóng viên và phái viên hầu như lẫn lộn. Trừ những phóng viên chuyên về loại tin « phúc trình của cảnh sát », còn hầu hết các phóng viên đều làm công việc như nhau. Đôi khi thiếu người, người ta vơ vét tất cả đủ mọi hạng người có thể cung cấp tin tức. Thí dụ một ông công chức nào đó tình cờ dự một buổi họp, cũng trở thành phóng viên tường thuật buổi họp đó, rồi viết thành tin đăng báo.

Dù sao phóng viên vẫn là phần tử nòng cốt của báo chí. Một nền báo chí muốn phát triển tiến bộ, phải bắt đầu bằng cách đào luyện phóng viên theo đúng ý nghĩa thực sự của nó, và loại bớt những phóng viên bất đắc dĩ hay phóng viên ngẫu nhiên để tạo thành một lớp phóng viên thực sự nhà nghề.

Không có huấn luyện căn bản về báo chí, một ký giả dù lâu năm hành nghề vẫn chỉ là một ký giả tài tử.

Báo chí Việt Nam chỉ có thể lớn mạnh nếu chúng ta biết bắt đầu từ việc huấn luyện phóng viên nhà nghề mà bỏ hẳn tập quán «nhảy dù» thành «ông kẹ» trong các Tòa soạn.

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Sơn Diền Nguyễn Viết Khánh là một ký giả chuyên nghiệp, viết bình luận thời cuộc cho các báo Dân Chủ Mới, Thần Chung trước kia và Trắng Đen, Sống Mới hiện nay. Ngoài ra, ông còn dịch một số tiểu thuyết võ hiệp Trung Hoa. Sơn Diền làm việc cho Việt Tân Xã từ 1951 và hiện là Tổng Thư ký Tòa soạn của cơ quan này.

Vai trò của quảng cáo

PIERRE DENOYER

Bản dịch của HÙNG PHONG

Tất cả các xí nghiệp kỹ nghệ và thương mại thường ấn định giá bán cao hơn giá vốn vì không có cách nào khác để kiếm lời. Trái lại, các cơ sở kinh doanh báo chí cố ý bán lỗ vốn hoặc trong mọi trường hợp không trông cậy vào việc bán báo để kiếm lời.

Một tờ báo ngày nay thường bán cho công chúng với giá rẻ hơn phí tổn sản xuất. Cách đây hơn một thế kỷ, Émile de Girardin đã đề xướng quan niệm cách mạng của ông là các báo sẽ nhờ quảng cáo để bù đắp những thiếu hụt trong việc khai thác và đảm bảo số lời. Trước Girardin, các báo ở Anh quốc cũng đã đăng những cáo bạch lấy tiền và nguồn lợi tức này không phải không đáng kể. Tuy nhiên, Girardin là người đầu tiên ấn định giá mua dài hạn thấp để tăng số báo bán ra và bù đắp sự hao hụt bằng tiền đăng quảng cáo. Các báo Pháp thời ấy lúc đầu không tin vào thuyết của Girardin và cho đó là một điều xấu hổ. Nhưng Girardin đã nhìn đúng: trong vòng sáu tháng, tờ *La Presse* của ông được mười ngàn người mua dài hạn trong khi những tờ báo kỳ cựu có căn bản vững chắc nhất không được tới phân nửa số độc giả loại này. Và Dutac, người được Girardin thách lộ riêng sáng kiến nói trên, đã ra

ngay một tờ báo khác tên là *Le Siècle*, áp dụng đúng phương pháp của Girardin để cạnh tranh với *La Presse* và đã thành công, chứng minh cho giá trị của thuyết mới.

Sự tiến bộ vượt bậc của hai tờ báo « ly khai » đó đã góp phần rất lớn trong việc chuyển hướng báo chí đến chỗ khai thác ngành Quảng cáo.

Nếu quả quyết rằng đa số những nhà xuất bản đương thời quan tâm nhiều nhất đến sự thành công của ngành quảng cáo thì có vẻ quá đáng nhưng kẻ nào không coi việc giữ vững số thâu về quảng cáo là một vấn đề sinh tử thì sẽ ít hy vọng thành công. Chỗ dành cho quảng cáo trên tất cả các ấn loát phẩm luôn luôn rộng lớn hơn. Trung bình, phần quảng cáo chiếm hết nửa số trang của các báo Hoa Kỳ. Những tờ báo tham lam nhất thường dành tới 75% các cột báo cho quảng cáo.

Phó sản cần thiết

Sự tồn tại của báo chí trên khắp thế giới hiện nay dựa vào việc bán với giá cao những chỗ đăng quảng cáo trên các nhật báo và tạp chí. Đúng hơn, ta nên nói là thuê mướn vì người mướn đăng quảng cáo được tùy ý sắp đặt những bài hoặc những hình vẽ trên khoảng trắng của tờ báo mà tòa báo dành cho họ để đăng một hoặc nhiều lần.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là giá trị của một bài quảng cáo không phải chỉ tùy thuộc ở kích thước của cột báo. Hiệu năng cũng không liên quan đến nội dung — dù là bản văn hay hình vẽ — của khuôn quảng cáo. Thật ra thì nội dung không hẳn là không quan trọng. Nhưng nếu ta phân tích kỹ lưỡng hơn cái cơ cấu kỳ lạ của ngành quảng cáo, ta sẽ nhận thấy hiệu năng của một khuôn quảng cáo và do đó giá trị tiền bạc của nó tùy thuộc ở chỗ dễ thấy và ở mãi lực của độc giả.

Kích thước lớn hay nhỏ chỉ là một yếu tố trong sự dễ trông thấy của khuôn quảng cáo ; vị trí khuôn quảng cáo lại là một yếu tố khác không kém phần quan trọng. Giá biểu mỗi dòng trong mỗi trang báo khác nhau vì một số trang được người ta đọc nhiều hơn những trang khác. Và vị trí gần một bài báo là chỗ ưu thế vì có nhiều hy vọng được đọc giả để mắt đến hơn.

Rút cục, người ta có thể nói một cách hữu lý rằng báo chí bán sự chú ý của độc giả cho các người đăng quảng cáo. Nếu nghiên cứu hiệu năng quảng cáo của hai tờ báo có những độc giả thuộc thành phần xã hội giống nhau và cùng ở trong một vùng nào đó, người ta sẽ thấy tờ nào mà độc giả chỉ liếc qua một cách lơ đãng rồi bỏ ngay xuống sau khi đọc xong cái « tit » giật gân khiến họ mua báo thì hiệu năng của nó kém hơn tờ báo có những độc giả trung thành đọc xuất từ đầu chí cuối vì họ tìm thấy thường xuyên trong tờ báo này những tin tức bài vở liên quan đến chính họ, gia đình họ hay những người trong giới họ, vãn vãn.

Thế nhưng đối với một người đăng quảng cáo, sự chú ý của độc giả chỉ đáng kể nếu những độc giả đó là người mua báo ngẫu nhiên. Quảng cáo của một nhà chế tạo xe hơi hay một nhà kim hoàn không có nghĩa gì trước mắt hàng ngàn độc giả « yếu kém về phương diện kinh tế ». Mũi lực của độc giả là một yếu tố quyết định. Đã từ lâu ở các nước châu Âu, người ta cho rằng những báo được giới trưởng giả đọc là những báo có hiệu năng quảng cáo cao nhất. Song le, của cải của giới trưởng giả đã bị tiêu hao và ngày nay chỉ có mũi lực của quần chúng mới là đáng kể.

Số lượng phát hành và hiệu năng

Không phải vì tính khoe khoang thuần túy hay vì lòng ham lập kỷ lục mà nhiều báo thường khoe rằng đã phát hành nhiều số nhất vào buổi sáng, buổi chiều, trong thành phố, trong vùng,

trong nước... Địa vị số 1 trong lãnh vực này là một thể đứng tón tiề. Từ đó, nảy sinh ra những sự cạnh tranh gay cấn không lường được. Các báo không tranh giành nhau lắm trên phương diện phẩm chất. Có báo nào dám tự hào là xác thực nhất, viết hay nhất ? Có báo nào khoe mình đầy đủ nhất, thạo tin nhất ? Nhưng tất cả đều tìm cách để được coi là có nhiều độc giả nhất ; những lời khoe khoang của họ về phương diện này đôi khi rất kỳ cục. Tài liệu chính thức về số phát hành cho thấy số báo bán ra. Nhưng làm sao mà chứng minh được mỗi số báo có bao nhiêu người đọc ? Tờ báo nào, nếu tự cho là phát hành nhiều nhất và tự nhận một cách quá dễ dàng sự nói dối của mình, sẽ quả quyết rằng « mình được nhiều người đọc nhất » trong vùng. Lời « nói dóc » đó không những có mục đích gây tác động tâm lý trong đám quần chúng « cả nghe » mà còn nhằm ảnh hưởng tới sự lựa chọn của những người đăng quảng cáo kèm am tường.

Những người bỏ tiền làm quảng cáo thích những tờ báo phát hành nhiều số vì những lý do xác đáng. Tiếp xúc với một triệu người qua sự trung gian của một tờ báo thì giản dị và tiết kiệm hơn là phải nhờ đến mười tờ mà tổng số phát hành cũng chỉ tương đương với số phát hành của tờ kẻ trên. Một đảng, phải thương lượng với mười người về thời hạn và chỗ đăng quảng cáo trên mặt báo, về giá tối thiểu, về khoản được trừ khi trả tiền trước vãn vãn, phải làm mười bản kẽm, kiểm soát mười lần ; còn đảng này, chỉ phải làm có một lần những công việc đó đối với một tờ báo lớn. Nếu được ủy thác công việc như thế, chắc chắn người trung gian cũng như người làm quảng cáo sẽ lựa chọn tờ báo lớn vì thấy đảng nào cũng thế.

Cuộc chạy đua kiếm độc giả chỉ là một khía cạnh của sự cạnh tranh giữa các báo. Sự tranh giành cũng diễn ra một cách sừng sững như trong việc tìm kiếm những người đăng quảng cáo. Khi thì các báo kinh chống nhau kịch liệt, khi thì thỏa hiệp với nhau để hạ một kẻ địch chung.

Về phương diện này, nước Pháp đã trải qua một tình trạng lạ kỳ. Năm tờ báo thông tin lớn là *Le Petit Parisien*, *Le Journal*,

Le Matin, *Le Petit Journal*, *l'Echo de Paris* đã vượt hẳn tất cả các báo khác xuất bản ở Paris về số lượng phát hành. Giữa các báo Pháp, đã diễn ra một « cuộc chiến tranh ngầm ngầm ». Để có nhiều hợp đồng đăng quảng cáo, năm tờ báo lớn kể trên đã thỏa thuận ngầm với nhau giảm giá quảng cáo xuống dưới giá biểu chính thức.

Trong trận Thế chiến 1914 - 1918, ông Léon Rénier, quản lý hãng thông tấn *Havas*, đã chấm dứt cuộc cạnh tranh tai hại này bằng cách tổ chức một « tổ hợp ». Năm tờ báo lớn nói trên chấp thuận để cho hãng *Havas* là hãng vẫn cung cấp tin tức cho cả năm báo xử dụng một phần quan trọng của mục quảng cáo với điều kiện là giới thiệu cả nhóm với các khách hàng và đề nghị một hợp đồng quảng cáo theo đó khách hàng trả cho « tổ hợp » một giá thuê khoán để đăng quảng cáo cùng một lúc trên cả năm tờ báo. Phần lời của mỗi báo trong « tổ hợp » sẽ tính theo tỷ lệ số phát hành của báo ấy. Đối với mỗi hợp đồng riêng rẽ, tổ hợp sẽ trích một số phần trăm nào đó để bỏ vào quỹ chung.

Để khỏi bị chỉ trích là cố ý thủ tiêu các báo chính trị bằng cách giành độc quyền đăng quảng cáo cho những báo lớn, hãng *Havas* đã trù liệu rằng khách hàng ký hợp đồng với năm tờ báo lớn có thể đăng quảng cáo thêm ở một tờ thứ sáu trong những điều kiện thuận lợi. Năm tờ báo lớn đã chấp nhận mười tờ báo chính trị có thể làm tờ báo thứ sáu trong hợp đồng mà tổ hợp ký với các khách hàng. Giá đăng quảng cáo trong tờ thứ sáu này được ấn định khá thấp khả dĩ hấp dẫn những người đăng quảng cáo. Hơn nữa, nếu cần, tổ hợp có thể ấn định giá này rất rẻ gần như cho không đối với khách hàng nào ký một hợp đồng lớn. Tờ báo thứ sáu sẽ được trả tiền quảng cáo theo giá biểu của mình. Quỹ chung của tổ hợp sẽ bù thêm vào số tiền mà người đăng quảng cáo trả cho báo này.

Cái lợi chính của sự thỏa hiệp ấy đối với năm tờ báo lớn là bảo vệ cho tổ hợp bằng cách cản đường trước chống lại sự có thể xâm nhập của một địch thủ tương lai. Đó là bối cảnh của một tình trạng khiến cho hãng *Havas* và tổ hợp của năm

tờ báo lớn bị tổ cáo là những tờ chức đại phong kiến của làng báo Pháp.

Trong giới tư sản cũng như trong đám quần chúng vô sản, thường thường người đàn bà giữ túi tiền chi tiêu trong gia đình. Bất kể thức ăn quần áo, đồ dùng trong nhà hay những món giải trí, người đàn bà quyết định việc sử dụng một phần quan trọng của ngân sách gia đình. Nhiều nhà quảng cáo tìm cách thức lôi cuốn khách hàng phụ nữ. Họ nói người đàn ông kiếm tiền nhưng người đàn bà tiêu tiền. Bởi vậy, các báo ngày nay cố gắng lôi cuốn các độc giả nữ giới. Sự biểu lộ ý muốn chiều đàn bà đầu tiên có tính cách vụ lợi của họ là dành một trang phụ nữ nói về thời trang bếp núc và cách săn sóc con cái. nỗ lực « ngày thơ » này không phải bao giờ cũng thành công. Các bà đã có đủ những mẫu đàn đẹp hơn trong các tạp chí của những giám đốc nhật báo chịu khó. Tuy nhiên, những giám đốc nhật báo chịu khó nghiên cứu về tâm lý phụ nữ một chút sẽ luôn luôn được đền bù xứng đáng. Họ sẽ được thấy nhiều vợ con của các độc giả thường xuyên của họ đọc báo họ nếu họ biết nhắc nhở tất cả các biên tập viên phải tâm niệm rằng viết cho nữ giới cũng quan trọng như nam giới và cần phải chú ý đến những sở thích và trình độ của nữ độc giả cũng như của nam độc giả khi viết về những vấn đề linh tinh, về điện ảnh, về thể sự hay về chính trị.

Các ông mang báo về nhà cho các bà xem hoặc chính các bà tự mua lấy và đọc những dòng quảng cáo một cách tò mò và chăm chú hơn các ông.

Ở Hoa Kỳ, giới phụ nữ rất thích đọc quảng cáo của những tiệm buôn lớn. Trong một thành phố ở miền Trung Tây, một chủ báo tận lực cố gắng phục hồi một tờ báo buổi chiều đã lâm vào tình trạng nguy ngập. Tờ báo lấy lại được số độc giả nhưng không có quảng cáo. Số là các nhà đăng quảng cáo chính trong thành phố đã thỏa hiệp với nhau và quyết định không ưu đãi tờ báo nào để khỏi phân tán nỗ lực của họ. Họ nói rằng tốt hơn là để cho tờ báo này chết đi thì độc giả sẽ tìm đọc tờ báo buổi chiều khác mà theo họ đủ sức đóng vai trò phương tiện quảng cáo. Đối với những người cổ động đến nài nỉ họ

các nhà đăng quảng cáo khẳng khái trả lời rằng : « các ông không có độc giả phụ nữ ». Thật ra thì giới phụ nữ đã ưa thích tờ báo dịch thù của tờ báo này hơn, vì một lý do : họ được đọc quảng cáo của những cửa hàng lớn, những quảng cáo này hướng dẫn họ trong việc mua bán (những cửa hàng lớn Hoa Kỳ luôn luôn có những gian bán thực phẩm với giá hấp dẫn). Vì những cửa hàng lớn trong thành phố nhất mực từ chối không đăng quảng cáo, rút cục, tờ báo phải đóng cửa.

Quảng cáo địa phương và quảng cáo toàn quốc

Vấn đề lựa chọn phương tiện quảng cáo thích hợp không phải lúc nào cũng giống nhau đối với tất cả những nhà đăng quảng cáo cần phải phân biệt quảng cáo toàn quốc với quảng cáo địa phương hay quảng cáo từng vùng.

Quảng cáo toàn quốc là quảng cáo dành cho những món hàng bán khắp trong nước. Những món hàng này có tính cách đồng nhất và khách hàng có thể mua được với cùng một giá ở khắp mọi nơi : như một kiểu xe hơi, một nhãn hiệu « sô cô la », những lưỡi dao cạo. Quảng cáo địa phương hay từng vùng nhằm vào một vài thứ mà người ta chỉ có thể kiếm được ở một nơi nhất định có giới hạn về phương diện địa dư. Đó là trường hợp quảng cáo cho một hiệu ăn, một rạp hát, một cửa hàng.

Không phải một loại cơ cấu có thể cùng thích hợp cho hai loại quảng cáo. Các nhà quảng cáo sản phẩm toàn quốc bán những số lượng lớn, tìm kiếm những tờ báo phát hành nhiều. Trái lại, những nhà quảng cáo sản phẩm địa phương hay từng vùng không cần đến số độc giả ở quá xa và không bao giờ có thể là khách hàng của họ, sẽ sử dụng những tờ báo địa phương hay trong vùng mà đa số độc giả có thể trở thành khách hàng của họ.

Ở Hoa Kỳ, những tạp chí bình dân lớn là những phương tiện được các nhà quảng cáo sản phẩm toàn quốc đặc biệt ưa chuộng. Đúng ra, các nhật báo cũng đăng một số khá quảng

cáo toàn quốc nhưng phần lớn lợi tức về quảng cáo của họ do quảng cáo địa phương hay từng vùng mang lại.

Ở Anh quốc một phần lớn số lượng quảng cáo được dành cho các sản phẩm bán trên toàn quốc. Những nhà quảng cáo sản phẩm toàn quốc sẵn sàng đăng quảng cáo trên các báo xuất bản tại London ; các nhật báo này, với số phát hành lớn, khoảng từ một đến ba triệu số, được bán khắp trong nước. Những nhà quảng cáo sản phẩm địa phương ưu đãi các báo xuất bản địa phương hay các báo buổi chiều ở London. Những « tay tổ » của các báo xuất bản buổi sáng (như các tờ *Daily Mail*, *Daily Mail Express* v.v.) sống nhờ vào các nhà quảng cáo sản phẩm toàn quốc. Chính số lượng quảng cáo toàn quốc dồi dào này đã làm cho đa số báo có thể đóng vai trò các báo phát hành toàn quốc nếu không có thì có lẽ không đứng vững nổi.

Trái hẳn với tình trạng ở Anh, các nhật báo lớn tại Hoa kỳ đều là những báo phát hành từng vùng. Chỉ vài ba tờ như *New York Times*, *New York Herald Tribune*, *Christian Science Monitor* có những độc giả rải rác trên khắp lãnh thổ và số độc giả này cũng chỉ là một số nhỏ. Tất cả những báo khác chỉ bán được trong phạm vi một vùng đường bán kính độ chừng một trăm cây số.

Diện tích rộng lớn của lục địa Hoa kỳ không đủ để giải thích tình trạng của sự chia khu đó. Về phương diện này, khoảng cách giữa New York và Philadelphia có thể sánh với khoảng cách giữa Liverpool và London. Nhưng các nhà quảng cáo sản phẩm địa phương không muốn trả cho các báo xuất bản ở New York phần báo được bán ở khu vực ngoài thành phố này. Giả thử một tờ báo ở New York phát hành bốn trăm ngàn số, có thể bán được năm mươi ngàn số ở thành phố Philadelphia và bốn mươi ngàn số ở Baltimore nhờ một cuộc vận động thích đáng. Các nhà đăng quảng cáo ở báo đó sẽ nói thế này : Chúng tôi sẵn sàng ký những hợp đồng với các ông về quảng cáo trên ba trăm ngàn số báo hữu ích, nhưng chúng tôi không thấy lợi ích gì về một trăm ngàn số bán ở Philadelphia và ở Baltimore vì ít có hy vọng các độc giả ở hai thành

phổ ấy trở thành khách hàng của chúng tôi. Như vậy các tờ báo này không có lợi gì để bành trướng việc bán báo ra ngoài khu vực buôn bán của các nhà quảng cáo ở New York vì tính kỹ ra những số báo bán được ở ngoài khu vực New York sẽ vẫn bị lỗ vốn.

Tóm lại, trong khi ở Anh quốc, các nhà quảng cáo toàn quốc tạo sắc thái riêng cho các báo lớn ở London, thì tại Hoa kỳ các nhà quảng cáo địa phương tạo sắc thái riêng cho các nhật báo. Trong quốc gia tương đối mới này ngành quảng cáo phát triển mạnh, cần thiết và hiệu quả đến nỗi có thể nói là tất cả các hàng bán lẻ thấy cần phải quảng cáo; do đó, quảng cáo địa phương chiếm ưu thế. Ở nước Anh nền nếp hơn, các xí nghiệp lớn được kỹ nghệ hóa và sản xuất hàng loạt, cung cấp cho báo chí một số lượng quảng cáo đáng kể so với số quảng cáo của các xí nghiệp nhỏ ở các địa phương. Ít ra trong làng báo ở London, ảnh hưởng của các nhà quảng cáo toàn quốc vượt hẳn ảnh hưởng của các nhà quảng cáo địa phương.

Sự tương phản giữa hai loại quảng cáo toàn quốc và quảng cáo địa phương không rõ rệt lắm ở Pháp cũng như tại đa số các nước khác. Nhưng các cuộc kinh doanh càng phát triển và càng được tối tân hóa thì các nhà quảng cáo càng có chung quan niệm là chỉ trả tiền quảng cáo đối với phần báo phát hành hữu ích. Các báo cố tìm cách thỏa mãn cả hai loại quảng cáo bằng cách phát hành nhiều ấn bản khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay khắp nơi đều có khuynh hướng phân biệt những báo đề quảng cáo toàn quốc và những báo đề quảng cáo địa phương.

Phạm vi thế lực của quảng cáo đối với báo chí được xác định một cách rõ rệt. Các nhà quảng cáo rất thành công trong việc chi phối chính sách bán hay phát hành của vài tờ báo tại những nước mà ngành quảng cáo được phát triển, có tổ chức, được nghiên cứu và ấn định giá biểu một cách qui củ. Tuy nhiên, không phải vì họ đã bù đắp cho sự thiếu hụt đôi khi khá lớn của việc khai thác các báo mà họ có ảnh hưởng đối với đường lối chính trị của những báo ấy. Một tờ báo lớn ở Hoa kỳ, tờ *Chicago Tribune*, có hãng buôn lớn

Marshall Field là khách đăng quảng cáo chính, mua trọn nhiều trang của báo này để đăng quảng cáo. Chủ báo *Chicago Tribune* là đại tá Mac Cormick đã nói với chúng tôi như sau : « Tôi không thể chịu được nếu ông Marshall Field hay một người nào trong hãng của ông tìm cách chi phối đường lối chính trị của báo tôi. Nếu cuộc tranh chấp xảy ra giữa chúng tôi về vấn đề này thì việc mất quảng cáo của hãng ấy đối với tôi không quan trọng mấy : số tiền quảng cáo của hãng Marshall Field chỉ là 2% dịch vụ của tôi mà thôi. Đối với tôi, đó là một dịp để tố cáo những tệ đoan chi phối báo chí ». Lời xác nhận hùng hồn của tờ *Chicago Tribune* có thể có giá trị muôn ngàn lần hơn so với việc mất một khách đăng quảng cáo dù rằng người này đăng quảng cáo nhiều nhất.

Có lẽ chỉ ở những nước mà ngành quảng cáo chưa tiến bộ mấy và việc đăng quảng cáo còn bị lựa chọn một cách mù mờ vì thiếu những điều chỉ dẫn chắc chắn về hiệu năng thì những người đăng quảng cáo đôi khi mới có khuynh hướng gây ảnh hưởng ngầm ngấm đối với đường lối chính trị của các báo.

Người ta bảo rằng báo chí lệ thuộc vào quảng cáo, nghĩa là sống bằng những trợ cấp của những kinh doanh lớn nên phải thiên về chủ nghĩa tư bản vì nhu cầu sống còn của mình. Quan niệm hời hợt này bị những sự kiện thực tế phủ nhận : những tờ báo xã hội và cộng sản, ở Đức cũng như ở Pháp, đã đăng trên báo của họ đủ loại quảng cáo không phân biệt nguồn gốc và không vì thế mà không giữ vững chính sách chống tư bản. Ngay cả trên các báo xuất bản ở Nga Xô cũng vậy; hiện nay, người ta có thể đọc thấy những khuôn quảng cáo lớn cho các tổ hợp các hãng bảo hiểm cũng như cho các món hàng như máy hút bụi, tủ lạnh hoặc đồng hồ đeo tay.

Vậy quan niệm rằng quảng cáo là một trở ngại cho nền độc lập của báo chí là sai lầm. Ngày nay, quảng cáo không những giữ vai trò cần thiết mà hơn thế nữa sự phát triển của ngành này có thể là một bảo đảm cho sự thịnh vượng, tinh cách độc lập và uy tín của báo chí.

Vài giải thưởng báo chí ở Hoa Kỳ

Trong lĩnh vực báo chí, Hoa Kỳ có rất nhiều giải thưởng nhằm khuyến khích cải tiến nghề nghiệp trong các bộ môn. Các ký giả ngoại quốc cũng có thể tham dự một số giải. Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu vài giải quan trọng.

Giải Pulitzer

Thề theo di chúc năm 1911 của ký giả lão thành Joseph Pulitzer¹ muốn dùng một phần tài sản của ông để cải tiến nghề làm báo, trường Đại học Columbia đã mở lớp Báo chí và thiết lập từ năm 1917 những giải thưởng văn chương, báo chí lấy tên là giải Pulitzer.

Dưới đây là thề lệ tổ chức Giải Báo chí Pulitzer :

1. Joseph Pulitzer (1847-1911), người gốc Hung gia lợi, di cư sang Hoa kỳ năm 1861, làm báo ở thành phố Saint Louis, tiểu bang Missouri. Năm 1878, ông làm chủ nhật báo *St. Louis Post Dispatch*. Năm 1883, ông mua thêm nhật báo *New York World* và năm 1887 nhật báo *New York Evening Post*.

Khi từ trần ông để lại chúc thư dành một phần tài sản lập giải thưởng văn chương, báo chí do Trường Đại học Columbia quản trị và tổ chức hàng năm.

Đến nay, con cháu ông vẫn quản trị tờ *St. Louis Post Dispatch*, một tờ báo có địa vị vững chắc ở Hoa kỳ với số phát hành khoảng 400.000 và thu vào mỗi tháng tới hai triệu Mỹ kim.

Chính tờ *St. Louis Post Dispatch* cũng đã mấy lần đoạt giải Pulitzer, tạo một thành tích vẻ vang.

1. Trường Đại học Columbia chỉ định cho mỗi loại giải thưởng một ban giám khảo. Ban Giám khảo này chấm các bài dự thi rồi đề nghị lên Hội đồng Cố vấn giải thưởng tác phẩm xứng đáng nhất. Hội đồng Cố vấn có quyền chấp nhận hay bác bỏ đề nghị của Ban Giám khảo. Sau khi chấp nhận đề nghị của Ban Giám khảo, Hội đồng Cố vấn sẽ trình kết quả lên Ban Quản trị Đại học đường Columbia để Ban này quyết định.

2. Muốn dự thi phải gửi đơn đến Thư ký Hội đồng Cố vấn giải Pulitzer, Cao ốc 518, Đại học đường Columbia, thành phố New York, Hoa kỳ.

Hạn chót nộp đơn là ngày mùng Một tháng Hai mỗi năm và phải gửi kèm bản sao tác phẩm dự thi đã thực hiện được trong mười hai tháng trước cùng với tiêu sử và ảnh của ứng viên.

3. Hội đồng Cố vấn họp mỗi năm một lần vào tháng Tư tại Đại học đường Columbia và lễ phát giải thưởng được tổ chức vào khoảng tháng Tư hay tháng Năm.

4. Riêng trong địa hạt báo chí, hàng năm có tám giải sau đây :

- a. Giải huy chương vàng cho báo chí Hoa kỳ hàng ngày hay hàng tuần có thành tích phục vụ đại chúng đặc sắc nhất.
- b. Giải 1.000 Mỹ kim cho báo chí Hoa kỳ hàng ngày hay hàng tuần có thiên phóng sự địa phương hay nhất, không bị ràng buộc bởi thời gian đăng tải.
- c. Giải 1.000 Mỹ kim cho báo chí Hoa kỳ hàng ngày hay hàng tuần có thiên phóng sự địa phương hay nhất, bị ràng buộc bởi thời gian đăng tải.
- d. Giải 1.000 Mỹ kim cho nhật báo hay tuần báo Hoa kỳ xuất bản trong năm có bài phóng sự hay nhất về vấn đề quốc nội.
- e. Giải 1.000 Mỹ kim cho báo chí Hoa kỳ, kể cả những phóng viên ở Liên hiệp Quốc, có bài phóng sự hay nhất về vấn đề quốc tế.

- g. Giải 1.000 Mỹ kim cho bài bình luận đăng trên báo chí hàng ngày hay hàng tuần ở Hoa kỳ được viết với lối văn sáng sủa, có ý hướng đạo đức, nghị luận danh thép và gây ảnh hưởng tốt đối với công luận.
- h. Giải 1.000 Mỹ kim cho bức hí họa đặc sắc nhất trên báo Hoa kỳ.
- i. Giải 1.000 Mỹ kim cho hình ảnh về tin tức đặc sắc nhất trên nhật báo Hoa kỳ. Giải này cũng mở cho tất cả nhiếp ảnh viên tài tử hay nhà nghề cộng tác thường xuyên với các cơ quan ngôn luận, thông tấn hay Hiệp hội Báo chí Hoa kỳ.

Ngoài ra, trường đại học Columbia còn tặng một số học bổng mệnh danh là « Học bổng tương trợ », gồm có :

— Ba học bổng, mỗi học bổng 2.000 Mỹ kim, tặng cho sinh viên tốt nghiệp các trường báo chí trúng tuyển một kỳ thi do Hội đồng Giáo sư Báo chí học tổ chức đề di ngoại quốc trong một năm nghiên cứu về xã hội, chính trị, đạo đức tại một quốc gia cùng tính chất và những nguyên tắc nghề nghiệp thuộc ngành báo chí nước ngoài.

— Một học bổng 1.500 Mỹ kim mỗi năm cho một sinh viên Hoa kỳ ưu tú nhất đề học ngành phê bình nghệ thuật hoặc một bộ môn văn hóa khác.

Giải thưởng của Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại Hoa kỳ

Hàng năm, Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại Hoa kỳ, trụ sở ở 54 West 40th Street, New York 18, N.Y., tặng nhiều giải thưởng cho các ký giả, thông tin viên thuộc các quốc tịch ở hải ngoại giúp việc cho báo chí Hoa kỳ đã gởi các bài báo, phóng sự, hình ảnh ... từ ngoại quốc về

Những giải thưởng này gồm nhiều loại, có loại được tặng bằng khen thưởng, có loại được bản tuyên dương, có loại được bằng khen thưởng với 500 Mỹ kim, có loại được tặng huy chương vàng.

Những loại được cấp bằng khen thưởng hoặc được bản tuyên dương :

1. Phóng sự báo chí.
- 2A. Phóng sự truyền thanh
- 2B. Phóng sự truyền hình.
3. Phóng sự bằng hình ảnh.
4. Phóng sự điện ảnh.
5. Phóng sự đăng trên tạp chí.
- 6A. Vấn đề quốc ngoại qua báo chí Hoa Kỳ.
- 6B. Vấn đề quốc ngoại qua vô tuyến truyền thanh.
- 6C. Vấn đề quốc ngoại qua vô tuyến truyền hình.
7. Sách viết về các vấn đề quốc ngoại.

Những loại được cấp bằng khen thưởng với 500 Mỹ kim :

8. Giải Ed Stout tặng cho bài báo hoặc bài phóng sự hay nhất viết về Châu Mỹ La Tinh.
9. Giải E. W. Fairchild cho bài phóng sự về kinh doanh hay nhất từ hải ngoại gửi về.
10. Giải George Polk¹ cho thiên phóng sự hay nhất đồng thời nêu cao lòng quả cảm của tác giả trong khi thi hành nhiệm vụ ở hải ngoại.

Loại được tặng huy chương vàng :

11. Giải Robert Capa² tặng cho thiên phóng sự bằng hình ảnh xuất sắc nhất và đồng thời nêu cao được lòng quả cảm của tác giả trong khi công tác ở hải ngoại.
Tháng Hai hàng năm là hạn chót nhận đơn cho kỳ tranh giải năm đó.

1. Xin đừng lầm với một loạt giải thưởng cũng mang tên George Folk dành cho tất cả các ký giả Hoa kỳ và ngoại quốc do trường đại học Long Island tổ chức.

2. Robert Capa, một nhiếp ảnh viên nổi danh của tuần báo *Life* bị trúng mìn chết ở Thái Bình (Bắc Việt) năm 1954 trong khi làm nhiệm vụ thông tin.

Giải Sigma Delta Chi

Sigma Delta Chi là một tổ chức thân hữu nghề nghiệp báo chí ở Chicago, Hoa kỳ. Để khuyến khích công việc cải tiến nghề nghiệp, tổ chức này thiết lập từ 1935 nhiều giải thưởng lớn gồm có huy chương đồng và bằng khen tặng dành cho 16 loại tác phẩm đặc sắc nhất trong ngành báo chí và thông tin ở Hoa kỳ :

1. Công trình thám cứu về môn Báo chí học.
2. Bài phóng sự đặc sắc nhất.
3. Xã luận đăng trên báo chí.
4. Tin tức đặc sắc cho Vô tuyến truyền thanh.
5. Thông tin viên hải ngoại xuất sắc nhất.
6. Can đảm đặc biệt trong khi hành nghề báo chí.
7. Hí họa.
8. Thông tin viên xuất sắc nhất trong vùng Washington.
9. Thông tin viên xuất sắc nhất.
10. Phóng sự cho vô tuyến truyền thanh và truyền hình.
11. Tin tức viết cho vô tuyến truyền hình.
12. Tin tức bằng hình ảnh.
13. Thành tích phục vụ đại chúng qua báo chí truyền thanh (Radio Journalism).
14. Thành tích phục vụ đại chúng qua báo chí truyền hình (T.V. Journalism).
15. Thành tích phục vụ đại chúng qua báo chí.
16. Giải thưởng đặc biệt tưởng niệm nhà báo William Allen White¹.

1. William Allen White (1868-1914), nhà báo Hoa kỳ. Năm 1895 ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ *Gazette* ở Kansas. Ông cũng là nhà văn chuyên viết đoản thiên tiểu thuyết và những bài khảo cứu về chính trị và lịch sử.

Hạn chót nộp đơn dự thi là ngày mừng một tháng Hai mỗi năm và kết quả cuộc thi thường được công bố trong tháng Tư.

Muốn hỏi thêm chi tiết có thể biên thư về văn phòng tổ chức giải Sigma Delta Chi, Phòng 856, số 35, Euwacker Drive, Chicago 1, Illinois, Hoa kỳ.

Giải của đại học California dành cho báo chí ngoại quốc

Giải thưởng này do cơ quan David E. Bright Foundation ở Beverly Hills, California, tặng và do ban Báo Chí Học trường Đại Học California quản trị và tổ chức.

Giải này dành riêng cho các ký giả ngoại quốc có những bài đặc sắc và khách quan về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa và kinh tế Hoa kỳ.

Giải này gồm bốn loại, mỗi loại 1.000 Mỹ kim tiền thưởng tặng cho bài nào hay nhất đăng trên :

- nhật báo,
- tạp chí,
- in thành sách,
- hoặc đọc trên vô tuyến truyền thanh hay truyền hình.

Ngoài số tiền mặt kể trên, người trúng giải còn được tặng tất cả phí tổn hành trình từ nguyên quán đến Los Angeles dự lễ phát thưởng với sự tham dự của nhiều ký giả chuyên nghiệp, các giới kỹ nghệ và sinh viên đã tốt nghiệp ở Hoa kỳ.

Thường thường, giải này được loan báo vào khoảng tháng Năm mỗi năm.

Văn phòng phụ trách giải thưởng đặt tại ban Báo chí Ngoại quốc, trường Đại học California, Los Angeles, Hoa kỳ.

Giải Francis Wayland Ayer

Năm 1931, hãng N. W. Ayer and Corporation, một tổ chức kỹ nghệ lớn ở Philadelphia và thường in cuốn *Niên giám Báo chí Hoa kỳ và Già nữ đại*, đã lập ra giải thưởng Francis Way-

land Ayer. Giải này được tổ chức hàng năm và tặng cho những tờ báo nào xuất sắc nhất về trình bày, sắp chữ và ấn loát để khuyến khích báo chí chú ý đến kỹ thuật trình bày và làm cho công chúng dễ đọc.

Giải thưởng gồm bốn bằng khen tặng và một chiếc cúp Ayer.

Tất cả các nhật báo Anh ngữ ở Hoa Kỳ đều được tham dự.

Các báo dự thi được chia làm 4 loại sau đây :

1. Báo khổ lớn có trên 50.000 số phát hành mỗi kỳ.
2. Báo khổ lớn có từ 10.000 đến 50.000 số phát hành mỗi kỳ.
3. Báo khổ lớn có dưới 10.000 số phát hành mỗi kỳ.
4. Báo khổ nhỏ (tabloid), không kể số phát hành là bao nhiêu.

Ban giám khảo gồm có các nhà mỹ thuật, ấn loát, nổi danh sẽ chọn trong mỗi loại trên một tờ báo xuất sắc nhất để trao giải danh dự với bằng khen tặng. Sau đó, lại chọn trong bốn tờ được khen tặng lấy một tờ xứng đáng nhất để tặng giải danh dự với chiếc cúp Ayer. Chiếc cúp này rất đẹp và là giải luân chuyển hàng năm, nghĩa là tờ báo thắng giải tối danh dự chỉ được giữ trong một năm rồi trao lại cho ban tổ chức để phát cho tờ thắng giải năm sau. Nhưng lại có lệ là báo nào chiếm giải tối danh dự ba kỳ, không cần liên tiếp ba năm, thì được tặng vĩnh viễn chiếc cúp đó nếu nó vẫn còn trong thời kỳ luân chuyển. Ban tổ chức sẽ tặng chiếc cúp mới cho giải thưởng luân chuyển kỳ sau.

Trong khoảng thời gian từ 1931 đến 1963, người ta ghi nhận được hai tờ báo sau đây đã nổi bật nhất trong cuộc tranh giải này :

Tờ *New York Herald Tribune* : chín lần được giữ cúp Ayer, trong đó có ba lần được giữ cúp vĩnh viễn vào những năm 1936, 1945 và 1955.

Tờ *New York Times* : sáu lần được giữ cúp Ayer luân chuyển nhưng chưa có lần nào được giữ vĩnh viễn.

Tưởng cũng nên nói thêm về cuộc thi để thấy sự hoan hỉ của báo chí Hoa kỳ tham dự giải Ayer, cùng sự tranh đua hào hứng và gay go trong cuộc thi này, thí dụ năm 1962 :

- a. Về loại báo khổ lớn, trên 50.000 số phát hành : 171 báo dự thi
- b. Về loại báo khổ lớn, từ 10.000 đến 50.000 số phát hành : 438 báo dự thi
- c. Về loại báo khổ lớn, dưới 10.000 số phát hành : 321 báo dự thi.
- d. Về loại báo khổ nhỏ, không kể số phát hành : 25 báo dự thi.

Giải của Phân khoa Báo chí Trường Đại học Missouri

Missouri là một trong những trường đại học nổi tiếng ở Hoa kỳ về việc giảng dạy môn báo chí. Từ 1930 cho đến nay, phân khoa Báo chí của trường này tổ chức những giải thưởng để tặng những báo chí và ký giả Hoa kỳ cũng như ngoại quốc có sự nghiệp lớn trong ngành báo chí. Thường thường, mỗi năm ban tặng năm giải với những chiếc cúp danh dự bằng đồng đen.

Muốn biết thêm chi tiết có thể viết thư hỏi ông Khoa trưởng Phân khoa Báo chí, Trường Đại học Missouri, Columbia, Missouri, Hoa kỳ.

Giải của Cơ quan Freedom Foundation

Tặng huy chương và tiền mặt từ 50 Mỹ kim tới 1.000 Mỹ kim cho những bài xã luận, tranh hí họa, hình ảnh, văn vần, giúp nhiều nhất cho sự hiểu biết về nếp sống Hoa kỳ.

Hạn chót nộp đơn hàng năm : mồng Một tháng Mười Một.

Gởi về : Freedom Foundation, Valley Forge., Pa. U.S.A.

Giải thưởng về Báo chí và Phim ảnh Thể thao

Giải này do hãng E. P. Dutton Co. ở 201 Park Avenue, South, New York N.Y., U.S.A. tổ chức, gồm có :

Ba giải, mỗi giải 250 Mỹ kim dành cho :

- Tin tức thể thao ;
- Phim hay bài báo viết về thể thao ;
- Truyện thể thao đăng trên tạp chí.

Hai giải, mỗi giải 50 Mỹ kim dành cho những hình ảnh đặc sắc về thể thao.

Hạn chót ghi tên dự thi là mười lăm tháng chạp mỗi năm.

Giải Albert Lasker về Báo chí và Truyền hình Y học

Cơ quan Albert and Mary Lasker Foundation tổ chức hàng năm :

Ba giải thưởng gồm 2.500 Mỹ kim, bằng khen thưởng, tượng vàng :

- Một giải dành cho báo hàng ngày.
- Một dành cho tạp chí ;
- Một dành cho vô tuyến truyền hình.

Đề tặng cho các bài báo hoặc chương trình truyền hình đặc sắc đã giúp dân chúng hiểu biết về y tế công cộng hay các công trình khảo cứu về những bệnh gây tử vong hay tàn tật nhiều nhất.

Muốn dự thi, phải gửi tác phẩm về địa chỉ :

Albert and Mary Lasker Foundation, Chrysler Bldg., New York 17, N. Y., Hoa kỳ.

Giải thưởng Magsaysay

Giải thưởng Ramon Magsaysay đã được thiết lập để tưởng niệm cố Tổng thống Phi Luật Tân và tưởng thưởng những nhân vật ở Á Châu đã nêu gương tinh thần cao cả, trong sạch và thật tâm tranh đấu cho tự do.

Công nghiệp của ông Ramon Magsaysay đã gây ảnh hưởng lớn không những ở Phi Luật Tân mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới. Ông được nhiều người coi như là một trong những lãnh tụ xuất sắc nhất trong thời đại chúng ta.

Ông Magsaysay đã được người dân Phi Luật Tân khâm phục, kính trọng và thương yêu vì ông giản dị và khiêm tốn, vì ông chú trọng đến mọi người, tin tưởng rằng mỗi cá nhân đều có danh dự và giá trị và nhất là vì ông có can đảm thực hiện những điều ông tin tưởng.

Năm loại giải thưởng

Giải thưởng Magsaysay có năm loại :

1. Loại phục vụ trong chánh quyền : tặng cho những công bộc phục vụ đắc lực trong mọi ngành công sở như hành chánh, tư pháp, lập pháp hoặc quân sự.

2. Loại phục vụ công chúng : tặng cho tư nhân.

3. Loại gây thông cảm quốc tế : tặng cho những người giúp phát triển tinh thần hữu quốc tế, gây thân thiện giữa nhiều dân tộc.

4. Loại lãnh đạo cộng đồng : tặng cho những người có tài lãnh đạo trong một địa phương, một quốc gia hay trên địa hạt quốc tế, giúp cho cộng đồng phát triển đến một đời sống tốt đẹp hơn.

5. Loại báo chí và văn chương : tặng cho những người sử dụng tài viết văn viết báo làm một uy lực để dùng vào công ích. Phần thưởng này cũng cung cấp luôn cho các ngành thông tin khác như phát thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh.

Giải thưởng cấp cho người Á Châu không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, nam nữ hay quốc tịch.

Riêng về giải Ba có thể cấp cho một cơ quan, một hiệp hội hay một đoàn thể.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chọn chung quyết người được tặng giải. Khi chọn người để tặng giải, Hội đồng chỉ xét trường hợp của những người mà đời sống và hoạt động đều dành để theo đuổi những lý tưởng và tinh thần phục vụ của cố Tổng thống Magsaysay.

Mỗi giải thưởng 10.000 Mỹ kim

Mỗi năm cấp tối đa năm giải, mỗi giải 10.000 Mỹ kim, thêm một huy chương vàng và một cấp bằng. Mỗi loại chỉ được một giải thưởng, nhưng Hội đồng Quản trị có thể không cấp một hay nhiều giải trong một năm nếu không tìm ra người xứng đáng.

Hội đồng có thể chia một giải ra đều cho hai người nếu thấy cả hai đều đủ tư cách trong một năm. Riêng giải lãnh đạo cộng đồng, có thể cấp cho một người hay có thể chia đều ra cho nhiều người, nhưng không thể quá mười người.

Hàng năm, vào tháng Chín, Hội đồng sẽ mời một số nhân vật mỗi nước Á Châu có liên hệ với giải để cử người ra xem xét. Chỉ những nhân vật thẩm quyền được mời đề cử thì sự đề cử mới được xét đến.

Sự đề cử phải đưa ra bằng chứng thích hợp và gửi đến Viện Giải thưởng Ramon Magsaysay trước ngày 31 tháng Chạp mỗi năm.

Giải thưởng sẽ được trao trong một buổi lễ tổ chức hàng năm tại Manila ngày 31 tháng 8, tức ngày kỷ niệm sinh nhật của cố Tổng thống Magsaysay.

Viện Magsaysay, một tổ chức bất doanh lợi

Viện Giải thưởng Ramon Magsaysay là một tổ chức bất doanh lợi. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm điều hành ngân quỹ của Viện.

Hội đồng Quản trị gồm bảy nhân viên người Phi Luật Tân, mỗi nhân viên nhiệm kỳ là bốn năm, nhưng mỗi năm đều có bầu nhân viên mới. Nhân viên phải có tánh cách đại diện cho một giới và làm việc một cách liên tục. Nhân viên Hội đồng Quản trị không có lương và không có thù lao bất cứ thuộc loại nào.

Khi Viện mới thành lập ra thì được Quỹ Rockefeller Huynh đệ trợ cấp 500.000 Mỹ kim hồi tháng Năm 1957.

Quốc hội Phi Luật Tân ngày 17.6.1959 đã cấp cho Viện một khu đất để xây cất Trung tâm Ramon Magsaysay và chấp nhận những lợi tức do Trung tâm tạo ra được sẽ dùng vào công cuộc cấp giải thưởng.

Ngày 24.6.1963, Quốc hội Phi Luật Tân tuyên bố những số tiền tặng Viện Magsaysay sẽ không bị đánh thuế lợi tức.

Cũng trong năm 1963, Quỹ Rockefeller đã trợ cấp thêm cho Viện Magsaysay một triệu Mỹ kim và cho vay với mức lời hạ hai triệu Mỹ kim khác.

Hội đồng Quản trị Viện Magsaysay có hứa sẽ quyên ở trong nước 500.000 Mỹ kim gọi là phần đóng góp của người Phi Luật Tân.

Những chuyện vui buồn trong mùa hạ 1968

Trong mùa hè Mậu Thân, những chuyện thuộc lãnh vực báo chí đã xảy ra khá nhiều.

Một số nhật báo và tuần báo đã được tục bản hoặc ra mắt độc giả lần đầu làm cho làng báo Việt Nam thêm đông đúc và khiến cho vài chủ nhiệm như ông Phạm Văn Nhơn (*Vietnam Nouveau*) hoặc Nghiêm Xuân Thiện (*Thời Luận*) phải lo ngại về việc bị chia sớt số độc giả hình như đứng lại ở mức trên dưới 500.000 người mua báo.

Nhiều nhà báo đi làm nhiệm vụ thông tin đã bị Cộng sản hạ sát, hoặc bị thương vì đạn lạc, hoặc bị chết vì pháo kích.

Trái lại, cũng trong mùa Hạ này, vài nhà báo đã « làm lớn », người được mời giữ chức Tổng trưởng, người được cử giữ chức Phó Đại sứ, và nhiều phóng viên đã được tặng những giải thưởng báo chí rất giá trị vì những bài phóng sự về chiến tranh Việt Nam.

Trên địa hạt kỹ thuật, trong khi Việt Nam Thông Tấn Xã đóng góp sự tiến bộ báo chí nước nhà bằng việc sử dụng máy viễn ấn tự động Việt để chuyển tin, thì Hoa Kỳ thiết lập liên lạc bằng vệ tinh truyền hình giữa châu Mỹ và Đông Nam Á. Ngoài ra, các nhà khoa học trên thế giới cũng đang dự tính dùng các vệ tinh để cách mạng hóa ngành truyền tin trên khắp hoàn cầu.

TIN TRONG NƯỚC

Làng báo Sài Gòn ngày một thêm đông

Từ tháng Tư đến tháng Tám, những nhật báo và tuần báo sau đây đã được tái bản hoặc ra mắt lần đầu :

Nhật báo tái bản : *Thời Luận*

(1.4.68), *The Vietnam Guardian* (24.6.68), *Thời Đại Mới* (5.7.68), *Saigon Mới* (22.7.68), *Tiếng Chuông* (21.7.68), *Thanh Việt* (1.8.68), *Thời Sự Miền Nam* (10.8.68), *Đồng Nai* (14.8.68).

Nhật báo ra mắt lần đầu :

Dân Việt (14.8.68), *Hý Vọng* (22.8.68), *Tân Thế Kỷ* (24.8.68).

Tuần báo tái bản : *Dân Chủ* (28.5.68), *Thời Việt* (29.6.68).

Tuần báo ra mắt lần đầu :

The Vietnam Inquirer (16.4.68), *Hoa Tinh Thương* (25.5.68), *Tuổi Thơ* (26.6.68), *Đất Mới* (25.8.68). *Cộng Hòa* (25.8.68).

Ông Tôn Thất Thiện, Tân Tổng Trưởng Thông Tin

Chính phủ Trần Văn Hương chính thức ra mắt ngày 25.5.68, trong đó ông Tôn Thất Thiện giữ chức Tổng trưởng Bộ Thông tin thay ông Trần Văn Ân. Lễ bàn giao giữa hai ông Tân và Cựu đã diễn ra sáng ngày 29.5.1968.

Ông Tôn Thất Thiện sinh tại Thừa Thiên năm 1924 đã theo học trường tiểu học Thượng Tứ, trường trung học Thiên Hộ và Khải Định, đậu tú tài Triết học.

Sau đó, ông xuất ngoại và vào học trường London School of Economics ở Anh quốc. Tốt nghiệp trường này, ông trở về nước giữ chức Giám đốc Báo chí Phủ Tổng thống (1956-1961).

Năm 1961, ông sang Genève học

ở Viện Đại học Nghiên cứu Quốc tế (Institut Universitaire d'Etudes Internationales) và đậu tiến sĩ chính trị học.

Trở về Việt Nam năm 1963, ông đã lần lượt giữ chức Tổng Giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, Đồng lý Văn phòng của Tổng ủy Trưởng Dân nguyện Huỳnh Văn Cao thời Chính phủ Nguyễn Khánh.

Dời chính quyền ngày 18.8.1965, ông chủ tâm về việc dạy học và viết sách báo, cộng tác với tờ *Salgon Daily News*, rồi làm chủ bút tờ *Vietnam Guardian*, Phó Khoa trưởng Phân khoa Khoa học Xã hội và giảng sư chính trị Viện Đại học Vạn Hạnh cho đến khi được mời điều khiển ngành thông tin.

Bãi bỏ kiểm duyệt

Trong cuộc tiếp xúc với báo giới Thủ đô ngày 31.5.68, ông Tổng trưởng Tôn Thất Thiện đã nói rõ quyết định bãi bỏ kiểm duyệt báo chí nhằm thi hành chỉ thị và chính sách của Nội các Trần Văn Hương, là tôn trọng luật pháp, thi hành đúng đắn những điều đã được Hiến Pháp qui định.

Đề làm sáng tỏ vấn đề này, ông giải thích thêm rằng kể từ nay

vấn đề nộp bản vở (morasse) không bắt buộc, các báo muốn nộp thì nộp, không nộp thì thôi. Bộ Thông tin không làm áp lực nào trong vấn đề này.

Tuy nhiên, vấn đề nộp bản (dépôt légal) vẫn được duy trì theo luật lệ hiện hành, nghĩa là theo các điều khoản mà luật lệ báo chí đã ấn định như sau khi ra báo phải

1. Thiếu tướng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đặc cử nghị sĩ năm 1967 và hiện là Chủ tịch Ủy ban Ngoại giao và Thông tin của Thượng viện.

nap bản ở Bộ Thông tin, Bộ Nội vụ, văn văn.

Về vấn đề tự do báo chí, ông Tôn Thất Thiện nói rằng « tự do báo chí phải được hành xử trong khuôn khổ luật pháp quốc gia : tôn trọng Hiến Pháp, tuân theo luật lệ hiện hành về báo chí. Bộ Thông tin có nhiệm vụ góp phần xây dựng nền tự do báo chí, nhưng Bộ

cũng phải thi hành nhiệm vụ đó trong tinh thần tôn trọng Hiến Pháp và luật lệ hiện hành.»

Ông Tổng trưởng thêm rằng việc bãi bỏ kiểm duyệt là đề báo chí tự do ngôn luận, tự do đạo đạt nguyện vọng của dân cũng như đề mọi người dân trong nước có quyền có tiếng nói.

Ông Tôn Thất Thiện được tặng giải thưởng Magsaysay

Nguồn tin ngày 8.8.68 từ Manila loan báo ông Tôn Thất Thiện, Tổng trưởng Thông tin, được tặng giải thưởng Magsaysay về văn chương và báo chí vì sự tận tâm bền chí của ông trong việc phục vụ nguyên tắc biện luận và điều tra tự do. Đây là giải thưởng về báo chí và văn chương.

Nguồn tin trên cho biết thêm rằng Hội đồng Quản trị Tổ chức Magsaysay đã tuyên bố rằng ông Tôn Thất Thiện được lựa chọn vì « lòng can đảm và cá tính kiên trì của ông trong tư cách là nhà văn, nhà báo, giáo sư và viên chức chính quyền.»

Hội đồng còn tán dương việc ông Tôn Thất Thiện bãi bỏ kiểm duyệt báo chí sau khi ông trở thành Tổng trưởng Thông tin Việt Nam Cộng Hòa hồi tháng Năm năm 1968.

Giải thưởng Magsaysay gồm

một số tiền là 10.000 Mỹ kim. Giải này thường đề trao tặng những nhân vật ưu tú trong các lãnh vực lãnh đạo cộng đồng, công vụ và cảm thông quốc tế. Các giải thưởng được trao tặng trong một buổi lễ chính thức cử hành vào ngày 31.3.68.

Được hỏi về việc sử dụng số tiền nói trên, ông Tôn Thất Thiện cho biết ông sẽ dành một phần tiền giải thưởng Magsaysay để cấp học bổng cho một số sinh viên và học sinh xuất sắc tại Huế, nhất là học sinh các trường Quốc Học và Thiên Hựu là nơi ông bắt đầu đi học. Ông cũng muốn giúp một số sinh viên Đại học Vạn Hạnh là nơi ông dạy môn khoa học xã hội từ năm 1967.

Ngày 28.8.68 ông Tôn Thất Thiện đã đáp phi cơ sang Phi Luật Tân để nhận giải thưởng nói trên.

Nhà báo Barry Zorthian, Đặc sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn

Ngày 24.4.68 Tổng thống Johnson đã thăng chức cho ông Barry Zorthian lên hàng đặc sứ và vẫn tiếp tục nhiệm vụ cố vấn cho đại sứ Ellsworth Bunker tại Việt Nam về

các vấn đề thông tin báo chí.

Ông Zorthian làm phóng viên và biên tập viên cho báo chí Hoa Kỳ từ năm 1936 đến 1942, có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh trong đệ nhị

Thế chiến khi ông phụ vụ trong Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ từ 1942 đến 1946 và có cấp bậc Đại tá trừ bị của Thủy quân Lục chiến.

Sau chiến tranh, ông Zorthian

trở lại ngành báo chí và hoạt động từ 1946 đến 1947 rồi viết tin cho Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (V.O.A.) trong năm 1948 trước khi gia nhập Bộ ngoại giao.

Nhà báo Kim Chong Kuy, Phó Đại sứ Đại Hàn tại Việt Nam

Ông Kim Chong Kuy, một nhà báo tên tuổi ở Hàn thành đã đến Sài-gòn vào 12-4-68 để nhận chức Phó Đại sứ Đại Hàn tại Việt Nam.

Ông Kim tốt nghiệp Cử nhân Báo chí học tại đại học đường Missouri tại tỉnh Columbia, Mo., Hoa Kỳ.

Ông Kim đã hoạt động trong

làng báo Đại Hàn từ 1952, thoát đầu cộng tác với tờ *Chosun Ilbo* cho đến 1963 thì được mời làm Giám đốc Thông Tấn Xã Donghwa, một trong ba hãng thông tấn của Đại Hàn. Sau đó, ông trở lại làm Chủ tịch ban giám đốc tờ *Hankook Ilbo*, chức vụ mà ông giữ cho đến ngày sang Sứ quán ở Sài-gòn.

Nhiều thông tin viên bỏ mình tại chiến trường Việt Nam

Chiến trường Việt Nam vẫn sôi động, nhiều nhà báo đã không quản hiểm nguy lăn xả vào chiến địa để làm nhiệm vụ thông tin và một số khá đông đã bị chết và bị thương.

Bốn thông tin viên ngoại quốc đã bị Việt Cộng sát hại sáng ngày 5.5.68 ở góc đường số 46 và đường Minh Phụng, Chợ Lớn, Quận VI, trong khi đi săn tin chiến sự trên một chiếc xe jeep nhỏ. Một kỷ giả thứ năm cùng đi với bốn người trên đã giả chết nên thoát nạn.

Bốn nạn nhân là các ông:

Ronald Laramy, quốc tịch Anh, 30 tuổi, độc thân, trước làm trong văn phòng của Associated Press tại London, đến Sài-gòn làm cho hãng Reuter ngày 7.2.68.

Bruce S. Pigott, quốc tịch Úc, 22 tuổi, độc thân, đến Sài-gòn làm cho hãng Reuter ngày 21.6.67.

Michael Birch, quốc tịch Úc, Chi cuộc trưởng của hãng Australian Associated Press tại Việt Nam.

John R. Cantwell, quốc tịch Úc, 30 tuổi, có vợ và ba con, sinh ở Sydney, trước làm cho *Sydney Daily Telegraph* rồi cho hãng Associated Press, sau đó làm cho tạp chí *Time-Life* của Hoa Kỳ.

Người may mắn thoát nạn là ông Francis Palmos, quốc tịch Úc, 28 tuổi, quê ở Melbourne và là kỷ giả tự do.

Theo ông Palmos thì năm người đi xe jeep đến địa điểm kẻ trên và xe phải dừng lại ở góc đường Minh Phụng vì có một hàng rào chướng ngại vật dựng bằng những thùng dầu lớn. Một toán Việt Cộng đứng sau hàng rào dùng súng sáu và súng tự động bắn vào các kỷ giả mặc dầu mỗi người trong bọn đã hô to « báo chí, báo chí ». Việt Cộng đã làm thỉnh và cứ bắn. Ông Palmos không bị đạn nhưng vợ chết không dám động đậy. Một lúc sau, nhân có một đám người Việt tản cư chạy gần đó, ông liền

nhảy vội xuống xe và lặn vào đám đông. Việt Cộng có bắn theo nhưng không trúng.

Trước cái chết của bốn nhà báo nói trên, nhiều tổ chức nghề nghiệp đã công phần và lên tiếng phản đối hành động dã man của Cộng sản đối với những người cầm bút. Trong số những tổ chức này có Liên hiệp Quốc tế Báo chí Công giáo (Union Internationale de la Presse Catholique), Liên đoàn Báo chí Liên Hiệp Anh (Commonwealth Press Union), Viện Quốc tế Báo chí (Institut International de Presse), Hội Ký giả Ngoại quốc ở Hongkong, Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt, vân vân.

Ngày 6.5.68 một phóng viên nhiếp ảnh là ông Charles Eggleston, quốc tịch Hoa Kỳ, đã bị trúng đạn Việt Cộng ở đầu chết liền tại chỗ khi theo chân các chiến sĩ Dù Việt Nam vây đánh tàn quân của một đơn vị Việt Cộng tại ngã tư Bảy Hiền.

Phóng viên Eggleston, 23 tuổi, quê ở Philadelphia, phục vụ cho hãng United Press International (UPI) chừng nửa năm nay.

Nhiếp ảnh viên tạp chí *Life* tên là Socobus Rentmeester cũng bị bắn và bị thương trên đường phố Sài Gòn. Phái viên nhiếp ảnh người Pháp Jean Yves Gautron cũng bị thương nhẹ tại vùng nghĩa địa Pháp gần

Tân Sơn Nhất ngày 6.5.68. Ông Gautron cũng đã bị thương một lần hồi xảy ra biến cố Tết Mậu Thân.

Nhà báo Ignazio Ezeurra làm cho tờ *La Nacion* ở Buenos Aires đã bị mất tích ngày 8.5.68.

Ngày 9.5.68, bốn phóng viên gồm ba Việt và một ngoại quốc đã bị thương trong khi đi theo Tiều đoàn 38 Biệt động quân tiểu trừ Việt Cộng trong khu vực Duy Linh, Phú Thọ, thuộc Quận VI. Đó là các ông Trần Văn Thiệt, phóng viên Vô tuyến Truyền hình Quân đội, bị thương nặng ở đầu; Hồ Văn Cường, phóng viên Vô tuyến Truyền hình của hãng United Press International, bị thương nhẹ ở tay và vai; Chàng Phi của nhật báo *Tự Do*; và Mai Anh, phóng viên Tấn Xã bị thương nhẹ ở tay.

Trong cuộc thanh toán Việt Cộng tại cầu Phan Thanh Giản ngày 6.5.68, hai phóng viên Truyền hình Quân đội là Nguyễn Văn Cầu và Trần Văn Nghĩa đã bị thương vì đạn B.40 của Việt Cộng.

Ngoài ra, người ta còn thấy nhiếp ảnh viên tí hon Lỗ Mạnh Hùng, con của nhiếp ảnh viên Lỗ Vinh, bị trúng đạn hồi 13 giờ ngày 6.6.68 ở góc đường Nguyễn Trãi—Phùng Hưng, Chợ Lớn, khi em theo chân một tiểu đoàn Biệt động quân ra mặt trận chụp hình.

Một phóng viên Nhật bị tử thương vì pháo kích

Phóng viên Nhật Bản Tatsuo Sakai, đại diện của báo *Nihon Keizai Shimbun* đã tử nạn trong cuộc pháo kích của Việt Cộng rạng sáng 22.8 vào đường Nguyễn Huệ, Sài Gòn.

Thông tin viên Sakai, năm nay 34 tuổi, đã đến Việt Nam từ tháng

Ba năm 1967, chuyên viết về tin tức kinh tế. Nạn nhân mới dọn tới căn nhà lầu 4 cao ốc Nguyễn Huệ hồi ba giờ chiều ngày 21.5.68 và đã bị một mảnh hỏa tiễn từ phía cửa lưới văng trúng màng tang khiến ông chết tại chỗ. Ông Sakai mất đi để lại một vợ, hai con,

Việt Cộng phá hoại báo quán Kiến Quốc Quốc tế

Một nhóm Việt Cộng đã đặt chất nổ phá hoại báo quán Iloa văn *Kiến Quốc Quốc tế Liên hiệp* ở số 748 Bến Ilam Tử, Chợ Lớn, gây thiệt hại vật chất 15 triệu đồng và tờ báo phải ngưng xuất bản độ ba tháng.

Lúc đó, báo quán đang chuẩn bị lên khuôn, nên phần lớn bộ biên

tập và ký giả đã ra về. Số người còn lại ở báo quán một số thợ sắp chữ.

Bọn phá hoại đi xe máy dầu đến báo quán đặt chất nổ ở giữa nhà sau khi ra lệnh cho mọi người không được tri hô. Theo sự ước lượng của nhà chức trách số chất nổ có đến 200 kí.

Đài Truyền Hình Việt Nam bị hư hại vì chất nổ của Việt Cộng

Một vụ nổ đã xảy ra hồi 13 giờ ngày mồng Ba tháng Năm làm sụp đổ trụ sở của Cơ quan Việt Nam Tương trợ Sinh viên Quốc tế ở góc đường Hồng Thập Tự — Cường Để và đồng thời làm hư hại đôi chút Đài Vô tuyến Truyền hình Việt Nam.

Vụ nổ này đã làm cho một người chết và hai mươi ba bị thương trong đó có mười phụ nữ.

Người bị chết là một nữ nhân viên của Đài Vô tuyến Truyền thanh Sài Gòn đến làm việc tạm từ vài tháng nay trong một phòng của Cơ quan Việt Nam Tương trợ Sinh viên Quốc tế dành cho Sở Hành chánh và Kế toán của Đài. Trong số những người bị thương, có năm nhân viên của Đài Vô tuyến Truyền hình Việt Nam.

Dự thảo luật báo chí từ Hạ Viện lên Thượng Viện

Việc gây nhiều sôi nổi nhất trong mấy tháng qua đề rời bỏ quên trong im lặng là việc lưỡng viện thảo luận về dự luật báo chí.

Hồi còn Quốc hội Lập hiến, đã có một dự án qui chế báo chí mệnh danh là dự án Nguyễn Minh Hằng.

Ngày 28.3.68, Văn phòng Tổng thư ký Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia cũng gửi sang Hạ viện một dự thảo luật qui chế báo chí.

Ủy ban Thông tin và Chiêu hồi Hạ viện đã đúc kết các dự án và thêm ý kiến của Ủy ban thành một

dự luật đưa ra thảo luận tại những phiên khoáng đại của Viện này.

Trong nhiều ngày liên tiếp thuộc tháng Tư và tháng Năm, Hạ viện đã bàn cãi và biểu quyết từng điều khoản và chung quyết toàn bộ trong phiên họp ngày 17.5.68.

Khi dự luật đang được thảo luận, năm đoàn thể báo chí là Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam, Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt, Hội đồng Báo chí, Hội Chủ báo, và Hội Ái Hữu Ký giả đã nhóm họp ngày 19.4.68 tại Câu lạc bộ Báo chí

làm kiến nghị yêu cầu đình chỉ việc thảo luận và biểu quyết dự luật và ngày 29.4.68 đã tổ chức một buổi tiếp tân ở khách sạn Đại Lục, đường Tự do để bày tỏ quan điểm.

Ngô lời với tư cách thuyết trình viên của năm đoàn thể kể trên, ông Phạm Việt Tuyền, Chủ nhiệm báo *Tự Do* và Chủ tịch Hội đồng Báo chí, đã tuyên bố rằng dự luật báo chí do Ủy ban Thông tin và Chiêu hồi Hạ viện thảo có nhiều khuyết điểm và có một phần « kinh khủng nhất » : đó là phần qui định những hình phạt đối với làng báo. Ông ước mong rằng Hạ viện và Thượng viện nên đứng trên quan điểm của báo giới mà làm luật đề dự luật báo chí « được đích xác và tương đối hoàn hảo ».

Sau khi được chung quyết và công bố, dự luật báo chí của Hạ viện đã gặp sự phản đối mãnh liệt của ký giả và các đoàn thể báo chí.

Ngày 22.5.1968, hai mươi lăm ký giả thuộc các tòa soạn *Quyết Tiến*, *Tia Sáng*, *Chính Luận*, *Sống*, *Trắng Đen*, *Thời Luận*, *Bình Minh*, *Tự Do*, *Sống Mới*, *Xây Dựng*, *Dân Tiến*, *Thời Thế*, *Tiếng Việt*, *Việt Nam Kỳ Sự*, *Miền Nam*, *Tiếng Vang*, *Tiền Tuyến*, *Cộng Chúng*, *Cộng Luận*, *Saigon Post* và *Saigon Daily News* đã ký một bản quyết nghị ba điểm phản đối dự luật và cho rằng Hạ viện « đã phản bội lại lý tưởng tự do, dân chủ »

Ba điểm của quyết nghị phản đối như sau :

— Dự luật qui chế báo chí do Hạ nghị viện soạn thảo chỉ là tổng hợp những điều khoản của các luật lệ báo chí đã bị coi là lỗi thời và phản dân chủ.

— Dự luật này nhằm tước đoạt quyền hành xử tự do ngôn luận đã được Hiến pháp công nhận.

— Dự luật qui chế báo chí đã cố tình bỏ quên sự đóng góp của ký giả công nhân là những người đã xây dựng cho sự trưởng thành của báo chí và bị cướp mất những quyền lợi chính đáng và những đảm bảo nghề nghiệp.

Trước hiện tình đất nước, đấu tranh chính trị trong đó báo chí giữ vai trò chủ động phải được coi là phần quyết định chính yếu để xây dựng dân chủ và chiến thắng Cộng sản.

Ngoài ra, bản quyết nghị này còn cho biết các ký giả thường trực tại Hạ nghị viện lầy chày không tham dự, không tường thuật, không loan tin một hay nhiều phiên nhóm khoáng đại của Hạ nghị viện.

Dự luật báo chí đã được chuyển lên Thượng viện ngày 18.5.1968.

Trước những phản ứng của báo giới đối với dự luật này, Ủy ban Tư pháp Định chế Thượng viện đã mở cuộc tiếp xúc ngày 1.6.68 với một số ký giả để tìm hiểu những thắc mắc, lấy thêm ý kiến của họ về dự luật.

Ủy ban này đã họp trong đầu tháng Sáu và đã quyết định giữ cách bố cục dự luật của Hạ viện rồi thêm những điểm tu chỉnh. Dự luật mới này gồm bảy chương và tám mươi bảy điều đã được Thượng viện thảo luận trong những ngày cuối tháng Sáu và biểu quyết đến Điều 12 thì tạm ngưng cho đến nay vẫn chưa tiếp tục.

Hội Chủ Báo yêu cầu Thượng Viện bỏ hẳn dự luật báo chí của Hạ Viện

Trong một phiên họp bất thường nhóm ngày 12.8.68, Hội Chủ báo Việt Nam đã quyết định thảo một kiến nghị yêu cầu Thượng viện bác bỏ hẳn dự luật báo chí mà Hạ viện đã chấp thuận.

Theo ông Hồ Văn Đồng, tân Chủ tịch Hội Chủ báo Việt Nam, thì dự án của Hạ viện « có tánh cách phản dân chủ và không tôn trọng báo chí ». Bản kiến nghị yêu cầu Thượng viện hội ý với nam đoàn thể báo chí trước khi thảo một dự luật khác.

Sau đây là nguyên văn bản kiến nghị kê trên :

— Xét vì dự án quy chế báo chí hiện đang được Thượng viện thảo luận không đáp ứng các nhu cầu tự do, dân chủ của một quốc gia tân tiến,

— Xét vì các điều khoản dự liệu trong dự án nhằm việc bóp chết mọi tự do ngôn luận,

— Xét vì những nguyện vọng của báo chí Việt Nam đã trình bày qua nhiều lần tiếp xúc với Quốc hội mà không được đếm xỉa tới.

Đại hội bất thường của Chủ báo Việt Nam ngày 12.8.68 đồng thanh quyết nghị :

— Cực lực phản đối Hạ viện đã chấp thuận một dự án qui chế báo chí phản dân chủ, không tôn trọng tự do báo chí,

— Yêu cầu Thượng viện bác bỏ toàn thể dự án quy chế nói trên, dự thảo một quy chế báo chí khác với sự tham gia ý kiến đầy đủ của các đoàn thể báo chí trong nước.

Hội Chủ báo xúc tiến việc lập công ty phát hành

Hội Chủ báo đã nhóm họp ngày 23.4.68 tại Cầu lạc bộ Báo chí đề xúc tiến việc thành lập công ty phát hành báo chí. Những kết quả sau đây đã được báo cáo với hội nghị :

— Số cổ phần đã bán ra được hơn 70%, tức là hơn bảy triệu đồng.

— Hội Chủ báo mở trưng mục phong tỏa cho công ty phát hành để các hội viên ghi tên đóng cổ phần. Chỉ có Ban Quản trị chính thức của công ty được bầu ra mới có quyền sử dụng trưng mục này.

— Ông Vũ Hữu Bình (báo *Sống Mới*) được cử các liên lạc với nhà phát hành để tìm các thể thức hợp tác cải tiến ngành phát hành.

Ngoài ra, ông Phạm Việt Tuyền, Chủ nhiệm báo *Tự Do*, cũng cho biết rằng ông Đỗ trưởng đã chấp thuận trên nguyên tắc dành một khu đất ở đại lộ Hàm Nghi để tổ chức chợ báo và công việc này sẽ bắt đầu ngay sau khi có công văn chính thức chấp nhận của Tòa Đô chánh.

Ban Quản trị mới của Hội Chủ báo

Ngày 2.8.68. Hội Chủ báo đã triệu tập buổi đại hội thường niên tại trụ sở của Hội, số 15 đường Lê Lợi, Sài Gòn. Đại hội đã duyệt xét tình hình hoạt động trong năm qua và bầu Ban Quản trị mới cho niên khóa 1968-1969. Thành phần Ban Quản trị mới như sau :

Chủ tịch : Ông Hồ Văn Đồng (*Quyết Tiến*) ;

Phó Chủ tịch : Ông Phạm Việt

Tuyền (*Tự Do*) ;

Tổng Thư ký : Ông Quốc Phong (*Tiếng Vang*) ;

Thư ký : Ông Đặng Văn Nhâm (*Tiến*) ;

Thủ quỹ : Ông Nguyễn Trung Thành (*Tia Sáng*) ;

Kiểm soát viên : Ông Nguyễn Ang Ca (*Tin Sớm*) và bà Bút Trà (*Saigon Mới*).

Những quyết định mới của Hội Chủ báo

Ông Hồ Văn Đồng, chủ nhiệm báo *Quyết Tiến*, tân Chủ tịch Hội Chủ báo, cho biết rằng trong phiên họp bất thường ngày 12.8.68, ngoài quyết định thảo kiến nghị yêu cầu Thượng viện bác bỏ dự luật báo chí của Hạ viện, Hội Chủ báo đã thỏa thuận :

- ấn định giá báo : 4 trang 5s, 6 trang 6s, 8 trang 8s, 12 trang 10s ;
- hàng tuần, mỗi báo nghỉ một ngày ;
- số báo cuối tuần được tăng

thêm số trang nhưng vẫn giữ giá cũ.

Ông Hồ Văn Đồng nói thêm rằng Hội Chủ báo cố gắng thực hiện những việc mà ban quản trị cũ đã dự định làm như lập công ty phát hành, lập chợ báo và chú trọng đặc biệt đến hai việc :

- nâng cao trình độ kỹ giả bằng cách mở trường dạy làm báo,
- xây dựng một nền báo chí tiến bộ.

Ông Tae Ro Yoon được ân thưởng Bội tinh Tâm Lý Chiến

Chiều 23.8.68, ông Tổng trưởng Thông tin Tôn Thất Thiện đã thay mặt Thủ tướng Chánh phủ Trần Văn Hương ân thưởng Đệ nhất hạng Bội tinh Tâm lý chiến cho ông Tae Ro Yoon, Giám đốc Thông tin Sứ quán Đại Hàn tại Việt Nam.

Theo bản tuyên dương công

trạng, ông Tae Ro Yoon tỏ ra xuất sắc, luôn luôn nêu cao tinh thần phục vụ và thiện chí hợp tác thân hữu Hàn-Việt trên một năm nay, nhất là đã tích cực giúp cho việc tổ chức hai phái đoàn kỹ giả Việt Nam viếng thăm Đại Hàn trong tháng Chạp 19.67 và tháng Năm 19.68 vừa qua.

Tháo khoán 1.874.632 Mỹ kim để nhập cảng sách báo

Bộ Kinh Tế loan báo tình đến tháng Sáu, Bộ đã cho tháo khoán 1.874.632 Mỹ kim để nhập cảng sách báo thuộc niên khóa 1968.

Số ngoại tệ được tháo khoán năm nay bằng số năm ngoài nhưng hơn năm 1966 chừng 25%.

Những nhà sách sau đây được

hưởng số Mỹ kim kê trên để nhập cảng sách báo theo đơn xin: Xuân Thu, Lê Phan, Khai Trí, Liên Châu, Văn Nghệ, Đình Văn Tập, Vĩnh Bảo, Việt Bằng, Việt Cường, Nguyễn Trung, Việt Nam, Liên Hưng, Dòng Chúa Cứu Thế, và Imprimerie de la Mission.

Dịch giả Tiền Phong và nhà báo Tchya đã mệnh chung

Dịch giả Từ Khánh Phụng tức Phan Tiền Phong đã từ trần ngày 1.5.68 tại nhà riêng số 451/37 đường Hai Bà Trưng, Sài Gòn, sau một thời gian bị bệnh ung thư. Ông hưởng thọ 56 tuổi.

Tiền Phong là một dịch giả quen thuộc trong báo giới miền Nam. Ông đã dịch nhiều tiểu thuyết Tàu cho các báo ở đây và là người đầu tiên đem tiểu thuyết của Kim Dung vào Việt Nam với cuốn *Bích Huyết Kiếm* đăng trên nhật báo *Đông Nai*.

Tiền Phong là người Minh Hương, trước đây sống ở Hà Nội cho đến ngày Việt Minh và Pháp ký Hiệp ước Genève thì ông di cư vào Nam. Trong thời gian ở miền Bắc, Tiền Phong dịch những vở kịch của nhiều tác giả Trung Hoa sang

tiếng Việt.

Nhà báo kiêm nhà văn Đái Đức Tuấn, bút hiệu Tchya (Tôi chẳng yêu ai) và Mai Nguyệt, đã mất trong đêm mùng Bảy tháng Tám tại bệnh viện Saint Paul vì đau gan và bệnh áp huyết.

Sinh ngày 19.2.08 tại Ngọc Giáp, tỉnh Thanh Hóa, ông là một trong những nhà văn, nhà báo tiền phong ở Việt Nam, chủ báo *Công Tội* năm 1949-50 và cộng tác với nhiều báo khác ở Hà Nội và Sài Gòn.

Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm như *Thần Hồ*, *At hát giữa rừng khuya*, *Tình sơn cước*, v.v.

Trong thời gian lưu trú ở Trung quốc để tranh đấu cho nền độc lập quốc gia, ông đã được mời làm giảng sư triết học tại trường Đại học Côn-Minh.

Thêm 53 phóng viên và cán bộ Thông tin Quân đội

Thêm năm mươi ba phóng viên và cán bộ thông tin vừa tốt nghiệp sau lễ bế giảng khóa II Thông tin Báo chí Quân đội được tổ chức hồi 15g30 ngày 28.4 tại doanh trại của Tiểu đoàn 50 Chiến tranh Chính

trị. Số người vừa mới tốt nghiệp gồm hai mươi sáu sĩ quan và hai mươi bảy Hạ sĩ quan báo chí và thông tin. Hầu hết các sĩ quan và Hạ sĩ quan kê trên đã phục vụ tại các đơn vị chiến đấu trong hai năm.

Khóa học kể trên kéo dài trong năm tuần lễ và gồm những bài giảng về lý thuyết và kỹ thuật lấy tin trong các đơn vị hành quân. Ngoài ra, cũng dành một số giờ cho việc thực tập những điều đã học hỏi.

Ngỏ lời với các khóa sinh khi chủ tọa lễ bế giảng, Chuẩn Tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến tranh Chính trị, đã xác nhận vai trò cần thiết của ngành thông tin báo chí

quân đội và ông cho rằng sự phát triển ngành này nhằm mục đích phản ảnh đúng mức cuộc chiến đấu dũng cảm và tinh thần hy sinh cao độ của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tướng cũng nên nhắc lại rằng khóa I đào tạo phóng viên và cán bộ thông tin báo chí quân đội đã được tổ chức hồi tháng Bảy 1966 để thỏa mãn những nhu cầu thông tin của các đơn vị.

Một phái đoàn ký giả thể thao thăm Hán Thành

Một phái đoàn ký giả thể thao Việt Nam, được chánh phủ Đại Hàn mời, đã viếng Hán Thành nhân dịp đoàn cầu Việt Nam tham dự Giải Vô địch Thiếu niên Á châu, từ mùng 2.5 đến 18.5.68.)

Phái đoàn, do bạn Phan Như Mỹ cầm đầu, gồm có : Huyền Vũ (tuần báo *Nguồn Sống*), Nguyễn Ang Ca (nhật báo *Tin Sớm*), Thiệu Vũ

(*Tiền Tuyến*), Lê Tân (*Bình Minh*), Lê Quốc (*Quyết Tiến*), Dũng Minh (*Tia Sáng*), và Tấn Quỳnh (tuần báo *Thao Trường*).

Trên đường về, phái đoàn đã ghé thăm Tokyo, Taipeh và Hong kong. Ở mỗi nơi đều có đến các cơ sở báo chí và thông tấn để quan sát phương pháp tổ chức và hoạt động.

Nhật báo *Sống* bị đóng cửa

Tin nhật báo *Sống* bị đóng cửa tức khắc đã được chính ông Tổng trưởng Tôn Thất Thiện loan báo trong cuộc họp báo hồi 21 giờ ngày 1.8.68 tại số 155 bis đường Còng Lỷ, Sài Gòn.

Ông Tổng trưởng cho biết rằng từ vài tuần nay nhật báo *Sống* cố ý đăng những tin tức thất thiệt mặc dầu Bộ Thông tin đã nhiều lần yêu cầu báo này phối kiểm tin tức trước khi đăng.

Ông Tổng trưởng nhấn mạnh rằng Chính phủ phải đóng cửa nhật báo *Sống* tức khắc vì Chính phủ biết chắc chắn rằng báo *Sống* đã mở một chiến dịch nhằm gây một tình trạng hỗn loạn, phá hoại tình đoàn kết quốc gia, cũng là sự đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam và Hoa Kỳ.

Cũng trong buổi họp báo này, ông Tổng trưởng đã cho phổ biến một thông cáo đặc biệt của Bộ

Thông tin về vụ đóng cửa nhật báo *Sống*.

Thông cáo cho biết Chính phủ thấu triệt sự kiện báo *Sống* cố gắng buộc Chính phủ phải tái lập kiểm duyệt. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề, Chính phủ quyết định duy trì việc bãi bỏ kiểm duyệt để cho các báo khác khỏi bị thiệt thòi vì hành động của một tờ báo. Mặt khác, Chính phủ quyết định

đình bản ngay báo *Sống* để chặn đứng chiến dịch tại hại này và đưa báo *Sống* ra tòa trong một vài ngày tới đây để cho sự ổn định và nền an ninh quốc gia được bảo vệ trong giai đoạn quyết liệt này.

Chính phủ có quyết định như vậy là chiếu theo Điều 12 của Hiến Pháp và Điều 23 của Luật số 10/64 ngày 30.4.1964.

Việt Nam thông Tấn Xã sử dụng máy vô tuyến viễn ấn Việt ngữ

Mười chiếc máy vô tuyến viễn ấn để đánh đi và nhận những tin tức bằng Việt ngữ đã đến Sài Gòn trong đầu tháng Năm.

Đây là kết quả của những công trình nghiên cứu trong nhiều năm giữa Việt Nam Thông Tấn Xã và hãng Siemens, một công ty sản xuất các máy điện tử ở Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Hồi 1958, hãng Olivetti ở Ý Đại Lợi đã chế tạo một máy vô tuyến viễn ấn Việt ngữ, nhưng vì cách sử dụng máy này rất phức tạp nên đã không dùng được.

Dựa theo những ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Linh, Tổng Giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, hãng Siemens đã làm ra một kiểu mẫu máy vô tuyến viễn ấn Việt ngữ với tất cả những đặc điểm của một máy vô tuyến viễn ấn quốc tế thông thường và chỉ có thêm một hệ thống riêng cho các dấu của các chữ Việt. Loại máy mới này có nhiều điểm lợi là vừa dùng cho tiếng Việt lại vừa dùng để đánh và nhận những

tin tức bằng các ngoại ngữ. Người sử dụng máy chỉ cần đề ý học trong một thời gian ngắn cách thức truyền tin Việt ngữ là có thể làm công việc trôi chảy chứ không gặp nhiều khó khăn như với kiểu máy Olivetti.

Cuộc thí nghiệm liên lạc đầu tiên bằng máy viễn ấn giữa Sài Gòn và Chi cuộc của Việt Tấn Xã ở Cần Thơ ngày 2.8.1968 đã có kết quả tốt đẹp, và hiện nay, tất cả những tin tức từ Vùng 4 Chiến thuật hàng ngày đều được chuyển nhanh chóng lên Sài Gòn bằng máy Viễn ấn tự Việt ngữ.

Sau giai đoạn thí nghiệm này, năm tới Việt Tấn Xã sẽ đặt những máy này ở các chi cuộc khác, cơ quan công quyền và tòa soạn của các nhật báo ở Thủ Đức.

Lợi ích chính của công việc đặt những máy vô tuyến viễn ấn Việt ngữ nhằm vào việc chuyển nhanh chóng những tin tức do Việt Tấn Xã loan đi để loại trừ lỗi lộn hiện đang áp dụng là quay ronéo

vì rất tốn phí thì giờ và rất chậm chạp. Từ lúc có tin đến lúc chuyển tin cho các báo hoặc những cơ quan mua tin mất gần 12 tiếng.

Lợi ích thứ hai không kém phần quan trọng là các báo nhận được tin viễn ký bằng tiếng Việt có thể khai thác và đưa sắp chữ ngay khỏi cần chép lại như khi nhận được điện tin qua Bưu điện dùng lối viết dienej vawn (điện văn).

Lợi ích thứ ba là một khi

chuyển tin được đi khắp nước bằng máy viễn ấn thì mới có tin tức mau lẹ để cho phép sự bành trướng của các báo địa phương ra hàng ngày.

Sau hết, một khi máy này hoàn hảo sẽ có công dụng lớn đối với những cơ quan hiện đang phải dùng máy viễn ấn quốc tế để đánh điện văn bằng tiếng Việt như Bưu điện, Quân đội, Cảnh sát, Hỏa xa vân vân...

Sẽ thiết lập một đài vệ tinh tại Vũng Tàu

Kỹ sư Lương Thế Siêu, Tổng trưởng Giao thông Vận tải, sáng mùng Ba tháng Năm tiết lộ rằng một đài vệ tinh có mục đích truyền và thu nhận tin tức hình ảnh trong vùng Thái Bình Dương với kinh phí khoảng một tỷ bạc Việt Nam sẽ được thiết lập tại Vũng Tàu.

Ông Lương Thế Siêu nói rằng đài vệ tinh với ăng ten ra đa đường kính ba mươi thước nặng ba mươi bảy tấn sẽ khởi công xây cất đầu tháng Sáu 1968 và hoàn tất vào tháng Tư năm 1969.

Công ty Vệ tinh, một công ty tư nhân Việt Nam hợp cùng một công ty Hoa kỳ, được quyền khai thác đài vệ tinh này trong tám năm, sau một cuộc đấu thầu với điều kiện chính phủ Việt Nam không phải xuất ra một ngàn khoản nào để xây cất cũng như trang bị và các công ty trên phải trả cho chính phủ 33% tổng số tiền thu được.

Sau tám năm, đài vệ tinh này hoàn toàn thuộc về chính phủ Việt

Nam mà khỏi phải trả cho hai công ty trên một khoản tiền nào

Một điều kiện khác cũng được hai công ty trên chấp thuận là bất cứ lúc nào, trong suốt tám năm nhượng quyền khai thác, chính phủ Việt Nam thấy có lợi, có tiền và có đủ chuyên viên thì có thể mua lại để dành quyền khai thác đài vệ tinh này.

Kỹ sư Lương Thế Siêu cũng cho biết thêm vì vệ tinh chỉ có một số mạch giới hạn cho nên nếu Việt Nam không mướn trước thì các nước khác sẽ mướn hết. Chừng đó có đài cũng vô ích hay phải mướn lại với một giá đắt hơn. Hiện nay ở Á Châu chỉ có Nhật và Thái Lan mới có đài vệ tinh. Đài Loan hiện đang xây cất. Riêng đài vệ tinh của Việt Nam khi hoàn thành có thể tiếp nhận được những chương trình truyền hình từ các nước ven bờ Thái Bình Dương như Nhật, Thái, Hồng Kông, Ma Ni và các đài ở Honolulu (Hoa Kỳ) và Nam Mỹ.

Tuy nhiên, muốn mượn một hệ thống truyền hình tiếp nhận qua vệ tinh phải trả 10.000 Mỹ kim một tháng. Do đó vấn đề tiếp nhận những trương trình truyền hình vẫn chưa được đặt ra.

Cuối cùng, ông Tổng trưởng nói rằng mặc dù với kỹ thuật tân tiến hơn nhưng giá tiền sử dụng hệ thống liên lạc qua đài vệ tinh cũng bằng với giá tiền sử dụng qua hệ thống vô tuyến hiện nay.

Khai giảng khóa huấn luyện biên tập phát thanh

Khóa huấn luyện biên tập phát thanh đầu tiên của Đài Tiếng nói Tự do đã khai giảng sáng 10.9.68 tại trụ sở Việt Nam Thông Tấn Xã, số 118, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn, trước sự hiện diện của Ông Nguyễn Ngọc Linh, Tổng giám đốc cơ quan này, và của thiếu tá Phạm Thế, Quản đốc đài Tự do.

Khóa huấn luyện trên qui tụ hai mươi ba học viên sẽ kéo dài trong năm tuần lễ gồm 180 giờ vừa lý thuyết vừa thực hành chia ra như sau :

1. *Tổng quát* (6 giờ) : nhiệm vụ của phát thanh, tuyên truyền và đường lối phát thanh, cách thức phát thanh, tổ chức một đài phát thanh.

2. *Kỹ thuật viết* (84 giờ) : Đại cương về biên tập phát thanh, lời nói, tiếng động, âm nhạc. Các kỹ thuật viết thông thường : khai mục, kết mục, chuyển cảnh, cực độ chương trình, và các kỹ thuật khác; kỹ thuật âm thanh : Echo, Filter, các kỹ thuật khác; các loại chương trình đặc biệt : kịch và tự truyện phát thanh, phóng sự, ký sự, biên

khảo, bình luận, các chương trình hỗn tạp, các lối viết đặc biệt.

3. *Kỹ thuật xử dụng máy móc* (18 giờ) : cách dùng máy thâu, máy nghe, cách cắt và nối băng, cách sang băng, trộn nhiều băng với nhau.

4. *Thực hành* (60 giờ) : nhận xét chương trình các đài phát thanh, dùng máy thâu thử, cắt nối băng, thâu phóng sự và phỏng vấn, viết phóng sự và ký sự, biên khảo, viết chương trình hỗn tạp, viết bình luận.

5. *Liên hệ giữa biên tập và các phần vụ phát thanh khác* (12 giờ) : Biên tập và thư viện, phòng nghiên cứu; biên tập và kỹ thuật, băng và thâu thanh; biên tập và thực hiện; tổng quát về thực hiện chương trình, công việc của thực hiện viên, quan sát và thực hiện chương trình.

Suốt khóa học, các học viên sẽ được thực tập hàng ngày tại Đài Tự do và sau khi thi mãn khóa, những người tốt nghiệp sẽ được thu dụng để phục vụ ngay tại đài này.

TIN NGOẠI QUỐC

Thành lập Tổ chức Báo chí Á châu

Tổ chức Báo chí Á châu (Asian Press Foundation) đã chính thức thành hình trong khóa họp được khai mạc tại Walker Hill gần thủ đô Seoul, Đại Hàn.

Tổ chức Báo chí Á châu được thành lập nhằm mục đích hợp tác giữa các cơ quan ngôn luận của mười một quốc gia Á châu để giải quyết các khó khăn chung. Việc thành lập này đã được quyết định tại Hội nghị Báo chí Á châu lần thứ hai ở Manila hồi tháng Tám 1967.

Mọi việc đã được sửa soạn từ ngày đó để Tổ chức có thể chính thức ra mắt tại đại hội kỳ này.

Chủ tịch đoàn gồm có các ông E. L. Wickremesinghe (Tích Lan), Joaquín P. Rocas (Phi Luật Tân), Bang Il Young (Đại Hàn) và A.S. Simmons (Mã Lai Á).

Tổ chức Báo chí Á châu cũng quyết định nhóm đại hội năm 1969 tại Ấn Độ và đã đồng ý đặt trụ sở tại Manila.

Đại hội lần thứ 17 của Viện Quốc tế Báo chí

Đại hội lần thứ 17 của Viện Quốc tế Báo chí đã khai mạc ngày 3.6.68 tại Nairobi, thủ đô xứ Kenya, Châu Phi.

Chủ tọa lễ khai mạc, Tổng thống Jomo Kenyatta đã nói với 180 chủ nhiệm và chủ bút thuộc ba mươi nước trên thế giới đến dự Đại hội rằng không thể nào để tự do báo chí bị lạm dụng.

Tổng thống nói ông tin rằng báo chí cần được hưởng tự do, nhưng nhiệm vụ đầu tiên của báo chí là phải tạo sự đoàn kết và sự thông cảm cho nhân loại.

Ngoài ra, ông còn nhấn mạnh rằng báo chí cần phải giữ trách nhiệm một cách đúng đắn để tránh sự nghi ngờ lẫn nhau giữa các chính trị gia và nhà báo.

Đại hội lần thứ 21 của Liên đoàn Quốc tế các Chủ báo

Đại hội thường niên của Liên đoàn Quốc tế các Chủ báo và Tạp chí đã khai mạc ngày 15.5.68 tại Kyoto (Nhật bản) dưới quyền chủ tọa của ông Claude Bellanger (Chủ nhiệm tờ *Le Parisien Libéré* phát hành tại Paris), với sự hiện diện

của các nhà lãnh đạo báo chí thuộc hai mươi quốc gia Âu châu, Á châu, Phi châu và Mỹ châu.

Ông Phạm Việt Tuyên, chủ nhiệm nhật báo *Tự Do*, đã tham dự đại hội này.

Nhiều thông tin viên làm phóng sự ở Việt Nam được giải thưởng báo chí

Phần lớn những giải thưởng của Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại của Hoa Kỳ ở New York được tặng cho những thông tin viên và những cơ quan thông tin báo chí làm phóng sự về chiến tranh Việt Nam.

Huy chương cao quý nhất của Câu lạc bộ này là Huy chương Vàng Robert Capa¹ cho bộ môn nhiếp ảnh năm nay về tay David Douglas Duncan. Anh đã chụp được nhiều hình ảnh trận đánh Cần Tiên đang trong tạp chí *Life*.

Hai thông tin viên Michael Mac Gardy của *Newsday* và R.W. Apple, Jr. của *New York Times* chiếm huy chương về những bài về Việt Nam thuộc loại « các vấn đề ngoại quốc ».

Một huy chương khác về tay vợ một thông tin viên của tuần san *Newsweek* là bà Linda Grant Martin do một bài đăng trong tờ *New York Times Sunday Magazine* nhan đề là « 37 năm chiến tranh ở làng Tân An Hội ».

Huy chương phóng sự truyền thanh được tặng cho Don North thuộc hãng vô tuyến truyền hình American Broadcasting Co. cũng vì những bài phóng sự tại Việt Nam.

Cô Catherine Leroy, cộng tác viên bán thời gian của nhiều cơ quan ngôn luận Âu Mỹ, cũng được tặng huy chương về những phóng sự hình ảnh về chiến cuộc Việt Nam. Trước đó vài ngày, cô Leroy đã đoạt giải thưởng Sigma Delta Chi.²

Ngoài ra, Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại Hoa Kỳ còn quyết định tặng cho Jack Smith bằng tuyên dương về bài « Chết chóc trong thung lũng Ia Drang » đăng trong *Saturday Evening Post*, tặng bằng tuyên dương về phóng sự truyền hình cho Ted Yates làm việc cho hãng National Broadcasting Company. Phóng sự này nhan đề là « Cuộc chiến đấu cho Á châu », và tặng một số huy chương tập thể cho những cơ quan ngôn luận sau đây : *Long Island Press* về công trình thâm cứu báo chí học, United Press International về thiên phóng sự hay nhất, *New York Times* về loạt bài « Đệ ngũ chu niên Cách mạng Nga số ».

Lễ trao tặng những giải thưởng kể trên đã được tổ chức ngày 8.5.68 tại Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại của Hoa kỳ ở 54 West, 40th Street, New York 18, N. Y.

1. Xem bài giới thiệu giải thưởng R. Capa trang 247 trong số này.
2. Xem bài giới thiệu giải Sigma Delta Chi trang 248 trong số này.

Kết quả những Giải thưởng Báo chí Pulitzer¹ 1968

Một bản thông cáo do ông Grayson Kirk ký ngày 7.5 tại Trường đại học Columbia đã cho biết kết quả về những giải thưởng báo chí Pulitzer năm 1968 do Ban Báo chí học của trường này quản trị. Kết quả đó như sau :

— *The Riverside* (California) *Press Enterprise* được tặng giải phục vụ đại chúng vì đã có thành tích xứng đáng trong việc góp phần vào công cuộc bãi trừ tham nhũng;

— Phóng sự địa phương năm nay về tờ *The Detroit Free Press* nhờ loạt bài viết về vụ tranh chấp lao động hồi tháng Mười Một năm 1967 ;

— Ông John S. Knight, 73 tuổi, chủ tịch nhóm xã luận gia báo chí Hoa Kỳ đoạt giải thưởng về xã luận viết cho báo chí ;

— Giải thưởng về hí họa xuất sắc nhất về tay Eugene Gray Payne thuộc tờ *Charlotte* (North Carolina) *Observer*.

Những người khác được giải thưởng là :

— Anthony Lukas của tờ *New York Times* được giải phóng sự địa phương đặc biệt ;

— Howard James của tờ *Christian Science Monitor* và Nathan K. Nick Kotz của tờ *Des Moines* (Iowa) *Register* được giải phóng sự quốc gia.

— Alfred Friendly của tờ *Washington Post* được giải phóng sự quốc tế.

— Toshio Sakai, 28 tuổi, phóng viên nhiếp ảnh chính thức của hãng thông tấn United Press International được giải ký sự nhiếp ảnh.

Sakai là người Nhật thứ hai được giải Pulitzer. Những hình ảnh làm cho Sakai trúng giải được chụp ở Phước Vinh ngày 17.6.1967 trong thời kỳ Sakai được phái sang phục vụ tại Việt Nam trong ba tháng. Ký sự hình ảnh này mang tên là « Những giấc mơ của những thời đẹp nhất » (*Dreams of the best times*) tả một binh sĩ Hoa Kỳ thiêu thiêu ngủ trong khi một bạn đồng ngũ đứng canh gác.

Sakai tuyên bố ở Tokyo rằng : « Tôi chụp hình vì tôi muốn người ta thấy chiến tranh diễn ra như thế nào. Cảnh tượng thật là linh động và đã nói lên thực chất của chiến tranh ».

Nhật báo Hindu được tặng giải thưởng 1968 của Hiệp hội các Chủ báo Hoa Kỳ

Trong bữa tiệc hàng năm được tổ chức trưa thứ tư 21 tháng Tư ở New York, Hiệp hội các Chủ báo

Hoa kỳ (American Newspaper Publishers Association — A.N.P.A.) đã trao tặng giải thưởng năm 1968

1. Xem bài giới thiệu giải Pulitzer trang 214 trong số này.

của Hiệp hội cho ông G. Kasturi, chủ bút nhật báo *Hindu* ở Madras, Ấn độ, về những thành tích xứng đáng trong báo giới quốc tế. Tờ *Hindu* là nhật báo lớn nhất ở Madras xuất bản bằng Anh ngữ, ra đời từ 1878, với số phát hành trung bình

hàng ngày chừng 120.000 bản.

Người ta được biết rằng Hiệp hội các Chủ báo Hoa Kỳ là một tổ chức nghề nghiệp quan trọng nhất ở Châu Mỹ có 880 hội viên đại diện cho 90% tổng số báo phát hành hàng ngày tại Hoa Kỳ¹.

Báo Times ở London đã được phép bán ở Nga

Sau hai năm thương thuyết, nhật báo độc lập *Times* ở London (Anh) đã được phép bán tại Nga, ban Giám đốc của tờ *Times* loan báo như vậy tối hôm 22 tháng Tư.

Số báo *Times* đầu tiên được

bán đề ngày 20 tháng Tư. Ban Giám đốc tờ *Times* còn cho biết thêm rằng báo sẽ được gửi bằng máy bay tới Moscow mỗi ngày và người ta có thể mua tại các khách sạn du lịch ở nước Nga.

Thay đổi trong ban giám đốc hãng Associated Press

Các hội viên của hãng thông tấn Associated Press đã nhóm khóa họp thường niên ngày 22.4.68 tại New York để bầu cho đủ mười tám vị giám đốc trong ban chỉ huy và có một số người từ chức, mệnh chung hoặc mãn nhiệm kỳ.

Những người mới trúng cử là

ông Richard C. Steele, chủ nhiệm tờ *Telegram and Sunday Telegram* ở Massachusetts; ông Thomas Vail, chủ nhiệm tờ *Plain Dealer* ở Cleveland, Ohio; ông J. Kelly, chủ nhiệm tờ *Piedmont* ở Greenville, South Carolina.

Theo điều lệ, nhiệm kỳ của mỗi giám đốc là ba năm.

Nhà báo dưới chế độ Cộng sản và độc tài

Tại Trung Hoa Lục Địa. Ngày thứ ba 75, Pháp tấn xũ loan tin rằng ông Jean Vincent, trưởng phòng của Hãng tại Bắc Kinh, đã bị nhà cầm quyền Trung Cộng trục xuất và được lệnh dời khỏi Trung Hoa Lục địa trong vòng ba ngày. Ông Vincent đến Bắc Kinh từ tháng Hai 1966. Ông bị trục xuất vì nhà cầm quyền Trung Cộng cho là ông đã «nhiều lần loan tin không

đúng sự thật».

Trước vụ trục xuất này, đã có một loạt những vụ trục xuất (thông tin viên ngoại quốc khác trong đó có ba người Nga, một người Tiệp và ba người Nhật.

Hiện nay, ở Bắc Kinh chỉ còn có bốn nhà báo Tây phương: một của Pháp tấn xũ, một của hãng thông tấn Tây Đức Deutsche Press

1. Số thống kê của *Editor and Publisher Yearbook 1964*, trang 606.

Agentur (D.P.A.) một ký giả Gia nữ đại. Còn người thứ tư là Anthony Grey của hãng thông tấn Anh Reuter thì bị quản thúc từ tháng Tám 1967 và cũng từ ngày đó không được gửi một tin tức nào ra khỏi Trung Hoa. Ký giả này bị giam vì Trung Cộng muốn « trả đũa » vụ bắt giữ một thông tin viên của Tân Hoa xã ở Hong Kong. Do sự can thiệp tích cực, ông Donald Hopson, xử lý thường vụ tại sự quán Anh ở Bắc Kinh, đã được gặp ông Anthony Grey một lần trong tháng Tư.

Tại Ba Lan. Szymen Jakubowicz, chủ bút tờ *Zycia Warszawy* (Đời sống Warsaw), một tờ báo của chính phủ Ba Lan, đã từ chức.

Theo một nguồn tin thông thạo thì đây là sự mở đầu cho một cuộc thanh trừng rộng lớn trong báo giới Ba Lan chống lại những phần tử Do Thái vì viên chủ bút kể trên là người gốc Do Thái.

Arthur Hajniez, một chủ bút của một tờ báo khác cũng là người Do Thái, đã bị chuyển sang làm cho một tờ tạp chí nhỏ.

Nguồn tin trên cho biết thêm rằng một số những tuần báo khác cũng sẽ có những sự thay đổi trong đó có tờ chuyên phê bình là tuần báo *Szpilki*.

Cuộc thanh trừng này đã lan đến vài tờ báo địa phương, đặc

biệt là ở tỉnh Lodz. Tại đây, mười nhà báo đã bị khai trừ khỏi đảng Cộng sản hoặc bị bắt buộc đệ đơn từ chức, trong số có bốn người gốc Do Thái.

Người ta cho rằng nạn thanh trừng những người Do Thái không những ở trong lãnh vực báo chí mà còn ở trong các lãnh vực khác như trường hợp Stanislaw Turski, Viện trưởng viện Đại học Warsaw, bị gán cho tội « đi sai đường lối giáo dục » và đình lưu trong vụ sinh viên chống cảnh sát hồi tháng Ba.

Tại Tây Ban Nha. Ba nhà báo ngoại quốc đã bị cảnh sát Madrid bắt giữ sáng ngày thứ tư 1.5 trong khi săn tin và chụp hình những cuộc biểu tình được tổ chức nhân ngày lễ Lao động Quốc tế.

Đó là các ông Christopher Morris, thông tin viên Anh của báo *London Daily Express*; Armando Puents, người Argentina, thông tin viên của Pháp tấn xã; và Gérard Rubion, nhiếp ảnh viên của báo Pháp *Paris Match*.

Thông tin viên Puents đã bị cảnh sát đánh trong lúc chụp hình và trong khi bị giữ.

Ba nhà báo nói trên đã được trả lại tự do nhờ sự can thiệp ráo riết của những đại diện ngoại giao của nước họ.

Thông tấn xã Bernama bắt đầu sử dụng vô tuyến viễn ấn truyền tin hàng ngày bằng Anh ngữ và Mã ngữ.

Thông tấn xã Mã Lai Bernama loan báo hãng đã bắt đầu sử dụng vô tuyến viễn ấn từ ngày 29 tháng Năm 1968, để truyền đi những tin

tức hàng ngày bằng Anh ngữ và Mã ngữ.

Bernama là tên rút ngắn của *Pertubuhan Berita Nasional Malaysia*

(Malaysian National News Agency — Thông tấn xã quốc gia Mã Lai Á) là một tổ chức tự trị hỗn hợp được thành lập từ 1967 trong đó các cơ quan chính phủ và các nhật báo tự nguyện gia nhập. Hãng Bernama có ý định thực hiện chương trình sử dụng vô tuyến viễn ấn bằng ba giai đoạn : Giai đoạn

thứ nhất hạn chế ở Kuala Lumpur, thủ đô liên bang Mã Lai Á, và các vùng phụ cận. Trong giai đoạn hai, hãng mở rộng hoạt động đến các thành phố lớn như Penang và Ipoh ở phía Bắc, Singapore ở phía Nam, Sarawak và Sabah ở phía Đông. Đến giai đoạn ba thì sẽ có vô tuyến viễn ấn trên khắp lãnh thổ.

Liên lạc giữa Châu Mỹ và Đông Nam Á bằng vệ tinh vô tuyến truyền hình

Cuộc liên lạc đầu tiên giữa Hoa Kỳ và Đông Nam Á đã được bắt đầu ngày 2 tháng Năm 1968 trong một buổi lễ khai mạc ở Washington với sự hiện diện của ông Salvador P. Lopez, đại sứ Phi Luật Tân tại Hoa Kỳ và ông James McCormack, chủ tịch hiệp hội truyền tin Hoa Kỳ bằng vệ tinh.

Trước cuộc lễ này, Tổng thống Ferdinand Marcos đã chủ tọa ở Phi Luật Tân lễ khánh thành một đài

truyền tin mới đặt ở Tanay. Đài này được trang bị rất tối tân và có thể dùng cho tất cả các loại truyền tin : điện thoại, điện báo và truyền hình.

Nhờ một vệ tinh của Hoa Kỳ hoạt động trên cao 35 680 cây số trong vùng Thái bình dương, đường liên lạc mới kẻ trên làm dễ dàng công việc truyền tin giữa nhiều nước trong khu vực Thái bình dương.

Các vệ tinh sẽ cách mạng ngành truyền tin

Ông Joseph Charyk, Giám đốc Công Ty Vệ Tinh Liên Lạc Hoa Kỳ tiên đoán các vệ tinh được nối liền với các trung tâm điện tử trên khắp thế giới sẽ cách mạng ngành truyền tin trong một ngày gần đây.

Ông tuyên bố trước hội nghị Liên hiệp quốc về việc sử dụng hòa bình không gian bằng việc phối hợp này trong một ngày gần đây sẽ khiến cho các học giả và khoa học gia của các nước có thể sử dụng các thư viện của một quốc gia khác, giúp cho các doanh gia với các ngành hoạt động

trên khắp thế giới có thể duy trì việc cập nhật hóa kiểm soát các bản liệt kê. Ông cho biết các công ty và các chính phủ nhỏ nhất cũng có thể sử dụng liên nghi này được qua các trung tâm điện tử địa phương.

Cơ quan Văn hóa Giáo dục Liên hiệp quốc (UNESCO) cho biết cần phải xếp đặt để bảo đảm rằng việc liên lạc không gian trên một căn bản tổng quát và không phân biệt phục vụ quyền lợi quần chúng với sự thông cảm quốc tế.

Điều cốt yếu là những sự đản

xếp đó phải được thực hiện trước giữa năm 1970 khi các vệ tinh phát thanh và hình bắt đầu hoạt động. Những vệ tinh này sẽ được trang bị những máy phát mạnh đến mức có thể truyền thẳng hình tới các máy truyền hình trong nhà hay tại trường học ở khắp mọi nơi trên thế giới không cần phải có trạm chuyển vận dưới đất.

Tương trình về một thành quả thí nghiệm mới đây trong đó chín trung tâm điện tử tại Hoa Kỳ được nối liền bằng vệ tinh với một trung tâm tại Paris, ông Charyk cho biết :

«Việc phát tin được thực hiện với mức độ gần 50.000 chữ mỗi phút, so với 2.500 chữ mỗi phút là mức thông thường ngày nay».

PHỤ LỤC

Các luật lệ chi phối
báo chí Việt Nam

LOI DU 29 JUILLET 1881

Sur la liberté de la Presse¹

Modifiée par L. 12 décembre 1893, L. 29 septembre 1919, D.L. 30 octobre 1935, L. 10 janvier 1936, D.L. 21 avril 1939, D.L. 6 mai 1939, D.L. 29 juillet 1939, L. 21 juin 1943, O. 6 mai 1944, O. 13 septembre 1945, L. 31 décembre 1945, L. 5 octobre 1946, L. 6 janvier 1950, L. 5 janvier, 1951, L. 10 septembre 1951, L. 25 mars 1952, L. 19 décembre 1952, L. 12 mars 1953, L. 8 décembre 1953.

Chapitre Premier

DE L'IMPRIMERIE ET DE LA LIBRAIRIE

Article 1. L'imprimerie et la librairie sont libres.

Article 2. (D.L. 29 Juillet 1939) Tout écrit rendu public, à l'exception des ouvrages de ville ou bilboquets, portera l'indication du nom et du domicile de l'imprimeur à peine, contre celui-ci, d'une amende de 24.000 à 240.000 francs.

La distribution des imprimés qui ne porteraient la mention exigée au paragraphe précédent est interdite et la même peine est applicable à ceux qui contreviendraient à cette indication.

Une peine d'emprisonnement d'un mois à six mois pourra être prononcée, si dans les douze mois précédents, l'imprimeur ou le distributeur a été condamné pour contravention de même nature.

Articles 3 et 4. Abrogés par acte dit Loi du 21 Juin 1943, Article 17 (cf en ce qui concerne les territoires d'Outre-Mer, le Décret du 17 Juillet 1946).

1. Service juridique et technique de la presse, *Code de la Presse*, Editions de la Documentation Française, Paris, 1956, Doc. no I-A-1.

Chapitre II

DE LA PRESSE PÉRIODIQUE

1. Du droit de publication, de la gérance, de la déclaration et du dépôt au Parquet

Article 5. Tout journal ou écrit périodique peut être publié, sans tutorisation préalable et sans dépôt de cautionnement, après la déclaration prescrite par l'Article 7.

Article 6. (L.25 Mars 1952, Art. 8 et 9) — Tout journal ou écrit périodique doit avoir un directeur de la publication¹.

Lorsque le directeur de la publication jouit de l'immunité parlementaire dans les conditions prévues aux Articles 22 et 70 de la Constitution il doit désigner un co-directeur de la publication choisi parmi les personnes ne bénéficiant pas de l'immunité parlementaire et, lorsque le journal ou l'écrit périodique est publié par une société ou une association parmi les membres du Conseil d'administration ou les gérants suivant le type de société ou d'association qui entreprend la publication.

Le co-directeur de la publication doit être nommé dans le délai d'un mois à compter de la date à partir de laquelle le directeur de la publication bénéficie de l'immunité visée à l'alinéa précédent.

Le directeur et éventuellement le co-directeur de la publication doit être majeur avoir la jouissance de ses droits civils et n'être privé de ses droits civiques par aucune condamnation judiciaire.

Toutes les obligations légales imposées par la présente loi au directeur de la publication sont applicables au co-directeur de la publication.

Article 7. Avant la publication de tout journal ou écrit périodique, il sera fait au parquet du procureur de la République une déclaration contenant :

1. Le titre du journal ou écrit périodique et son mode de publication ;
2. Le nom et la demeure (L. 25 Mars 1962) du directeur de la publication et dans le cas prévu aux 2^e alinéa de l'Article 6, du co-directeur de la publication.

¹ Aux termes de l'Article 15 de l'Ordonnance du 25.8.1941, dans tous les textes sur la presse, le mot « gérant » doit être remplacé par le « directeur de la publication ».

3. L'indication de l'imprimerie où il doit être imprimé.

Toute mutation dans les conditions ci-dessus énumérées sera déclarée dans les cinq jours qui suivront.

Article 8. Les déclarations seront faites par écrit, sur papier timbré, et signées du directeur de la publication. Il en sera donné récépissé.

Article 9. (L. 25 Mars 1952) En cas de contravention aux dispositions prescrites par les Articles 6, 7, 8, le propriétaire, le directeur de la publication et, dans le cas prévu au 2^e alinéa de l'Article 6, le co-directeur de la publication seront punis d'une amende de 12.000 francs à 120.000 francs. La peine sera applicable à l'imprimeur à défaut du propriétaire ou du directeur ou, dans le cas prévu au 2^e alinéa de l'Article 6, du co-directeur de la publication.

Le journal ou écrit périodique ne pourra continuer sa publication qu'après avoir rempli les formalités ci-dessus prescrites, à peine, si la publication irrégulière continue, d'une amende de 12.000 francs, prononcée solidairement contre les mêmes personnes, pour chaque numéro publié à partir du jour de la prononciation du jugement de condamnation, si ce jugement est contradictoire, et du troisième jour qui suivra sa notification s'il a été rendu par défaut ; et ce, nonobstant opposition ou appel, si l'exécution provisoire est ordonnée.

Le condamné, même par défaut, peut interjeter appel. Il sera statué par la Cour dans le délai de trois jours.

Article 10. Au moment de la publication de chaque feuille ou livraison du journal ou écrit périodique, il sera remis au Parquet du procureur de la République, ou à la mairie dans les villes où il n'y a pas de tribunal de première instance, deux exemplaires signés du directeur de la publication.

(L. 13 Déc. 1945) Dix exemplaires devront, dans les mêmes conditions, être déposés au Ministère de l'Information pour Paris et le département de la Seine, et, pour les autres départements, à la préfecture, à la sous-préfecture, ou à la mairie, dans les villes qui ne sont ni chefs lieux de département, ni chefs-lieux d'arrondissement.

Chacun de ces dépôts sera effectué sous peine de 12.000 francs d'amende contre le directeur de la publication.

Article 11. Le nom du directeur de la publication sera imprimé au bas de tous les exemplaires, à peine contre l'imprimeur de 2.000 francs à 12.000 francs d'amende par chaque numéro publié en contravention.

2. Des rectifications

Article 12. Le directeur de la publication est tenu d'insérer gratuitement, en tête du plus prochain numéro du journal ou écrit périodique, toutes les rectifications qui lui seront adressées par un dépositaire de l'autorité publique, au sujet des actes de sa fonction qui auront été inexactement rapportés par ledit journal ou écrit périodique.

Toutefois, ces rectifications ne dépasseront pas le double de l'article auquel elles répondront.

En cas de contravention, le directeur de la publication sera puni d'une amende de 24.000 francs à 240.000 francs.

Article 13. (L. 29 Septembre 1919) Le directeur de la publication (Ord. 26 Aout 1944, Art. 15) sera tenu d'insérer dans les trois jours de leur réception, les réponses de toute personne nommée ou désignée dans le journal ou écrit périodique quotidien, sous peine d'une amende de 12.000 francs à 120.000 francs ; sans préjudice des autres peines et dommages-intérêts auxquels l'article pourrait donner lieu.

En ce qui concerne les journaux ou écrits périodiques non quotidiens, le directeur de la publication, sous les mêmes sanctions, sera tenu d'insérer dans le numéro qui suivra le surlendemain de la réception.

Cette insertion devra être faite à la même place et en même caractères que l'article qui l'aura provoquée et sans aucune intercalation.

Non compris l'adresse, les salutations, les réquisitions d'usage et la signature, qui ne seront jamais comptées dans la réponse, celle-ci sera limitée à la longueur de l'article qui l'aura provoquée. Toutefois, elle pourra atteindre cinquante lignes, alors même que cet article serait d'une longueur moindre et elle ne pourra dépasser deux cents lignes alors même que cet article serait d'une longueur supérieure. Les dispositions ci-dessus s'appliquent aux répliques, lorsque le journaliste aura accompagné la réponse de nouveaux commentaires.

La réponse sera toujours gratuite. Le demandeur en insertion ne pourra excéder les limites fixées au paragraphe précédent en offrant de payer le surplus.

La réponse ne sera exigible que dans l'édition ou les éditions où aura paru l'article.

Sera assimilé au refus d'insertion et puni des mêmes peines sans préjudice de l'action en dommage-intérêts, le fait de publier, dans la région desservie par les éditions ou l'édition ci-dessus, une édition spéciale d'où serait retranchée la réponse que le numéro correspondant du journal était tenu de reproduire.

Le tribunal prononcera dans les dix jours de la citation sur la plainte en refus d'insertion. Il pourra décider que le jugement ordonnant l'insertion, mais en ce qui concerne l'insertion seulement, sera exécutoire sur la minute nonobstant opposition ou appel. S'il y a appel, il sera statué dans les dix jours de la déclaration faite au greffe.

Pendant toute période électorale, le délai de trois jours prévu pour l'insertion par le paragraphe 1er du présent article sera, pour les journaux quotidiens, réduit à vingt quatre heures. La réponse devra être remise six heures au moins avant le tirage du journal dans lequel elle devra paraître. Dès l'ouverture de la période électorale, le directeur de la publication sera tenu de déclarer au parquet sous les peines édictées au paragraphe premier, l'heure à laquelle, pendant cette période, il entend fixer le tirage de son journal. Le délai de citation sur refus d'insertion sera réduit à vingt quatre heures sans augmentation pour les distances, et la citation pourra même être délivrée d'heure à heure sur ordonnance spéciale rendue par le Président du Tribunal. Le jugement ordonnant l'insertion sera exécutoire, mais en ce qui concerne cette insertion seulement, sur minute, nonobstant opposition ou appel (*L. 5 Oct. 1946*). Si l'insertion ainsi ordonnée n'est pas faite dans le délai qui est fixé par le présent alinéa et qui prendra cours à compter du prononcé du jugement, le directeur de la publication sera passible d'une peine d'emprisonnement de six jours à trois mois et d'une amende de 20.000 à 400.000 francs.

— L'action en insertion forcée se prescrira après un an révolu, à compter du jour où la publication aura eu lieu.

2. Des journaux ou écrits périodiques étrangers

Article 14. (D. L. 6 Mai 1939, L. 16 Juillet 1949) La circulation, la distribution ou la mise en vente en France des journaux ou écrits périodiques ou non, rédigés en langue étrangère peut être interdite par décision du ministre de l'Intérieur.

Cette interdiction peut également être prononcée à l'encontre des journaux et écrits de provenance étrangère rédigés en langue française, imprimés à l'étranger ou en France.

Lorsqu'elles sont faites sciemment, la mise en vente, la distribution ou la reproduction des journaux et écrits interdits, sont punies d'un emprisonnement de six jours à un an et d'une amende de 120.000 à 1.200.000 francs.

Il en est de même de la reprise de la publication d'un journal ou d'un écrit interdit, sous un titre différent. Toutefois, en ce cas l'amende est portée de 240.000 à 2.400.000 francs.

Il est procédé à la saisie administrative des exemplaires et des reproductions des journaux et écrits interdits, et de ceux qui en reprennent la publication sous un titre différent.

Chapitre III

DE L'AFFICHAGE, DU COLPORTAGE ET DE LA VENTE SUR LA VOIE PUBLIQUE

1. De l'affichage

Article 15. Dans chaque commune, le maire désignera, par arrêté, les lieux exclusivement destinés à recevoir les affiches des lois et autres actes de l'autorité publique.

Il est interdit d'y placarder des affiches particulières.

Les affiches des actes émanés de l'autorité seront seules imprimées sur papier blanc.

(*L. 30 Mars 1902, Art 44*) Toute contravention aux dispositions du présent article sera punie des peines portées en l'Article 2.

Article 16. (*L. 27 Jan. 1902*) Les professions de foi, circulaires et affiches électorales pourront être placardées, à l'exception des emplacements réservés par l'article précédent, sur tous les édifices publics autres que ceux consacrés aux cultes, et particulièrement aux abords des salles de scrutin.

Article 17. Ceux qui auront enlevé, déchiré, recouvert ou altéré par un procédé quelconque, de manière à les travestir ou à les rendre illisible, des affiches apposées par ordre de l'administration dans les emplacements à ces réservés, seront punis d'une amende de 1.200 francs à 3.600 francs.

Note : L'Article 44 de la loi de finances du 30 mars 1902 interdit les affiches ayant un but ou un caractère électoral qui comprendraient une combinaison de trois couleurs : bleu, blanc, rouge.

Si le fait a été commis par un fonctionnaire ou un agent de l'autorité publique, la peine sera d'une amende de 4.000 francs à 24.000 francs et d'un emprisonnement de six jours à un mois, ou de l'une de ces deux peines seulement.

Seront punis d'une amende de 1.200 francs à 3.600 francs ceux qui auront enlevé, déchiré, recouvert ou altéré par un procédé quelconque, de manière à les travestir ou à les rendre illisibles, des affiches électorales émanant de simples particuliers, apposées ailleurs que sur les propriétés de ceux qui auront commis cette lacération ou altération.

La peine sera d'une amende de 4.000 francs à 24.000 francs et d'un emprisonnement de six jours à un mois, ou de l'une de ces deux peines seulement, si le fait a été commis par un fonctionnaire ou un agent de l'autorité publique, à moins que les affiches n'aient été apposées dans les emplacements réservés par l'Article 15.

2. Du colportage et de la vente sur la voie publique

Article 18. Quiconque voudra exercer la profession de colporteur ou de distributeur, sur la voie publique, ou en tout autre lieu, public ou privé, de livres, écrits, brochures, journaux, dessins, gravures, lithographies et photographies, sera tenu d'en faire la déclaration à la préfecture du département où il a son domicile.

Toutefois, en ce qui concerne les journaux et autres feuilles périodiques, la déclaration pourra être faite soit à la mairie de la commune dans laquelle doit se faire la distribution, soit à la sous-préfecture. Dans ce dernier cas, la déclaration produira son effet pour toutes les communes de l'arrondissement.

Article 19. La déclaration contiendra les nom, prénoms, profession, domicile, âge et le lieu de naissance du déclarant.

Il sera délivré immédiatement et sans frais au déclarant un récépissé de sa déclaration.

Article 20. La distribution et le colportage accidentels ne sont assujettis à aucune déclaration.

Article 21. L'exercice de la profession de colporteur ou de distributeur sans déclaration préalable, la fausseté de la déclaration, le défaut de présentation, à toute réquisition du récépissé, constituent des contraventions.

Les contrevenants seront punis d'une amende de 1.200 à 3.600 francs et pourront l'être, en outre, d'un emprisonnement d'un à cinq jours.

En cas de récidive ou de déclaration mensongère, l'emprisonnement sera nécessairement prononcé.

Article 22 . (L. 19 Mars 1889) Les colporteurs et distributeurs pourront être poursuivis conformément au droit commun, s'ils ont sciemment colporté ou distribué des livres, écrits, brochures, journaux, dessins, gravures, lithographies et photographies, présentant un caractère délictueux, sans préjudice des cas prévus à l'Article 42.

Chapitre IV

DES CRIMES ET DÉLITS COMMIS PAS LA VOIE DE LA PRESSE OU PAR TOUT AUTRE MOYEN DE PUBLICATION

1. *Provocation aux crimes et délits*

Article 23 . Seront punis comme complices d'une action qualifiée crime ou délit ceux qui, soit par des discours, cris ou menaces, proférés dans les lieux ou réunions publiques, soit par des écrits, des imprimés vendus ou distribués, mis en vente ou exposés dans les lieux ou réunions publiques, soit par des placards ou affiches, exposés au regard du public auront directement provoqué l'auteur ou les auteurs à commettre ladite action, si la provocation a été suivie d'effet.

Cette disposition sera également applicable lorsque la provocation n'aura été suivie que d'une tentative de crime prévue par l'Article 2 du Code pénal.

Article 24 . (L. 19 Janv. 1936 ; O. 6 Mai 1944) Ceux qui, par l'un des moyens énoncés en l'article précédent, auront directement provoqué soit au vol, soit aux crimes de meurtre de pillage et d'incendie, soit à l'un des crimes ou délits punis par les Articles 309 à 313 du Code pénal, soit à l'un des crimes punis par l'Article 435 du Code pénal, soit à l'un des crimes et délits contre la sûreté extérieure de l'Etat, prévus par les Articles 75 et suivants, jusques et y compris l'article 85 du même code, seront punis, dans le cas où cette provocation n'aurait pas été suivie d'effet, d'un an à cinq ans d'emprisonnement et de 20.000 à 20.000.000 de francs d'amende.

(*L. 12 déc. 1893*). Ceux qui, par les mêmes moyens, auront directement provoqué à d'un des crimes contre la sûreté intérieure de l'État prévus par les articles 86 et suivants, jusques et y compris l'Article 101 du Code pénal, seront punis des mêmes peines.

(*L. 5 Janv. 1951*) Seront punis de la même peine ceux qui, par l'un des moyens énoncés en l'Article 23, auront fait l'apologie des crimes de meurtre, pillage, incendie, vol, de l'un des crimes prévus par l'Article 435 du Code pénal, des crimes de guerre ou des crimes ou délits de collaboration avec l'ennemi.

Tous cris et chants séditieux proférés dans les lieux ou réunions publiques seront punis d'un emprisonnement de six jours à un mois et d'une amende de 4.000 francs à 120.000 francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

Article 25. (*L. 12 Déc. 1893 ; O 6 Mai 1944*) Toute provocation par l'un des moyens énoncés en l'Article 23 adressée à des militaires des armées de terre, de mer ou de l'air, dans le but de les détourner de leurs devoirs militaires et de l'obéissance qu'il doivent leurs chefs, dans tout ce qu'ils leur commandent pour l'exécution des lois et règlements militaires, sera punie d'un emprisonnement d'un à cinq ans et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs.

2. Délits contre la chose publique

Article 26. (*O. 24 Nov. 1943 O 6 Mai 1944*) L'offense au Président de la République par l'un des moyens énoncés dans l'Article 23 et dans l'Article 28 (sic) est punie d'un emprisonnement de trois mois à un an et d'une amende de 20 000 à 20.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

(*O. 6 Mai 1944*) Les peines prévues à l'alinéa précédent sont applicables à l'offense à la personne qui exerce tout ou partie des prérogatives du Président de la République.

Article 27. (*O. 6 Mai 1944*) La publication, la diffusion ou la reproduction, par quelque moyen que ce soit, de nouvelles fausses, de pièces fabriquées, falsifiées ou mensongèrement attribuées à des titres, lorsque, faites de mauvaise foi, elle aura troublé la paix publique ou aura été susceptible de la troubler, sera punie d'un emprisonnement de six mois à trois ans, et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs, ou de l'une de ces deux peines seulement.

(*D. L. 30 Octobre 1935*) Les mêmes faits seront punis d'un emprisonnement d'un an à cinq ans et d'une amende de 200.000 à 20.000.000 de francs, lorsque la publication, la diffusion ou la reproduction faite de mauvaise foi sera de nature à ébranler la discipline ou le moral des armées ou à entraver l'effort de guerre de la nation.

Article 28. (Abrogé par D. L. 29 juillet 1939, art. 129). L'outrage aux bonnes mœurs commis par l'un des moyens annoncés en l'Article 23 sera puni d'un emprisonnement d'un mois à deux ans et d'une amende de 16 francs à 2.000 francs.

Les mêmes peines seront applicables à la mise en vente à la distribution ou à l'exposition des dessins, gravures, peintures, emblèmes ou images obscènes. Les exemplaires de ces dessins, gravures, peintures, emblèmes ou images obscènes exposés au regard du public, mis en vente, colportés ou distribués seront saisis.⁴

3. Délits contre les personnes.

Article 29. (O. 6 Mai 1944) Toute allégation ou imputation d'un fait qui porte atteinte à l'honneur ou à la considération de la personne ou du corps auquel le fait est imputé est une diffamation. La publication directe ou par voie de reproduction de cette allégation ou de cette imputation est punissable même si elle est faite sous forme dubitative ou si elle vise une personne ou un corps non expressément nommé, mais dont l'identification est rendue possible par les termes des discours, cris, menaces, écrits, ou imprimés, placards ou affiches incriminés.

Toute expression outrageante, termes de mépris ou invective qui ne renferme l'imputation d'aucun fait est une injure.

Article 30. (O. 6 Mai 1944, L.19 Déc. 1952) La diffamation commise par l'un des moyens énoncés en l'Article 23 et en l'Article 28, envers les cours, les tribunaux, les armées de terre, de l'air ou de mer, les corps constitués et les administrations publiques, sera punie d'un emprisonnement de huit jours à un an et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs, ou de l'une de ces deux peines seulement.

Article 31. Sera puni de la même peine la diffamation commise par les mêmes moyens, à raison de leurs fonctions ou de leur qualité, envers un ou plusieurs membres du ministère, un ou plusieurs membres de l'une ou de l'autre Chambre, un fonctionnaire public, un dépositaire ou agent de l'autorité publique, un ministre de l'un des cultes salariés par l'Etat, un citoyen chargé d'un service ou d'un mandat public, temporaire ou permanent, un juré ou un témoin, à raison de sa déposition.

(O. 6 Mai 1944) La diffamation contre les mêmes personnes concernant la vie privée relève de l'Article 32 ci-après.

Note : La cour de Cassation (Crim. 23 fév. 1950, S. 50-1-173) a jugé que l'Article 23 n'avait été abrogé par le Décret du 29 juillet 1939 qu'en ce qui concerne le délit d'outrage aux bonnes mœurs et non en ce qui concerne le délit de diffamation.

Article 32. (D. L. 21 Avr. 1939 ; O. 24 Nov. 1943 et O 6 Mai 1944). La diffamation commise envers les particuliers par l'un des moyens énoncés en l'Article 23 et en l'Article 28 sera punie d'un emprisonnement de cinq jours à six mois et d'une amende de 10.000 à 4.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

La diffamation commise par les mêmes moyens envers un groupe de personnes non désignées par l'Article 31 de la présente loi, mais qui appartiennent, par leur origine, à une race ou à une religion déterminée, sera punie d'un emprisonnement d'un mois à un an et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs lorsqu'elle aura eu pour but d'exciter à la haine entre les citoyens ou habitants.

Article 33. (D.L. 21 Av., 1939 ; O. 24 Nov. 1943 et O. 6 mai 1944) L'insulte commise par les mêmes moyens envers les corps ou les personnes désignées par les Articles 30 et 31 de la présente loi sera punie d'un emprisonnement de six jours à trois mois, et d'une amende de 10.000 à 4.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

L'insulte, commise de la même manière envers les particuliers, lorsqu'elle n'aura pas été précédée de provocation, sera punie d'un emprisonnement de cinq jours à deux mois et d'une amende de 10.000 à 4.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement. Le maximum de la peine d'emprisonnement sera de six mois et celui de l'amende sera de 10.000.000 de francs si l'insulte a été commise envers un groupe de personnes qui appartiennent, par leur origine à une race ou à une religion déterminée, dans le but d'exciter à la haine entre les citoyens ou habitants.

Si l'insulte n'est pas publique, elle ne sera punie que de la peine prévue par l'Article 471 du Code pénal.

Article 34. (L. 29 Sept. 1919). Les Articles 31, 32, et 33 ne seront applicables aux diffamations ou injures dirigées contre la mémoire des morts que dans les cas où les auteurs de ces diffamations ou injures auraient eu l'intention de porter atteinte à l'honneur ou à la considération des héritiers, époux ou légataires universels vivants.

Que les auteurs des diffamations ou injures aient eu ou non l'intention de porter atteinte à l'honneur ou à la considération des héritiers, époux ou légataires universels vivants, ceux-ci pourront user, dans les deux cas, du droit de réponse prévue par l'Article 13.

Article 35. (L. 19 Déc. 1952) La vérité du fait diffamatoire, mais seulement quand il est relatif aux fonctions, pourra être établie par les voies ordinaires, dans le cas d'imputations contre les corps constitués, les armées de terre, de mer ou de l'air, les administrations publiques et contre toutes les personnes énumérées dans l'Article 31.

La vérité des imputations diffamatoires et injurieuses pourra être également établie contre les directeurs ou administrateurs de toute entreprise industrielle, commerciale ou financière, faisant publiquement appel à l'épargne ou au crédit.

(O.6 Mai 1944) La vérité des faits diffamatoires peut toujours être prouvée, sauf :

- a. Lorsque l'imputation concerne la vie privée de la personne ;
- b. Lorsque l'imputation se réfère à des faits qui remontent à plus de dix années ;
- c. Lorsque l'imputation se réfère à un fait constituant une infraction amnistiée ou prescrite, ou qui a donné lieu à une condamnation effacée par la réhabilitation ou la révision.

Dans les cas prévus aux deux paragraphes précédents, la preuve contraire est réservée. Si la preuve du fait diffamatoire est rapportée, le prévenu sera renvoyé des fins de la plainte.

Dans toute autre circonstance et envers toute autre personne non qualifiée, lorsque le fait imputé est l'objet de poursuites commencées à la requête du ministère public, ou d'une plainte de la part du prévenu, il sera, durant l'instruction qui devra avoir lieu, sursis à la poursuite et au jugement du délit de diffamation.

Article 35 bis. (O.6 mai 1944) Toute reproduction d'une imputation qui a été jugée diffamatoire sera réputée faite de mauvaise foi, sauf preuve contraire par son auteur.

4. Délits contre les chefs d'Etat et agents diplomatiques étrangers

Article 36. (D. L. 30 octobre 1935) L'offense commise publiquement envers les chefs d'Etats étrangers, les chefs de gouvernements étrangers et les ministres des Affaires étrangères d'un gouvernement étranger sera puni d'un emprisonnement de trois mois à un an et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

Article 37. L'outrage commis publiquement envers les ambassadeurs et ministres plénipotentiaires, envoyés chargés d'affaires ou autres agents diplomatiques accrédités près du gouvernement de la République sera puni d'un emprisonnement de huit jours à un an et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

5. Publication interdites, immunités de la défense

Article 38. Il est interdit de publier les actes d'accusation et tous autres actes de procédure criminelle ou correctionnelle avant qu'ils aient été lus en audience publique et ce sous peine d'une amende de 12.000 à 240.000 francs.

(L. 8 Déc. 1953) Il est interdit, sous peine prévue à l'alinéa précédent, de publier, pendant la période définie aux cinquième alinéa de l'Article 9 de la Loi no 50-10 du 6 Janvier 1950, aucune information relative aux travaux des commissions d'enquête parlementaires visées à l'Article 9 de ladite loi, à leurs délibérations ou aux actes accomplis par elles. Pourront toutefois être publiés les communiqués émanant du bureau des dites commissions.

(L. 10 sept. 1951) Sans préjudice des dispositions de l'Article 378 du Code d'instruction criminelles, il est interdit, sous la même peine, de publier aucune information relative aux travaux et délibérations du conseil supérieur de la magistrature. Pourront toutefois être publiées les informations communiquées par le Président ou le vice-président dudit conseil.

(D. L. 29 juillet 1939, Art. 128) La même peine sera appliquée pour infraction constatée à la publication par tous moyens, de photographies, gravures, dessins, portraits ayant pour objet la reproduction de tout ou partie des circonstances d'un des crimes et délits prévus aux sections I, II, III et IV du chapitre 1er du titre 2 du livre III du Code pénal.

Toutefois, il n'y aura pas de délit lorsque la publication aura été faite sur la demande écrite du juge chargé de l'instruction. Cette demande sera annexé au dossier de l'instruction.

Article 39. (O. 6 mai 1944 et L. 12 Mars 1953) Il est interdit de rendre compte des procès en diffamation dans les cas prévus aux paragraphes a, b et c de l'Article 35 de la présente loi, ainsi que des débats de procès en déclaration de paternité, en divorce et en séparation de corps et de procès d'avortement. Cette interdiction ne s'applique pas aux jugements qui pourront toujours être publiés.

Dans toutes affaires civiles, les cours et tribunaux pourront interdire le compte rendus du procès.

Il est également interdit de rendre compte des délibérations intérieures, soit des jurys, soit des cours et tribunaux.

Toute infraction à ces dispositions sera punie d'une amende de 20.000 à 6.000.000 de francs (L. 28 Juillet 1934, Art. 5, L. 9 Mars 1928, Art. 72 L. 31 Décembre 1942, Art. 19, O. 2 Février 1945, Art. 14).

Article 39 bis (L. 28 Novembre 1955) Est interdite la publication par le livre, la presse, la radiophonie, le cinématographe ou de quelque manière que ce soit de tout texte ou toute illustration concernant l'identité et la personnalité des mineurs de dix huit ans qui ont quitté leurs parents, leur tuteur, ou la personne ou l'institution qui était chargée de leur garde ou à laquelle ils étaient confiés.

Les infractions aux dispositions du 1ère alinéa seront punies d'une amende de 30 000 à 3.000.000 francs, en cas de récidive, un emprisonnement de deux mois à deux ans pourra être prononcé.

Toutefois, il n'y aura pas de délit, lorsque la publication aura été faite, soit sur la demande écrite des personnes qui ont la garde du mineur, soit sur la demande ou avec l'autorisation écrite du ministre de l'Intérieur, du préfet du département, du procureur de la République, du juge d'instruction ou du juge des enfants.

Article 40. Il est interdit d'ouvrir ou d'annoncer publiquement des souscriptions ayant pour objet d'indemniser des amendes, frais et dommages-intérêts prononcés par des condamnations judiciaires en matière criminelle ou correctionnelle, sous peine d'un emprisonnement de 8 jours à 6 mois et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs ou de l'une de ces deux peines seulement.

Article 41. Ne donneront ouverture à aucune action les discours tenus dans le sein (*L. 6 Janvier 1950*) de l'Assemblée Nationale, du Conseil de la République ou de l'Assemblée de l'Union française, ainsi que les rapports ou toutes autres pièces imprimées par ordre de l'une de ces trois Assemblées.

Ne donnera lieu à aucune action le compte rendu des séances publiques des Assemblées visées à l'alinéa ci-dessus et du Conseil économique fait de bonne foi dans les journaux.

Ne donneront lieu à aucune action en diffamation, injure ou outrage, ni le compte rendu fidèle de bonne foi des débats judiciaires, ni les discours prononcés ou écrits produits devant les tribunaux.

Pourront néanmoins les juges, saisis de la cause et statuant sur le fond, prononcer la suppression des discours injurieux, outrageants ou diffamatoires et condamner qui il appartiendra à des dommages-intérêts.

Les juges pourront aussi, dans le même cas, faire des injonctions aux avocats et officiers ministériels et même les suspendre de leurs fonctions. La durée de cette suspension ne pourra excéder deux mois et six mois en cas de récidive dans l'année.

Pourront toutefois les faits diffamatoires étrangers à la cause donner ouverture, soit à l'action publique, soit à l'action civile des parties, lorsque ces actions auront été réservées par les tribunaux et, dans tous les cas, à l'action civile des tiers.

Chapitre V

DES POURSUITES ET DE LA REPRESSION

1. Des personnes responsables de crimes et délits commis par la voie de presse

Article 42. (L. 25 Mars 1952) Seront passibles comme auteurs principaux des peines qui constituent la répression des crimes et délits commis par la voie de la presse dans l'ordre ci-après, savoir :

1. Les directeurs de publications ou éditeurs quelles que soient leurs professions ou leurs dénominations et, dans les cas prévus aux deuxième alinéa de l'Article 6, les codirecteurs de la publication;

2. A leur défaut, leur auteurs ;

3. A défaut des auteurs, les imprimeurs ;

4. A défaut des imprimeurs, les vendeurs, les distributeurs et afficheurs.

Dans les cas prévus au deuxième alinéa de l'Article 6, la responsabilité subsidiaire des personnes visées aux paragraphes 2, 3 et 4 du présent article joue comme s'il n'y avait pas de directeur de la publication lorsque, contrairement aux dispositions de la présente loi, un codirecteur de la publication n'a pas été désigné.

Article 43 (L. 25 Mars 1952) Lorsque les directeurs ou codirecteurs de la publication ou les éditeurs seront en cause, les auteurs seront poursuivis comme complices.

Pourront l'être au même titre et dans tous les cas, les personnes auxquelles l'Article 60 du Code pénal pourrait s'appliquer. Ledit article ne pourra s'appliquer aux imprimeurs pour faits d'impression, sauf dans le cas et dans les conditions prévus par l'Article 6 de la Loi du 7 Juin 1848 sur les attroupements, ou à défaut de codirecteur de la publication dans le cas prévu au deuxième alinéa de l'Article 6.

Toutefois, les imprimeurs pourront être poursuivis comme complices si l'irresponsabilité pénale du directeur ou du codirecteur de la publication était prononcée par les tribunaux. En ce cas, les poursuites sont

engagés dans les trois mois du délit ou, au plus tard dans les trois mois de la constatation judiciaire de l'irresponsabilité du directeur ou du codirecteur de la publication (*L. 7 Juin 1848, Art. 6*).

Article 44. Les propriétaires des journaux ou écrits périodiques sont responsables des condamnations pécuniaires prononcées au profit des tiers contre les personnes désignées dans les deux articles précédents, conformément aux dispositions des Articles 1382, 1383 et 1384 du Code civil.

(*L. 25 Mars 1952*) « Dans le cas prévu aux deuxième alinéa de l'Article 6, le recouvrement des amendes et dommages-intérêts pourra être poursuivi sur l'actif de l'entreprise ».

Article 45. (*O. 6 Mai 1944*) Les infractions aux lois sur la presse sont déférées aux tribunaux correctionnel, sauf :

- a. Dans les cas prévus par l'Article 23, en cas de crime,
- b. Lorsqu'il s'agit de simples contraventions.

Article 46. L'action civile résultant des délits de diffamation prévus et punis par les Articles 30 et 31 ne pourra, sauf dans le cas de décès de l'auteur du fait incriminé ou d'annistie, être poursuivie séparément de l'action publique.

2. De la procédure.

Article 47. La poursuite des délits et contraventions de simple police commis par la voie de la presse ou par tout autre moyen de publication aura lieu d'office et à la requête du ministère public sous les modifications ci-après.

Article 48. 1. Dans le cas d'injure ou de diffamation envers les cours tribunaux et autres corps indiqués en l'Article 30, la poursuite n'aura lieu que sur une délibération prise par eux en assemblée générale et requérant les poursuites, ou, si le corps n'a pas d'assemblée générale, sur la plainte du chef du corps ou du ministre duquel ce corps relève ;

2. Dans le cas d'injure ou de diffamation envers un ou plusieurs membres de l'une ou de l'autre Chambre, la poursuite n'aura lieu que sur la plainte de la personne ou des personnes intéressées ;

3. Dans le cas d'injure ou diffamation envers les fonctionnaires publics, les dépositaires ou agents de l'autorité publique autres que les ministres, et envers les citoyens chargés d'un service ou d'un mandat public, la poursuite aura lieu, soit sur leur plainte, soit, d'office, sur la plainte du ministre dont ils relèvent.

4. Dans le cas de diffamation envers un juré ou un témoin, délit prévu par l'Article 31, la poursuite n'aura lieu que sur la plainte du juré ou du témoin qui se prétendra diffamé ;

5. Dans le cas d'offense envers les chefs d'Etat ou d'outrage envers les agents diplomatiques étrangers, la poursuite aura lieu sur leur demande adressée au ministre des Affaires Etrangères, et par celui-ci au ministre de la Justice;

6. Dans le cas de diffamation envers les particuliers prévu par l'Article 32, et dans le cas d'injure prévu par l'Article 33, paragraphe 2, la poursuite n'aura lieu que sur la plainte de la personne diffamée ou injuriée. Toutefois, la poursuite pourra être exercée d'office par le ministère public lorsque la diffamation ou l'injure commise envers un groupe de personnes appartenant à une race ou à une religion déterminée aura eu pour but d'exciter à la haine entre les citoyens ou habitants.

(L. 12 Mars 1953) En outre, dans les cas prévus par les paragraphes 2, 3, 4, 5, et 6, ci-dessus, ainsi que dans le cas prévu à l'Article 13 de la présente loi, la poursuite pourra être exercée à la requête de la partie lésée.

Article 49. Dans tous les cas de poursuites correctionnelles ou de simple police, le désistement du plaignant ou de la partie poursuivante arrêtera la poursuite commencée.

Article 50. Si le ministère public requiert une information, il sera tenu, dans son réquisitoire, d'articuler ou de qualifier les provocations, outrages, diffamations et injures à raison desquels la poursuite est intentée, avec indication des textes dont l'application est demandée, à peine de nullité du réquisitoire de ladite poursuite.

Article 51. Immédiatement après le réquisitoire, le juge d'instruction pourra, mais seulement en cas d'omission du dépôt prescrit par les Articles 3 et 10 ci-dessus, ordonner la saisie de quatre exemplaires de l'écrit, du journal ou du dessin incriminé.

Toutefois, dans les cas prévus aux Articles 24 (paragraphes 1er et 3e) 25, 36, et 37 de la présente loi, la saisie des écrits ou imprimés, des placards ou affiches, aura lieu conformément aux règles édictées par le Code d'instruction criminelle.

Article 52. Si l'inculpé est domicilié en France, il ne pourra être préventivement arrêté, sauf dans les cas prévus aux Articles 23, 24 (paragraphes 1er et 3e) 25, 27, 36 et 37 ci-dessus.

Article 53. La citation précisera et qualifiera le fait incriminé, elle indiquera le texte de loi applicable à la poursuite.

Si la citation est à la requête du plaignant, elle contiendra élection de domicile dans la ville où siège la juridiction saisie, et sera notifiée tant au prévenu qu'au ministère public.

Toutes ces formalités seront observées à peine de nullité de la poursuite.

Article 54. Le délai entre la citation et la comparution sera de vingt jours outre un jour par cinq myriamètres de distance.

Toutefois, en cas de diffamation ou d'injure pendant la période électorale contre un candidat à une fonction électorale, ce délai sera réduit à vingt-quatre heures, outre le délai de distance, et les dispositions des Articles 55 et 56 ne seront pas applicables.

Article 55. Quand le prévenu voudra être admis à prouver la vérité des faits diffamatoires, conformément aux dispositions de l'Article 35 de la présente loi, il devra, dans le délai de dix jours après la signification de la citation, faire signifier au ministère public ou au plaignant au domicile par lui élu, suivant qu'il est assigné à la requête de l'un ou de l'autre :

1. Les faits articulés et qualifiés dans la citation, desquels il entend prouver la vérité ;
2. La copie des pièces ;
3. Les noms, professions et demeures des témoins par lesquels il entend faire la preuve.

Cette signification contiendra élection de domicile près le tribunal correctionnel ; le tout à peine d'être déchu du droit de faire la preuve.

Article 56. Dans les cinq jours suivants, en tout cas au moins trois jours francs avant l'audience, le plaignant ou le ministère public, suivant les cas, sera tenu de faire signifier au prévenu, au domicile par lui élu, les copies des pièces et les noms, professions et demeures des témoins par lesquels il entend faire la preuve du contraire, sous peine d'être déchu de son droit.

Article 57. Le tribunal correctionnel et le tribunal de simple police seront tenus de statuer au fond dans le délai maximum d'un mois à compter de la date de la première audience.

Dans le cas prévu à l'alinéa 2 de l'Article 54, la cause ne pourra être remise au delà du jour fixé pour le scrutin.

Article 58. Le droit de se pourvoir en cassation appartiendra au prévenu et à la partie civile, quant aux dispositions relatives à ses intérêts civils. L'un et l'autre seront dispensés de consigner l'amende, et le prévenu de se mettre en état.

La partie civile pourra user du bénéfice de l'Article 424 du Code d'instruction criminelle, sans le ministère, d'un avocat à la Cour de Cassation.

Article 59. Le pourvoi devra être formé, dans les trois jours, au greffe de la Cour ou du tribunal qui aura rendu la décision. Dans les vingt-quatre heures qui suivront, les pièces seront envoyées à la Cour de Cassation, qui jugera d'urgence dans les dix jours à partir de leur réception.

L'appel contre les jugements ou le pourvoi contre les arrêts des cours d'appel qui auront statué sur les incident et exceptions autres que les exceptions d'incompétence ne sera formé, à peine de nullité, qu'après le jugement ou l'arrêt définitif et en même temps que l'appel ou le pourvoi contre ledit jugement ou arrêt.

Toutes les exceptions d'incompétence devront être proposées avant toute ouverture du débat sur le fond, faute de ce, elles seront jointes au fond et il sera statué sur le tout par le même jugement.

Article 60. Sous réserve des dispositions des Articles 50, 51 et 52 ci-dessus, la poursuite des crimes aura lieu conformément au droit commun.

3. Peines complémentaires, récidive, circonstances atténuantes, prescription

Article 61. S'il y a condamnation, l'arrêt pourra, dans les cas prévus aux Articles 24 (paragraphe 1er et 3e) 25, 36 et 37, prononcer la confiscation des écrits ou imprimés, placards ou affiches saisis, et dans tous les cas, ordonner la saisie et la suppression ou la destruction de tous les exemplaires qui seraient mis en vente, distribués ou exposés aux regards du public. Toutefois, la suppression ou la destruction pourra ne s'appliquer qu'à certaines parties des exemplaires saisis.

Article 62. En cas de condamnation prononcée en application des Articles 23, 24 (alinéas 1er et 2, 3) 25 et 27 la suspension du journal ou du périodique pourra être prononcée par la même décision de justice pour une durée qui n'excédera pas trois mois. Cette suspension sera sans effet sur les contrats de travail qui liaient l'exploitant, lequel reste tenu de toutes les obligations contractuelles ou légales en résultant.

Article 63. L'aggravation des peines résultant de la récidive ne sera pas applicable aux infractions prévues par la présente loi.

En cas de conviction de plusieurs crimes ou délits prévus par la présente loi, les peines ne se cumuleront pas, et la plus forte sera seule prononcée.

Article 64. L'Article 463 du Code pénal est applicable dans tous les cas prévus par la présente loi. Lors qu'il y aura lieu de faire cette application, la peine prononcée ne pourra excéder la moitié de la peine édictée par la loi.

Article 65. L'action publique et l'action civile résultant des crimes, délits et contraventions prévus par la présente loi se prescriront après trois mois résolus à compter du jour où il aurait été commis ou du jour du dernier acte de poursuite s'il en a été fait.

Les prescriptions commencées à l'époque de la publication de la présente loi et pour lesquelles il faudrait encore, suivant les lois existantes, plus de trois mois à compter de la même époque, seront, par ce laps de trois mois, définitivement accomplies.

DISPOSITIONS TRANSITOIRES

Article 66. Les gérants ou propriétaires de journaux existant au jour de la promulgation de la présente loi seront tenus de se conformer dans un délai de quinzaine, aux prescriptions édictées par les Articles 7 et 8, sous peine de tomber sous l'application de l'Article 9.

Article 67. Le montant des cautionnements versés par les journaux ou écrits périodiques, actuellement soumis à cette obligation, sera remboursé à chacun d'eux par le Trésor public, dans un délai de trois mois à partir du jour de la promulgation de la présente loi, sans préjudice des retenues qui pourront être effectuées au profit de l'Etat et des particuliers, pour les condamnations à l'amende, et les réparations civiles auxquelles il n'aura été autrement satisfait à l'époque du remboursement.

Article 68. Sont abrogés les édits, les décrets, ordonnances, arrêtés, règlements, déclarations généralement quelconques, relatifs à l'imprimerie, à la librairie, à la presse périodique ou non périodique, au colportage, à l'affichage, à la vente sur la voie publique et aux crimes et délits prévus par les lois sur la presse et les autres moyens de publication, sans que puissent revivre les dispositions abrogées par les lois antérieures.

Est également abrogé le second paragraphe de l'Article 31 de la Loi du 10 Août 1871 sur les conseils généraux, relatifs à l'appréciation de leur discussion par les journaux.

Article 69. La présente loi est applicable à l'Algérie et aux colonies.

LOI DU 2 AOÛT 1882

Sur la répression des outrages aux bonnes mœurs

Article 1er. (L. du 16 Mars 1898) — Sera puni d'un emprisonnement d'un mois à deux ans et d'une amende de 100 à 5.000 francs quiconque aura commis le délit d'outrage aux bonnes mœurs.

Note: Cette loi a été rendue applicable aux Colonies françaises par décret du 6 Mars 1883 du Président de la République et spécialement en Indochine par arrêté du 20 Août 1910 du Gouvernement Général de l'Indochine.

(*L. du 7 Avril 1908*) — Par la vente ou la mise en vente ou l'offre, même non publiques l'exposition l'affichage ou la distribution sur la voie publique ou dans les lieux publics, d'écrits, d'imprimés, autres que le livre, d'affiches, dessins, gravures, peintures, emblèmes, objets ou images obscènes ou contraires, aux bonnes mœurs.

(*L. du 16 Mars 1896*) — Par leur distribution à domicile, par leur remise sous bande ou sous enveloppe non fermé à la poste ou à tout agent de distribution ou de transport,

Par des chants non autorisés proférés publiquement, par des annonces ou correspondances publiques contraires aux bonnes mœurs,

Les écrits, dessins, affiches, etc... incriminés et les objets ayant servi à émettre le délit seront saisis ou arrachés.

La destruction en sera ordonnés par le jugement de condamnation.

Les peines pourront être portées au double si le délit a été commis envers les mineurs.

Article 2. (L. du 16 Mars 1898) — La prescription en matière d'outrages aux bonnes mœurs commis par la voie du livre est d'un an à partir de la publication ou de l'introduction sur le territoire français.

La vente, la mise en vente ou l'annonce de livres condamnés sera punie des peines portées par l'Article 1er de la présente loi.

Article 3. (L. du 16 Mars 1898) — Les complices de ces délits dans les conditions prévues et déterminées par l'article 60 du Code Pénal, seront punis de la même peine, et la poursuite aura lieu devant le tribunal correctionnel, conformément au droit commun et suivant les règles édictées par le Code d'instruction criminelle.

Article 4. (L. du 16 Mars 1898) Sont abrogées toutes les dispositions contraires à la présente loi.

(*L. du 7 Avril 1908*) Les incapacités électorales édictées par l'Article 15, No 6 du décret du 2 Février 1852, ne résulteront plus d'une condamnation pour un des délits ci-dessus spécifiés, qu'autant que la peine prononcée supérieure à six jours d'emprisonnement.

La durée de l'incapacité sera réduite à une période de cinq ans à compter du jour où la condamnation sera définitive.

Les incapacités électorales résultant de condamnations antérieures à la présente loi pour outrages aux bonnes mœurs ne subsisteront que dans les limites et les conditions fixées dans le paragraphe précédent.

LOI DU 19 MARS 1889

Relative aux annonces sur la voie publique

Article 1. Les journaux et tous les écrits ou imprimés distribués ou vendus dans les rues et lieux publics ne pourront être annoncés que par leur titre, leur prix, l'indication de leur opinion et les noms de leurs auteurs ou rédacteurs.

Aucun titre obscène ou contenant des imputations, diffamations ou expressions injurieuses pour une ou plusieurs personnes ne pourra être annoncé sur la voie publique.

Article 2. Les infractions aux dispositions qui précèdent seront punies d'une amende 200 à 3 600 francs et, en cas de récidive, d'un emprisonnement de un à cinq jours. Toutefois, l'Article 463 du Code pénal pourra toujours être appliqué.

LOI DU 28 JUILLET 1894

Ayant pour objet de réprimer les menées anarchistes

Article 1. Les infractions prévues par les Articles 21, paragraphes 1^{er} et 3, et 25 de la loi du 29 Juillet 1881, modifiés par la Loi du 12 Décembre 1893, sont déferées aux tribunaux de police correctionnelle lorsque ces infractions ont pour but un acte de propagande anarchiste.

Article 2. Sera déferé aux tribunaux de la police correctionnelle et puni d'un emprisonnement de trois mois à deux ans, et d'une amende de 24.000 à 480.000 francs, tout individu qui, en dehors des cas visés par l'article précédent, sera convaincu d'avoir, dans un but de propagande anarchiste :

Note. Loi rendue applicable en Nouvelle Calédonie par décret du 8 Février 1896 en Guyane par décret du 13 Mai 1902, en Indochine par décret du 18 Septembre 1908, et en A.E.F. par décret du 19 Mai 1934.

1. Soit par provocation, soit par apologie des faits spécifiés aux dits articles, incité une ou plusieurs personnes à commettre soit un vol, soit les crimes de meurtre, de pillage, d'incendie, soit les crimes punis par l'Article 435 du Code pénal.

2. Ou adressé une provocation à des militaires des armées de terre ou de mer dans le but de les détourner de leurs devoirs militaires et de l'obéissance qu'ils doivent à leurs chefs dans ce qu'ils leur commandent pour l'exécution des lois et règlements militaires et la défense de la constitution républicaine.

Les pénalités prévues au paragraphe premier seront appliquées même dans le cas où la provocation adressée à des militaires des armées de terre ou de mer n'aurait le caractère d'un acte de propagande anarchiste, mais, dans ce cas, la pénalité accessoire de la relégation édictée par l'Article 3 de la présente loi ne pourra être prononcée.

La condamnation ne pourra être prononcée sur l'unique déclaration d'une personne affirmant avoir été l'objet des incitations ci-dessus spécifiées, si cette déclaration n'est pas corroborée par un ensemble de charges démontrant la culpabilité et expressément visées dans le jugement de condamnation.

Article 3. La peine accessoire de la relégation pourra être prononcée contre les individus condamnés en vertu des articles 1er et 2 de la présente loi à une peine supérieure à une année d'emprisonnement et ayant encouru, dans une période de moins de dix ans, soit une condamnation à plus de trois mois d'emprisonnement pour les faits spécifiés auxdits articles, soit une condamnation à la peine des travaux forcés, à la réclusion ou de plus de trois mois d'emprisonnement pour crime ou délit de droit commun.

Article 4. Les individus condamnés en vertu de la présente loi seront soumis à l'emprisonnement individuel sans qu'il puisse résulter de cette mesure une diminution de la durée de la peine.

Des dispositions du présent article seront applicables pour l'exécution de la peine de la réclusion ou de l'emprisonnement prononcée en vertu des lois du 18 décembre 1893, sur les associations de malfaiteurs et la détention illégitime d'engins explosifs.

Article 5. Dans les cas prévus par la présente loi, et dans tous ceux où le fait incriminé a un caractère anarchiste, les cours et tribunaux ont interdire, en tout ou partie, la reproduction des débats, en tant que cette reproduction pourrait présenter un danger pour l'ordre public.

Note : La présente loi a été rendue applicable en Indochine par le Décret du 16 Septembre 1904...

Toute infraction a cette défense sera poursuivie conformément aux prescriptions des articles 42, 43, 44 et 49 de la Loi du 29 Juillet 1881, et sera punie d'un emprisonnement de six jours à un mois, et d'une amende de 240.000 à 2.400.000 francs

Sera poursuivie dans les mêmes conditions et passibles des mêmes peines toute publication ou divulgation dans les cas prévus au paragraphe premier du présent article, de documents ou actes de procédure spécifiés à l'Article 33 de la Loi du 29 Juillet 1881.

Article 6. Les dispositions de l'Article 463 du Code pénal sont applicables à la présente loi.

DÉCRET DU 4 OCTOBRE 1927

Relatif au régime de la presse en Indochine exception
faite de la Cochinchine

(J. O. I. 1927, p.3367)

Chapitre Premier

DE L'IMPRIMERIE ET DE LA LIBRAIRIE

Article 1. L'imprimerie et la librairie sont libres.

Article 2. (D. du 12 Septembre 1939, promulgué le 6.11.1939) Tout écrit rendu public, à l'exception des ouvrages de ville ou bilboquets portera l'indication du nom et du domicile de l'imprimeur, à peine contre celui-ci, d'une amende de (100 à 1.000 francs) 400\$ à 4.000\$.

La distribution des imprimés qui ne porteraient pas la mention exigée au paragraphe précédente est interdite et la même peine est applicable à ceux qui contreviendraient à cette interdiction.

Une peine d'emprisonnement d'un mois à six mois pourra être prononcée si, dans les douze mois précédents, l'imprimeur ou le distributeur a été condamné pour contravention de même nature.

Article 3. Toute publication d'imprimé, à l'exception des bulletins de vote, des circulaires commerciales et des ouvrages dits « de ville » ou « bilboquets » entraînera pour l'imprimeur l'obligation de déposer deux exemplaires pour les imprimés proprement dits et trois exemplaires pour les estampes et la musique sous peine d'une amende de (16 à 300 francs) 64\$ à 1.200\$

L'acte de dépôt mentionner le titre de l'imprimé et le chiffre du tirage.

Des arrêtés du Gouverneur Général fixeront les modalités de ce dépôt.

Chapitre II

DE LA PRESSE PÉRIODIQUE

1. Du droit de publication, de la gérance, de la déclaration et du dépôt au Parquet

Article 4. (D. 30 Juin 1935) Tout journal ou écrit périodique aura un gérant.

Article 5. (D. 30 Juin 1936). 1. Tout journal ou écrit périodique rédigé exclusivement en langue française, peut être publié sans autorisation préalable et sans dépôt de cautionnement, après une déclaration au Parquet du Procureur de la République.

Cette déclaration dont il sera donné récépissé sera établie sur papier timbré et contiendra le titre du journal ou écrit périodique, son mode de publication, le nom, le domicile et l'identité du gérant.

Toute mutation dans les conditions ci-dessus énumérées sera déclarée dans les cinq jours qui suivront.

Le gérant doit être citoyen, sujet ou protégé français, majeur, avoir la jouissance de ses droits civils et ne pas être privé de ses droits civiques.

Les infractions au présent article seront punies des peines édictées par l'Article 9 de la Loi du 29 Juillet 1881.

2. La publication de tout journal ou écrit périodique rédigé, pour tout ou partie, en une autre langue que le français ne pourra avoir lieu sans autorisation préalable du Gouverneur Général en Commission permanente du Conseil du Gouvernement. Cette autorisation sera toujours révocable en suivant les mêmes formes.

Le gérant doit être citoyen, sujet ou protégé français, majeur, avoir la jouissance de ses droits civils et ne pas être privé de ses droits civiques.

Les infractions au présent article seront punies des peines énoncées à l'Article 9 du présent décret.

Article 6. Au moment de la publication de chaque feuille ou livraison, il sera déposé à chacune des autorités désignées par arrêté du Gouverneur Général, deux exemplaires signés du gérant à peine de (50 francs) 200\$ d'amende, contre ce dernier.

Le nom du gérant sera imprimé au bas de tous les exemplaires, à peine contre l'imprimeur de (16 francs à 100 francs) 64\$ à 400\$ d'amende pour chaque numéro publié en contravention de la présente disposition.

2. Des rectifications

Article 7. Le gérant sera tenu d'insérer gratuitement, en tête du prochain numéro du journal ou périodique, toutes les rectifications qui lui seront adressées par un dépositaire de l'autorité publique au sujet des actes de sa fonction qui auront été inexactement rapportés par ledit journal ou écrit périodique. Toutefois, ces rectifications ne dépasseront pas le double de l'article auquel elles répondront.

En cas de contravention, le gérant sera puni d'une amende de (100 à 1.000 francs) 400\$ à 4.000\$.

Article 8. Le gérant sera tenu d'insérer dans les trois jours de leur réception ou dans le plus prochain numéro s'il n'en était pas publié avant l'expiration des trois jours, les réponses de toute personne nommée ou désignée dans le journal ou écrit périodique, sous peine d'une amende de (50 à 500 francs) 200\$ à 2.000\$ sans préjudice des autres peines ou dommages-intérêts auxquels l'article pourrait donner lieu.

Cette insertion devra être faite à la même place et en même caractère que l'article qui l'aura provoquée. Elle sera gratuite lorsque les réponses ne dépasseront pas le double de la longueur dudit article. Si elles le dépassent, le prix d'insertion sera dû pour le surplus seulement. Il sera calculé au prix des annonces.

3. Des journaux, périodiques, etc. publiés en dehors de l'Indochine

Article 9. (D. du 27 Août 1939, promulgué le 7. 10. 1939) La circulation, la distribution ou la mise en vente des journaux ou écrits périodiques ou non, rédigés en langue étrangère peut être interdite par décision du Gouverneur Général.

Cette interdiction peut également être prononcée à l'encontre des écrits de provenance étrangère rédigés en langue française ou indigène, imprimés à l'étranger, en France ou dans tout territoire soumis à l'autorité française.

Lorsqu'elles sont faites sciemment, la mise en vente, la distribution ou la reproduction des écrits interdits sont punies d'un emprisonnement de six jours à un an et d'une amende de (500 à 5.000 francs) 2.000\$ à 20.000\$.

Il en est de même de la reprise de la publication d'un écrit interdit, sous un titre différent. Toutefois, en ce cas, l'amende est portée de (1.000 à 10.000 francs) 4.000\$ à 40.000\$.

Il est procédé à la saisie administrative des exemplaires et de reproductions des écrits interdits et ceux qui en reprennent la publication sous un titre différent.

Chapitre III

DE L'AFFICHAGE, DU COLPORTAGE ET DE LA VENTE SUR LA VOIE PUBLIQUE

Article 10. Des arrêtés du Gouverneur Général s'inspirent des Articles 15 et 17 de la Loi du 29 Juillet 1881 et sanctionnés des peines prévues à ces deux articles, fixeront les règles d'affichage en Indochine.

Article 11. Quiconque voudra exercer la profession de colporteur ou de distributeur sur la voie publique ou tout autre lieu public ou privé, sera tenu d'en faire la déclaration selon les règles fixées par arrêté du Gouverneur Général.

L'arrêté du Gouverneur Général, qui fixera en même temps les règles d'exercice de la profession, sera sanctionné des peines prévues aux Articles 21 et 22 de la Loi du 29 Juillet 1881.

1. Điều 10, 13 và 18 Sắc lệnh ngày 4.10.1927 đã được Sắc lệnh 20.5.1941 ban hành ngày 21.6.1941 (J.O.I. 1941, trang 479) sửa đổi. Nhưng Sắc lệnh ngày 29.5.1941 đã bị Dụ Lệnh ngày 28.5.1946 «tạo lập an toàn pháp lý cộng hòa tại Phòng Dương» bỏ bỏ (J.O.I. 1941, trang 324) xem thêm Sắc lệnh ngày 29.5.1941 trang 347.

Chapitre IV

DES CRIMES OU DÉLITS COMMIS PAR LA VOIE DE PRESSE OU PAR TOUT AUTRE MOYEN DE PUBLICATION

Article 12. Seront rendues applicables en Indochine les Articles 23, 24 et 25 de la Loi du 29 Juillet 1881, relatifs à la provocation aux crimes et délits, ainsi que les modifications qui ont été apportées aux Articles 24 et 25 précités par la Loi du 12 Décembre 1893.

Article 13. Les Articles 26, 27 et 28 de la même loi relatifs aux délits contre la chose publique sont rendus applicables en Indochine, et complétés par les dispositions suivantes :

(D. du 20 Juin 1928) La production, la détention, la publication, la mise en vente, la distribution, l'exposition, l'usage ou la projection de dessins, gravures, peintures, images, photographies, écrits, imprimés, disques ou rouleaux phonographiques, films cinématographiques, clichés de projections lumineuses, susceptibles de porter atteinte au respect dû à l'autorité française en Indochine et aux gouvernements indigènes protégés par la France, seront punis d'un emprisonnement et trois mois à un an et d'une amende de (100 à 3.000 francs) 400\$ à 1.200\$, ou de l'une de ces deux peines seulement.

L'offense envers le Gouverneur Général, en tant qu'elle atteint le prestige de l'autorité française, les offenses contre les souverains protégés leurs épouses, leurs ascendants, leurs enfants, les reines mères et les princes héritiers régulièrement intronisés seront punies des mêmes peines.

Est puni d'une amende de (50 à 1 000 francs) 200\$ à 4.000\$ ou de l'une de ces deux peines seulement, si l'auteur ne peut expliquer de sa bonne foi, le fait de relater, d'une manière exacte, les débats des Chambres françaises, des assemblées organiques de l'Indochine, des cours, des tribunaux.

Article 14. *(D. du 12 Mai 1939, promulgué le 15.6.1939).* Les Articles 29, 30, 31, 35 de la Loi du 29 Juillet 1881 ainsi que les articles 32 et 33 ladite loi, tels qu'ils ont été complétés par le Décret du 21 Avril 1939, et l'Article 34 tel qu'il a été modifié par la Loi du 29 Septembre 1919, sont rendus applicables en Indochine.

Note : Le décret du 12 Mai 1939 modifiant le premier paragraphe de l'Article 14 et le 1er paragraphe de l'Article 40 du décret du 4 Octobre 1927 susvisé est abrogé. Les dispositions antérieures des articles précités sont remises en vigueur.

Le décret du 18.10.1940 est abrogé par l'Ordonnance fédérale du 28 Mai 1946 portant le rétablissement de la légalité républicaine sur le territoire de la Fédération Indochinoise (J.O.I. 1946 p. 328)

L'injure ou la diffamation commise envers les administrateurs indigènes ou les fonctionnaires qui font régulièrement partie de cette administration, sont punies des peines prévues aux Articles 30, 31 et 33, paragraphes 1er et 3, de la Loi du 29 Juillet 1881.

Chapitre V

POURSUITES ET REPRESSION

1. Personnes responsables des crimes et délits commis par la voie de la presse

Article 15. Sont rendues applicables, en Indochine, les Articles 42, 43 44 et 46 de la Loi du 29 Juillet 1881.

Article 16. Tout journal ou écrit périodique qui aura encouru, pour délits de presse, en la personne de son propriétaire directeur, gérant, rédacteur, ou dans celle de l'auteur d'un article inséré, une condamnation correctionnelle, même non définitive, soit à l'emprisonnement, soit à une amende de (100 francs) 400\$ au moins, soit à des réparations civiles supérieures à cette somme, sera tenu, dans un délai de trois jours francs à partir de la condamnation et nonobstant opposition, appel ou recours en cassation, de consigner au Trésor une somme égale au montant de frais, amendes et réparations civiles, s'il en a été prononcé. En cas de condamnation à l'emprisonnement, cette consignation ne pourra être inférieure à (1.000 francs) 4 000\$ par jugement de condamnation intervenue.

A défaut de consignation dans les délais impartis, la publication cessera.

Cette dernière publication sera considérée comme continuée, quelque paraissant sous un titre différent, s'il résulte des circonstances de fait, c'est-à-dire, soit de la collaboration de tout ou partie du personnel du journal ou de l'écrit périodique ayant cessé de paraître, faute de consignation, soit des signes extérieures du journal écrit, de l'examen de sa ligne politique ou d'autres faits analogues que ladite publication est, en réalité, la continuation de la publication ainsi disparue.

Article 17. En cas d'infraction aux paragraphes 2 et 3 du précédent article, les propriétaire, directeur, gérant et imprimeur seront punis d'une amende de (100 à 2.000 francs) 400\$ à 8.000\$ et d'un emprisonnement de six jours à six mois.

Celui qui aura continué la publication du journal ou écrit périodique et celui qui l'aura imprimé seront solidairement tenus des amendes prononcées, par application du paragraphe précédent.

2. Procédure

Article 181. Les crimes et délits prévus par le présent décret sont déférés à la Cour criminelle.

Sont exceptés et déferés aux tribunaux correctionnels les délit et infractions prévus par les Articles 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, et 15 paragraphes 2, 3 et 4 du présent décret, aux Articles 17, paragraphes 2, 3 et 4 du présent décret, aux Articles 17, paragraphes 2 et 4 ; 28, paragraphe 2, 30, 31, 32, 33, 38, 39 et 40 de la Loi du 29 Juillet 1881.

Sont encore exceptées et renvoyées devant les tribunaux de simple police les contraventions prévues par les articles 2, 10 et 11 du présent décret et les Articles 17, paragraphes 1er et 3 ; 21 et 33, paragraphe 3, de la Loi du 29 Juillet 1881.

Article 19 (D. du 4 Février 1928). En vertu de la délégation consentie par les Souverains protégés de l'Annam et du Cambodge, toutes les infractions au présent décret s'appliquent aux sujets protégés qui restent néanmoins justiciables des Tribunaux indigènes et ne sont soumis aux pénalités prévues audit décret que si nulle disposition de la législation indigène réprimant les mêmes faits n'est promulguée au moment où ceux-ci sont commis.

Les Souverains protégés conservent en outre à l'égard de leur sujets, la faculté d'instruire des infractions autres que celles prévues au présent décret et fixer les peines réprimant ces infractions qui sont également poursuivies devant les tribunaux indigènes.

Toutefois, les tribunaux français sont seuls compétents quand sont parties ou procès soit l'Etat protecteur, soit des citoyens ou sujets français, soit des étrangers.

Article 20. Sous réserves des modifications énumérées ci-après la procédure de droit commun est applicable devant toutes les juridictions à toutes les infractions du présent décret :

1 (D. du 12 Mai 1939, promulgué le 15.5 1939 ²). Dans le cas de diffamation envers les particuliers prévus par l'Article 32 et dans le cas d'injure prévue par l'Article 33 du Titre 2 de la Loi du 29 Juillet 1881, la poursuite n'aura lieu que sur la plainte de la personne diffamée ou injuriée. Toutefois, la poursuite pourra être exercée d'office, par le Ministère public lorsque la diffamation ou l'injure commise envers un groupe de personnes appartenant par leur origine à une race ou à une religion déterminée aura en pour but d'exciter à la haine entre les citoyens ou habitants.

1. Xin xem chú thích dưới các điều 10, 13 Sắc lệnh này.

2. Xin xem chú thích dưới Điều 14 Sắc lệnh này.

2. Dans le cas d'injure ou de diffamation envers les cours les tribunaux, les corps constitués et les administrations publiques, la poursuite n'aura lieu que sur une délibération prise par eux en assemblée générale et requérant les poursuites : ou si le corps ou administration n'a pas d'assemblée générale, sur la plainte du chef duquel ce corps ou cette administration relève.

3. Dans le cas d'injures ou diffamations envers les fonctionnaires publics, les dépositaires, ou agents de l'autorité publique et les citoyens chargés d'un service ou d'un mandat public, la poursuite aura lieu soit sur leur plainte, soit d'office sur la plainte du chef dont leur service relève.

4. Dans le cas de diffamation envers un assesseur ou témoin, délit prévu par l'Article 31 de la Loi du 29 Juillet 1881, la poursuite n'aura lieu que sur la plainte de l'assesseur ou du témoin qui se prétendra diffamé.

5. Dans le cas d'offense ou d'outrage prévu par les Articles 36 et 37 de la Loi du 29 Juillet 1881, la poursuite aura lieu soit à la requête de l'offense ou de l'outragé, soit d'office sur la demande adressée au Ministère des Affaires Etrangères ou au Gouverneur Général de l'Indochine française.

Article 21. Le droit de se pourvoir en cassation appartiendra au prévenu et à la partie civile, quant aux dispositions relatives à ses intérêts civils. L'un et l'autre seront dispensés de consigner l'amende et le prévenu de se mettre en état. La partie civile pourra user du bénéfice de l'Article 424 du code d'instruction criminelle sans le ministère d'un avocat de la Cour de cassation.

Article 22. Le pourvoi devra être formé dans les trois jours au greffe de la cour ou du tribunal qui aura rendu la décisions. Dans les vingt quatre heures qui suivront, les pièces seront renvoyées à la Cour de cassation, qui jugera d'urgence dans les dix jours à partir de la réception.

L'appel contre les jugements ou le pourvoi contre les arrêts des cours d'appel et cours criminelles qui auront statué sur les incidents et exception autres que les exceptions d'incompétence ne sera formé, à peine de nullité, qu'après le jugement ou l'arrêt définitif et en même temps que l'appel ou le pourvoi contre ledit jugement ou arrêt. Toutes les exceptions d'incompétence devront être proposées avant toute ouverture du débat sur le fond ; faute ce, elle seront jointes au fond et il sera statué sur le tout par le même jugement ou arrêt.

Article 23. L'aggravation des peines résultant de la récidive sera applicable aux infractions prévues par le présent décret. En cas de conviction de plusieurs crimes ou délits prévus par le présent décret, les peines ne se cumulent pas et la plus forte sera seule prononcée.

Article 24. L'Article 463 du Code pénal est applicable dans tous les cas prévus par le présent décret.

Article 25. L'action publique et l'action civile résultant des crimes et délits et contraventions prévus par le présent décret se prescriront après un révolu, à compter du jour où ils ont été commis, ou du jour du dernier acte de poursuite s'il en a été fait.

Article 26. Sont abrogées toutes les dispositions contraires au présent décret et notamment les Décrets du 30 Décembre 1898, du 19 Octobre 1905, du 18 Septembre 1908, du 31 Décembre 1908 et du 6 Novembre 1919.

DECRET DU 12 AOÛT 1936

portant sur la répression des fausses nouvelles

Article 1. Dans les territoires de l'Annam, du Tonkin, du Cambodge et du Laos « La publication ou la reproduction, faite sciemment et de mauvaise foi, par quelque moyen que ce soit, de nouvelles fausses, de pièces fabriquées, falsifiées ou mensongèrement attribuées à des tiers, sera punie d'un emprisonnement de trois mois à un an et d'une amende de 100 à 3 000 francs ou de l'une de ces deux peines seulement, lorsque cette publication ou cette reproduction sera de nature à ébranler la discipline ou le moral des armées de terre, de mer ou de l'air.

Article 2. Les délits prévus par le présent décret seront déférés aux tribunaux de police correctionnelle.

Article 3. Le Garde des Sceaux, Ministre de la Justice, et le Ministre des Colonies sont chargés, chacun en ce qui le concerne de l'exécution du présent décret, qui sera publié au Journal Officiel de la République Française et au Journal Officiel de l'Indochine et inséré au Bulletin Officiel du Ministère des Colonies.

Fait à Paris, le 12 Août 1936

Pr. Le Président de la République.

Le Ministre des Colonies

Marius Moutet

Note : Décret promulgué en Indochine par arrêté du Gouverneur Général de l'Indochine du 17 Septembre 1936. Voir Journal Officiel de l'Indochine du 26 Septembre 1936, page 2740)

DECRET-LOI DU 21 AVRIL 1939**tendant à réprimer les propagandes étrangères¹**

Article 1. Quiconque reçoit, de provenance étrangère, directement ou indirectement, sous quelque forme et à quelque titre que ce soit, des fonds de propagande et se livre à une propagande politique, est frappé d'une peine d'emprisonnement de six mois à cinq ans et d'une amende de 240.000 à 2.400.000 francs.

Tous moyens ayant servi à commettre l'infraction seront saisis; le jugement ordonnera, selon le cas, leur confiscation, suppression ou destruction.

Le tribunal pourra prononcer, en outre, pour une durée de cinq ans au moins et de dix ans au plus, l'interdiction de tout ou partie des droits civiques, civils et de famille, énoncés en l'Article 42 du Code pénal.

Article 2. Quiconque reçoit de l'étranger, directement ou par personne interposée, des fonds destinés à rémunérer une opération de publicité doit, dans les huit jours à compter du paiement, en faire la déclaration à la préfecture de son domicile et, à Paris, à la préfecture de Police, sous peine d'une amende de 24.000 à 240.000 francs, sans préjudice, s'il y a lieu, des peines prévues à l'Article premier du présent décret.

Un décret fixera les conditions d'exécution du présent article.

DÉCRET-LOI DU 24 JUIN 1939**concernant la répression de la distribution et de la circulation des tracts de provenance étrangère²**

Article 1. Sont interdites, la distribution, la mise en vente, l'exposition aux regards du public et la détention en vue de la distribution, de la vente ou de l'exposition dans un but de propagande, de tracts, bulle-

1. J.O. du 25 Avril, 1939, p. 5296.

2. J.O. du 27 Juin, 1939, p. 8063.

tins et papillons d'origine ou d'inspiration étrangère, de nature à nuire à l'intérêt national.

Article 2. Toute infraction à l'interdiction édictée par l'article 1er sera punie d'un emprisonnement de six mois à cinq ans et d'une amende de 240.000 à 2.400.000 francs.

Le tribunal pourra prononcer en outre, pour une durée de cinq ans au moins et de dix ans au plus, l'interdiction de tout ou partie des droits civiques, civils et de famille énoncés à l'Article 42 du Code pénal.

Il pourra également prononcer l'interdiction de séjour pendant le même nombre d'années.

DECRET DU 29 JUILLET 1939

relatif aux conditions d'exécution de l'Article 2
du Décret-Loi du 21 Avril 1939 tendant à réprimer
les propagandes étrangères¹

Article 1. La déclaration prévue par l'Article 2 du Décret du 21 Avril 1939, tendant à réprimer les propagandes étrangères, doit être établie en double exemplaire sur papier libre.

Elle mentionne les nom, prénoms, date et lieu de naissance, profession, domicile et nationalité du déclarant ainsi que le lieu du siège principal de son entreprise.

Elle indique, s'il s'agit d'une société, sa raison sociale, sa nature, les date et lieu de sa constitution, le montant de son capital, le lieu de son siège social, les nom, prénoms, date et lieu de naissance, domicile et nationalité des associés solidairement responsables ou des administrateurs.

La déclaration doit indiquer également les nom, prénoms, profession, domicile et nationalité de la personne pour le compte de laquelle est effectuée l'opération de publicité et, le cas échéant, ceux de la personne qui s'est interposée pour la remise des fonds.

¹ *Note.* Ce décret-loi a été rendu applicable aux territoires relevant du ministère des Colonies par le Décret du 3 Août 1939 J.O. no 486 du 9 Août 1939.

Si l'opération de publicité est effectuée pour le compte d'une société ou si le versement des fonds a été opéré par l'intermédiaire d'une société, la déclaration mentionne la raison sociale et le lieu du siège social de ces sociétés.

La déclaration doit préciser l'opération de publicité que la remise des fonds est destinée à rémunérer, ainsi que les sommes reçues et les dates des paiements.

Elle est obligatoirement signée par le bénéficiaire du versement des fonds et, s'il s'agit d'une société, par son représentant légal.

Article 2. Les déclarations sont déposées sous pli cacheté, à la Préfecture du département du siège principal de l'entreprise et à la Préfecture de police pour Paris, entre les mains d'un fonctionnaire dûment accrédité à cet effet par le préfet.

Elles sont enregistrées et il en est délivré un récépissé sur timbre aux frais du déclarant.

Toute divulgation des renseignements contenus dans ces déclarations est interdite.

DECRET-LOI DU 29 JUILLET 1939

relatif au contrôle de la presse indigène dans les colonies, protectorats et territoires sous mandat, dépendant du Ministère des Colonies

Article 1. Dans les colonies, les pays relevant de protectorat et les territoires sous mandat relevant du ministère des colonies, les autorités administratives pourront procéder à la saisie des publications, périodiques ou journaux rédigés en langue indigène qui menaient campagne contre la défense nationale ou qui dénigraient l'œuvre ou l'influence française.

Note. La question se pose de savoir si ce texte a cessé d'être en vigueur à la date de cessation des hostilités. La réponse paraît devoir être affirmative. A notre connaissance la jurisprudence ne s'est pas prononcée sur ce point. J.O. 3 Août 1939, p. 9823.

DECRET-LOI DU 29 JUILLET 1939

Relatif au contrôle de la presse étrangère dans les colonies relevant du Ministère des Colonies.¹

Article 1. Les dispositions du Décret-Loi du 6 Mai 1939 sont rendues applicables dans les colonies relevant du Ministère des Colonies.

Article 2. Les pouvoirs dévolus au ministre de l'Intérieur par le texte susvisé seront exercés par le gouverneur général dans les colonies groupées en fédération et par le gouverneur ou l'administrateur dans les colonies autonomes.

Article 3. L'interdiction prévue à l'alinéa 2 de l'Article 14 de la Loi du 29 Juillet 1881 s'étend aux écrits rédigés en langue française ou indigène. Elle pourra être prononcée à l'encontre des écrits de provenance étrangère, imprimés dans les colonies ou dans tout autre territoire soumis à l'autorité française.

Article 4. Le présent décret sera soumis à la ratification des Chambres, conformément aux dispositions de la Loi du 19 Mars 1939.²

DECRET DU 24 AOÛT 1939

Concernant le contrôle de la presse et des publications³

Article 1. Lorsque la période d'exécution de l'une ou de l'autre des mesures prévues par la Loi du 11 Juillet 1939 sur l'organisation de la Nation pour le temps de guerre aura été ouverte dans les conditions fixées par l'Article 1er de ladite loi, le Gouvernement est autorisé à prendre, par décret, les mesures nécessaires à l'organisation et au fonctionnement du contrôle de la presse et des publications de toute nature; les infractions à ces mesures seront punies des peines prévues à l'Article 27 de la Loi de 29 Juillet 1881 sur la liberté de la presse. L'autorité

1. Code de la Presse, Documentation française, sách đã dẫn tài liệu số 1-D-2, J.O.

2 Août 1939, p. 9622

2. Le Décret-loi du 6 Mai 1939 a modifié l'Article 14 de la Loi du 29 Juillet 1881.

3. Promulgué le 29.9.1939 en Indochine. (J.O.L. 1939, p. 2309)

administrative pourra procéder à la saisie de toute publication faite en violation des mesures précitées.

Article 2. Le présent décret sera soumis à la ratification des chambres conformément aux dispositions de la Loi du 19 Mars 1939.

DECRET DU 27 AOÛT 1939

Relatif au contrôle préventif des imprimés, dessins ou écrits de toute nature destinés à la publication, des textes de toutes émissions radiophoniques et de toutes projections cinématographiques.¹

Article 1. A dater du 28 Août 1939, les imprimés, dessins ou écrits de toute nature destinés à la publication, les textes de toutes émissions radiophoniques et toutes projections cinématographiques seront soumis au contrôle préventif du Service général d'Information qui aura le droit d'interdire leur publication, leur émission ou leur projection.

(D. du 12 Septembre 1939, promulgué le 19 9.1939). La circulation, la distribution, la mise en vente, l'exposition aux regards du public et la détention en vue de la distribution, de la vente ou de l'exposition des imprimés, dessins ou écrits de toute nature, les émissions radiophoniques et les projections cinématographiques non soumis au contrôle préventif du Service général de l'Information, sont, par suite interdites.

Article 2. L'exportation de tous documents photographiques ou cinématographiques non développés est interdite,

Article 3. Les documents cinématographiques développés ne peuvent être exportés hors du territoire métropolitain s'ils ne sont revêtus du visa du Chef du Service d'Information ou de son délégué ; les documents photographiques développés destinés à l'exportation sont soumis au visa du Préfet du Département dans lequel ils ont été pris, dans la Seine à celui du Directeur du Service d'Information ou de son délégué.

Article 4. Les infractions aux dispositions ci-dessus seront passibles des sanctions prévues par le Décret du 24 Août 1939.

1. Promulgué le 29.8.1939 en Indochine J.O.I. 1939, p. 2509.

DECRET DU 1er SEPTEMBRE 1939

Réprimant la publication d'information de nature à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée et des populations.

Article 1. Dès que la mobilisation générale est décrétée, il est interdit de publier, par l'un des moyens énumérés à l'Article 23 de la Loi du 29 Juillet 1881 sur la liberté de la presse, toute information de nature à favoriser les entreprises d'une puissance étrangère contre (la France) le Vietnam ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée et des populations.

Article 2. Sous réserve des dispositions spéciales prévues en matière d'état de siège, les infractions aux dispositions de l'article précédent sont déferées aux tribunaux correctionnels et punies d'un emprisonnement d'un an à dix ans et d'une amende de 240.000 à 2.100.000 francs (4.000 à 40 000 piastres).

(D.L. 20 Janvier 1940) Si les discours ou propos, cris ou menaces, écrits, imprimés, placards ou affiches, visés à l'Article 1er ci-dessus, sans présenter le caractère d'une information sont, néanmoins, de nature à favoriser les entreprises d'une puissance étrangère contre (la France) le Vietnam ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée et des populations, la peine sera d'un mois à deux ans d'emprisonnement et d'une amende de 12.000 à 1.200.000 francs (2.000 à 20.000\$).

Article 3 Le présent décret cessera d'être en vigueur à la date qui sera fixée par décret. Il sera soumis à la ratification des Chambres, conformément à la Loi du 10 Mars 1939.

DỤ No 78 DU 15 JANVIER 1940

En vue de poursuivre les auteurs d'information de nature à favoriser les entreprises étrangères contre (la France ou) l'Empire d'Annam ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée ou de la population¹

Article 1— Quiconque aura rendu publique toute information de nature à favoriser les entreprises étrangères contre (la France ou) l'Empire d'Annam, ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée ou de la population, sera puni d'un emprisonnement d'un an à dix ans et d'une amende de (100 à 1.000 francs) 2.000\$ à 20.000\$

Article 2— Les dispositions bienveillantes du chapitre 27 du Code pénal sur l'atténuation des peines ne sont pas applicables aux délits visés à l'Article 1er du présent Dû.

DECRET DU 29 MAI 1941

modifiant le décret du 2 Octobre 1927

Article 1. Les Articles 10, 13 et 18 du Décret susvisé du 2 Octobre 1927 sont ainsi modifiés :

Article 10. Des arrêtés du Gouverneur Général s'inspirant de l'Article 15 tel qu'il a été modifié par la Loi du 24.1.1941 et de l'article 17 de la Loi du 29.7.1881 et sanctionnés des peines prévues à ces deux articles fixeront les règles d'affichage en Indochine.

Article 13. L'Article 26 tel qu'il a été modifié en ce qui concerne les colonies par la Loi du 29 Mai.1941 et les Articles 27 et 28 de la Loi du 29 Juillet 1881 relatifs aux délits contre la chose publique sont rendus applicables en Indochine et complétés par les dispositions suivantes.

« La production, la détention, la publication, la mise en vente, la distribution, l'exposition, l'usage ou la projection de dessins, gravures, peintures, emblèmes, images, photographies, écrits, imprimés, disques ou rouleaux photographiques, films cinéma tographiques, clichés de projections lumineuses, susceptibles de porter atteinte au respect dû à l'autorité française en Indochine et aux gouvernements indigènes protégés

par la France, seront punis d'un emprisonnement de trois mois à deux ans et d'une amende de 100 à 300 francs ou de l'une de ces deux peines seulement » (*le reste de l'article sans changement*).

Article 18. Les crimes et délits prévus par le présent décret sont déférés à la cour criminelle.

Sont exceptés et déférés aux tribunaux correctionnels les délits et infractions prévus par les Articles 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9 et 18, paragraphes 2, 3 et 4 du présent décret, aux Articles 17, paragraphes 2 et 4 ; 26, 28 paragraphe 2 ; 30, 31, 32, 33, 36, 37, 38, 39 et 40 de la Loi du 29 Juillet 1881, ainsi que les provocations aux crimes de meurtre, pillage et incendie, les dites provocations prévues et réprimées par l'Article 24 de ladite loi.

Sont encore exceptées et renvoyées devant les tribunaux de simple police les contraventions prévues par les Articles 10 et 11 du présent Décret et les Articles 15, 17 paragraphes 1er et 3, 21 et 33, paragraphe 3 de la Loi du 29 Juillet 1881.

LOI DU 13 DÉCEMBRE 1941

Soumettant à l'autorisation préalable la création de tout nouveau journal quotidien et périodique, dans les territoires relevant du Secrétariat d'Etat aux Colonies ¹.

Article 1. Jusqu'à une date qui sera fixée par décret, la création dans les territoires relevant du Secrétariat d'Etat aux Colonies de tout nouveau journal quotidien et périodique est soumise à autorisation ; celle-ci est donnée par le Gouverneur Général en Commission Permanente Gouvernement dans les territoires groupés en fédération, par le Haut Commissaire de l'Afrique Française et dans les mêmes formes dans les territoires placés sous son autorité, par le Gouverneur ou Chef de territoire en Conseil Privé ou en Conseil d'Administration dans les colonies autonomes ; cette autorisation est toujours révocable dans les mêmes formes.

(*L. du 21 Septembre 1943, promulguée le 6.10.1943*). Les journaux créés avant la promulgation de la présente loi seront considérés comme ayant été tacitement autorisés. Cette autorisation tacite est révocable dans les mêmes conditions et formes que pour les journaux créés après la promulgation de ladite loi.

¹ Promulguée le 17.12.1941

Article 2. Toute infraction aux dispositions du présent décret sera punie des peines prévues à l'Article 46 de la Loi du 11 Juillet 1938 et entraînera la saisie des numéros imprimés.

Article 3. Dans le Haut-Commissariat de l'Afrique française et en Indochine sont maintenues en vigueur les dispositions des Décrets du 29 Décembre 1922 (Art. 23), du 27 Octobre 1923 (Art.3) et du 30 Juin 1935 aux termes desquelles la publication de tout journal et écrit périodique rédigés en une autre langue que le français est soumise à une autorisation préalable. Toutefois les infractions en cette matière seront pour ces territoires celles prévues à l'Article 2 du présent décret.

Article 4. Le présent décret sera publié au Journal Officiel et exécuté comme loi de l'Etat.

ORDONNANCE DU 6 MAI 1944

Relative au régime de la presse en temps de guerre

Article 1. La liberté de la presse et de l'information en général, jusqu'à la publication du décret fixant la date de cessation des hostilités, est assurée les conditions prévues par la Loi du 29 Juillet 1881, les textes subséquents et les dispositions de la présente ordonnance.

Article 2. L'autorité compétente a le pouvoir d'interdire toutes informations et publications susceptibles de commettre la sécurité des armées ou celles des populations soumises à l'oppression de l'ennemi et de l'usurpateur, ou, d'une manière générale, les nécessités de la défense nationale.

Toute infraction à ces interdictions sera punie d'un emprisonnement d'un à cinq ans et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de francs.

Sur le plan politique, aucune interdiction préalable ne peut être exprimée.

Article 3. Sont suspendues jusqu'à la publication du décret fixant la date de cessation des hostilités, toutes dispositions contraires à la présente ordonnance.

Note : Cette Ordonnance, promulguée à Alger, a été rendue exécutoire sur la territoire de la France continentale par l'Ordonnance du 9 Août 1944 portant rétablissement de la légalité républicaine. Elle a été rendue applicable aux colonies par l'Ordonnance du 31 Novembre 1944, J.O. 20 Mai 1944, p.402.

ORDONNANCE DU 24 NOVEMBRE 1944

Relative aux régimes de la presse dans les colonies françaises¹

Article 1. Les Lois des 16 Mars 1893 et 10 Janvier 1936 qui ont modifié la Loi du 29 Juillet 1881 sur la liberté de la presse sont déclarées applicables aux colonies.

Article 2. L'Ordonnance du 6 Mai 1914 relative au régime de la presse en temps de guerre et l'ordonnance du 6 Mai 1914 relative à la répression des délits de presse sont déclarées applicables aux colonies.

Article 3 Des décrets rendus sur la proposition du ministre des colonies fixeront les conditions d'application de la présente ordonnance aux territoires relevant de son autorité où la Loi du 29 Juillet 1881 susvisée n'est pas directement applicable.

Il n'est pas dérogé par la présente ordonnance au Décret du 30 Septembre 1921, relatif au régime de la presse en Afrique équatoriale française, au Décret du 30 Décembre 1898 relatif au régime de la presse en Cochinchine, au Décret du 4 Octobre 1927 sur le régime de presse en Indochine exception faite pour la Cochinchine...

DÉCRET No 46-1644 DU 17 JUILLET 1946

Tendant à fixer les conditions du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère de la France d'Outre-Mer.

Titre Premier

ORGANISATION DU SERVICE

Article 1. Dans les territoires relevant du Ministère de France d'Outre-Mer, les imprimés, de toute nature, livres périodiques, brochures, estampes, gravures, cartes postales illustrées, affiches, cartes de géographie et autres, les œuvres musicales, photographiques, cinématographiques, mises publiquement en vente, en distribution ou en location, ou cédées pour la reproduction, sont soumis à la formalité du dépôt légal.

1. Code de la Presse, tài liệu số 1-D-4, sách đã dẫn, J.O. 25 Novembre 1944.

Article 2. Sont exclus du dépôt :

- les travaux d'impression dits de ville, tels que lettres et cartes d'invitation, d'avis, d'adresse, de visite, etc...
- lettres et enveloppes à en-tête ;
- les travaux d'impression dits administratifs, tels que modèles, formules et contextures pour factures, actes, états, registres, etc...
- les travaux d'impression dits de commerce, tels que tarifs, instruction, étiquettes, cartes d'échantillons, etc...
- les bulletins de vote, ainsi que les titres de publication non encore imprimés ;
- les titres de valeurs financières.

Article 3. Dans chaque territoire ou groupe de territoire, il est institué au chef-lieu un service du dépôt légal, dénommé « régie du dépôt légal ».

La régie du dépôt légal est dirigée par un fonctionnaire de l'administration locale, nommé par le chef du territoire.

Ce dernier fixera par arrêté les modalités d'organisation du service, qui est chargé de centraliser les exemplaires déposés en vertu du présent décret, de les répartir, d'envoyer dans la métropole un certain nombre d'exemplaires et d'assurer la conservation des autres dans le territoire, conformément aux prescriptions des articles ci-dessous.

Titre II

RÉGIME DU DÉPÔT LÉGAL

Article 4. Toute œuvre des arts graphiques entrant dans l'énumération prévue à l'Article 1er du présent décret devra, sous réserve des dispositions de l'Article 5 faire l'objet de dépôts effectués en deux exemplaires par l'imprimeur ou producteur et en six exemplaires par l'éditeur.

Tous travaux d'impression ou d'édition soumis à l'application des dispositions du présent décret doivent être inscrits sur les registres spéciaux. Chaque inscription est affectée d'un numéro d'ordre suivant une série ininterrompue.

Article 5. Sur tous les exemplaires d'une même œuvre soumis au dépôt légal doivent figurer les mentions suivantes :

1. Nom de l'imprimeur ou producteur ;
2. Lieu de sa résidence ;
3. Mois et millésime de l'année de création ou d'édition ;

4. Les mots «dépôt légal» suivis de l'indication de l'année ou du trimestre au cours duquel le dépôt a été effectué ;
5. Numéro d'ordre dans la série des travaux de la maison d'impression et de la maison d'édition visés à l'Article 4 du présent décret. Pour les auteurs éditant eux mêmes ce numéro sera remplacé par le nom de l'auteur suivi du mot «éditeurs».

Les nouveaux tirages devront porter l'indication du millésime de l'année où ils sont effectués. Ils seront revêtus des mentions prévues ci-dessus, ainsi que la date du dépôt primitivement effectué.

Les photographies de toute nature, mises en vente, en distribution, en location ou cédées pour la reproduction, devront porter le nom ou la marque de l'auteur et du concessionnaire du droit de reproduction ainsi que la mention de l'année de la création.

Les exemplaires déposés devront être conformes aux exemplaires courants imprimés, mis en vente, en location ou en distribution et de nature à en permettre conservation.

Titre III

DÉPÔT DE L'IMPRIMEUR OU DU PRODUCTEUR

Article 6. Le dépôt incombant à l'imprimeur ou au producteur est effectué, en ce qui concerne les imprimés, dès l'achèvement du tirage. Il est fait directement à la régie du dépôt légal ou par voie postale et en franchise. Le fonctionnaire chargé de la régie du dépôt légal assure dans un délai d'un mois la transmission à la bibliothèque nationale d'un des exemplaires déposés. Le second exemplaire est conservé dans le territoire dans des conditions fixées par arrêté du chef du territoire.

Lorsqu'il s'agit d'ouvrage dont la confection nécessite la collaboration de plusieurs spécialistes, le dépôt sera effectué par celui d'entre eux qui l'aura eu en mains avant la livraison à l'éditeur.

Article 7. Les imprimeurs et producteurs peuvent ne déposer qu'en un seul exemplaire les nouvelles éditions et les ouvrages dont le tirage n'est pas supérieur à trois cents exemplaires numérotés, et qui, par leur présentation, peuvent être considérés au regard du présent décret comme ouvrage de luxe.

Les dispositions de l'alinéa qui précède sont applicables au dépôt des estampes artistiques tirées à moins de deux exemplaires.

Les producteurs de disques phonographiques et de films cinématographiques devront en déposer un exemplaire au service du dépôt légal du territoire.

Sont exclues du dépôt légal d'imprimeur les éditions musicales

Article 8. Le dépôt est accompagné d'une déclaration en trois exemplaires datée et signée et mentionnant :

1. le nom et l'adresse de l'imprimeur ou du producteur ;
2. le titre de l'ouvrage, les noms et sujets pour les estampes, les photographies, etc...
3. le chiffre du tirage ;
- 4 le nom patronymique et les prénoms de l'auteur, éventuellement accompagnés du pseudonyme ou de la mention de l'anonymat ;
5. Le nom, l'adresse et la qualité de la personne pour laquelle est fait le tirage ;
- 6 la date d'achèvement du tirage ;
7. le numéro d'ordre dans la série des travaux de l'imprimeur visé à l'Article 4 du présent décret ;

L'un des exemplaires de la déclaration est renvoyé au déclarant revêtu de l'apostille de la régie du dépôt légal.

Il tient lieu d'accusé de réception. Les imprimeurs et producteurs de périodiques sont admis à grouper les déclarations prévues au présent article en une déclaration globale et annuelle faite en triple exemplaire, et accompagnant le dernier numéro de chaque année.

Les graveurs ou les photographes tirant des épreuves par unité au fur et à mesure des demandes de planches ou clichés conservés par eux doivent mentionner dans leur déclaration que le chiffre du tirage n'est pas limité.

Titre IV

DÉPÔT DE L'ÉDITEUR

Article 9. Tout éditeur ou toute personne physique ou morale qui en tient lieu, imprimeur-éditeur, association, syndicat, société civile ou commerciale, auteur éditant lui-même ses œuvres, ou dépositaire principal d'ouvrages importés administration publique, et qui met en vente, en distribution, en location, ou qui cède pour la reproduction une œuvre des arts graphiques portant ou non l'indication de sa firme doit en déposer six exemplaires complets à la régie du dépôt légal au chef lieu.

Le dépôt est fait directement à la régie du dépôt légal ou par vole postale et en franchise. Le service de la régie du dépôt légal assurera la répartition de ces exemplaires dans les conditions fixées à l'Article 12.

Le dépôt aura lieu préalablement à la mise en vente, en distribution, en location ou à la cession pour la reproduction, sauf pour les éditions musicales, pour lesquelles le dépôt doit être effectué dans un délai de trois mois.

Les nouvelles éditions et les ouvrages de luxe tels qu'ils sont définis à l'Article 7 du présent décret ainsi que les estampes artistiques tirées à moins de 200 exemplaires pourront être déposés en trois exemplaires complets et en bon état, dont l'un sera adressé à la bibliothèque Nationale, un autre au service des archives du Ministère de la France d'Outre-Mer et le troisième restera à la colonie.

Les disques phonographiques seront déposés en trois exemplaires en bon état dont un sera adressé à la Bibliothèque nationale, un autre à l'Agence économique des colonies, le troisième restera à la colonie.

Les films cinématographiques doivent être déposés au titre de l'éditeur ou du distributeur en deux exemplaires, dont l'un sera adressé à la Bibliothèque nationale, et l'autre à l'Agence économique des colonies.

Les partitions musicales manuscrites ou reproduites mécaniquement à moins de dix exemplaires sont déposées en un seul exemplaire à la légie du dépôt légal. Cet exemplaire est transmis au service du dépôt égal, à la Bibliothèque nationale, qui en établira une reproduction photographique. Il doit être restitué aux déposants à l'expiration du délai maximum de six mois.

Article 10. Les dépôts adressés à la régie du dépôt légal au chef-lieu sont accompagnés d'une déclaration en deux exemplaires daté et signé, mentionnant :

1. Le titre de l'ouvrage ;
2. Les noms de l'auteur, de l'imprimeur ou du fabricant et de l'éditeur ;
3. La date prévue pour la mise en vente ;
4. Le prix de l'ouvrage ;
5. Le chiffre du tirage ;
6. Pour les livres, le format en centimètres ;
7. Le nombre de pages et hors textes ;
8. La date de l'achèvement du tirage ;
9. Le numéro d'ordre dans la série des travaux de l'éditeur visé à l'Article 4 du présent décret.

La déclaration accompagnant le dépôt des œuvres musicales sera rédigée conformément aux dispositions de l'Article 8.

L'un des exemplaires de la déclaration sera retourné au déclarant avec l'apostille de la régie ou du dépôt légal. Il vaut accusé de réception.

Les éditeurs de périodiques sont admis à grouper les déclarations prévues au présent article en une déclaration globale et annuelle faite en triple exemplaire et accompagnant le dernier numéro de chaque année.

Mais la déclaration doit accompagner le premier envoi de tout périodique paraissant nouvellement ou qui aurait fait l'objet d'une modification de titre, de format et de périodicité.

Article 11. En même temps que les déclarations prévues au précédent article, les éditeurs devront fournir à la régie du dépôt légal des fiches bibliographiques dressées conformément aux règles fixées pour la rédaction de la bibliographie de la France. Ces fiches seront établies en onze exemplaires, sur les modèles remis par la régie du dépôt légal, conformes à ceux délivrés par la Bibliothèque nationale. Elles seront réparties ainsi :

- Trois fiches bibliographiques à la Bibliothèque Nationale à Paris ;
- Quatre fiches bibliographiques à la bibliothèque du Ministère de la France d'Outre-Mer, à Paris ;
- Quatre fiches bibliographiques dans les services ou bibliothèques de la Colonie désignés par le Gouverneur.

Article 12. La répartition des exemplaires déposés par l'éditeur à la régie du dépôt légal s'effectuera dans les conditions suivantes :

Une exemplaire à la Bibliothèque nationale, à Paris ; trois exemplaires au service des Archives et de la Bibliothèque du Ministère de la France d'Outre-Mer, à Paris. Les deux exemplaires restant au service de la régie du dépôt légal du territoire seront conservés dans le territoire et répartis dans les conditions fixées par arrêté du chef du territoire.

Les exemplaires et fiches bibliographiques transmis au service des archives et de la bibliothèque du Ministère de la France d'Outre-Mer seront répartis par les soins de ce service entre les bibliothèques et établissements publics coloniaux désignés par arrêté du Ministère de la France d'Outre-Mer.

Titre V

SANCTIONS

Article 13. Au cas d'inexécution totale ou partielle des dépôts prescrits par le présent décret un mois après l'envoi par lettre recommandée d'une mise en demeure restée infructueuse, la régie du dépôt légal pourra faire procéder à l'achat dans le commerce, sur les fonds du budget local, de l'œuvre non déposée ou des exemplaires manquants, et ce, aux frais de la personne physique ou morale soumise à l'obligation du dépôt légal.

Le remboursement des frais d'achat pourra être poursuivi soit par la voie civile, soit, le cas échéant, par la voie de constitution de partie civile lors des poursuites exercées conformément à l'Article 14 ci-après et sauf éventuellement le secours du condamné contre le civilement responsable.

L'action de la régie se prescrit par dix années à compter de la publication de l'œuvre soumise au dépôt. Cette prescription peut être interrompue par l'envoi d'une lettre recommandée avec accusé de réception par le chef du service de la régie du dépôt légal du territoire.

Au cas où les poursuites resteraient sans effet, les sommes imputées au budget local seraient remboursées par les budgets des organismes auxquels les œuvres achetées sont finalement destinées au prorata du nombre d'exemplaires reçus par ces organismes.

Article 14. Sera puni d'une amende de 200 à 3.000 francs et au cas de récidive d'une amende de 3.000 à 10.000 francs, quiconque se sera volontairement soustrait aux obligations mises à sa charge par le présent décret.

Le cas échéant, le tribunal prononcera contre le prévenu et s'il y a lieu, contre le civilement responsable avec solidarité, condamnation au paiement des exemplaires achetés d'office, conformément aux dispositions de l'Article 13 ci-dessus.

En outre, la saisie et la confiscation des exemplaires mis illicitement en vente peuvent être ordonnées.

L'action pénale se prescrit par trois ans à dater de la publication.

Titre VI

DISPOSITIONS DIVERSES

Article 15. Le dépôt réglementé par le présent décret ne se confond pas avec les dépôts prévus par l'Article 10 de la Loi sur la presse du 29 Juillet 1881, et l'Article 16 du Décret du 4 Octobre 1927 sur le régime de la presse en Indochine, exception faite de la Cochinchine.

Article 16. Les déclarations prévues aux Articles 8 et 10 peuvent être librement consultées par les déposants eux-mêmes, les auteurs ou leurs ayant cause respectifs. Ils ont le droit d'obtenir la délivrance de copie de ces déclarations.

Article 17. Des arrêtés locaux détermineront dans chaque groupe de territoires ou territoire, l'organisation, les conditions du fonctionnement de la régie du dépôt légal et, en général toutes les mesures de détail soulevées par l'application du présent décret.

Article 18. Sont abrogées toutes les dispositions contraires à celles du présent décret et notamment des Articles 3 et 4 de la Loi 29 Juillet 1881 sur la presse et l'Article 3 du Décret du 4 Octobre 1927 sur le régime de la presse en Indochine, exception faite de la Cochinchine. Est explicitement annulé l'acte dit Décret du 9 Mai 1944.

Est également abrogé, en tant qu'il s'appliquait au dépôt exigé par l'Article 3 de la Loi du 29 Juillet 1881, le Décret du 12 Janvier 1922 relatif au dépôt des journaux et publications de toute nature en Afrique occidentale française.

Article 19. Le Garde des Sceaux, le Ministre de la Justice, le Ministre de l'Education nationale et le Ministre de la France d'Outre-Mer sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent décret qui sera publié au journal officiel du Ministère de la France d'Outre-Mer.

Paris, le 17 juillet 1956

Le Président du gouvernement provisoire
de la République :
Georges Bidault

ARRÊTÉ DU 12 OCTOBRE 1946

portant promulgation en Indochine du décret du 17 Juillet 1946 tendant à fixer les conditions du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère de la France d'Outre-Mer¹

Article 2. Est promulgué en Indochine le Décret du 17 Juillet 1946 tendant à fixer les conditions du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère de la France d'Outre-Mer.

Article 3. Les Commissaires de la République, le Chef du service fédéral des Archives et/des Bibliothèques et le Directeur fédéral des Transmissions sont chargés chacun en ce qu'il concerne, de l'exécution du présent arrêté qui sera publié au Journal officiel de la Fédération Indochinoise.

Salgon le 12 Octobre 1946

Le Haut Commissaire de France pour l'Indochine
par délégation :

Le Directeur du Cabinet
Signé : Longeaux

SẮC LỆNH SỐ 36-TT NGÀY 19.9.1949

Ấn định chức chương của Bộ trưởng Bộ Thông tin

Điều 1. Bộ trưởng Bộ Thông tin, sau khi đã thỏa hiệp với các Tổng trưởng và Bộ trưởng sở quan, đệ lên Quốc trưởng duyệt y một chính sách về các vấn đề liên quan đến báo chí, xuất bản phẩm và sự truyền bá bằng vô tuyến điện.

Điều 2. Thực hành điều trên, Bộ trưởng Bộ Thông tin phụ trách:

Về báo chí

1. Soạn thảo và kiểm soát việc thi hành những luật lệ có liên quan tới quy chế báo chí bằng Việt ngữ, Pháp ngữ và ngoại ngữ.

2. Sưu tầm các tài liệu như những bài nghiên cứu, các bản thống kê hay tuyên bản các báo và tranh ảnh, và tùy trường hợp công bố các tài liệu đề cho dân chúng tham dự vào sự hoạt động của Chánh phủ.

Về xuất bản phẩm

Soạn thảo và kiểm soát việc thi hành những luật lệ có liên quan tới việc ấn loát, xuất bản và phát hành các sách, tập san và ấn loát phẩm về đủ các loại bất cứ vấn đề hay mục đích nào.

Về truyền bá bằng vô tuyến điện

1. Soạn thảo và kiểm soát việc thi hành những luật lệ có liên quan tới việc thiết lập, hoạt động hay sử dụng những đài và máy phát thanh bằng vô tuyến điện công hay tư, cùng việc kiểm soát những cuộc phát thanh bằng vô tuyến điện và những máy thu thanh.

2. Thỏa hiệp với Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao đề nghiên cứu những vấn đề liên quan tới việc thiết lập ở các nước trong khối Liên hiệp Pháp hay các nước khác, những phòng Thông tin có mục đích cho dư luận quốc tế hiểu biết nước Việt Nam.

Điều 3. Trong khi chờ đợi sự ban hành quy chế báo chí nói ở Điều 2 khoản 1 đoạn 2 kê trên, riêng Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền có quyền cấp phát giấy phép xuất bản báo chí, sau khi Thủ hiến nơi mà các báo chí ấy xuất bản, điều tra và đề nghị.

Chỉ trong trường hợp có liên quan đến việc trị an, các Thủ hiến mới có quyền:

1. Tự ý hay theo lời yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Bộ trưởng Bộ Thông tin, tịch thu những báo chí và xuất bản phẩm trước khi hay trong khi lưu hành.

Khi tự ý ra lệnh tịch thu, Thủ hiến lập tức tường trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ hay Bộ trưởng Bộ Thông tin.

2. Tự ý hay theo lời yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Bộ trưởng Bộ Thông tin ra nghị định đình bản báo chí trong một hạn nhiều nhất là 15 ngày nếu là báo hàng ngày và hai tháng nếu là những loại khác.

Khi tự ý ra lệnh đình bản, Thủ hiến lập tức tường trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Thông tin.

Riêng Bộ trưởng Bộ Thông tin có quyền hủy bỏ giấy phép xuất bản báo chí và ra nghị định đình bản trong một hạn quá 15 ngày nếu là báo hàng ngày và một hạn quá hai tháng, nếu là các loại báo khác.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Thông tin có quyền ký kết hợp đồng với những thông tấn xã Pháp hay ngoại quốc ;

1. Để truyền bá các tin tức về nước Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp và ngoại quốc.

2. Để truyền bá các tin tức về khối Liên hiệp Pháp và ngoại quốc trong nước Việt Nam.

Cơ quan gọi là Việt Nam Thông Tấn Xã (Agence Vietnam Presse) thuộc Bộ Thông tin và do Bộ ấy điều hành.

Điều 5. Trong khi chờ đợi ban hành luật lệ về việc xuất bản Bộ trưởng Bộ Thông tin có quyền kiểm soát việc ấn loát và truyền bá sách và ấn loát phẩm các loại bất cứ về vấn đề hay mục đích nào.

Như vậy, Bộ trưởng Bộ Thông tin có thể tự mình hay ủy quyền, cấp giấy phép ấn loát cho tất cả các xuất bản phẩm nói ở đoạn trên.

Tự ý hay theo lời yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Bộ trưởng Bộ Thông tin và riêng vì những lý do về việc trị an, các Thủ hiến có thể tịch thu những xuất bản phẩm kể trên

Khi tự ý ra lệnh tịch thu, Thủ hiến lập tức tường trình các Bộ trưởng sở quan.

Điều 6. Trong khi chờ đợi việc ban hành luật lệ về truyền bá bằng vô tuyến điện, chỉ riêng Bộ trưởng Bộ Thông tin được quyền tổ chức và điều hành các đài phát thanh hiện đã thiết lập trên lãnh thổ nước Việt nam.

Bộ trưởng Bộ Thông tin tổ chức và kiểm soát những cuộc phát thanh. Nếu cuộc phát thanh có tính cách chuyên môn, thì Bộ trưởng Bộ Thông tin thỏa hiệp trước với các Tổng trưởng hoặc Bộ trưởng sở quan.

Điều 7. Phó Thủ tướng Chánh phủ, các Tổng trưởng Bộ trưởng và Tổng thư ký Chánh phủ, chiếu theo nhiệm vụ thì hành Sắc lệnh này.

Hà Nội, ngày 19 tháng Chín 1949

Quốc Trưởng Việt Nam

Ký tên : Bảo Đại

ARRÊTÉ No 146-CAB-SG DU 7 MARS 1952

Sur le délai de publication des journaux

Article 1. Les arrêtés accordant autorisation de paraître aux journaux, quelle que soit la langue dans laquelle ils doivent être édités, deviennent caducs si aucun numéro n'a été publié dans un délai de deux mois à compter de la signature de ces arrêtés.

Article 2. Seront frappés de la même caducité les arrêtés concernant les journaux qui, ayant été édités, cesseront d'eux-mêmes de paraître pendant plus de deux mois.

Article 3. Dans les deux cas visés aux Articles 1er et 2 ci-dessus, la personne titulaire de l'autorisation devenue caduque ne pourra soit commencer, soit recommencer à faire paraître le journal avant d'avoir obtenu une nouvelle autorisation de l'autorité compétente.

Article 4. A titre transitoire, pour les autorisations déjà délivrées mais n'ayant reçu aucun commencement d'exécution et pour les journaux dont les responsables ont d'eux-mêmes suspendu l'édition, le délai de deux mois prévu à l'Article 1er ne commence à courir qu'à compter de la date de signature du présent arrêté.

Article 5. Tout journal paraissant en violation des dispositions du présent arrêté sera considéré comme non autorisé et traité comme tel, sans préjudice des poursuites susceptibles d'être engagées, le cas échéant, contre les responsables pour contraventions aux règlements légalement établis par l'autorité administrative pour infractions aux lois pénales en vigueur.

Article 6. Le Vice-Président du Conseil, le Ministre de Justice, le Ministre de la Sécurité Publique, les Gouverneurs Régionaux et le Directeur Général de l'Information sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté.

Saigon, le 7 Mars 1952

Le Président du gouvernement

Signé : Trần Văn Hữu

NGHỊ-ĐỊNH SỐ 275-PTT/TTK NGÀY 5.4.1954

ấn định thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm
xuất bản trong nước.

Điều 1. Nay hủy bỏ các Nghị định số 81-SG ngày 19.5.1950 và số 31-Cab/Prés ngày 6.9.1950 chiếu thượng và thay thế bằng các điều khoản của Nghị định này.

Điều 2. Ngoại trừ các giấy tờ « xã giao thông thường » các ấn loát phẩm thuộc các loại sách, báo, tranh, ảnh, bìa, bưu ngữ, áp phích, truyền đơn, các vở tuồng hay kịch, các bài hát, bản nhạc đề xuất bản, công bố, diễn xuất trước công chúng hay quảng bá bằng vô tuyến truyền thanh hay chiếu bóng, cùng các bài diễn thuyết hay nói chuyện công cộng, đều phải được tác giả, nhà xuất bản hay người diễn xuất đưa trình bản thảo trước các ủy ban trừ định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 3. Các Ủy ban kiểm duyệt địa phương, do nghị định của Tổng trưởng Bộ Thông tin thành lập và tổ chức sẽ gồm có :

- Giám đốc Thông tin địa phương hoặc Đại biểu, *Chủ tịch*
- Một Đại biểu Thủ hiến địa phương, *Ủy viên*
- Một Đại biểu Chương lý, *Ủy viên*
- Một Đại biểu Quân đội Việt Nam, *Ủy viên*

Điều 4. Cấm không được khai thác những bản thảo hay những đoạn trong bản thảo mà các ủy ban kiểm duyệt đã từ chối kiểm nhận ai vi phạm sẽ bị phạt vạ theo như định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 5. Có thể kháng cáo các quyết định của các Ủy ban Sơ thẩm, lên các Ủy ban kiểm duyệt tài thẩm do Nghị định của Tổng trưởng Bộ Thông tin thành lập tại mỗi phần.

Các Ủy ban tái thẩm sẽ gồm có :

- Một Đại diện của Bộ Trưởng Bộ Thông tin, *Chủ tịch*
- Một Đại diện của Tổng trưởng Bộ Nội vụ, *Ủy viên*
- Một Đại diện của Nghiệp đoàn hay đoàn thể các Chủ báo địa phương, *Ủy viên*

Các quyết định của Ủy ban Sơ thẩm bị kháng cáo, vẫn được thi hành ngay.

Điều 6. Trong trường hợp các tài liệu dự ở điều thứ 2 không được đệ trình kiểm duyệt trước hay được khai thác trái với quyết định của các ủy ban kiểm duyệt, các người vi phạm sẽ chịu một hay nhiều trường phạt sau đây :

A. Do quyết định của Thủ hiến sở quan, tự ý hành động hay do một lời yêu cầu của Tổng trưởng Bộ Thông tin :

1. Tịch thu, theo thể thức hành chính các tác phẩm phạm lệ ;
2. Đình bản các nhật báo trong một thời kỳ không tới mười lăm ngày hay các tạp chí định kỳ trong một thời kỳ không tới hai tháng.
3. Đóng cửa tạm thời trong một thời kỳ không tới mười lăm ngày các rạp hát, nhà in, nhà xuất bản, cửa hàng bán và nhà phát hành các tác phẩm phạm lệ.

B. Do quyết định của Tổng trưởng Bộ Thông tin tự ý hành động hay do lời đề nghị của Thủ hiến sở quan :

1. Đình bản các nhật báo từ mười lăm ngày trở lên, hay các tạp chí định kỳ từ hai tháng trở lên ;
2. Đình bản vĩnh viễn các loại báo chí.

C. Do quyết định của Tổng trưởng Bộ Nội vụ tự ý hành động hay do lời đề nghị của Thủ hiến sở quan hay của Tổng trưởng Bộ Thông tin :

Đóng cửa tạm thời mười lăm ngày tới ba tháng các rạp hát, nhà in, nhà xuất bản, cửa hàng bán hay nhà phát hành.

Khi quyết định một trường phạt nói trên đây nhà chức trách hành quyền (trong ba vị kể trên) sẽ báo cho hai vị kia được biết.

Điều 7. Ngoài các trường phạt nói ở điều trên, các tác giả, giám đốc, quản lý, chủ nhà in, người phát hành, người bán, chủ gánh hát hay chủ nhà hát vẫn có thể bị truy tố và trừng phạt theo hình luật hiện hành.

Điều 8. Tổng trưởng Bộ Nội vụ Tổng trưởng Bộ Thông tin, Tổng trưởng Bộ Tư pháp, Tổng trưởng Bộ Quốc phòng và Thủ Hiến các phần chiêu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

Saigon, ngày 5 tháng Tư 1954

Thủ Tướng Chánh Phủ

Ký tên : Bửu Lộc

NGHỊ ĐỊNH SỐ 269/NĐ/BTT NGÀY 15.10.1954

**cấm các chủ nhiệm báo chí
không được cho người khác mượn hoặc khai thác
giấy phép xuất bản báo chí của mình**

Điều 1. Nay cấm các Chủ nhiệm báo chí không được cho người khác mượn hoặc khai thác giấy phép xuất bản báo chí của mình.

Điều 2. Chủ nhiệm báo chí nào vi phạm điều trên này sẽ bị thu hồi giấy phép.

Điều 3. Đồng lý Văn phòng Bộ Thông tin và Giám đốc các Nha Thông tin Bắc, Trung, Nam Việt, chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Saigon, ngày 15 tháng 10 năm 1954

Tổng trưởng Bộ Thông tin

Phạm Xuân Thái

DỰ SỐ 65 NGÀY 17.10.1955

**Qui định sự kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc
nhập cảng vào Việt Nam**

Điều 1. Các nhà nhập cảng và các hiệu sách mỗi khi nhập cảng bất cứ một loại ấn loát phẩm nào, (sách vở báo chí, tiểu thuyết, tranh ảnh, bản hát, bản nhạc vân vân...) đều bắt buộc phải gửi hai bản của mỗi tác phẩm đến « Phòng Kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc » của Bộ Thông tin để duyệt, trước khi bày bán hoặc lưu hành.

Điều 2. Việc kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam gồm có hai cấp :

1. Cấp Sơ thẩm.

2. Cấp Phúc thẩm (trong trường hợp cần đến).

Điều 3. Tổng trưởng Bộ Thông tin sẽ ra Nghị định quy định rõ rệt mọi thể thức về việc kiểm soát nói trên.

Điều 4. Tổng trưởng Bộ Thông tin, vì lý do chính trị hoặc luân lý, có quyền ra nghị định cấm cản lưu hành, hoặc tâng trữ mọi ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam.

Điều 5. Những ấn loát phẩm bày bán, lưu hành hoặc tâng trữ trái với những điều khoản ấn định tại Điều 1 và Điều 3 Dự này sẽ bị tịch thu, do Nghị định của Tổng trưởng Bộ Thông tin.

Trong trường hợp này, những can phạm sẽ bị phạt bạc từ năm trăm đồng (500\$) đến hai trăm ngàn đồng (200.000\$00) và phạt tù từ một tháng tới hai năm, hoặc bị một trong hai hình phạt đó.

Trong trường hợp tái phạm, Tổng trưởng Bộ Nội vụ, theo đề nghị của Tổng trưởng Bộ Thông tin, có thể ra nghị định buộc những tái phạm phải đình chỉ tạm thời hay vĩnh viễn sự khai thác công việc buôn bán của họ.

Điều 6. Tổng trưởng Bộ Thông tin, Tổng trưởng Bộ Nội vụ, Tổng trưởng Bộ Tư pháp và Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên, chiếu nhiệm vụ thi hành Dự này.

Dự này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam.

Saigon, ngày 17 tháng Mười 1955

KT. Quốc Trưởng

Thủ Tướng Chánh Phủ

Ngô Đình Diệm

DỰ SỐ 7 NGÀY 1.12.1955

dành cho quốc gia độc quyền về Vô tuyến Truyền thanh và Vô tuyến truyền hình và xác định cho Nha Giám đốc đài phát thanh quốc gia quyền chuyên nhất khai thác ngành này.

Điều 1. Quốc gia Việt Nam hành xử quyền chuyên nhất truyền thanh và truyền hình trên lãnh thổ quốc gia.

Điều 2. Vô tuyến truyền thanh và truyền hình là tất cả các phương thuật để truyền âm thanh hay hình ảnh đi xa cho công chúng thu nhận.

Điều 3. Quyền hành xử nói ở điều thứ nhất thuộc chủ quyền quốc gia. Việc truyền thanh và truyền hình là một công vụ phụng sự công. Quốc gia giữ độc quyền đảm nhiệm công vụ ấy.

Điều 4. Tất cả các văn kiện đã nhường quyền hay cho phép thiết lập và khai thác trên lãnh thổ Việt Nam một cơ sở vô tuyến truyền thanh hay vô tuyến truyền hình đều coi là quá thời hiệu, vi phạm độc quyền do Dự này thiết lập.

Điều 5. Công vụ truyền thanh và truyền hình dành riêng cho đài phát thanh quốc gia thuộc Bộ Thông tin. Ngoài ra, không một cơ quan nào khác được đảm nhiệm.

Điều 6. Những vi phạm các điều khoản Dự này sẽ bị trừng phạt như sau :

- Phạt giam từ một đến năm năm,
- Phạt tiền từ 200.000\$ đến 2.000.000\$,
- Tịch thu các cơ sở và dụng cụ.

chưa kể các hình phạt nặng hơn trong trường hợp vi phạm còn là một trọng tội.

Điều 7. Các vị Bộ trưởng chiếu nhiệm vụ lĩnh thi hành Dự này.

Saigon, ngày mồng Một tháng Chạp 1955

Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Ký tên : Ngô Đình Diệm

NGHỊ ĐỊNH SỐ 266-NĐ/BTT NGÀY 14.12.1955

Cho phép những cá nhân hoặc tổ chức nào muốn phát hành báo chí thì phải có giấy phép của bộ thông tin¹

Điều 1. Nay hủy bỏ Nghị định số 310-BTT ngày 11.12.54 chiếu thượng.

Điều 2. Những cá nhân hay tổ chức nào muốn phát hành báo chí phải có giấy phép của Bộ Thông tin, kể từ ngày ký Nghị định này.

Điều 3. Đồng lý Văn Phòng và Giám đốc Nha Thông tin Báo chí Bộ Thông tin và Giám đốc các Nha Thông tin Nam Việt, Trung Việt và Cao nguyên miền Nam, chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

Saigon, ngày 14 tháng Chạp 1955

Bộ trưởng Thông tin và Thanh niên

Trần Chánh Thành

NGHỊ ĐỊNH SỐ 1-BTT/NĐ NGÀY 5.1.1956

Qui định thẻ thức kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng

Điều 1. Về việc kiểm soát các ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng định ở Điều I Dự số 65 ngày 17.10.55, sẽ thiết lập :

- 1 hội đồng kiểm soát
- 1 hội đồng phúc thẩm.

1. Bỏ túc bởi Sắc luật số 10/64 điều 21 và Nghị định số 403-BTT ngày 14.7.1964

Điều 2. Hội đồng kiểm soát đặt tại Bộ Thông tin và Thanh niên ở Saigon.

Thành phần hội đồng gồm có :

- Ông Giám đốc Nha Thông tin và Báo chí Bộ Thông tin và Thanh Niên, *Chủ tịch*
- Chủ sự Phòng Kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc và biên tập viên của Phòng này, *Hội viên*
- Một biên tập viên của Phòng này, *Thư ký*

Thư ký có quyền biểu quyết.

Điều 3 Hội đồng Phúc thẩm cũng đặt tại Bộ Thông tin và Thanh niên ở Saigon gồm có :

- 1 Đại diện Bộ Thông tin và Thanh niên do Ông Bộ trưởng Bộ Thông tin và Thanh niên chỉ định, *Chủ tịch*
- 1 Đại diện Bộ Nội vụ do Ông Bộ Trưởng Bộ Nội vụ chỉ định, *Hội viên*
- 1 Đại diện Bộ Tư pháp do Ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định, *Hội viên*
- 1 Đại diện Bộ Giáo dục do Ông Bộ Trưởng Bộ Giáo dục chỉ định, *Hội viên*

- 1 Biên tập viên của Bộ Thông tin và Thanh niên, *Thư ký*

Thư ký có quyền biểu quyết.

Điều 4. Các nhà nhập cảng ấn loát phẩm ngoại quốc và các chủ hiệu sách phải xin phép ghi tên vào sổ chuyên nghiệp tại Phòng kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc của Bộ Thông tin và Thanh niên.

Điều 5. Các nhà nhập cảng các chủ hiệu sách phải gửi tới Phòng Kiểm soát hai bản kê khai có kiểm nhận của Kiểm hóa viên thương chánh các ấn loát phẩm ngoại quốc mới nhập cảng trong thời hạn là 48 tiếng đồng hồ kể từ ngày đương sự làm tờ khai hàng.

Tờ khai đó phải nói rõ tên các ấn loát phẩm, tên tác giả, tên chủ nhà xuất bản, số lượng và ngày các ấn loát phẩm tới nơi.

Điều 6. Phòng Kiểm soát các ấn loát phẩm ngoại quốc sẽ phê chuẩn vào hai bản kê khai nói trên để các đương sự mang đi lãnh hàng tại cơ quan thương chánh đã kiểm nhận trên các tờ khai.

Sau khi lãnh hàng và trước khi bán hay lưu hành các đương sự phải gửi hai bản của mỗi tác phẩm đến Phòng Kiểm soát các ấn loát phẩm ngoại quốc để kiểm duyệt. Chỉ những ấn loát phẩm đã được kiểm duyệt và không bị cấm mới được phép bày bán, lưu hành hay tàng trữ.

Điều 7. Hội đồng Sơ thẩm sẽ làm việc thường xuyên.

Hội đồng Phúc thẩm sẽ nhóm họp, tùy theo nhu cầu, theo thư triệu tập của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 8. Hội đồng Sơ thẩm và Phúc thẩm có thể mời các nhà nhập cảng hay chủ hiệu sách giải thích bằng giấy tờ.

Điều 9. Bản kê khai các ấn loát phẩm ngoại quốc đem bày bán hay lưu hành đều bắt buộc phải có phê chuẩn của Ông Chủ tịch Hội đồng Sơ thẩm hay Chủ tịch Hội đồng Phúc thẩm, trong trường hợp Phúc thẩm.

Ông Chủ tịch Hội đồng sẽ ghi vào bản kê khai kê trong Điều 5 những chữ sau đây :

« Phê chuẩn cho bày bán, lưu hành hay tàng trữ » rồi ký ở dưới, bên cạnh có đóng dấu của Hội đồng.

Trong trường hợp có những ấn loát phẩm cấm bày bán hay lưu hành thì phải biên :

« Phê chuẩn cho bày bán, lưu hành hay tàng trữ trừ những ấn loát phẩm... »

Một bản kê khai sẽ hoàn lại ngay cho người gửi, còn một bản sẽ lưu tại Phòng Kiểm soát của Bộ Thông tin và Thanh niên.

Điều 10. Các nhà nhập cảng bị khước từ phê chuẩn có thể kháng cáo trước Hội đồng Phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ hôm nhận được giấy tổng đạt. Người kháng cáo phải ký vào sổ kháng cáo lưu tại Phòng Kiểm soát.

Trong hạn 20 ngày kể từ ngày ký kháng cáo, Hội đồng Phúc thẩm phải xét việc kháng cáo.

Điều 11. Quyết định của Hội đồng Sơ thẩm và của Hội đồng Phúc thẩm sẽ theo đa số; trong trường hợp ngang phiếu, bên nào có phiếu chủ tịch sẽ thắng.

Điều 12. Các ấn loát phẩm ngoại quốc không được phê chuẩn sẽ phải xuất cảng khỏi Việt Nam hay hủy đi trong thời hạn một tháng kể từ ngày bị khước từ phê chuẩn.

Điều 13. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Thanh niên, sau khi Hội đồng kiểm soát hay hội đồng Phúc thẩm, trong trường hợp có kháng cáo đồng ý, có thể vì lý do chính trị, luân lý, hủy phê chuẩn định ở Điều 9 nói trên và ra nghị định cấm bán, lưu hành hay tàng trữ đã dự liệu trong Dự số 65 ngày 17.10.1955, Điều 4.

Điều 14. Trong thời hạn một tháng kể từ ngày ban bố nghị định này, các nhà nhập cảng, các chủ hiệu sách phải gửi tới phòng kiểm soát danh sách đầy đủ các ấn loát phẩm ngoại quốc hiện có trong hàng của họ.

Điều 15. Các tư nhân mua những ấn loát phẩm ngoại quốc cũng phải trình Phòng Kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc bản kê khai như đã quy định trong Điều 5 trên và theo những biện pháp ấn định trong nghị định này đối với các nhà nhập cảng và chủ hiệu sách, nhưng được miễn thuế lệ nộp hai bản các tác phẩm nhập cảng.

Điều 16. Tại các Phần, Hội đồng kiểm soát có thể ủy quyền cho một hội đồng gồm có :

Ông Giám đốc Nha Thông tin Phần, *Chủ tịch*

Ông Chủ sự Phòng Báo chí và hai biên tập viên Nha Thông tin Phần, *Hội viên*

Một biên tập viên cùng Nha, *Thư ký*

để kiểm soát những ấn loát phạm ngoại quốc nhập cảng theo những thẻ thức đã kể trên.

Điều 17. Ông Đồng Lý Văn phòng, Ông Tổng thư ký, Ông Giám đốc Thông tin và Báo chí tại Bộ Thông tin và Thanh niên chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

Saigon, ngày 5 tháng Giêng 1956
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Thanh niên
Trần Chánh Thành

SẮC-LỆNH SỐ 23-TTP NGÀY 19.2.1956

Đình chỉ kiểm duyệt báo chí

Điều 1. Nay đình chỉ việc thi hành thẻ lệ kiểm duyệt báo chí Việt ngữ hiện đang xuất bản tại Việt Nam.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Thanh niên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các Ông Đại biểu Chánh phủ tại Trung Việt, Cao nguyên miền Nam, và Nam Việt chiếu nhiệm vụ thi hành Sắc lệnh này.

Saigon, ngày 19 tháng Hai 1956
Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa
Ngô Đình Diệm

DỰ SỐ 13 NGÀY 20 THÁNG HAI 1956

Ấn định hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi phạm luật lệ hiện hành về báo chí và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến khác

Điều 1. Sẽ bị phạt :

— Từ 25.000\$ đến 1.000.000\$ và từ sáu tháng đến năm năm tù, sự truyền tin xuất bản, phổ biến nhắc lại bất cứ bằng cách nào, những tin

lúc hoặc bình luận xuyên tạc lợi cho những hành động Cộng sản hay phản quốc gia, đầu những hành động đó có tính cách đoàn thể hay cá nhân ;

— Từ 10.000\$ đến 500.000\$ và từ một tháng đến hai năm tù, cùng với sự tịch biên những tài liệu và vật liệu phạm pháp, mọi sự xúc phạm đến thuần phong mỹ tục, sự đem bán, phân phát, trưng bày những họa phẩm, ấn khắc phẩm, biểu hiệu, tranh vẽ, ảnh chụp hoặc ấn loát phẩm có tính cách dâm ô ;

— Từ 5.000\$ đến 250.000\$ và từ 15 ngày đến một năm tù, sự phỉ báng hay lăng mạ tư nhân.

Điều 2. Hình phạt tiền và hình phạt tù đối với những vi phạm luật lệ hiện hành về báo chí và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến khác, sẽ phải được áp dụng cả hai ở trường hợp bị trừng phạt.

Điều 3. Nếu có tuyên phạt, tòa án sẽ truyền tịch thu những giấy tờ ấn loát phẩm, bích chương, hoặc mọi vật liệu khác, tiêu hủy những số đã đem bán, phân phát hay trưng bày.

Ngoài ra, tòa án còn có thể ra lệnh đóng cửa những nhà in, nhà xuất bản, bán, trưng bày, phân phát hoặc phổ biến những tài liệu phạm pháp

Trong trường hợp có tuyên phạt, nếu là nhật báo hay báo chí có định kỳ, thời giấy xuất bản có thể bị thu hồi. Ở trường hợp tái phạm, giấy phép đó đương nhiên bị hủy bỏ.

Điều 4. Để áp dụng những hình phạt định trong Dự này cũng như ở các luật lệ hiện hành về báo chí các phương tiện xuất bản phổ biến khác sẽ bị truy tố theo thứ tự sau đây :

- Các chủ nhiệm, chủ bút và tác giả ;
- Quản lý nếu không có các người kể trên ;
- Chủ xuất bản, chủ nhà in, người bán, người phân phát người niêm yết, nếu không có quản lý.

Ở trong trường hợp các chính phạm và tông phạm bị can về hình luật, quản lý sẽ bị liên đới trách nhiệm về khoản phạt tiền và bồi thường.

Điều 5. Nay bãi bỏ các điều khoản nào trái với Dự này.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Trưởng Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Thông tin, chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành Dự này.

Dự này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon, ngày 20 tháng Hai 1956

Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Ngô Đình Diệm

NGHỊ ĐỊNH SỐ 151-BTT-NĐ NGÀY 29.6.59

Về thẻ lệ nạp bản

Điều 1. Kể từ nay lệ nạp bản báo chí và xuất bản phẩm kỳ đặt ra bởi đoạn II, Điều 10 Luật ngày 29.7.1881 và Điều 6 Sắc lệnh ngày 4.10.27 sẽ phải thi hành:

— Ở Saigon, tại Sở Hành chánh Bộ Nội vụ hai bản và tại Nha Thông tin Báo chí Bộ Thông tin hai bản, đối với Báo chí và xuất bản phẩm định kỳ in tại Saigon;

— Ở mỗi tỉnh, Tòa Hành Chánh hai bản, và Ty Thông tin hai bản đối với báo chí và xuất bản phẩm định kỳ in tại tỉnh.

Điều 2. Lệ nạp bản phải thi hành trong những giờ các công sở mở cửa làm việc. Riêng các báo hàng ngày được đặc cách nạp bản tại cơ quan thông tin đến 20 giờ.

Điều 3. Ngay khi nạp bản, các cơ quan thông tin sẽ cấp phát biên nhận theo mẫu đính hậu có ghi rõ ngày giờ nạp bản.

Điều 4. Việc đem ra khỏi nhà in, phát hành, bày bán chỉ được bắt đầu:

- đối với các nhật báo, một giờ sau khi nạp bản;
- đối với các tuần báo, sáu giờ sau khi nạp bản;
- đối với các tạp chí bán nguyệt san nguyệt san, 12 giờ sau khi nạp bản.

Điều 5. Ngoài ra mỗi khi các tài liệu kê trong Điều 2 Nghị định số 275-PTT/TTK ngày 5.4.54, được dấu kiểm nhận của các ủy ban kiểm duyệt, đã ấn loát hay sản xuất xong, nhà in (đối với ấn phẩm) và nhà sản xuất (đối với sản phẩm khác) sẽ phải nạp bản như đã ấn định trong Điều I và được cơ quan thông tin cấp phát biên nhận ngay khi nạp bản.

Điều 6. Nhà in, nhà sản xuất, và nhà phát hành được phép đem các tài liệu và tác phẩm kê ở Điều 5 bày bán, phân phát, phổ biến, diễn xuất, cho thuê hoặc nhượng quyền chuyển bản:

- đối với sách, tuồng kịch, 48 giờ sau khi nạp bản;
- đối với tranh ảnh, biểu ngữ, áp phích, truyền đơn bản hát, bản nhạc, một giờ sau khi nạp bản.

Điều 7. Những ấn phẩm in dưới 300 bản, coi như là mỹ lệ phẩm chỉ phải nạp một bản tại cơ quan thông tin là đủ. Những tác phẩm điện ảnh chỉ phải xuất trình tại cơ quan kiểm duyệt phim tại Bộ Thông tin để kiểm soát rồi trả lại.

Điều 8. Những bản đệ nạp tại cơ quan hành chánh và thông tin đều phải mang chữ ký của người đệ nạp báo chí và xuất bản phẩm định kỳ đệ nạp phải mang chữ ký của người quản nhiệm.

Điều 9. Những thủ tục đặt ra trong Nghị định này không liên quan gì tới lệ nạp bản tại cơ quan tư pháp dự liệu bởi đoạn 1 Điều 10 Luật ngày 29.7.1881 và Điều 6 Sắc lệnh ngày 4.10.27 cũng như lệ nạp bản tại Công quản nạp bản (Nha Giám đốc Thư viện và Văn khố, Bộ Quốc gia Giáo dục) quy định bởi Sắc lệnh ngày 17.7.46 và Sắc lệnh số 86-GD ngày 13.4.1959.

Điều 10. Mọi vi phạm nghị định này sẽ bị trừng phạt theo luật lệ hiện hành.

Điều 11. Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ, Đồng lý Văn phòng Bộ Thông tin, các Tỉnh trưởng, Giám đốc Nha Thông tin Báo chí, Đại diện Thông tin tại Trung Phần, các Trưởng ty Thông tin, chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

Saigon, ngày 29 tháng Sáu 1959

Bộ Trưởng Bộ Thông Tin và Thanh Niên
Trần Chánh Thành

QUYẾT ĐỊNH SỐ 491-PT-NGT-QĐ NGÀY 25.8.1960

Về việc thiết lập một Ủy ban Liên bộ đề lựa chọn các sách cho phép nhập cảng.

Điều 1. Nay thiết lập một Ủy ban đề lựa chọn những sách cho phép nhập cảng với ngoại tệ sở hữu của Việt Nam.

Điều 2. Thành phần Ủy ban nói trên gồm có :

- Đại diện Bộ Quốc gia Giáo dục,
- Đại diện Bộ Thông tin,
- Đại diện Bộ Kinh tế.

Điều 3. Nhiệm vụ của các vị Đại diện nói ở Điều 2 được ấn định như sau về những sách xin phép nhập cảng :

- Đại diện Bộ Quốc gia Giáo dục xem xét về giá trị văn hóa,
- Đại diện Bộ Thông tin xem xét về phương diện phong tục và chính trị,
- Đại diện Bộ Kinh tế xem xét về vấn đề cấp phát ngoại tệ theo chế độ thông thường hay chế độ đặc biệt.

Điều 4. Đồng lý Văn phòng và Tổng Thư ký Bộ Kinh tế, Đồng lý Văn phòng và Tổng Thư ký Bộ Quốc gia Giáo dục, Đồng lý Văn phòng và Tổng Thư ký Bộ Thông tin, chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành Quyết định này.

Saigon, ngày 25 tháng Tám 1960

Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Nguyễn Ngọc Thơ

SẮC LUẬT SỐ 2-64 NGÀY 19.2.1964

**công nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và ấn định
thề thức truy tố những tội trạng do các báo chí gây ra.**

Chương I

Điều 1. Quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí được công nhận là một quyền tự do căn bản trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Điều 2. Các chánh đảng Quốc gia đã có giấy phép hoạt động do Bộ Nội vụ của Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa cấp, được tự do xuất bản báo chí.

Một nghị định của Bộ Thông tin sẽ ấn định thề thức thi hành điều này.

Điều 3. Đối với các tư nhân muốn xuất bản báo, trong khi chờ đợi quy chế báo chí, những luật lệ cũ vẫn tiếp tục áp dụng cùng với Sắc luật này.

Chương II

Điều 4. Nay bãi bỏ Dự số 13 ngày 20.2.1936, cùng các điều luật trái với Sắc luật này.

Điều 5. Các báo chí có thể bị truy tố ra trước tòa án về những tội trạng sau đây : gây nguy hại tới an ninh quốc gia, phỉ báng, xúc phạm thuần phong mỹ tục.

Điều 6. Việc truy tố có thể do đơn khiếu nại của tư nhân, nhân viên công quyền, đại diện công sở, hoặc do sự thỉnh cầu của Tổng trưởng Bộ Thông tin, hoặc do một khởi tố lệnh trạng của Công tố viện. Những cá nhân hoặc cơ quan trên đây đều có thể dùng thủ tục trực tiếp do triệu hoán trạng thừa phát lại để đưa nội vụ ra trước tòa án.

Điều 7. Tòa án có thẩm quyền là tòa án tiêu hình của nơi xuất bản tờ báo, hoặc tòa tiêu hình của nơi bán báo. Sau khi thụ lý, tòa án bắt buộc phải xét xử trong thời hạn 15 ngày.

Điều 8. Bị phạt từ 200.000\$ đến 1.000.000\$ tiền và và từ sáu tháng đến năm năm tù, hoặc bị một trong hai hình phạt ấy, sự phở biến bằng

báo chí hay các ấn loát phẩm khác, về những tin tức hoặc bình luận xuyên tạc có tính cách đề cao chủ nghĩa, chủ trương hoặc hành động của Cộng sản, cũng như đề cao chủ trương trung lập hóa miền Nam.

Điều 9. Bị phạt từ 100.000\$ đến 500.000\$ tiền phạt và từ ba tháng đến hai năm tù, hoặc bị một trong hai hình phạt ấy, sự phổ biến bằng báo chí, hoặc các ấn loát phẩm, về những tin tức hoặc bình luận thất thiệt có tính cách gây hoang mang dư luận, hay làm giảm tinh thần chiến đấu và kỷ luật của quân đội.

Điều 10. Bị phạt từ 50.000\$ đến 200.000\$ tiền phạt và từ một tháng đến một năm tù, hoặc bị một trong hai hình phạt ấy, sự phổ biến trên báo chí hoặc các ấn loát phẩm khác, về những tin tức thất thiệt hay luận điệu có tính cách chia rẽ tôn giáo, địa phương, sắc dân. Tuy nhiên, trong những trường hợp này, công tố viên cần phải minh chứng gian ý của can phạm.

Điều 11. Bị phạt từ 100.000\$ đến 500.000\$ tiền phạt và từ 3 tháng đến hai năm tù, hoặc bị một trong hai hình phạt ấy, mọi sự công bố trên báo chí có tính cách xúc phạm thuần phong, mỹ tục, như lối văn chương tả chân khiêu dâm, hoặc những hình ảnh có tính cách dâm ô.

Điều 12. Khi phỉ báng một nhân viên công quyền về một hành động liên quan đến chức vụ, nhà báo cần có những bằng chứng đầy đủ về việc đó.

Nếu không xuất trình đủ bằng chứng, nhà báo có thể bị truy tố về tội phỉ báng, và sẽ bị phạt từ 200.000\$ đến 400.000\$ và từ ba tháng đến một năm tù, hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Điều 13. Nếu có sự tuyên phạt, tòa án sẽ truyền tịch thu những báo chí, tài liệu liên hệ tới việc phạt đó. Ngoài ra, tòa án có thể ra lệnh đình bản có thời hạn hoặc vĩnh viễn tờ báo hay tạp chí phạm pháp.

Trong trường hợp dự liệu bởi Điều 8 trên đây, tòa án sẽ bắt buộc phải tuyên án đóng cửa tờ báo ít nhất trong một thời hạn. Ngoài ra, trong riêng trường hợp này, tòa án có thể tuyên án đóng cửa nhà in hoặc nhà xuất bản của những tờ báo hay ấn loát phẩm phạm pháp.

Điều 14. Về các tội trạng kể trên, sẽ bị truy tố theo thứ tự sau đây:

- Chủ nhiệm tờ báo hay tạp chí,
- chủ bút,
- quản lý,
- người xuất vốn,
- tác giả bài báo.

Điều 15. Các Tổng trưởng Tư pháp, Thông tin, Nội vụ, Quốc phòng, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, chiếu nhiệm vụ, thi hành sắc luật này. Sắc luật này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa.

Saigon, ngày 19 tháng Hai 1964

Thủ Tướng Chánh Phủ
Trung Tướng Nguyễn Khánh

NGHỊ ĐỊNH SỐ 90 BIS-BTT-ND NGÀY 19.2.1964

Cho phép chính đảng xuất bản báo

Điều 1. Kể từ ngày ký nghị định này, các đảng chính trị được Bộ Nội vụ cho phép hoạt động, muốn xuất bản báo chí, sẽ phải theo các thể thức ấn định như sau đây :

Điều 2. Trước khi xuất bản tờ báo hay tạp chí, một tờ khai sẽ phải nộp tại Nha Thông tin Báo chí, Bộ Thông tin, và gồm các chi tiết như sau :

- Tên chính đảng,
- Giấy phép hoạt động do Bộ Nội vụ cấp (một bản sao lục),
- Trụ sở chính đảng,
- Tên tờ nhật báo hay tạp chí,
- Tên họ, ngày và nơi sanh, số, ngày và nơi cấp thẻ căn cước, địa chỉ của người đứng tên chủ nhiệm tờ nhật báo hay tạp chí,
- Tên họ, ngày và nơi sanh, số thẻ, ngày và nơi cấp thẻ căn cước, địa chỉ của người hoặc của những người bỏ vốn,
- Tên họ, ngày và nơi sanh, địa chỉ của các cộng sự viên thường trực,
- Địa chỉ tòa soạn, nhà in,
- Thẻ thức ấn hành (mỗi ngày hay từng định kỳ).

Tờ khai phải do đại diện thẩm quyền của chánh đảng ký tên và đóng dấu.

Điều 3. Sau khi nhận nộp tờ khai, Bộ Thông tin sẽ cấp phát biên nhận có ghi ngày giờ nộp tờ khai, và 18 giờ sau, chánh đảng nói trên sẽ được cấp giấy phép xuất bản báo chí.

Điều 4. Những thẻ thức đặt ra trong Nghị định này không liên quan gì tới lệ khai báo tại cơ quan Tư pháp dự liệu bởi Điều 7 và 8 Luật ngày 29.7.1881.

Điều 5. Đồng lý Văn phòng Bộ Thông tin và Giám đốc Nha Thông tin Báo chí chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

Saigon, ngày 19 tháng Hai năm 1964

Tổng Trưởng Thông Tin

Ký tên : Phạm Thái

SẮC LUẬT SỐ 10-64 NGÀY 30.4.1964

về qui chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí

Chương I

HỘI ĐỒNG BÁO CHÍ

Điều 1. Nay thành lập một Hội đồng Báo chí có nhiệm vụ :

1. Bảo vệ nền tự do báo chí ;
2. Bảo toàn kỷ luật của quốc gia, nhất là trong giai đoạn khẩn trương hiện tại ;
3. Chấp hành quy ước danh dự của báo chí, và quy chế hành nghề của ký giả do Hội đồng Báo chí quy định ;
4. Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện ký giả ;
5. Cấp phát thẻ tập sự và thẻ chuyên nghiệp cho ký giả với sự đồng ý của Bộ Thông tin ;
6. Giữ gìn kỷ luật trong báo giới và ấn định trừng phạt các vi phạm về kỷ luật ;
7. Đại diện báo giới liên lạc với Bộ Thông tin để góp ý kiến về những vấn đề liên quan đến báo giới.

Điều 2. Hội đồng Báo chí gồm chín nhân viên : bốn chủ nhiệm báo và năm ký giả với thành phần như sau :

1. Chủ tịch,
2. Hai phó Chủ tịch,
3. Một thư ký,
4. Năm ủy viên.

Điều 3. Mỗi tờ báo hay tạp chí đang xuất bản sẽ cử Chủ nhiệm và một đại diện ký giả của tờ báo hay tạp chí ấy tham dự Đại hội Báo chí để bầu Hội đồng Báo chí. Cuộc bầu cử Hội đồng Báo chí có giá trị chính thức sau khi được Ông Tổng trưởng Bộ Thông tin công nhận.

Điều 4. Đại Hội Báo chí sẽ được triệu tập mỗi khi có 2/3 số đại biểu của Đại hội Báo chí yêu cầu hoặc do Ông Tổng trưởng Bộ Thông tin quyết định.

Điều 5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Báo chí là một năm và mỗi nhân viên Hội đồng Báo chí có thể được tái cử. Nếu 3/4 số đại diện tham dự Đại hội Báo chí biểu quyết giải tán Hội đồng Báo chí, thì lập tức sẽ có cuộc bầu cử Hội đồng báo chí mới.

Điều 6. Chủ nhiệm báo hay ký giả bị đưa ra Hội đồng báo chí vì lý do kỷ luật phải được báo trước để tìm nhân chứng và tài liệu tự bào chữa.

Điều 7. Các khoản trừng phạt về kỷ luật mà Hội đồng Báo chí có quyền quyết định là :

- Cảnh cáo,
- Khiển trách,
- Đề nghị với Bộ Thông tin tạm đình bản báo,
- Rút thẻ ký giả và cấm hành nghề trong một thời hạn tối đa là sáu tháng.
- Đề nghị với Ông Tổng trưởng Bộ Thông tin rút thẻ ký giả và cấm hành nghề vĩnh viễn.

Điều 8. Các quyết định của Hội đồng Báo chí sẽ được biểu quyết theo đa số tuyệt đối. Nếu Hội đồng Báo chí không đi tới một biểu quyết sau khi thảo luận, Tổng trưởng Bộ Thông tin sẽ được mời làm trọng tài.

Khi có trường hợp bị can hoặc một hội viên của Hội đồng Báo chí kháng cáo một quyết nghị của Hội đồng Báo chí bằng cách khiếu nại lên Ông Tổng trưởng Bộ Thông tin hoặc khi Bộ Thông tin nhận thấy cần phải xét lại một quyết nghị của Hội đồng Báo chí thì Tổng trưởng Bộ Thông tin có thể yêu cầu Hội đồng Báo chí xét lại quyết nghị ấy.

Nếu cần, Tổng trưởng Bộ Thông tin cũng có thể triệu tập Đại hội Báo chí để xét lại một quyết nghị của Hội đồng Báo chí.

Chương II

QUYỀN XUẤT BẢN BÁO CHÍ

Điều 9. Ngoại trừ thể lệ xuất bản báo chí của các chính đảng quốc gia được quy định bởi điều 2 Sắc luật 2/64 ngày 19.2.64 và Nghị định số 90bis-BTT/NĐ ngày 19.2.64, kể từ nay thể lệ xuất bản báo chí đối với tư nhân tại Việt nam Cộng hòa được ấn định theo các điều khoản dưới đây.

Điều 10 Mọi công dân Việt Nam hội đủ các điều kiện sau đây đều có quyền xuất bản báo chí sau khi khai báo tại Bộ Thông tin và được cấp phát biên lai :

1. Phải là những công dân trên 25 tuổi không cần án điểm nhục, được hưởng trọn quyền công dân ;
2. Không có khuynh hướng Cộng sản, tay sai thực dân và trung lập thân Cộng ;
3. Đã tốt nghiệp tại một phân khoa báo chí của các học đường được chính thức công nhận trong nước hay tại những quốc gia có liên lạc ngoại giao với Việt Nam Cộng hòa.

4. Phải ký quỹ số tiền 200.000\$00 tại một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam.

Sau khi nhận các tờ khai về xuất bản báo chí, Bộ Thông tin sẽ cấp phát biên lai trong thời hạn tối đa một tháng. Trong trường hợp khước từ, Bộ Thông tin nêu rõ lý do.

Điều 11. Trong trường hợp người đứng tên xuất bản báo chí là một ký giả chuyên nghiệp, người này sẽ được miễn điều kiện văn bằng nói ở Điều 10, khoản 3 và chỉ cần ký quỹ 100.000\$

Được coi là ký giả chuyên nghiệp nói ở đoạn trên những người hội đủ bốn điều kiện sau đây:

1. Đã làm ký giả trong khoảng thời gian tổng cộng ít nhất được bảy năm tại một hay nhiều cơ quan báo chí, thông tấn hoặc đài phát thanh hoạt động ở Việt Nam;
2. Trong khoảng thời gian này, đã làm công việc chủ bút, thư ký tòa soạn, biên tập viên, phóng viên hoặc đặc phái viên và tổng cộng ít nhất được một năm đã giữ chức vụ Chủ bút hoặc Thư ký tòa soạn của một hay nhiều tờ báo hoặc tạp chí;
3. Chỉ sống bằng nghề ký giả;
4. Được Hội đồng báo chí cấp thẻ ký giả chuyên nghiệp.

Điều 12. Các người ngoại quốc cư ngụ tại Việt Nam muốn xuất bản báo chí phải được Bộ Thông tin cho phép sau khi Bộ Ngoại giao và Nội vụ điều tra và cho ý kiến.

Điều 13. Trong trường hợp có sự vi phạm những Điều 10, 11 và 12 trên đây, người đứng tên xuất bản sẽ bị phạt tiền từ 1.000\$ 100.000\$00.

Điều 14. Nhà in in tờ báo hay tạp chí xuất bản bất hợp lệ, sẽ bị đóng cửa có thời hạn hoặc vĩnh viễn và chủ nhà in có thể bị phạt tiền như ấn định nơi Điều 13.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ẤN HÀNH VÀ SINH HOẠT CỦA BÁO CHÍ

Điều 15. Chủ nhiệm một tờ báo hay tạp chí có thể hùn vốn với một tư nhân hay một tổ chức nhưng Chủ nhiệm bắt buộc phải khai cho Bộ Thông tin biết chậm nhất là năm ngày sau khi ký khế ước hùn vốn và được Bộ Thông tin chấp thuận.

Trong trường hợp có sự vi phạm khoản trên, chủ nhiệm bị phạt từ ba tháng đến hai năm tù và phạt tiền từ 5.000\$ đến 100.000\$00. Người hùn vốn cũng bị trừng phạt tương tự.

Nếu là một tổ chức đứng tên hùn vốn, trách nhiệm hình sự trong điều này sẽ áp dụng cho người điều khiển tổ chức ở cấp cao nhất.

Điều 16. Bất cứ lúc nào, sau khi tờ báo hay tạp chí đã xuất bản, Bộ Thông tin có thể buộc Chủ nhiệm phải chứng minh căn nguyên số vốn xuất bản báo chí.

Điều 17. Chủ nhiệm báo không được vắng mặt trong nội địa Việt Nam quá một tháng nếu là nhật báo và một tháng rưỡi nếu là tạp chí định kỳ. Quá thời hạn này, phải cử người kế nhiệm. Người kế nhiệm này phải được Bộ Thông tin chấp nhận trước khi nhận nhiệm vụ.

Người kế nhiệm không có quyền trông coi tờ báo hay tạp chí thay cho Chủ nhiệm quá thời hạn ba tháng đối với một nhật báo và sáu tháng đối với một tạp chí định kỳ.

Điều 18. Coi như đình bản những tờ báo hay tạp chí ở trong các trường hợp sau đây:

- Một tháng sau khi được Bộ Thông tin cấp biên lai mà tờ báo hay tạp chí không xuất bản;
- Đã xuất bản đều đặn được một thời gian rồi tờ báo hay tạp chí tự ý ngưng xuất bản quá một tháng đối với nhật báo, và quá hai tháng đối với tạp chí định kỳ.

Điều 19. Mỗi cá nhân hay đoàn thể chính trị quốc gia chỉ có quyền xuất bản cùng một lúc:

1. Một nhật báo và một tạp chí;
2. Hoặc hai tạp chí

Mọi vi phạm điều khoản này sẽ bị phạt tiền từ 1.000\$ đến 100.000\$ và từ 5 ngày đến 3 tháng tù hoặc một trong hai hình phạt này.

Điều 20. Mọi vi phạm thể lệ nộp bản tại Bộ Thông tin và Bộ Nội vụ sẽ bị phạt tiền từ 1.000\$ đến 100.000\$00 các số báo vi phạm có thể bị tịch thu.

Nếu tái phạm, tờ báo hay tạp chí có thể bị đình bản có thời hạn hoặc vĩnh viễn.

Điều 21. Người đứng tên xuất bản hợp lệ một tờ báo hay một tạp chí có quyền tự tổ chức việc phát hành tờ báo hay tạp chí đó.

Những cá nhân hay đoàn thể nào muốn phát hành báo chí do người khác xuất bản phải được Bộ Thông tin cho phép sau khi Bộ Nội vụ điều tra và đề nghị, và sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Báo chí.

Chương VI

VỀ VIỆC TỊCH THU VÀ ĐÌNH BẢN BÁO

Điều 22. Trong trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia, Bộ Nội vụ có quyền tự ý hoặc theo lời yêu cầu của Bộ Thông tin hay Bộ Quốc phòng ra lệnh tịch thu những báo chí trước khi hay trong khi lưu hành. Khi tự ý ra lệnh tịch thu hoặc tịch thu theo lời yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Tổng trưởng Bộ Nội vụ phải lập tức cáo tri Bộ Thông tin.

Điều 23. Riêng Tổng Trưởng Bộ Thông tin có quyền:

- Yêu cầu Bộ Nội vụ tịch thu những báo chí lưu hành bất hợp lệ;

- Đình bản tạm thời những tờ báo hay tạp chí nào xét ra đã bị Cộng sản, tay sai thực dân hoặc trung lập thân Cộng lũng đoạn, hoặc những tờ báo hay tạp chí xét ra nguy hại đến an ninh quốc gia chưa kể việc truy tố tờ báo hay tạp chí ra trước tòa án thẩm quyền.

Điều 24. Khi một tờ báo hay tạp chí bị tạm đình bản. Chủ nhiệm không được quyền xuất bản một tờ báo hay tạp chí nào khác trước khi Tòa án phán quyết chung thẩm. Điều khoản này áp dụng cả trong trường hợp các chính đảng đứng xuất bản báo chí.

Trong trường hợp Tòa án truyền đình bản vĩnh viễn cá nhân hay những người chịu trách nhiệm trước pháp luật của đoàn thể nói trên không có quyền xuất bản báo chí (nhật báo hay tạp chí) trong thời hạn năm năm kể từ ngày có án lệnh chung thẩm về việc đình bản.

Điều 25. Những điều khoản nào trái với Sắc luật này đều bị bãi bỏ.

Điều 26. Các Ông Phó Thủ tướng, Quốc vụ khanh, Tổng trưởng, Bộ trưởng chịu nhiệm vụ thi hành Sắc luật này.

Saigon, ngày 30 tháng Tư 1964

Thủ Tướng Chánh Phủ

Trung Tướng Nguyễn Khánh

NGHỊ ĐỊNH SỐ 402-BTT-NĐ NGÀY 14.7.1964

Ấn định thể lệ việc phát hành báo chí

Điều 1. Người đứng tên xuất bản hợp lệ một tờ báo hay một tạp chí, khi tự tổ chức việc phát hành, phải khai tại Bộ Thông tin danh sách nhân viên phụ trách việc phát hành, danh sách và địa chỉ các đại lý trên toàn quốc.

Điều 2. Những cá nhân hay đoàn thể muốn phát hành báo chí do người khác xuất bản, phải được phép của Bộ Thông tin sau khi khai báo các điều sau đây:

- địa chỉ nhà Tổng phát hành,
- danh sách và lý lịch các cộng sự viên thường trực,
- các phương tiện chuyên chở,
- danh sách và địa chỉ các đại lý trên toàn quốc.

Điều 3. Sau khi được phép, chậm nhất là 15 ngày trước khi bắt đầu hoạt động, các nhà phát hành nói ở Điều 2 phải ký quỹ tại Tổng Nha Ngân khố hay tại một ngân hàng được Chánh phủ Việt Nam thừa nhận, một số tiền là năm trăm ngàn đồng (500.000\$).

Việc ký quỹ này có thể thay thế bởi việc bảo chứng bằng bất động sản trị giá tương đương. Trong trường hợp nộp tiền ký quỹ, Bộ Thông tin có thể cho phép rút về toàn thể hay một phần sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng Báo chí và với điều kiện nhà phát hành đã hoạt động đều hòa ít nhất là ba tháng.

Điều 4. Nhà Phát hành Thống nhất của Hội Cựu chiến sĩ thành lập, muốn tiếp tục hoạt động, phải xin điều chỉnh tình trạng chậm nhất là hai tháng sau ngày ký nghị định này.

Điều 5. Nay hủy bỏ các điều khoản nào trái với nghị định này.

Điều 6. Đồng lý Văn phòng Bộ Thông tin và Giám đốc Nha Thông tin Báo chí chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Saigon, ngày 14 tháng Bảy 1964

Tổng Trưởng Thông Tin

Ký tên : Phạm Thái

SẮC LUẬT SỐ 18/64 NGÀY 7.8.1964

ấn định các biện pháp được áp dụng
trong tình trạng khẩn trương

Điều 1. Trong tình trạng khẩn trương, các biện pháp sau đây được áp dụng kể từ ngày công bố sắc luật này :

- Kiểm soát sự phân phối thực phẩm ;
- Xét các tư gia bất luận ngày đêm ;
- Bắt giữ hoặc chỉ định nơi cư trú cho những phần tử xét ra nguy hiểm cho nền an ninh quốc gia ;
- Cấm mọi cuộc đình công bãi thị ;
- Cấm mọi cuộc biểu tình tụ họp có phương hại cho an ninh trật tự công cộng ;
- Kiểm duyệt tin tức, báo chí, phát thanh, phim ảnh kịch trường, ấn loát ;
- Cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, truyền đơn xét có hại đến an ninh công cộng ;
- Kiểm soát, hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh ;
- Ban bố tình trạng thiết quân luật tùy theo tình hình an ninh địa phương...

Sắc luật này được công bố theo thủ tục khẩn cấp.

Sài-gòn, ngày 7 tháng Tám 1964

Thủ Tướng Chánh Phủ

Trung tướng Nguyễn Khánh

HIẾN CHƯƠNG LÂM THỜI

ngày 20 tháng 10 năm 1964

Thiên thứ nhất
ĐIỀU KHOẢN CĂN BẢN

.
Thiên thứ hai

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CÔNG DÂN

Điều 5. Những quyền tự do căn bản được bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc xác nhận như tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và truyền giáo, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do đi lại, đều được bảo đảm trong khuôn khổ luật định, với điều kiện tôn trọng quyền của người khác và không nguy hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự công cộng.

Quyền tự do ngôn luận không được lạm dụng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, trật tự công cộng, tuyên truyền cho cộng sản và trung lập.

Điều 6.

Sài-gòn ngày 20 tháng Mười 1964
Thượng Hội Đồng Quốc Gia

SẮC LUẬT SỐ 027-67 NGÀY 20.7.1967

định chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa¹

Điều 1. Nay định chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin, trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.

Điều 2 Chủ tịch Ủy ban Hành Pháp Trung ương, Tổng Ủy viên ủy viên, chiếu nhiệm vụ thi hành sắc luật này.

Sắc luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp.

Saigon ngày 20 tháng Bảy 1967
Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia
Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu

1. Công báo VNCH ngày 22.7.1967, trang 3624

SẮC LUẬT SỐ 004-65 NGÀY 19.7.1965

trừng trị các tội : đầu cơ, chuyển ngân phi pháp, buôn lậu, hối lộ, hối mại quyền thế, biển thủ công quỹ, phản nghịch, phá rối trị an, côn đồ, thân Cộng và Trung lập.

Phần dẫn nhập

Điều 1. Để bảo vệ tới mức tối đa nền an ninh trật tự cộng cộng, trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh, các chế tài đặc biệt nghiêm khắc được áp dụng để trừng trị các tội danh liệt kê trong sắc luật này.

Phần thứ tư

PHẢN NGHỊCH — PHÁ RỐI TRỊ AN — THÂN CỘNG VÀ TRUNG LẬP

Điều 14. Bị xử phạt tử hình và toàn thể hay một phần tài sản bị tịch thu và nếu là quân nhân thì còn bị tước đoạt binh quyền, kẻ nào gia nhập một tổ chức Cộng sản hay liên kết với Cộng sản cầm vũ khí chống lại Quốc gia.

Điều 15. Bị xử tử hình :

— Kẻ nào nổi loạn hay xúi giục những toán người có vũ trang nổi loạn, hoặc chiêu tập quân lính, cung cấp vũ khí đạn dược mà không được lệnh hay phép của Chánh quyền.

— Kẻ nào không có quyền hay lý do chính đáng, tự ý nắm giữ một Trung đội, một chiến thuyền, một phi đội, một hải cảng hay một thành phố.

Điều 16. Bị xử phạt cấm cố :

— Kẻ nào không có lý do chính đáng, xách động quần chúng bằng cách tổ chức những cuộc hội họp, hay cuộc biểu tình với mục đích phá rối công cuộc trị an.

Điều 17. Bị xử phạt khổ sai hữu hạn :

— Khi nào có hành động trực tiếp hay gián tiếp phổ biến chính sách, khẩu hiệu, chỉ thị của Cộng sản, của cá nhân hay tập thể bị Cộng sản chi phối hay chịu ảnh hưởng của Cộng sản.

— Hoặc làm các hành vi có tác dụng làm suy yếu ý chí chống Cộng của Quốc gia và ảnh hưởng phương hại đến cuộc chiến đấu của nhân dân và quân đội.

— Hoặc có âm mưu và hành động nguy danh hòa bình và trung lập theo chủ trương Cộng sản.

— Hoặc phò biến, lưu hành, phân phát, đề ước cho dân chúng mang ra bán, trưng bày ở nơi công cộng và tàng trữ với mục đích đó, các loại ấn phẩm, tranh ảnh cùng mọi phương tiện truyền bá khác có tác dụng kể trong ba đoạn trên.

Điều 18. Các tổ chức, hiệp hội, cơ quan hay đoàn thể vi phạm điều thứ 17 đương nhiên bị giải tán, tài sản bị tịch thu.

Chủ tịch Ủy ban Hành pháp sẽ ra Sắc lệnh ấn định thể thức thanh toán tài sản của các tổ chức, hiệp hội, cơ quan hay đoàn thể vi phạm điều nói trên.

Điều 19. Những người bị coi như là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh công cộng có thể do Nghị định của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp ban hành, chiếu đề nghị của Ủy viên Nội vụ, bị đưa đi an trí tại một trại giam, hoặc bị cưỡng bách cư trú tại một địa phương nhất định trong thời gian tối đa 2 năm, có thể gia hạn mỗi kỳ tối đa hai năm.

Kẻ nào bị cô lập hóa bằng các biện pháp trên đây mà lại tẩu thoát hay toan tẩu thoát khỏi nơi an trí hay nơi cư trú cưỡng bách sẽ bị phạt cấm cố.

.

Phần thứ sáu THẨM QUYỀN — THỦ TỤC

Điều 24. Tòa án quân sự Mặt Trận, trong suốt thời gian có tình trạng chiến tranh, có thẩm quyền xét xử các tội trạng qui định trong Sắc luật này, theo thể thức qui định trong Sắc luật số 11/62 ngày 21 tháng 5 năm 1962 thiết lập Tòa án Quân sự Mặt Trận.

Điều 25. Một khi tội trạng đã được xác nhận, Tòa không được phép cho bị cáo được hưởng trường hợp giảm khinh.

Phần lồng kết

Điều 26. Những điều khoản của các luật lệ hiện hữu trái với Sắc luật này đều được tạm đình chỉ áp dụng.

Điều 27. Chủ tịch, Tổng Ủy viên và Ủy viên Ủy ban Hành pháp Trung ương, chiếu nhiệm vụ thi hành sắc luật này.

Sắc luật này được công bố theo thủ tục khẩn cấp.

Saigon, ngày 19 tháng Bảy năm 1965
Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia
Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu

LUẬT SỐ 10-68 NGÀY 5.11.1968

ban hành tình trạng chiến tranh
trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa¹

Điều 1. Điều 2 của Dự số 01-UBLĐQG ngày 24.6.1965 được hủy bỏ và thay thế bởi điều khoản sau đây :

Điều 2. Trong tình trạng chiến tranh, những biện pháp sau đây được áp dụng :

- Kiểm soát sự phân phối thực phẩm,
- Xét các tư gia bất luận ngày đêm,
- Chỉ định cư trú cho những phần tử xét ra nguy hiểm cho nền An ninh Quốc gia,
- Cấm mọi cuộc đình công bãi thị,
- Cấm mọi cuộc biểu tình hoặc tụ họp có phương hại cho an ninh, trật tự công cộng.
- Cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu truyền đơn xét có hại đến an ninh quốc gia,
- Cấm tàng trữ và sử dụng vũ khí,
- Kiểm soát, hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh,
- Ban bố tình trạng thiết quân luật tùy theo tình hình an ninh địa phương.

Điều 2. Nay được thêm vào Dự số 01-UBLĐQG ngày 24.6.1965 một điều 2 kép như sau :

Điều 2 kép. Mọi vi phạm đến trật tự, an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Mặt trận xét xử theo thủ tục khẩn cấp.

Điều 3. Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp.

Saigon, ngày 5 tháng 11 năm 1968

Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Nguyễn Văn Thiệu

1. Luật này sửa đổi Dự số 01-UBLĐQG ngày 24.6.1965.

ĐÍNH CHÍNH

<u>Trang</u>	<u>dòng</u>	<u>in là</u>	<u>xin sửa là</u>
170	14	Tự do tin tưởng	Tự do tư tưởng
175	34	Statut de la publication	Statut de la publication
178	35	Statut de professionnel	Statut professionnel
192	32	và hiện đang phục vụ độc giả	và mới tự đình bản
212	15	ngày 1.5.1968	ngày 31.5.1968
247	28	Folk	Polk
261	3	số người còn lại ở báo quán một số thợ sắp chữ	phần đông số người còn lại ở báo quán là thợ sắp chữ
280	30	<i>L. du 25 Mars 1962</i>	<i>L. 25 Mars 1952</i>
280	6	tutorisation	autorisation
281	37	au bas de ous les exemplaires	au bas de tous les xexemplaires
285	31	ussejettis	assujettis
287	22	<i>Ot 6 Mai 1944</i>	<i>O. 6 Mai 1944</i>
287	32	attribuées à des tires	attribuées à des tiers
291	33	<i>L. 28 Juillet 1984</i>	<i>L. 28 Juillet 1894</i>
306	25	ne peut expliquer	ne peut expliquer
312	31	Decret du 3 Août 139	Décret du 3 Août 1830